

TU PHẬT NGHI-THỨC YẾU-LUỘC

無上甚深微妙法
百千萬劫難遭遇
我今見聞得受持
願解如來真實義

Vô-thượng thậm-thâm vi-diệu pháp,
Bá thiên vạn kiếp nan tao-ngộ,
Ngã kim kiến văn đắc thọ-trì,
Nguyện giải Như-Lai chơn-thật nghĩa.

Chánh-pháp Như-Lai nhiệm mầu sâu xa không gì hơn được. Dù trải qua trăm ngàn muôn kiếp tìm cầu cũng không dễ gặp. Nay con đã nhận được kinh điển đại-thừa này để tu-tập hành-trì. Nguyện khai mở trí-tuệ để thấu hiểu nghĩa-lý sâu xa chân-thật trong từng lời thuyết giảng của Đức Như-Lai.



2 – Tu Phật Nghi Thức Yếu Lược

3 – Tu Phật Nghi Thức Yếu Lược

HÒA-THƯỢNG THIÊN-SƯ
THÍCH TỬ-QUANG

TU PHẬT
NGHI-THỨC YẾU-LƯỢC

TOÀN BỘ BA QUYỂN

CHƠN-ĐỨC THIÊN-VIỆN
1949

4 – Tu Phật Nghi Thức Yếu Lược

5 – Tu Phật Nghi Thức Yếu Lược

HÒA-THƯỢNG THIÊN-SƯ
THÍCH TỬ-QUANG

TU PHẬT
NGHI-THỨC YẾU-LƯỢC

TAM-BẢO KINH

QUYỂN NHỨT

CHƠN-ĐỨC THIÊN-VIỆN
1949

KHUYÊN TU PHẬT

Tam giới cần quy đạo Thích-Ca,
Một nền giáo-lý thật cao xa,
Mật-ngôn ứng-dụng tiêu phiền-não,
Hiển-pháp khai bày diệt ám-ma.
Cứu khổ sanh-linh đặng Giác-ngạn,
Giải mê đại-chúng xuất Ta-bà,
Căn lành sẵn có, tu thời ngộ,
Trạm-tịch hoàn-nguyên, kiến Phật-đà.

CHƠN-ĐỨC THIÊN-VIỆN

TỰA

NAM-MÔ BỔN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT.

Phật-giáo là một nền triết-học cao-siêu tuyệt-đối, muốn thâm-nhập được, phải dày công nghiên-cứu.

Phật-pháp gồm các phép chơn-chánh, giải mê cứu khổ, muốn tỏ ngộ được, phải hết lòng thật-hành.

Nếu có nghiên-cứu mà không thật-hành thì đạo-hạnh khó nên.

Nếu có thật-hành mà thiếu nghiên-cứu, sợ sai lầm mê-tín.

Bởi vậy đối với Phật-tử, nghiên-cứu và thật-hành là hai bổn-phận liên-quan mật-thiết.

Về phần nghiên-cứu, sẵn có tam thừa giáo-lý, mười hai bộ chơn-kinh bí-điển, tùy trí-tuệ mà tham-học.

Về phần thật-hành, cũng sẵn có tám vạn tư diệu-pháp chánh-truyền, tùy căn-cơ mà lãnh-hội.

Sanh được làm người hiền-đức, lại có túc-chướng (1) học hiểu Phật-pháp, rồi phát nguyện tu-hành, cầu giải-thoát tam giới sanh-tử, đó không phải là việc dễ.

Đành rằng tu-hành là một việc khó, nhưng đừng thấy chỗ khó mà ngã lòng. Phàm việc tu-hành ví như lọc nước. Muốn thấy thể-chất trong sạch của nước, phải cần lọc nhiều lần. Mỗi lần lọc tức là bỏ được một phần dơ bẩn.

Người tu là người biết lo cải-thiện các hành-vi, gìn giữ giới-luật, trau dồi đức-hạnh, từ chỗ tối tới chỗ sáng, từ chỗ mê tới chỗ giác. Công-phu tu một ngày, phước-tuệ tăng trưởng một phần, cứ tuần-tự nhi-tiến đến chí-thiện, cần-yếu phải giữ CHƠN-TÂM làm căn-bản.

Quyển “TU PHẬT NGHI-THỨC YẾU-LƯỢC” này ra đời nhằm mục-đích giúp ích Chư Tôn Phật-tử trong công-phu tu-tập hằng ngày, hoặc hộ-niệm Pháp-thí cho người khác, không phân-biệt tông-phái.

Mong cầu Chư Tôn Phật-tử tu-hành chơn-chánh và sáng suốt sau khi thỉnh kinh này, gắng công dũng-mãnh tinh-tấn, lo tự tu để xây dựng đạo-đức tư-kỷ, đồng-thời khuyên bảo người tu, để cùng nhau tiến lên đến cảnh-trí An-Lạc, hầu khỏi phụ hoài-bảo xuất-thế độ-sanh của Đức Phật, và công-lao giáo-hóa của Lịch-Đại Tổ-Sư.

Xin nguyện đem công-đức này hồi-hướng cho nhứt-thiết pháp-giới chúng-sanh đồng văn (2) Phật-giáo, đồng kiến (3) Phật-kinh, đồng ngộ Phật-Tâm, đồng thành Phật-đạo.

NAM-MÔ THƯỜNG-TINH-TẤN BỒ-TÁT MA-HA-TÁT.

Hạ năm Kỷ-Sửu (1949)

Cẩn-khải

CHƠN-ĐỨC THIÊN-VIỆN

Tổ đời thứ 40, Thiên-Tông Lâm-Tế

Đại-Lão Hòa-Thượng Thiên-Sư THÍCH TỬ-QUANG

Húy **HÔNG-LIỄU**, hiệu **HUỆ-ĐỨC**

(1888 Mậu-Tý – 1991 Tân-Mùi)

TỪ GIÁC BỔN TÂM TRỰC NGỘ THIÊN,
QUANG MINH TỬ TÁNH HUỆ HOÀN NGUYÊN,
HÔNG CƠ CHUYỂN PHÁP TÙY DUYÊN HÓA,
LIỄU ĐẠT CHƠN NHƯ ĐỨC VĨNH TRUYỀN.

CHÚ-THÍCH: (2018)

(1) **Túc** (宿 hay 夙): cũ, xưa, từ xưa, từ lâu, vốn có, có từ lâu, đã có từ trước, đời trước, đã qua.

Chưởng = **Chủng** (種): giống, hạt giống = chủng-tử (種子), loại, chủng loại, thứ, hạng.

Túc-chưởng = **Túc-chủng** (宿種): có chủng-tử từ xưa/ từ lâu/ từ trước/ từ kiếp trước.

(2) **Đồng văn**: đồng nghe, cùng nghe.

(3) **Đồng kiến**: đồng thấy, cùng thấy.

(4) **Cẩn-khải**: kính-cẩn trình bày rõ ràng. **Cẩn** (謹): cẩn-thận, kính-trọng. **Khải** (啟): trình bày rõ ràng.

PHẬT NGÔN

Sau khi Ta nhập Niết-Bàn, các con hãy lấy giới-luật của Ta làm Thầy.
Giới-luật còn là Ta còn vậy!

Kinh Đại Niết-Bàn

CÁC ĐIỀU CẦN-YẾU CHO PHÁI TẠI-GIA

CHƯƠNG 1

THỌ PHÉP TAM-QUI

Bổn-phận đầu tiên của Phật-tử là phải chánh-thức thọ phép Tam-qui.

Tam-qui tức là qui-y Tam-Bảo.

Qui-y Tam-Bảo nghĩa là tôn-kính và nương theo Phật, Pháp, Tăng.

Tam-Bảo có ba chủng:

_ *Chủng thứ nhất:*

Đồng-thể Tam-Bảo (thuộc về lý):

1. Đồng-thể Phật-Bảo là tự-tánh sáng suốt của Tâm Chơn-Như.
2. Đồng-thể Pháp-Bảo là đức-dụng chơn-chánh của Tâm Chơn-Như.
3. Đồng-thể Tăng-Bảo là bản-thể thanh-tịnh của Tâm Chơn-Như.

_ *Chủng thứ hai:*

Xuất-thế-gian Tam-Bảo (thuộc về sự):

1. Xuất-thế-gian Phật-Bảo chỉ-định Đức Thích-Ca, Đức A-Di-Đà và thập phương chư Phật đã hoàn-toàn giác-ngộ, tự-tại giải-thoát.
2. Xuất-thế-gian Pháp-Bảo chỉ-định giáo-lý chơn-chánh, chuyển mê khai ngộ, ví như: pháp Tứ-đế, Thập-nhị nhân-duyên, Lục-độ, v.v...
3. Xuất-thế-gian Tăng-Bảo chỉ-định các bậc Bồ-Tát, Duyên-Giác và Thinh-Văn đã chứng quả vô-sanh.

_ *Chủng thứ ba:*

Thế-gian Trụ-trì Tam-Bảo (thuộc về sự):

1. Thế-gian Trụ-trì Phật-Bảo chỉ về Phật-cốt, Phật-tượng.
2. Thế-gian Trụ-trì Pháp-Bảo chỉ về Tam Tạng: Kinh Luật Luận.
3. Thế-gian Trụ-trì Tăng-Bảo chỉ về các thầy Tỳ-khưu chơn-chánh, hoàn-toàn ly-gia cát-ái, trường-trai tuyệt-dục, nghiêm-trì tịnh-giới, đức-độ thanh-cao.

Tam-Bảo có ba chủng gồm đủ lý và sự. Các Phật-tử không nên thiên lý phế sự, cũng đừng chấp sự bỏ lý, mà phải giữ lý-sự viên-dung.

Ví như muốn chứng Tự-Tánh sáng suốt, thì phải chí-thành kính-tùng chư Phật, muốn đắc Đức-dụng chơn-chánh, thì phải gắng chí tham-học Kinh Luật Luận, muốn ngộ Bản-thể thanh-tịnh thì phải hết lòng vâng theo sự giáo-huấn của bậc Thanh-Tịnh Tăng.

Xưa, khi sanh-tiền, Đức Thích-Ca ân-cần dạy bảo chúng-sanh phải sáng suốt qui-y Tam-Bảo và giữ một lòng thủy-chung nương theo Tam-Bảo để làm căn-bản khai-ngộ.

Nay Phật đã nhập-diệt, Pháp thì vô-tình, dĩ-nhiên trách-nhiệm bảo-toàn và hoằng-dương Phật-Pháp phải nhờ Tăng.

Phật ví như ông thầy thuốc giỏi, Pháp ví như vị thuốc hay, Tăng ví như người kinh-nghiệm hướng dẫn chơn-chánh, chúng-sanh đang lúc mê-muội ví như bệnh-nhân.

Muốn gặp thầy thuốc giỏi, uống được vị thuốc hay, thì bệnh-nhân phải nhờ có người dạy bảo sáng suốt.

Nghiệm xét theo lý đó, thì Phật-tử phải qui-y đủ Tam-Bảo: Phật, Pháp, Tăng.

Tuy-nhiên có một điều trọng-đại nhưt là phải hết sức cẩn-thận về sự quy-y Thế-gian Trụ-trì Tăng-Bảo.

Qui-y học đạo vô-cùng quan-hệ, về phương-diện Đức-dục cũng như Trí-dục, chẳng những quan-hệ trong một đời mà quan-hệ đến vô-lượng kiếp.

Bởi nên, người tu Phật phải có lý-trí, suy nghĩ kỹ càng, phân-biệt thật-hư, nhận-định chánh-pháp, để chọn lựa bậc Thanh-Tịnh Tăng mà sáng suốt qui-y.



Gần đạo thì danh được tỏ rạng như lên núi tuyết.
Xa đạo thì tối tăm như bán cung ban đêm.

Kinh Pháp-Cú

CHƯƠNG 2

PHÉP TRÌ NGŨ-GIỚI

Phàm tu-hành phải lấy giới-luật làm căn-bổn.

Nhà Phật có đủ giới-luật trang-nghiêm, đại-lược như:

_ Phái tại-gia có: Ngũ-giới, Bát quan- trai giới.

_ Phái xuất-gia có: Thức-xoa ma-na giới, Sa-di giới, Cụ-túc giới và vô-lượng oai-nghi tế-hạnh.

Thông cả hai phái tại-gia và xuất-gia, có Bồ-Tát giới và Đạo-tục thông-hành giới.

Tuy-nhiên tự-trung có phép Ngũ-giới để cho phái cư-sĩ thọ-trì trong bước đầu tiên.

Trì Ngũ-giới là giữ năm điều răn cấm như dưới đây:

1. Cấm sát sanh:

Bậc thượng từ chư Phật, Thánh-nhân, Sư-Tăng, Cha Mẹ, các vị Chơn-đạo-đức, Thiện-tri-thức, dĩ-chí hạ-cấp như các loài bò bay máy cựa, vi-tế côn-trùng, chẳng nên giết hại, hoặc mình giết, hoặc dạy người giết, mà sanh lòng vui theo, thấy đều phạm giới.

2. Cấm trộm cắp:

Những đồ đạc của Thường-trụ Tam-Bảo trong chùa, đồ đạc của Tăng, Ni, của Đàn-na tín-thí, của quan, dân, bất-luận của ai, dầu cây kim, ngọn rau là vật nhỏ mọn, cũng không phép trộm cắp, hoặc lấy lén, hoặc cướp giật, hoặc lường gạt, thậm-chí các việc trốn lậu thuế, đầu-cơ chợ đen, cân non đo thiếu, thấy đều phạm giới.

3. Cấm tà dâm:

Tại-gia cư-sĩ chỉ được lập gia-đình, chồng vợ thành-hôn chánh-thức mà thôi. Không được ngoại-tình. Nên xét rằng: cội gốc của nạn khổ luân-hồi sanh-tử chính là dâm-dục. Không nên mê-muội làm hư-hại tám thân. Con người có tiết-dục được, mới đi lần tới chỗ tuyệt-dục để cầu Đạo giải-thoát.

4. Cấm uống rượu (hoặc hút á-phiện):

Rượu cũng như á-phiện, có thể đưa con người đến chỗ sân-hận, say mê, cuồng-tâm, mất trí, không tự-chủ được mình, hành-động ích-kỷ hại nhân. Gặp khi mắc bệnh nặng, phải tạm dùng rượu thuốc, thì được phép bạch với đại-chúng rồi uống, để trị lành căn bệnh, ngoài ra một giọt nhỏ cũng không nên uống. Người tu lại còn không nên vào quán rượu, hoặc dùng rượu đãi khách.

5. Cấm nói vọng: Nói vọng có bốn thứ:

- a) Nói giả dối tức là nói xảo-trá, chuyện không nói có, chuyện có nói không, lấy phải nói trái, lấy trái nói phải, thấy nói không thấy, không thấy nói thấy.

- b) Nói thêu dệt tức là nói trau chuốt, thêm bớt, bóng bảy, huyễn-mị.
- c) Nói hung-ác tức là nói xấu, nói hành, dùng lời thô-bỉ, mắng nhiếc, chửi rủa, vu-cáo, kiêu-ngạo.
- d) Nói hai lưỡi tức là nói đâm thọc, xúi giục hai bên tranh-đấu nhau, trước khen sau chê, trước mặt nói phải, sau lưng nói quấy, làm chứng gian cho kẻ có tội, thủy đều phạm giới.

Như người phàm-phu mà tự xưng đã chứng quả Thánh. Ví như: xưng mình là Phật sống, Bồ-Tát tái-thế, hoặc vì háo-danh, hoặc vì ngã-mạn, hoặc vì muốn lạm dụng lòng tín-ngưỡng của hạng nhẹ tánh để lợi-dưỡng, đó là đại-vọng-ngữ, kỳ tội cực-trọng, chiêu lấy hậu-quả sa-đọa.



Giới là phao nổi vượt qua biển khổ, là châu Anh-lạc để trang-nghiêm Pháp-thân.
Luật Sa-Di

CHƯƠNG 3

ỨNG-DỤNG ĐẠO-LÝ NHÂN-QUẢ

Nhân là nguyên-nhân, Quả là kết-quả.

Ví dụ: trồng cây, gieo hạt giống là nhân, hạt giống đâm chồi nảy nhánh, nhờ đất nước âm-dương bổ-trợ làm duyên, cây lớn lên sanh trái, trái tức là quả.

Trồng dưa đặng dưa, trồng đậu đặng đậu.

Biết trồng giống ngọt, hưởng trái ngọt, trồng giống chua, hưởng trái chua; gieo giống nào gặt giống nấy, đó là chơn-lý công-bình.

Làm lành gặp lành, làm dữ gặp dữ, tất cả nhân-nghiệp lành dữ đều có quả-báo phân-minh như bóng theo hình, duy có một điều là thời-tiết lãnh-thọ quả-báo đến sớm hay muộn.

Quả-báo đại-khái có ba loại:

1. *Hiện-báo*: quả-báo nhãn-tiền, tạo và thọ chỉ trong một đời.

Ví dụ: trong đời hiện-tại, làm lành có ngay báo lành, làm dữ có ngay báo dữ.

2. *Sanh-báo*: quả-báo ở đời kế tiếp.

Ví dụ: đời trước tạo nhân, đời này thọ quả, hoặc đời này tạo nghiệp, đời sau thọ báo.

3. *Hậu-báo*: quả-báo cách lâu đời mới thọ.

Ví dụ: đời này tạo nhân, cách mấy đời về sau mới thọ quả.

Đầu có trải qua trăm ngàn kiếp, nghiệp đã tạo, vẫn không hề mất, đến khi gặp nhân-duyên thì phải chịu ngay quả-báo.

Có tạo nghiệp tất phải thọ báo, có vay tất phải có trả.

Trong vòng luân-hồi sanh-tử ở lục phàm, vay rồi trả, trả đủ lại vay, nhân bao biến quả, quả suốt nguồn nhân, trước sau đều tự mình, tự tác hoàn tự thọ, định-nghiệp sử-nhiên, vị-tất than trách luống công.

Hiển-nhiên đạo-lý nhân-quả cảm-ứng thiên-nhiên chí-công là chơn-lý tuyệt-đối.

Vậy muốn tiến-hóa đến chí-thiện, thì làm người, nhưt là người tu-hành, có bổn-phận phải nương theo luật nhân-quả và áp dụng triệt-để chơn-lý đó.

Bất-luận gặp quả nào, người tu-hành cũng:

- không cho lay chuyển chí-nguyện,
- đắc-thất đừng thay lòng,
- thanh-suy đừng đổi dạ,
- giàu sang không kiêu-hãnh,
- bần-tiện không thối tâm,
- hằng giữ đức-tánh thiếu-dục tri-túc,
- chuyên-cần cải-thiện đời sống của mình,

- sanh-hoạt phải thức-thời,
- lập nghiệp phải tùy-cơ,
- gặp quả vui vẫn không háo-thắng mà hành-động sai lầm,
- gặp quả khổ vẫn không nản chí mà làm việc mê-muội.

Điều ấy chứng tỏ người tu-hành không nên sợ quả mà phải sợ nhân, lúc nào cũng cẩn-thận về chỗ tạo nhân và luôn luôn lo tạo nhân lành.

Thiết-tưởng trong thiên-hạ có một nhân lành cao quý cực điểm, khả-dĩ thành-tựu viên-mãn quả phước an-lạc vĩnh-cửu cho nhân-sanh đó là công-phu tu-hành chơn-chánh.



Muốn biết nhân đời trước, nên nghiệm xét quả đời nay.
Muốn biết quả đời sau, nên nghiệm xét nhân hiện-tại.

Kinh Nhân-Quả

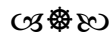
CHƯƠNG 4

CÁCH-THỨC THỜ PHẬT

Tại-gia nên thờ Đức Tiếp-Dẫn Đạo-Sư A-Di-Đà Phật hay là thờ Đức Ta-Bà Giáo-Chủ Thích-Ca Mâu-Ni Phật. Như muốn thờ tam thế Phật, thì thờ Đức A-Di-Đà tiêu-biểu chư Phật đời quá-khứ, Đức Thích-Ca tiêu-biểu chư Phật đời hiện-tại, Đức Di-Lặc tiêu-biểu chư Phật đời vị-lai.

Nếu muốn thờ thêm, thì nên thờ Đức Quán-Thế-Âm Bồ-Tát và Đức Đại-Thế-Chí Bồ-Tát. Không nên thờ nhiều cốt hoặc nhiều tượng phức-tạp.

Sự thờ phượng phải chọn chỗ nào cho có vẻ cung-kính và trang-nghiêm đặc-biệt trong nhà. Bàn thờ phải trần-thiết cho mỹ-thuật. Các vật-dụng để trên bàn thờ, không phải cần có thứ quý giá mà nên cần sắp đặt giản-dị, có thứ-tự và luôn luôn phải chăm nom cho thật sạch sẽ.



PHẬT-NGÔN

Các người hãy làm theo lời Ta dạy để học đạo và hành đạo, đó là các người nhớ ơn Ta.

Tin Ta mà không hiểu Ta, ấy là bài-báng Ta vậy.

CHƯƠNG 5

CÁCH-THỨC LỄ PHẬT

Lễ Phật tức là tỏ lòng tôn-kính một bậc Viên-Giác và nương theo gương mẫu trọn lành mà tu-hành. Lễ Phật thường lễ ba lạy để tỏ lòng qui-y Tam-Bảo, xin nhờ oai-đức Tam-Bảo gia-hộ cho tịnh tam nghiệp (thân, khẩu, ý), diệt tam độc (tham, sân, si), đắc tam học (giới, định, tuệ).

Khi lễ Phật, cần nhứt phải giữ lòng thành thanh-tịnh, cầu tâm mình và tâm Phật đồng khế-hiệp với nhau một thể Chơn-Như.

Thân phải đứng ngay thẳng, hai bàn tay chắp lại để ngang ngực và hơi chỉ lên, đừng cho mấy ngón tay so le và giữ không được hở giữa hai bàn tay, đó gọi là “hiệp-chuởng”.

Hai chân đứng cho thẳng, hai gót chân khít lại, cặp mắt phải chăm chú ngó ngay cốt Phật hay tượng Phật, một lòng cung-kính tin tưởng.

Khi lạy xuống, hai đầu gối phải hạ một lượt, đầu và hai cánh tay để cho sát đất, hai bàn tay lật ngửa lên để dựa hai bên trán, miệng niệm thầm câu chú này:

Án, phạ nhựt ra hồng. (3 lần)

Khi hai bàn tay lật ngửa lên, nếu biết kiết ấn càng tốt. Kiết ấn như thế này: bàn tay trái khai Thiên-ấn, bàn tay phải khai Địa-ấn.

- *Thiên-ấn* : bấm đầu ngón tay cái cho ngay chỉ dưới ngón tay áp út (gọi là *quyết-tý*).

- *Địa-ấn* : bấm đầu ngón tay cái cho ngay chỉ dưới ngón tay giữa (gọi là *quyết-sửu*).

Khi đứng dậy (nếu có kiết ấn, phải xả ấn), tay trái để ngang ngực, tay phải úp lại mặt đất, chống đứng lên, hai đầu gối đồng lên một lượt, rồi hai bàn tay chắp lại (hiệp-chuởng) như trước.

Lạy rồi, phải xá tiếp một xá, khi xá, nên cúi đầu và nghiêng mình ra phía trước, hai bàn tay cứ giữ hiệp-chuởng trước ngực.



Thâu nhiếp được tâm thì tâm định. Tâm định thì rõ thấu các pháp.

Kinh Di-Giáo

CHƯƠNG 6

CÁCH-THỨC CÚNG HƯƠNG THƯỜNG-NHỰT

Mỗi lần cúng hương, nên dùng ba cây nhang hoặc một cây nhang cũng được, đó là tiêu-biểu nhứt-tâm cung-dưỡng Tam-Bảo. Nhang cung-dưỡng Tam-Bảo nên dùng thứ thật tốt như nhang trầm.

Thường lệ, sớm mai khởi giờ Mão (5 giờ), trưa khởi giờ Ngọ (11 giờ), chiều khởi giờ Dậu (17 giờ), và công-phu tối khởi giờ Tý (23 giờ), mỗi ngày được bốn thời, mỗi thời dùng một cây nhang trầm cũng đủ.

Cúng hương cốt-yếu phải tịnh-tâm chí-thành, thân quì ngay thẳng, hai bàn tay cầm nhang để trước trán, đọc:

KỆ CÚNG HƯƠNG

Nguyện thử diêu-hương vân,
Biển mẫn thập phương giới,
Cung-dưỡng nhứt-thiết Phật,
Tôn pháp, chư Bồ-Tát,
Vô biên Thịnh-Văn chúng,
Cập nhứt-thiết Thánh-Hiền,
Duyên khởi quang-minh đài,
Xứng tánh tác Phật-sự,
Phổ-huân chư chúng-sanh,
Giai phát Bồ-đề tâm,
Viễn-ly chư vọng-nghiệp,
Viên-thành vô-thượng đạo.

Nguyện mây hương mầu này,
Khắp cùng mười phương cõi,
Cung-dưỡng tất cả Phật,
Tôn pháp, các Bồ-Tát,
Vô biên chúng Thịnh-Văn,
Và cả thầy Thánh-Hiền,
Duyên khởi đài sáng chói,
Xứng Phật-tánh làm Phật-sự,
Xông khắp các chúng-sanh,
Đều phát Bồ-đề tâm,
Xa lìa những nghiệp vọng,
Trọn nên đạo vô-thượng.

Nam-mô Hương-Cung-Dưỡng Bồ-Tát Ma-Ha-Tát. (3 lần)
Đọc xong cúi đầu xá một xá, rồi đứng dậy, cắm nhang vào lư hương cho ngay thẳng.



Phật ví như Trăng, Tâm người ví như nước.

Phàm có nước, tất có Trăng.

Nước trong thì bóng Trăng tỏ, nước đục thì bóng Trăng mờ.

Tịnh-Nghiệp Luận

CHƯƠNG 7

PHÉP TRÌ-TRAI

Luận về khoa-học, các món rau, đậu có rất nhiều sinh-tố bổ-dưỡng thân-thể, lại ít chất độc hơn thịt, nhưng cần phải nấu cho có vệ-sinh.

Luận về đạo-đức, ăn chay tránh sự sát-sanh, giải được nạn oan-cừu báo-oán, khỏi được các trược-khí huyết-nhục, trợ-duyên cho công-phu tham thiền, niệm Phật, tụng kinh, trì chú được linh-nghiệm.

Theo phép trì-trai, trong bữa cơm trước khi ăn, Phật-tử phải dùng ba miếng cơm lạt, vừa ăn vừa đọc:

“Qui-y Phật, qui-y Pháp, qui-y Tăng.
Nguyện đoạn nhứt-thiết ác,
Nguyện tu nhứt-thiết thiện,
Nguyện độ nhứt-thiết chúng-sanh”.

Âu cũng là một bài học nhắc nhở cho Phật-tử đừng quên bổn-phận Từ-Bi. Ăn chay cốt-yếu phải giữ trai-tâm.

Phép trì-trai có:

A. ĐOẢN-TRAI. Đại-khái như:

1. *Sóc-vọng-trai* : mỗi tháng ăn chay trong hai ngày tức là ngày mùng một và ngày rằm.
2. *Lục-trai* : mỗi tháng ăn chay trong sáu ngày: 8, 14, 15, 23, 29, 30 (tháng thiếu, tính ngày 28, 29, thế cho 29, 30).
3. *Thập-trai* : mỗi tháng ăn chay trong mười ngày: 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, 30 (tháng thiếu, tính ngày 27, 28, 29, thế cho 28, 29, 30).
4. *Bán-nguyệt trai*: mỗi tháng ăn chay trong 15 ngày, như ngày mùng một ăn chay, ngày mùng hai ăn mặn, cứ một ngày ăn chay, một ngày ăn mặn.
5. *Tam-nguyệt trai*: mỗi năm ăn chay trong ba tháng: tháng Giêng, tháng Năm, tháng Chín (hoặc tháng Giêng, tháng Bảy, tháng Mười).

B. TRƯỜNG-TRAI: Ngày nào cũng ăn chay (hai hoặc ba bữa cơm), còn như mỗi ngày chỉ ăn một bữa cơm chay đúng giờ Ngọ (12 giờ trưa) gọi là Ngọ-trung trai.

Phần đông cư-sĩ, vì gia-duyên ràng buộc nên không trường-trai được. Vậy trong lúc ăn mặn, không nên dùng năm món gọi là ngũ vị-tân: *hành, hẹ, tỏi, nén, hưng-cừ* (hưng-cừ là một giống cây có củ ở bên Tàu, giống như củ kiệu ở Việt-Nam), vì năm món gia-vị đó có tánh-chất sanh dục và tổn thần, lại là những món có mùi thích hợp với ma quỷ.

Bất-đắc-đĩ, nếu vị cư-sĩ nào còn ăn mặn, muốn tránh sự cố-sát, thì có thể dùng năm thứ thịt gọi là ngũ tịnh-nhục như sau:

1. *Tự-tử nhục* : thịt của thú vật tự chết.
2. *Điều-tàn nhục* : thịt của thú vật chết và bị chim ăn còn dư.
3. *Bất-kiến-sát nhục* : thịt của thú vật mà mình không thấy ai giết.
4. *Bất-văn-sát nhục* : thịt của thú vật mà mình không nghe ai giết.
5. *Bất-nghi-vị-kỷ-sát-nhục* : thịt của thú vật mà mình không nghi vì mình mới bị giết.

Tuy nói năm thứ thịt, nhưng chỉ có ba, vì hai thứ: *Tự-tử nhục* và *Điều-tàn nhục*, chắc không ai dùng.

Riêng các vị chơn-xuất-gia, chuyên-tu giải-thoát, theo phái Đại-thừa Phật-giáo, thì phải hoàn-toàn ăn chay trường, không được viển lý-do chi mà tự chế ăn mặn.



Người ăn thịt có thể bị mất hột giống từ-bi.
Nếu không ăn thịt thì không có người sát-hại chúng-sanh.

Kinh Lăng-Già

CHƯƠNG 8

PHÁP-MÔN NIỆM PHẬT

Niệm Phật là một phương-pháp cải-thiện, sửa vọng-niệm ra chơn-niệm, đổi tà-niệm ra chánh-niệm, thay niệm chúng-sanh làm niệm Phật, một niệm phản-bổn hoàn-nguyên, bội-trần hiệp-giác, chánh-đại quang-minh, chuyển phiến-não ra Bồ-đề.

Nam-mô A-Di-Đà Phật có nghĩa là nhứt-tâm tôn-kính và nương theo bậc Viên-Giác có đủ phương-đức vô-lượng.

Xưa Đức Phật A-Di-Đà có phát bốn mươi tám nguyện, đại-ý nói rằng:

Khi thành Phật, kiến-lập một thế-giới Cực-Lạc. Nếu có chúng-sanh nào nghe đến vạn-đức hồng-danh A-Di-Đà Phật, hết lòng tin tưởng, nguyện tu chơn-chánh, nhiếp-tâm thanh-tịnh, chí-thành trì-niệm cầu sanh Cực-Lạc, thì khi sanh-tiền được Phật bảo-hộ bình-an, khi lâm-chung được Phật phóng quang tiếp-dẫn về cõi Cực-Lạc, giáo-hóa tu-tập tuần-tự tiến đến Phật-quả.

Kinh Lăng-Nghiêm có nói:

“Thập phương chư Phật thương tưởng chúng-sanh như mẹ nhớ con, nhưng nếu con cứ trốn tránh mẹ, thì dầu có nhớ cách nào, mẹ cũng không cứu được. Trái lại nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con thì dầu trải bao nhiêu kiếp, mẹ con cũng được sum hiệp. Nếu tâm chúng-sanh nhớ Phật, niệm Phật, thì hiện-tại hoặc vị-lai, quyết-định thấy Phật, cách Phật không xa”.

Tu phép niệm Phật cần phải nhứt-tâm, gồm có sự và lý.

A. Sự nhứt-tâm niệm Phật có nghĩa là giữ lòng thanh-tịnh, không cho một mảy vọng-tưởng xen vào, chỉ rõ ràng một tiếng niệm Nam-mô A-Di-Đà Phật. Công-phu trì-niệm đại-đề có 42 phép, xin lược-giải hai phép cần-yếu như dưới đây:

1. *Cao-thinh niệm Phật* tức là niệm Phật cho có tiếng tỏ rõ. Như giữ niệm thường-nhứt trong bốn thời công-phu Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu, tay lần từ hột chuỗi, miệng niệm Nam-mô A-Di-Đà Phật, cốt-yếu phải nhứt-tâm thanh-tịnh.

Dùng chuỗi niệm Phật nên biết:

- a) Các hột chuỗi tiêu-biểu công-đức thù-thắng của chư Bồ-Tát.
- b) Hột chuỗi chận ở giữa xâu chuỗi tiêu-biểu dứt sạch các phiến-não.
- c) Dây xỏ chuỗi tiêu-biểu vô-úy-thí của Đức Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.
- d) Hột mẫu-châu ở trên đầu xâu chuỗi giống như bình sai tiêu-biểu Đức Phật A-Di-Đà. Khi lần chuỗi không nên lần qua hột mẫu-châu này.

Hột chuỗi làm bằng Bồ-đề, hột sen, kim-cang, v.v...

Chuỗi có nhiều hạng: thứ 1080, 108, 54, 21, 18, v.v...

2. *Mặc-nhiên niệm Phật* tức là niệm thâm sáu chữ Nam-mô A-Di-Đà Phật.

Ví như tập trong hơi thở điều-hòa vô ra, luôn luôn có tiếng niệm, cốt-yếu phải nhiếp-tâm thanh-tịnh, lắng nghe rõ ràng tiếng niệm ấy giao-tiếp nhau, không gián-đoạn, bất-luận lúc nào trong tứ oai-nghi: đi, đứng, ngồi, nằm (nằm nghiêng bên mặt).

Nếu niệm Phật, dầu cao-thinh dầu mặc-nhiên, mà biết quán-tưởng Đức A-Di-Đà đứng trên tòa sen vàng, thân kim-sắc, tướng hảo quang-minh, tay trái giữ ấn kiết-tường, tay mặt thả xuôi theo mình, bàn tay giở ngửa ra tượng-trưng tiếp-dẫn, thì mau có hiệu-quả mỹ-mãn.

Phật-tử nhứt-tâm thanh-tịnh, trì-niệm A-Di-Đà Phật, lâu ngày công-phu thuần-thục, các vọng-tưởng dứt sạch, niệm niệm từng tâm khởi, niệm Phật bất ly tâm, niệm như-không niệm, không niệm mà niệm, thành-tự được phép niệm Phật chánh-định, đạt được cảnh-trí nhứt-tâm bất-loạn, thì chắc vãng-sanh Cực-Lạc.

B. Lý nhứt-tâm niệm Phật tức là lý niệm Phật và niệm tâm đồng khế-hiệp. Đức Phật sở-niệm và tâm năng-niệm đồng một thể thanh-tịnh trang-nghiêm.

Khế-Kinh có dạy:

Tất cả chúng-sanh đều có tánh Phật. Tánh Phật là Tự-Tánh Chơn-Như, cụ-túc trang-nghiêm, thiêng sáng rộng suốt, thường-trụ vắng lặng.

Tự-Tánh cụ-túc trang-nghiêm tức là đức Pháp-thân.

Tự-Tánh thiêng sáng rộng suốt tức là đức Bát-Nhã.

Tự-Tánh thường-trụ vắng lặng tức là đức Giải-thoát.

Suy theo lý đó thì nhận-thức: niệm Phật tức là niệm Tự-Tánh, niệm Tự-Tánh tức là niệm Phật, cảnh-giới Cực-Lạc cũng do Tự-Tâm thanh-tịnh mà thật-hiện. Đó là lý Duy-Tâm Tịnh-độ, Tự-Tánh Di-Đà.

Phật-tử nhứt-tâm trì-niệm danh-hiệu Đức A-Di-Đà, cần phải viên-dung sự-lý.

Vẫn biết Tự-Tánh hoàn-toàn sáng suốt, nhưng vì từ vô-thỉ nhần nay, chúng-sanh trải qua lịch-kiếp tạo nghiệp, các phiền-não che khuất sâu dày, rất khó tỏ ngộ được. Tuy-nhiên dầu bị trầm-luân sanh-tử trong sáu cõi phàm-phu, các phiền-não có che khuất cách nào, Tự-Tánh vẫn luôn luôn tròn sáng, đó là lý “tùy duyên bất-biến”.

Nếu muốn tỏ ngộ Tự-Tánh thì trước phải đoạn-trừ phiền-não, mà muốn nhờ vừa tự-lực vừa Phật-lực, đoạn-trừ phiền-não cho mau công-hiệu, thì phải tịnh-niệm Phật A-Di-Đà.

Khế-Kinh có dạy:

Một niệm dung-hiệp với Phật là một niệm thành Phật, các niệm dung-hiệp với Phật thì các niệm đều thành Phật.

Như tịnh-niệm một câu A-Di-Đà Phật thì dứt trừ được một phiền-não, niệm cho đến hàng trăm, hàng ngàn, hàng vạn, dĩ-chí vô-số câu, thì chắc chắn có ngày dứt sạch tất cả phiền-não, trở nên minh-tâm kiến-tánh thành-đạo Chánh-Giác.

Vậy Phật-tử nên gắng công lo sắm đủ ba món tư-lương “Tín, Hạnh, Nguyện” nhứt-tâm tu phép niệm Phật, hầu về cảnh Tịnh, thoát khổ được vui.



CHÚ-THÍCH: (2018)

Phương (chữ Hán: 方 hoặc 芳):

_ Phương 方: nghĩa là ngay thẳng, chính-trực, như trong: “chân-phương”, “phương-chánh” (tánh hạnh ngay thẳng).

Đạo Đức Kinh (Chương 58) có viết:

是以聖人方而不割, 廉而不剡 = Thị dĩ Thánh-nhân phương nhi bất cát, liêm nhi bất quế = Chỉ có bậc Thánh-nhân tuy chính-trực mà không làm thương tổn người, tuy có góc cạnh mà không làm hại người.

Phương còn có nghĩa là: đạo-đức, đạo-lý, lễ-nghĩa; vuông, hình vuông.

_ Phương 芳 gồm bộ Phương 方 và bộ Thảo đầu 艹 kết hợp lại thì có nghĩa là mùi thơm của cỏ hoa, cỏ thơm, cũng có nghĩa là tiếng thơm, đức-hạnh và tốt đẹp.

Ví dụ như trong: “phương-thảo” (cỏ thơm), “phương-danh” (tiếng thơm), “phương-tư” (dáng dấp xinh đẹp), “lưu phương bách thế” (để tiếng thơm trăm đời).

_ **Phương-đức** vô-lượng (trang 21): đạo cao đức trọng, phẩm-hạnh chính-trực, tiếng thơm vô-lượng.

_ **Phương-ân** (trang 53): mới ân-cần/ thiết-tha.

Nếu chuyên-tâm tịnh-niệm vạn đức Hồng-danh A-Di-Đà Phật, phát nguyện cầu về Cực-Lạc, thì khi lâm-chung chắc có phần đời-nghiệp vãng-sanh.

CHƯƠNG 9

TÍN HẠNH NGUYỆN

1. LUẬN VỀ ĐỨC TÍN

Tín nghĩa là tin, đại-lược như:

- tin các chơn-thiết-ngữ của Phật dạy,
- tin Tam-Bảo chuyển mê khai ngộ,
- tin luật nhân-quả chí-công,
- tin chánh-đạo cảm-ứng mầu-nhiệm,
- tin công-đức tu-hành sáng suốt của mình,
- tin nguyện-lực hoằng-thâm của chư Phật và Bồ-Tát,
- tin nhứt-tâm tịnh-niệm Đức A-Di-Đà thì chắc được tự-tại an-lạc.

Bộ *Vân-Thê Tịnh-Độ* có nói: “Đức Tín là yếu-môn đệ-nhứt để nhập đạo”.

Kinh Duy-Ma có câu: “Muốn đến cảnh Tây-phương cốt do đức Tín thâm sâu”.

Kinh Hoa-Nghiêm có dạy: “Đức Tín là nguồn của chơn-lý, mẹ của công-đức, nuôi lớn các căn lành, ra khỏi đường tà-mị, vào được cảnh chánh-định, giải-thoát biển sanh-tử, thành-tựu đạo Bồ-đề”.

2. LUẬN VỀ ĐỨC HẠNH

Thiết-tưởng: làm người giàu sang tốt bậc, dầu học giỏi cực-điểm mà không có Hạnh cũng thất nhân-tâm. Vả chăng người vô Hạnh thường chịu theo dục-vọng, không tự-chủ được mình, nặng lòng tự-ái, trầm-trọng bệnh chấp ngã, hành-động lợi-kỷ tổn-nhân, gây ra vô-số nghiệp-chướng phiền-não.

Vậy Phật-tử có bốn-phận xây dựng đức Hạnh, đại-lược:

Thường-nhứt, Phật-tử phải chuyên-cần công-phu tu-tập do các bậc Thanh-Tịnh Tăng truyền dạy như: giữ giới, trì- trai, sám-hối, lễ bái, cung-dưỡng, tụng kinh, trì chú, tham-thiền, quán-tưởng niệm Phật v.v...

Suốt đời, Phật-tử phải biết điều-chế ba nghiệp: thân, khẩu, ý.

- Thân không làm dữ mà chuyên làm lành,
- khẩu không nói dữ mà chuyên nói lành,
- ý không tưởng dữ mà chuyên tưởng lành.
- Làm, nói và tưởng đều theo gương “trọn lành” của chư Phật mà thật-hành.

Trong sự sanh-hoạt, phải kiện-toàn hai đức-tánh: thiếu-dục và tri-túc, vì người thiếu-dục và tri-túc dầu nghèo cũng an tâm, quý hơn kẻ đa-dục và bất tri-túc dầu giàu cũng khổ tâm.

Phật-tử phải ngăn ngừa các tật xấu làm tổn bình-sanh chi đức, như: cống cao, ngã-mạn, tự-phụ, kiêu-căng, khinh người ngạo vật, mục hạ vô nhân.

Phật-tử phải siêng làm các việc phước-đức khế-hiệp với luật nhân-quả như:

- hiếu-dưỡng Phụ-Mẫu,
- phụng-sự Sư-Trưởng,
- cung-dưỡng Tam-Bảo,
- thuyết-pháp tạo tự,
- ấn-tống kinh tượng,
- bố-thí phóng-sanh,
- tu-kiều bồi-lộ,
- cứu kẻ lâm nguy.

Tóm tắt lại, Phật-tử phải luôn luôn nương theo tôn-chỉ Từ-Bi mà xử-thế, lúc nào cũng khiêm-tốn ôn-hòa, giữ lấy đức “Nhân” làm căn-bản vì Nhân là giếng mối phát-huy các đức-tánh: hiếu, để, trung, thứ, tín, mục, liêm, tiết, thành, kính, khiêm, cung, v.v... .

Giữ tròn đức “Nhân” tức là đề-cao nhân-vị, tương-xứng nhân-phẩm, sáng suốt cả hai phương-diện cá-thể và xã-hội, sẵn sàng độ-lượng quảng-đại vị-tha tùy khả-năng và cơ-duyên giúp đời tiến-hóa lành mạnh.

3. LUẬN VỀ ĐỨC NGUYỆN

Nguyện có nghĩa là tự mình phát tâm làm việc phước-đức hoặc cầu cho được thành-tựu phước-đức, đại-lược:

- nguyện sám-hối tam nghiệp-tội,
- nguyện dứt điều dữ, năng làm việc lành, trau dồi tâm sạch,
- nguyện cần học Chánh-pháp, cần tu Chánh-đạo, không hề thối-chuyển,
- nguyện qui-y Phật Pháp Tăng, giữ một lòng thủy-chung như nhứt, y-giáo phụng-hành,
- nguyện thành-tâm niệm Phật A-Di-Đà, nương nhờ Phật-lực bảo-hộ cho tu-hành,
- nguyện khi lâm-chung, dự tri thời chí, thân vô bệnh khổ, tâm không tham luyến, ý bất điên-đảo, như nhập thiền-định,
- nguyện sanh Cực-Lạc,
- nguyện thành Chánh-giác, cứu-độ chúng-sanh cũng như chư Phật, đó là chánh-nguyện.

Chư Bồ-Tát có bốn đại-nguyện:

1. Chúng-sanh vô-biên thệ-nguyện độ.
2. Phiền-não vô-tận thệ-nguyện đoạn.
3. Pháp-môn vô-lượng thệ-nguyện học.
4. Phật-đạo vô-thượng thệ-nguyện thành.

Các bậc đại-đệ-tử của Phật đã phát Bồ-Tát tâm, thọ Bồ-Tát giới, hành Bồ-Tát hạnh, đều thể theo gương hoằng-thệ đó mà làm việc tự-lợi kiêm lợi-tha, tự-giác kiêm giác-tha.

Phàm khi làm được công-đức chi, Phật-tử nên đem công-đức ấy mà phát nguyện hồi-hương vãng-sanh Cực-Lạc, chẳng những hồi-hương cho mình mà lại có thể hồi-hương cho người.

Khế-Kinh dạy:

“Có Hạnh không Nguyện, Hạnh ấy cô-đơn;
có Nguyện không Hạnh, Nguyện ấy khó thành;
có Hạnh có Nguyện nhưng không Tín, chung cuộc cũng vô-ích”.

Bởi nên Phật-tử phải giữ *Tín cho sâu, Hạnh cho tròn, Nguyện cho thiết*, thì nhiên-hậu công-đức tu-hành chắc chắn viên-mãn.



Hiểu lời Phật dạy chưa phải là đủ, cần gắng sức thật-hành chơn-chánh, mới thành-tựu hiệu-quả thiện-mỹ.

Tri-Tân Luận

CHƯƠNG 10

PHÁP-MÔN THIÊN-ĐỊNH

Thiên-định là một pháp-môn cao-siêu trong đạo Phật. Thiên-định có năng-lực đoạn hoặc chứng chơn, viên-mãn trí-tuệ, trực-chỉ nhân-tâm, kiến tánh thành Phật.

Tu Thiên-định cốt-yếu là dứt sạch các vọng-tưởng hôn-mê, phiền-não tán-loạn, tập-trung ý-chí vào một đối-tượng duy-nhứt, giữ tâm vắng lặng thông suốt.

Bất-luận là xuất-gia hay tại-gia đều tu phép Thiên-định được. Tuy-nhiên, đã là một pháp-môn cao-siêu, đòi hỏi giới-đức thanh-tịnh, công-phu vĩ-đại vừa điều-thân vừa điều-tâm, thì người xuất-gia có phần dễ tu hơn.

Phàm tu Thiên-định phải nhờ có bậc Thiên-Sư chơn-chánh, lão-thông Thiên-giáo, giàu kinh-nghiệm, quán căn truyền dạy, mới khỏi lầm đường lạc hướng theo ngoại-đạo thiên.

Xưa Tiên-Đức có dạy: “Thiên-định vi-tế, nhược bất dự tiên liễu-tri, tối dị tấu-nhập tà-đồ”.

Nếu không dự tính hiểu thấu trước các vi-tế trong pháp Thiên-định thì rất dễ sa vào đường tà-mị.

Vả chẳng muốn cho công-phu thành-tựu viên-mãn thì người tu Thiên tối-thiểu phải có:

- căn-bổn đạo-đức thuần-khiết,
- tánh-tình quảng-đại,
- từ-bi hỷ-xả,
- chơn-chánh liêm-tiết,
- đại tinh-tấn, đại nhẫn-nhục,
- trường-trai tuyệt-dục,
- giới-hạnh trong sạch,
- và oai-nghi trang-nghiêm.

Vì vậy pháp-môn Thiên-định rất khó tu.

Tu Thiên-định có nhiều bậc, tùy theo căn-trí và thể-lực của mỗi người mà tuần-tự nhi-tiến, công-phu từ bậc thấp lần đến bậc cao.

Trong lúc sơ-cơ, Phật-tử có thể thật-hành phép Tham-Thiền như dưới đây:

Mỗi ngày tùy theo tư-nghiệp, nên chọn một thời để làm công-phu thường tất. Nếu công-phu được vào giờ Tý, trong tâm yên lặng, ngoài cảnh êm đềm thì dễ tịnh-tọa.

Khi Tham-Thiền, nên ngồi kiết-già hay bán-già, hai tay kiết ấn tam-muội.

_ Cách-thức ngồi *kiết-già* (*Kim-cang tọa*): ngồi xếp bằng lại, lấy bàn chân mặt gác lên về trái, rồi lấy bàn chân trái để lên về mặt.

_ Cách-thức ngồi *bán-già* có hai thứ:

1. *Hàng-ma tọa* : lấy bàn chân mặt gác lên về trái.
2. *Kiết-tường tọa* : lấy bàn chân trái gác lên về mặt.

_ Cách-thức kiết ấn tam-muội:

1. Hai bàn tay duỗi ra, tám ngón tay xỏ với nhau, ngón tay trở và ngón áp út của bàn tay trái để ngửa trên bàn tay mặt, ngón giữa và ngón út của bàn tay mặt để ngửa trên bàn tay trái, còn hai ngón tay cái thì giáp móng lại nằm sát trước ngón trở của bàn tay trái.
2. Hoặc giả ngón tay trở và ngón áp út của bàn tay mặt nằm ngửa trên bàn tay trái, ngón giữa và ngón út của bàn tay trái nằm ngửa trên bàn tay mặt cũng được.
3. Hoặc giả đặt bàn tay trái nằm ngửa trên lòng bàn tay mặt, hay đặt bàn tay mặt nằm ngửa trên lòng bàn tay trái, các ngón tay không có xỏ với nhau cũng được.

Xin nhớ: Khi kiết ấn, nên để trên đầu mà làm.

Khi ngồi kiết-già hoặc bán-già, thân nghiêm-chỉnh, hai tay kiết ấn tam-muội để dưới rún, miệng ngậm khít, cặp mắt hơi nhắm, không cho thấy ánh sáng bên ngoài, chăm ngó ngay mũi, ngó thẳng xuống ấn tam-muội.

Trước khi nhập định, đọc bài kệ này:

“Chánh-thân đoan-tọa,	Thân hình ngồi thẳng,
Đương nguyện chúng-sanh,	Cầu cho chúng-sanh,
Tọa Bồ-đề tòa,	Ngồi tòa Bồ-đề,
Tâm vô sở-trước”.	Tâm không dính mắc (chấp trước).

Ấn, phạ tác ra a ni, bát ra ni, áp đa da, tá-ha. (3 lần)

Đọc kệ rồi, hơi thở giữ đều-hòa, thân hình giữ đoan-chánh, tâm giữ thanh-tịnh, trí giữ rỗng không.

Công-phu Thiền-định chừng 15 phút, nửa giờ, 45 phút, 1 giờ hoặc nhiều hơn nữa, tùy theo sức khỏe của hành-giả.

Khi muốn xả Thiền, phải đưa ấn tam-muội lên trên đỉnh mà xả.

Nếu khi Thiền mà có vọng-tưởng xen vào thì để tâm nơi rún, hoặc dùng lục tự: “Nam-mô A-Di-Đà Phật” làm câu thoại-đầu để đối-trị vọng-tưởng.

Lúc ngồi Thiền, như nghe trong mình có vẻ mệt nhọc hoặc tức ngực, hoặc tê chân thì nên xả liền, đừng rán sức, sợ về sau sanh bệnh.

Khi Tham-Thiền xong, không nên vội đứng dậy gấp, cứ ngồi yên lặng chừng vài phút, ngay hai chân ra, uốn mình vài lần, dùng hai bàn tay chà xát cho có hơi nóng rồi hấp vào cặp mắt và khắp cả thân-thể cho huyết-mạch vận-chuyển. Đoạn đứng dậy rồi đi kinh-hành niệm Phật hay là tập chút ít thể-dục.

Thể-dục có nhiều môn, xin ví dụ ba môn dễ tập dưới đây:

1. Hai tay giơ thẳng lên trên đầu rồi hạ xuống, trong lúc giơ tay lên, chậm rãi hít hơi thở vào phổi, trong lúc hạ tay xuống, chậm rãi thở hơi ra. Làm như vậy ít lắm cũng được 15 lần.
2. Hai tay chống nạnh, hai chân đứng thẳng, hai gót khít lại, nhón gót đứng lên chậm chậm, rồi ngồi xuống cũng chậm chậm. Làm như vậy ít nhất cũng được 15 lần.
3. Tập thở: Trong lúc hít hơi vào phổi, nẩy ngực ra trước, hai vai lên cao và lần ra phía sau. Trong lúc thở ra, hạ hai vai xuống, ngực ép vô, hít vào hay thở ra nên giữ cho điều-hòa. Tập như vậy ít lắm cũng được 15 lần.



Thiền-định là phép tu trọng-yếu của bậc Bồ-Tát, vì Bồ-Tát nương theo đại-nguyện, tu-tập vạn-hạnh cần có thắng-lực của Thiền-định để thành-tựu chơn công-đức.

Lục Ba-La-Mật Luận

CHƯƠNG 11

CÁCH-THỨC VÀO CHÙA LỄ PHẬT

Chùa là một cảnh thanh-tịnh trang-nghiêm. Khi vào chùa, dĩ-nhiên Phật-tử phải giữ tròn tâm thành và lễ-nghi. Dầu có gặp mấy kẻ giả-tu phá giới, ản-dương nương Phật, mượn Thiên-môn làm kế sanh-nhai, lợi-dưỡng thì có luật nhân-quả cảm-ứng chí-công, Phật-tử chẳng nên chấp vì lẽ đó mà quên lễ-nghi ở ngôi Tam-Bảo.

Theo phong-tục của Phật-giáo, trước khi vào lễ bái, Phật-tử xin phép Thầy Trụ-Trì ở chùa và phải bỏ giày dép ở ngoài, chớ không được vô lễ mang giày dép đến chỗ thờ phượng.

Vào Tổ-đường, đến trước bàn thờ Tổ, niệm:

Chí-tâm đánh lễ Nam-mô Tây-Thiên tứ thất, Đông-Độ nhị tam, Việt-Nam Chư Tôn Lịch-Đại Tổ-Sư Bồ-Tát Ma-ha-tát.

(Niệm 3 lần, đánh ba tiếng chuông, lễ ba lạy).

Lễ Tổ xong, đi lên Chánh-điện là chỗ thờ Phật. Nhớ phải đi theo phép “Hữu-nhiều” nghĩa là khi đi lên Chánh-điện, giữ bên tay mặt đối với Chánh-điện.

Trước Chánh-điện, niệm hương rồi khởi lễ.

1. Chí-tâm đánh lễ:

Tận hư-không, biến pháp-giới, vi-trần sát-độ trung, quá-khứ, hiện-tại, vị-lai, thập phương chư Phật, Tôn-Pháp, Hiền-Thánh Tăng Thường-trụ Tam-Bảo. O (1 lạy)

2. Chí-tâm đánh lễ:

Ta-Bà Giáo-Chủ Bốn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật. O (1 lạy)

3. Chí-tâm đánh lễ:

Tây-phương Giáo-chủ Đại-Từ Đại-Bi Tiếp-Dẫn Đạo-Sư A-Di-Đà Phật. O (1 lạy)

(Nếu muốn đọc thêm đức-hiệu của Phật và Bồ-Tát thì xem Chương 18.)

Như thế là tròn bốn-phận lễ Phật trước Chánh-điện. Nên nhớ: muốn xây lưng để xá, thì trước phải lui chân mặt, khi xây trở, phải xây theo phía tay mặt, khi xây rồi, kéo chân mặt để khít gót với chân trái.

Trong khi lạy, đứng trước hay là đứng sau cũng đều bình-đẳng cả, miễn Phật-tử giữ một lòng chơn-niệm, thành-kính và thanh-tịnh, đạo-pháp cảm-ứng giao-thông, tất-nhiên có linh-nghiệm theo chí-nguyện.

Khi có người đang lạy, không nên vô lễ đi ngang qua trước đầu người đó.

Lễ Phật ở Chánh-điện rồi, trở lại Tổ-đường cũng phải theo phép Hữu-nhiều.



CHƯƠNG 12

NÊN GHI NHỚ CÁC NGÀY VÍA TRỌNG-YẾU

Thập phương chư Phật và Bồ-Tát nhiều vô-lượng, các ngày vía kể sao cho hết. Dưới đây xin chọn mấy ngày trọng-yếu nhằm mục-đích giúp Phật-tử ghi nhớ để hành lễ cung-dưỡng.

Ngày		Vía
Ngày mùng 1	tháng giêng	vía Đức Phật Di-Lặc
Ngày rằm	tháng giêng	Lễ Thượng-nguyên
Ngày mùng 8	tháng 2	vía Đức Phật Thích-Ca (xuất-gia)
Ngày rằm	tháng 2	vía Đức Phật Thích-Ca (nhập Niết-Bàn)
Ngày 19	tháng 2	vía Đức Quán-Thế-Âm
Ngày 21	tháng 2	vía Đức Phổ-Hiền
Ngày 16	tháng 3	vía Đức Chuẩn-Đề
Ngày mùng 4	tháng 4	vía Đức Văn-Thù-Sư-Lợi
Ngày mùng 8	tháng 4	vía Đức Phật Thích-Ca (giáng-sanh)
Ngày rằm	tháng 4	vía Đức Phật Thích-Ca (giáng-sanh)
Ngày mùng 3	tháng 6	vía Đức Hộ-Pháp
Ngày 19	tháng 6	vía Đức Quán-Thế-Âm
Ngày 13	tháng 7	vía Đức Đại-Thế-Chí
Ngày rằm	tháng 7	Lễ Vu-Lan. Tăng tự-tứ. Lễ Trung-nguyên
Ngày 30	tháng 7	vía Đức Địa-Tạng
Ngày mùng 1	tháng 8	vía Đức Huệ-Viễn (Sơ-Tổ Tịnh-độ tông)
Ngày mùng 3	tháng 8	vía Đức Lục Tổ Huệ-Năng
Ngày 22	tháng 8	vía Đức Phật Nhiên-Đăng
Ngày 19	tháng 9	vía Đức Quán-Thế-Âm
Ngày 30	tháng 9	vía Đức Phật Dược-Sư Lưu-Ly-Quang
Ngày mùng 5	tháng 10	vía Đức Bồ-Đề Đạt-Ma (Sơ-Tổ Thiên-tông)
Ngày rằm	tháng 10	Lễ Hạ-nguyên
Ngày 17	tháng 11	vía Đức Phật A-Di-Đà
Ngày mùng 8	tháng chạp	vía Đức Phật Thích-Ca (thành đạo)



Phật ví như hư-không, chẳng cần chi của ai cung-dưỡng, nhưng có cảm tất có ứng, Phật-tử nhứt-tâm chí-thành hành lễ cung-dưỡng thì Phật từ-bi chứng-minh. Sự cung-dưỡng là tướng để tỏ tâm, bởi nên khi cung-dưỡng Phật, phải lấy Tâm làm căn-bổn.

Tâm-Pháp Khái-Luận

CHƯƠNG 13

CÁCH-THỨC TRƯỚC KHI HÀNH LỄ

Trước khi hành lễ, phải súc miệng rửa tay, rửa mặt, mặc áo tràng, buộc dây chân (nếu có sẵn).

_ Khi súc miệng, đọc:

“Thấu khẩu liên tâm tịnh,
Dẫn thủy bá hoa hương,
Tam nghiệp thường thanh-tịnh,
Đồng Phật vãng Tây-phương”.
Án, hám án hãn, tá-ha. (3 lần)

Súc miệng lóng lộng sạch,
Ngậm nước thơm trăm bông,
Ba nghiệp đều trong sạch,
Đồng Phật qua Tây-phương.

_ Khi rửa tay, đọc:

“Dĩ thủy quán chưởng,
Đương nguyện chúng-sanh,
Đắc thanh-tịnh thủ,
Thọ-trì Phật-pháp”.
Án, chủ ca ra da, tá-ha. (3 lần)

Lấy nước rửa tay,
Cầu cho chúng-sanh,
Đặng tay trong sạch,
Lãnh giữ pháp Phật.

_ Khi rửa mặt, đọc:

“Dĩ thủy tẩy diện,
Đương nguyện chúng-sanh,
Đắc tịnh pháp-môn,
Vĩnh vô cấu-nhiễm”.
Án lăm, tá-ha. (3 lần)

Lấy nước rửa mặt,
Cầu cho chúng-sanh,
Đặng pháp-môn sạch,
Hằng không nhớ bẩn.

_ Khi mặc áo tràng, đọc:

“Nhược trước thượng-y,
Đương-nguyện chúng-sanh,
Hoạch thắng thiện-căn,
Chí pháp bỉ-ngạn”.

Bằng mặc áo trên,
Cầu cho chúng-sanh,
Đặng căn lành tốt,
Đến pháp bờ kia.

_ Khi buộc dây chân, đọc:

“Dĩ thăng phược túc,
Đương-nguyện chúng-sanh,
Cụ-túc thân-lực,
Sở hành vô-ngại”.
Án, lam lam, tá-ha. (3 lần)

Lấy dây buộc chân,
Cầu cho chúng-sanh,
Khảm đủ sức thân,
Chỗ đi không ngại.



Biếng nhác làm hệ-lụy các hạnh. Tu-hành phải đồng-mãnh tinh-tấn.

Bồ-Tát Bổn Hạnh

CHƯƠNG 14

PHÉP THỌ-TRÌ KINH CHÚ

Kinh thuộc về *Hiển-giáo*, thành-tâm thọ-trì thì được thanh-tịnh tam nghiệp: thân, khẩu, ý; tăng-trưởng phước-tuệ, giới-đức trang-nghiêm.

Chú là chơn-ngôn, thuộc về *Mật-giáo*, có hiệu-lực phi-thường, nhứt-tâm thọ-trì thì được tiêu-tai giải-khổ, trừ-tuyệt phiền-não, đắc-nhập chánh-định, sung-mãn trí-giác.

Phật-tử quyết-chí tu-hành thì phải có công-phu thọ-trì kinh chú. Thường nhứt, Phật-tử tùy theo tư-nghiệp, sắp đặt ít lắm cũng phải có một thời đọc tụng kinh chú, cốt-yếu là lập công bồi đức, dũng-tiến đến cảnh-trí trọn lành.

Ví như định mỗi buổi tối tụng kinh A-Di-Đà thì rán giữ thọ-trì, bữa nào cũng như bữa nấy, không hề gián-đoạn, dầu có mắc việc không thể tụng kinh ở trước bàn thờ Phật được, thì phải tùy cơ-duyên dùng đủ phương-tiện tụng như thường nhứt, chớ không nên bỏ qua.

Người có thọ-trì kinh chú, chẳng khác chi nhà tối có đèn, mỗi ngày đều đốt đèn thì nhà mới sáng, chớ không phải bữa nay có, bữa mai không, hay là ví-dụ như trong một tháng, bữa đầu siêng đốt luôn 30 ngọn đèn, để cho khỏi thất công trong 29 ngày sau nhà cũng vẫn sáng thì thật là phi-lý.

Tóm tắt lại, việc thọ-trì kinh chú phải giữ cho thường-tất. Trong thời công-phu không được sân-hận, không mê-chấp, không được tư-tưởng việc thế-tục; trái lại, phải giữ cả thân, miệng và ý đều vẹn vể thanh-tịnh trang-nghiêm.



Chuyên-trì kinh-chú Phật, thật-hành chơn-hạnh Phật, chắc chắn làm được Phật.
Hộ Pháp Luận

Thà giữ tròn Chánh-đạo, dầu nghèo nàn cũng vui; chớ không chịu vô đạo, giàu sang mà khổ.

Giác Mê Luận

CHƯƠNG 15

CÁCH-THỨC ĐÁNH CHUÔNG VÀ GÕ MỖ

Khi tụng kinh, nếu không có chuông mõ, cũng được, bất chấp. Tiếng chuông tiếng mõ chẳng qua là phương-tiện trợ-duyên công-phu tu-niệm.

Khi có đồng người hiệp lại tụng kinh thì chuông mõ trở nên cần thiết, hầu giúp ích cho đại-chúng được nhất-trí đồng thanh với nhau.

Vậy khi có dùng chuông mõ, cần thật-hành cho có nghi-thức.

Luyện về cách đánh chuông thì dễ, như trong quyển kinh này, chỗ nào cần đánh chuông đều có ghi dấu O.

Khi đọc kinh, gặp chỗ có ghi dấu O thì đánh một tiếng chuông, chỗ có ghi ba dấu OOO thì đánh ba tiếng chuông.

Giữ công-phu lâu ngày thuần-thục thì thuộc lòng nghi-thức.

Luận về đánh mõ, có cách-thức thông-dụng và dễ dàng như vậy:

- _ Nhịp ba tiếng chuông, rồi câu ba tiếng mõ,
- _ Kế nhịp một tiếng chuông, câu một tiếng mõ, làm như vậy đúng ba lần,
- _ Rồi tiếp bốn tiếng mõ (hai tiếng giữa nhịp) và dứt một tiếng chuông.

Ví-dụ:

- _ Boong, boong, boong; cốc, cốc, cốc;
- _ Boong cốc, boong cốc, boong cốc;
- _ Cốc cốc-cốc cốc; boong.

Xong rồi đọc bài “Tán Lư Hương”, vừa đọc vừa đánh mõ theo nghi-thức “vô tam ra tứ”, theo như dưới đây:

Lư hương (đánh một tiếng mõ)

Sạ nhiệt (đánh một tiếng mõ)

Pháp-giới (đánh một tiếng mõ)

Giữ sáu chữ đầu, đánh thưa ba tiếng mõ như vậy gọi là “vô tam”, kế tiếp mỗi chữ đánh một tiếng mõ, giữ cho đồng đều với nhau.

Ví-dụ: môn (cốc) huân (cốc) v.v...; cứ giữ như thế cho tới câu chót trong bài kệ đó là “Nam-mô Hương-Vân-Cái Bồ-Tát Ma-ha-tát”.

Ngay chỗ “Ma-ha-tát” đánh làm bốn tiếng mõ (hai tiếng giữa nhịp).

Ví-dụ: Ma (cốc) ha (cốc-cốc) tát (cốc).

Đó gọi là “ra tứ”.

Phàm khi khởi một bài kinh hoặc một bài kệ thì đánh theo cách “vô tam”, và khi dứt một bài kinh một bài kệ thì đánh theo cách “ra tứ”, cứ dùng ba chữ chót đánh làm bốn tiếng mõ, để cho biết sẽ qua bài khác.

Nên nhớ: khi tới chỗ xướng ba lần hoặc nhiều lần danh-hiệu nào có mấy chữ “Bồ-Tát Ma-ha-tát” sau cùng thì chỉ có lần chót mới đọc “Ma-ha-tát” mà thôi.

Ví-dụ:

Nam-mô Liên-Trì Hải-Hội Phật Bồ-Tát (cốc)

Nam-mô Liên-Trì Hải-Hội Phật Bồ-Tát (cốc)

Nam-mô Liên-Trì Hải-Hội Phật Bồ-Tát (cốc)

Ma-ha-tát (cốc, cốc-cốc, cốc).

Khi niệm Phật và Tứ-Thánh đánh mõ như vậy:

Nam-mô (cốc) A (cốc) Di-Đà (cốc) Phật (cốc).

Nam-mô (cốc) Quán (cốc) Thế-Âm (cốc) Bồ-Tát (cốc).

Nam-mô (cốc) Đại (cốc) Thế-Chí (cốc) Bồ-Tát (cốc).

Nam-mô (cốc) Địa-Tạng (cốc) Vương (cốc) Bồ-Tát (cốc).

Kế niệm:

Nam-mô (cốc) Thanh-Tịnh (cốc) Đại-Hải (cốc) Chúng (cốc) Bồ-Tát (cốc); tới câu chót thêm Ma-ha-tát (cốc, cốc-cốc, cốc).

Khi tụng những bài Sám, ví-dụ như Sám thập phương thì dùng cái “đầu” hoặc cái chuông nhỏ (như cái nắp chuông xe máy) đánh đi đôi với mõ, cứ một tiếng mõ hai tiếng chuông, đánh chậm rãi, ví-dụ (cốc ... keng-keng ..., cốc... keng-keng ...).



PHẬT NGÔN

Ta là người hướng-đạo vạch sẵn con đường chơn-lý giải-thoát, các người nên tự thấp đuốc lên mà đi, mới đạt mục-đích.

CHƯƠNG 16

CÁCH-THỨC CỦA BAN HỘ-NIỆM KHI TỤNG KINH

Khi Ban Hộ-Niệm cầu nguyện cho đạo-hữu, nên nhớ mấy điều cần-yếu như sau:

1. Khi vái nguyện, nên để cho vị Trưởng Ban Hộ-Niệm có giới-đức, thay mặt chư huynh-đệ.
2. Khi cầu nguyện, tất cả Phật-tử trong Ban Hộ-Niệm phải giữ tâm thanh-tịnh và chí-thành.
Bổn-phận người đánh chuông phải nhớ kỹ chỗ nào nên đánh, chớ không phải bạ đâu đánh đó. Đầu tiên, bài “Nguyện chuông” chỉ để cho người giữ chuông đọc mà thôi.
3. Khi xướng lễ Phật, nên để cho người giữ chuông xướng lên. Chư Phật-tử hộ-niệm chỉ niệm thầm, và chớ có tiếng chuông, đồng lạ một lượt.
4. Khi khởi đầu một bài kinh, hoặc một bài kệ, hoặc một đức-hiệu Phật, Bồ-Tát, người giữ chuông phải đọc trước hai chữ đầu cho lớn tiếng để chư Phật-tử hộ-niệm hiểu biết tụng tiếp.
5. Trong lễ cúng, nên sắp phái nam đứng một bên (đứng tiếp theo người đánh chuông), phái nữ đứng một bên (đứng tiếp theo người đánh mõ), cho có trật-tự.
6. Trong lúc tụng kinh, chư Phật-tử hộ-niệm phải đợi có tiếng chuông mới cúi đầu xá một lượt, chớ không phải ai muốn xá lúc nào tùy ý.
7. Bổn-phận người đánh mõ, phải tập nhiều lần cho thuộc nghi-thức. Không nên đánh mau quá, vì đánh mau quá, câu kinh tụng không được rõ tiếng. Trong lúc tụng kinh, chư Phật-tử hộ-niệm giữ theo tiếng mõ hướng dẫn mà đọc như nhau cho hòa giọng, đừng đọc trước cũng đừng đọc sau.
8. Khi tụng kinh, nên đứng nghiêm-chỉnh, ai đứng chỗ nào thì giữ ngay chỗ đó cho có trật-tự, đầu có kinh-hành, đi xong phải đứng lại ngay chỗ cũ. Hai chân đứng thẳng, hai gót khít lại, hai đầu bàn chân dang ra, hai bàn tay giữ hiệp-chưởng, cặp mắt giữ cho chánh, không nên xây ngó tứ phía.

Có chỗ chư Phật-tử đem trẻ em theo hộ-niệm. Nhưng thường thấy trẻ em vì không tập-luyện trước, nên đứng vào trai-đàn không được trang-nghiêm,

- hoặc khi đứng chỗ này, hoặc khi đứng chỗ khác,
- hoặc đoạn kinh nào thuộc thì đọc mau, không chịu theo tiếng mõ,
- gặp đoạn kinh nào không thuộc thì đọc chậm, đọc trật hay là không đọc,
- có khi vì không hiểu nghĩa, đem đoạn kinh sau đọc ra trước, đem đoạn kinh trước đọc ra sau,
- có khi không hiệp-chưởng đàng hoàng,
- có khi đứng không ngay thẳng, mất vẻ trang-nghiêm.

Vậy khi hộ-niệm trong một trai-đàn, nếu trẻ em nào không có tập-luyện công-phu trước, thì không nên sắp vào Ban Hộ-Niệm.

Chỗ nào có đông trẻ em, cũng nên lập một Ban Nhi-Đồng Hộ-Niệm trong xóm; tập cho trẻ em theo đường đạo-đức trong thiếu-thời, đó là quý báu vô-tận.



CHƯƠNG 17

KINH CHÚ TRÌ-TỤNG

Muốn trì-tụng kinh chú, cần phải chọn lựa thứ nào có trong Tạng Kinh. Có nhiều quyển sách ngoài bìa mang danh kinh Phật, nhưng nghĩa-lý trong quyển ẩn một lối mê-tín dị-đoan, ngoại-đạo tà-giáo, khiến những người nhẹ tánh bả đầu theo đó, nghe nhầm tin càn mà lầm đường lạc hướng, thật là đáng thương hại!

Phật-tử phải sáng suốt và cẩn-thận trong việc trì-tụng kinh chú.

Các quyển Kinh Luật Luận trong đạo Phật nhiều vô số, ở Ta-bà khổ này, đầu bậc thượng-căn thượng-trí cũng chẳng bao giờ lãnh-hội hết được. Vả chẳng đọc nhiều mà không thành-tâm và còn tham sân si, tà-kiến, hiểm-độc thì không bằng đọc ít mà giữ nhưt-tâm chơn-thành, lánh dữ làm lành, tu-hành giải-thoát.

Vậy mỗi vị Phật-tử tùy theo căn-cơ, thích hợp với bộ kinh nào, cứ đó mà nghiên-cứu và tịnh-tâm trì-tụng thì nhiên-hậu chơn công-đức chắc chắn thành-tựu viên-mãn.

Tại-gia có thể trì-tụng mấy quyển kinh chú thông-dụng như dưới đây:

Các kinh: A-Di-Đà, Hồng-Danh, Vu-Lan, Phổ-Môn, Kim-Cang (nhà Phật thường gọi: bộ kinh Tam-bảo; đó là A-Di-Đà, Hồng-Danh, Vu-Lan (kể như một), Phổ-Môn và Kim-Cang). Quán Vô-Lượng-Thọ, Dược-Sư, Địa-Tạng, Viên-Giác, Lăng-Nghiêm, Lăng-Già, Bảo-Tích, Diệu-Pháp Liên-Hoa, Niết-Bàn, Di-Giáo v.v...

Các mật-chú: Lăng-Nghiêm chú, Đại-Bi chú, Thập chú, Ngũ-bộ chú, Quán-đảnh chú v.v...



CHƯƠNG 18

NGHI-THỨC TRƯỚC KHI KHAI MỞ TỤNG KINH

Đánh một tiếng chuông rồi quì đọc:

NIỆM HƯƠNG

Giới-hương, định-hương, dữ tuệ-hương,
Giải-thoát, giải-thoát, tri-kiến hương,
Quang-minh vân-đài biến pháp-giới,
Cung-dưỡng thập phương Tam-Bảo tiền.

NAM-MÔ HƯƠNG-CUNG-DUỠNG BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần)
(Đứng dậy đánh một tiếng chuông). O

Hương giới, hương định, cùng với hương tuệ,
Cái thấy biết cũng là hương giải-thoát cả,
Biến thành ánh sáng mây lành khắp pháp-giới,
Con xin cúng dường mười phương Tam-Bảo hiện-tiền.

NGUYỆN CHUÔNG

Nguyện thử chung thính siêu pháp-giới,
Thiết-vi u-ám tất giai văn,
Văn trần thanh-tịnh chứng viên-thông,
Nhứt-thiết chúng-sanh thành chánh-giác.

Nguyện cho tiếng chuông này vượt qua toàn cõi pháp-giới,
Cho đến cõi địa-ngục sắt cũng được nghe,
Nghe được thì thanh-tịnh, chứng được cảnh trí viên-thông,
Tất cả chúng-sanh đều thành Phật-đạo.

Văn chung thính, phiền-não khinh, trí-tuệ trưởng, Bồ-đề sanh, ly Địa-ngục,
xuất hỏa-khanh, nguyện thành Phật, độ chúng-sanh.

Nghe tiếng chuông, phiền-não nhẹ, trí-tuệ tăng, Bồ-đề sanh, xa lìa Địa-ngục, ra khỏi hầm lửa, nguyện
thành Phật-đạo, cứu giúp chúng-sanh.

PHÁ ĐỊA-NGỤC CHƠN-NGÔN 破地獄真言

Án, già ra đế da, ta-bà-ha. 唵伽囉帝耶娑婆訶

(Đọc mỗi lần một tiếng chuông, tất cả ba lần, ba tiếng chuông). OOO



TỊNH PHÁP-GIỚI CHƠN-NGÔN

Án lăm. (21 lần)

TỊNH KHẨU-NGHIỆP CHƠN-NGÔN

Tu rị, tu rị, ma ha tu rị, tu tu rị, ta-bà-ha. (3 lần)

TỊNH THÂN-NGHIỆP CHƠN-NGÔN

Tu đa rị, tu đa rị, tu ma rị, ta-bà-ha. (3 lần)

TỊNH TAM-NGHIỆP CHƠN-NGÔN

Án, ta phạ bà phạ, thuật đà ta phạ, đạt ma ta phạ,
bà phạ thuật độ hám. (3 lần)

AN THỔ-ĐỊA CHƠN-NGÔN

Nam-mô tam mãn đa, một đà nãm.
Án, độ rô, độ rô, địa vĩ, ta-bà-ha. (3 lần)

PHỔ CUNG-DƯỠNG CHƠN-NGÔN

Án, nga nga nãng, tam bà phạ, phiệt nhựt ra học. (3 lần)



TÁN PHẬT

Pháp-Vương vô-thượng tôn,
Tam-giới vô luân thất,
Thiên-Nhân chi Đạo-Sư,
Tứ sanh chi Từ-phụ,
Uỷ nhứt niệm qui-y,
Năng diệt tam kỳ nghiệp,
Xưng-dương nhược tán-thán,
Ức kiếp mặc nãng tận. O

Đấng pháp-vương vô-thượng,
Ba cõi chẳng ai bằng,
Thầy dạy khắp trời người,
Cha lành chung bốn loài,
Quy-y tròn một niệm,
Dứt sạch nghiệp ba kỳ,
Xưng dương cùng tán thán,
Ức kiếp không cùng tận.

QUÁN TƯỚNG

Nãng lễ, sở lễ, tánh không-tịch,
Cảm-ứng đạo giao nan tư nghị,
Ngã thử đạo-tràng như đế-châu,
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung,
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền,
Đầu diện tiếp túc qui mạng lễ. O

Phật, chúng-sanh, tánh thường rỗng lặng,
Đạo cảm thông khó nghĩ bàn,
Đạo tràng con đây như lười ngọc,
Mười phương chư Phật hiện bóng trong,
Trong thân con có sẵn Phật nay đã hiện rõ,
Đầu mặt tiếp chân quy mạng lễ.

ĐÁNH LỄ

1. Chí-tâm đánh lễ:

Tận hư-không, biến pháp-giới, vi-trần sát-độ trung, quá-khứ, hiện-tại, vị-lai, thập phương chư Phật, Tôn-Pháp, Hiền-Thánh Tăng, Thường-trụ Tam-Bảo. O (1 lạy)
(Vi-trần sát-độ trung: trong đó có vô số cõi/ thế-giới)

2. Chí-tâm đánh lễ:

Ta-Bà Giáo-Chủ Bốn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật. O (1 lạy)

3. Chí-tâm đánh lễ:

Tây-Phương Giáo-Chủ Đại-Từ Đại-Bi Tiếp-Dẫn Đạo-Sư A-Di-Đà Phật.
O (1 lạy)

Hai câu sau, có thể niệm nhiều hơn như dưới đây:

2. Chí-tâm đánh lễ:

- _ Ta-Bà Giáo-Chủ Bốn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật,
- _ Dương-Lai Hạ Sanh Di-Lặc Tôn Phật,
- _ Đại-Trí Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ-Tát,
- _ Đại-Hạnh Phổ-Hiền Bồ-Tát,
- _ Hộ-Pháp Chư Thiên Bồ-Tát,
- _ Đạo-Tràng Hội-Thượng Phật Bồ-Tát Ma-ha-tát. O (1 lạy)

3. Chí-tâm đánh lễ:

- _ Tây-Phương Giáo-Chủ Đại-Từ Đại-Bi Tiếp-Dẫn Đạo-Sư A-Di-Đà Phật,
- _ Đông-Phương Giáo-Chủ Dược-Sư Lưu-Ly-Quang Phật,
- _ Đại-Bi Quán-Thế-Âm Bồ-Tát,
- _ Đại-Lực Đại-Thế-Chí Bồ-Tát,
- _ Đại-Thánh Địa-Tạng-Vương Bồ-Tát,
- _ Thanh-Tịnh Đại-Hải Chúng Bồ-Tát Ma-ha-tát. O (1 lạy)



Bồ-Tát vui tin Phật, vui nghe pháp, vui cung-dưỡng Tăng, vui ly ngũ-dục, vui quán thân tứ-đại như độc-xà, vui giữ đạo-lý, vui nhiều-ích chúng-sanh, vui nhẫn-nhục, vui thiền-định, vui tu các công-đức, vui trang-nghiêm đạo-tràng, vui tâm thanh-tịnh.

Kinh Duy-Ma

Giới là thể của Định, Tuệ là dụng của Định. Nếu thể không vững thì dụng chẳng lấy đâu mà sanh được.

Do Giới sanh Định, do Định phát Tuệ.

Tất cả Thánh-Hiền đều do Giới mà thành Đạo giác-ngộ. Bởi nên các Thích-tử trong bầy chúng đều phải y giới mà tu-hành.

CHƯƠNG 19

PHƯƠNG-TIỆN VÁI NGUYỆN

A. Tụng kinh A-Di-Đà (hoặc toàn bộ Tam-Bảo) cầu vãng-sanh An-Lạc cho phần mình, thì vừa khi niệm hương xong, vái nguyện:

Nam-Mô A-Di-Đà Phật tác-đại chứng-minh:

Nay, ngày ... tháng ... năm ...

Tên họ ... , pháp-danh ... , niên-canh ... , cư-ngụ ...

Xin đem công-đức phúng-tụng “Phật thuyết A-Di-Đà Kinh” (hoặc Tam-Bảo Kinh) chú-nguyện cho đệ-tử:

Hiện-tiền phước-tuệ song tu, kỳ lâm-chung thời, chánh-niệm phân-minh, đắc A-Di-Đà Phật thọ-ký.

B. Tụng kinh A-Di-Đà (hoặc toàn bộ Tam-Bảo) cầu vãng-sanh cho vong-giả, thì vái nguyện:

Nam-Mô A-Di-Đà Phật tác-đại chứng-minh:

Nay, ngày ... tháng ... năm ...

Tên họ ... , pháp-danh ... , niên-canh ... , cư-ngụ ...

Xin đem công-đức phúng-tụng “Phật thuyết A-Di-Đà Kinh” (hoặc Tam-Bảo Kinh), hồi-hướng cho vong-giả:

Tên họ ... , pháp-danh ... , ngươn sanh ... , hưởng thọ ... (được mấy tuổi trong khi chết), cư-ngụ ... (chỗ ở của vong-giả trong lúc còn sống), tử ... giờ, ngày ... tháng ... năm ...

Ngưỡng nhờ Đức Phật từ-bi cứu-độ:

Nhứt-tâm qui Phật, vạn tội băng tiêu, tăng-trưởng thiện-căn, siêu-sanh Cực-Lạc. (Băng tiêu ngổa tán: băng tan ngôi vỡ. Chỉ sự đổ vỡ tiêu tan hết, không còn gì.)

C. Khi tụng kinh “Phổ-Môn” cầu an cho phần mình, thì vái nguyện:

Nam-mô Đại-Từ Đại-Bi Quán-Thế-Âm Bồ-Tát Ma-ha-tát tác-đại chứng-minh:

Nay, ngày ... tháng ... năm ...

Tên họ ... , pháp-danh ... , niên-canh ... , cư-ngụ ...

Xin đem công-đức phúng-tụng “Diệu-Pháp Liên-Hoa, Phổ-Môn phẩm” chú-nguyện cho đệ-tử:

Chư tai tiêu-diệt, tật-bệnh tiêu-trừ, đạo-thể bình-an, phước-thọ viên-mãn.

D. Khi tụng kinh “Phổ-Môn” cầu an cho người khác, thì vái nguyện:

Nam-mô Đại-Từ Đại-Bi Quán-Thế-Âm Bồ-Tát Ma-ha-tát tác-đại chứng-minh:

Nay, ngày ... tháng ... năm ...

Tên họ ... , pháp-danh ... , niên-canh ... , cư-ngụ ...

Xin đem công-đức phúng-tụng “Diệu-Pháp Liên-Hoa, Phổ-Môn phẩm” hồi-hướng cho:

Tên họ ... , pháp-danh ... , niên-canh ... , cư-ngụ ...

Ngưỡng nhờ oai-lực vô-úy cứu-độ:

Thân-tâm an-tĩnh, vĩnh vô phiền-não chi tâm, tứ tự điều-hòa, thường hữu thanh-ninh chi phước.

Ngoài ra, trong các trường-hợp vái nguyện cho thành-tựu các sở-cầu khác, thì Phật-tử cứ tùy tiện phát ngôn theo ý muốn, nhưng cần hiểu biết sáng suốt: “Sở-cầu của người tu-hành luôn luôn phải chơn-chánh”.

Đ. Cách-thức vái nguyện khi hành lễ sám-hối.

Người đời trải qua lịch-kiếp tạo-tác vọng-nghiệp các phiền-não chồng chất nặng nề, nên một khi phát nguyện tu-hành, cần cầu giải-thoát biển khổ sông mê, thì bất-luận giờ phút nào cũng phải chánh-tâm sám-hối.

Sám-hối: sám giả sám kỳ tiền-khiên, hối giả hối kỳ hậu-quá.

Sám-hối có nghĩa là ăn năn các tội lỗi về trước và chừa cải các tội lỗi về sau.

Thể theo phép Tứ Chánh-cần, Phật-tử phải giữ bốn điều:

- a) Điều ác chưa sanh, tinh-tấn ngăn ngừa đừng cho sanh.
- b) Điều ác đã sanh, tinh-tấn đoạn-trừ cho dứt tuyệt.
- c) Điều lành chưa sanh, tinh-tấn vun trồng khiến cho sanh.
- d) Điều lành đã sanh, tinh-tấn mở rộng cho phát-triển.

Nếu mỗi đêm có xét mình và hành lễ sám-hối thì công-đức bất-khả tư-nghi, nhờ đó tam chướng: phiền-não, nhân-nghiệp và quả-báo có thể diệt vong. Nhược bằng không được như vậy thì trong mỗi tháng có hai ngày 14 và 30 (tháng thiếu tính ngày 29), hành lễ sám-hối.

Nhà Phật có nhiều pháp sám-hối, đại-lược như: thuộc về lý, có pháp *Vô-sanh sám-hối*; thuộc về sự, có pháp *Thủ-tướng sám-hối*, *Tác-pháp sám-hối*, v.v... tựu-trung có pháp phổ-thông là trì-tụng *Hồng-Danh bảo-sám* để cầu sám-hối ba nghiệp: thân, khẩu, ý khắp trong ba đời, quá-khứ, hiện-tại, vị-lai.

Tụng *Hồng-Danh bảo-sám*, phải lễ đủ 108 lạy. Nên hiểu rằng: Người chơn-tu thường xét mình là phạm-phu tục-tử, tội chướng sâu dày, nên khi sám-hối đầu hành thân mình mệt nhọc cách mấy cũng chưa đền tội xứng đáng, huống chi lễ có 108 lạy (nhà Phật còn có pháp sám-hối lễ Tam Thiên Phật).

Đối Phật-tiền, lễ 108 lạy như thế có ý-nghĩa là tỏ lòng ăn năn, chừa cải tội-lỗi và cầu oai-đức chư Phật tiêu-trừ 108 món phiền-não.

Tuy nhiên sự lạy Phật cũng tùy theo sức khỏe của Hành-giả. Trong trường-hợp đau yếu, thay vì lạy, Phật-tử có thể xá cũng được, miễn giữ nhứt-tâm chí-thành sám-hối.

Sám-hối cốt-yếu ở Tâm chơn-thật cải-thiện, vì tội do Tâm sanh, dĩ-nhiên phải do Tâm diệt.

Cách vái nguyện khi hành lễ.

Niệm hương xong, tịnh-tâm vái nguyện:

Nam-mô Thập Phương Thường-Trụ Tam Thế Tam-Bảo tác-đại chứng-minh:

Nay, ngày ... tháng ... năm ...

Tên họ ... , pháp-danh ... , niên-canh ... , cư-ngụ ...

Đối trước Phật-đài, đệ-tử xin nguyện một lòng thành-thật sám-hối các tội-lỗi do tam-độc: tham, sân, si; cũng bởi ba nghiệp: thân, khẩu, ý tạo-tác; hoặc tự mình làm, hoặc dạy người làm, hoặc thấy người làm mà sanh lòng vui mừng.

Xin đem công-đức hành lễ sám-hối này, ngưỡng nhờ oai-đức Tam-Bảo từ-bi cứu-độ đệ-tử:

Viễn-ly phiền-nã, kiên-cố đạo-tâm, tinh-tấn tu-hành, viên-thành Chánh-giác.



CHƯƠNG 20

CÁCH-THỨC CUNG-DƯỠNG

Chư Phật, Bồ-Tát, Duyên-Giác, Thinh-Văn là các gương mẫu tu-hành chánh-đại quang-minh, tự-tại giải-thoát và đã từng khai-ngộ chúng-sanh tiến-bộ sáng suốt.

Phật-tử thường sắm lễ vật dâng cúng gọi là hành lễ cung-dưỡng. Những lễ vật cung-dưỡng nên dùng nhang trầm, đèn sáp, hoa quả, tịnh-thủy, tuy nhiên món lễ vật cần thiết và quý báu hơn hết là *Tâm thành*.

Khi hành lễ cung-dưỡng, sửa soạn các món lễ vật cho tinh-khiết, sắp đặt có thứ-tự trên bàn thờ.

Ví như: Ở giữa phía trong bàn thờ: đứng ngoài góc vô, sắp hoa bên tay phải, quả bên tay trái, tịnh-thủy ngay chính giữa. Cận phía trước bàn thờ nhang thấp ở giữa, đèn sáp đốt hai bên (như dùng đèn điện thì miễn đèn sáp).

Sắp đặt lễ vật trang-nghiêm xong, tụng:

“NGHI-THỨC CUNG-DƯỠNG”



Các pháp đều do Tâm sanh, Tâm không chỗ sanh thì pháp chẳng lấy đâu mà trụ được.

Phật-giáo dùng Từ-bi làm căn-bổn, phương-tiện làm pháp-môn.
Người tu chơn-chánh phải biết đem ánh sáng quán-sát ở Tâm, Tâm tự biết thì lý tự đạt, lý đạt thì đạo dễ hành, nhiên-hậu chứng được phước-quả tự-tại an-lạc.

CHƯƠNG 21

CHƠN XUẤT-GIA

Từ xưa đến nay, bất-luận trong thời-đại nào, các giới ở xã-hội đều có chơn có giả.

Riêng trong nhà Phật, nếu xuất-gia đúng theo mục-đích chuyển mê khai ngộ, cầu thoát tam-giới thì có chi phải nói giả nói chơn, nhưng vì có danh “giả” nên phải có danh “chơn” đối-chiếu.

Chơn xuất-gia thuộc về chánh-giáo, giả xuất-gia thuộc về tà-thuyết.

Xin lược-giải vài điều thiết-yếu hầu giúp ích vạn-nhứt cho những vị có thiện-chí xuất-gia tu-hành, cần cầu giải-thoát biển khổ sông mê.

Khi Phật-tử hoàn-toàn hiểu thấu thế nào là chơn xuất-gia, tất-nhiên sáng suốt nhận-thức thế nào là giả xuất-gia.

Trong việc tu-hành, mỗi người đều có căn-trí riêng và tùy theo căn-trí đó mà trạch pháp. Nếu liệu căn-trí của mình không thể tu được hạnh xuất-gia thì tu hạnh tại-gia, không nên giả xuất-gia mà bị thoái-hóa, trầm-luân thống-khổ.

Nếu xuất-gia chỉ bằng hình-thức bề ngoài,
- lời nói và việc làm không đi đôi, lòng và miệng trái nghịch lẫn nhau,
- cống cao ngã-mạn, tự-phụ kiêu-căng,
- khinh thường giới-luật, tham danh vụ-lợi,
- phỉ-báng các bậc chơn-tu, thanh-tịnh giới-đức,
- mượn cửa từ-bi làm nơi sanh-kế,
- bày các mưu-chước lạm-dụng của thập phương đàn-việt,
- giấu diếm của Tam-Bảo để lập nghiệp cá-nhân, bảo-dưỡng gia-đình,
- gọi là “**xuất-gia nhi tại-gia**”,
- thân tuy ở chùa nhưng lòng trần chưa rửa sạch, không tuân giới-pháp,
- ái-dục nặng nề, đa-mang vọng-tưởng hôn-mê, thì chiếu luật nhân-quả chí-công, cơ thâm họa diệc thâm, tự mình chiêu lấy ác-nghiệp sa-đọa. Đó là hạng giả xuất-gia, dối thế.

Kinh “Vị-Tăng-Hữu Thuyết Nhân-Duyên” có giảng tích năm vị ác-sư lười biếng chuyên làm việc xảo-ngụy, huyền-hoặc, đem lòng tà-trược lạm-dụng của thập phương Thiện-tín cung-dưỡng mà phải chịu:

- quả Địa-ngục trong 8 ngàn ức kiếp,
- quả Nga-quỷ trong 8 ngàn kiếp,
- và quả Súc-sanh trong 8 ngàn đời,
- mới trở lại làm người, nhưng các căn ám-độn,

- trai không phải trai, gái không phải gái,
- hầu hạ chủ-nhân trong 8 ngàn đời nữa,
- để đền trả cho hết nợ tiền-oan, thật là vô cùng thảm khổ!

Tích xưa răn người tu tỉnh, nhưt là một khi quyết-chí xuất-gia tu-hành thì:

- lẽ tự-nhiên “oan-gia nghi giải bất nghi kết”,
- nghiệp phiền-não phải dũng-mãnh tiêu-diệt, đừng tạo thêm,
- nợ trần-tục phải tinh-tấn đoạn-trừ, đừng vay nữa.

Đức Phật có dạy bảo các Thầy Tỳ-khưu: “Thà tự cắt lấy thịt mình để nuôi sống, không nên đem tà-tâm thọ của người cúng thí”.

Y ca-sa có danh-nghĩa cao-siêu tuyệt-đối là “phá-sắc, phước-diễn, cát-triệt, giải-thoát” đối với bậc chơn xuất-gia và cũng là cái niền sắt vô cùng nghiêm-khắc đối với kẻ giả xuất-gia.

- Phật-tử nào, trong thời-gian tu tại-gia,
- chánh-tín hành đạo,
 - trưởng-trai tuyệt-dục,
 - thông hiểu giáo-lý,
 - cư trần bất nhiễm trần,
 - ở chỗ phiền-não mà tâm hằng thanh-tịnh,
 - cầu đạo giải-thoát,
 - nuôi thiện-chí xuất-gia,
 - gọi là “**tại-gia nhi xuất-gia**”.

Trong thời-gian đó chuyên sửa mình trong sạch, tu-tập nhĩn-nhục, thật-hành tám món chánh-đạo:

1. Chánh tri-kiến,
 2. Chánh tư-đuy,
 3. Chánh-ngữ,
 4. Chánh-nghiệp,
 5. Chánh-mạng,
 6. Chánh tinh-tấn,
 7. Chánh-niệm,
 8. Chánh-định,
- quen sống một cuộc đời bình-dị đơn-giản, an-phận thủ-thường,
 - mặc áo quần toàn bằng vải hoại-sắc,
 - cho đến việc hút thuốc, ăn trầu cũng không,
 - sắp đặt một nền tảng kinh-tế tự-túc để nuôi sống trong thời-kỳ xuất-gia.

Khi xuất-gia được, trong thời-kỳ ấy chuyên tu giải-thoát, tùy cơ-duyên đem Phật-pháp từ-bi ứng-dụng cho đời cải ác vi thiện, vừa tự-giác vừa giác-tha, nhưng không thọ của bá-tánh đàn-na, như thế thật là quý báu vô-biên!

Tuy nhiên dầu không có đủ kinh-tế tự-túc, xuất-gia cũng được cao-thượng, vì người xuất-gia tu-hành chơn-chánh có sự-nghiệp hoằng-pháp lợi-sanh, công-đức vô-lượng, đủ quyền thọ-hưởng tứ-sự cung-dưỡng:

1. Âm-thực,
2. Y-phục,
3. Ngọa-cụ,
4. Y-dược, để trông phước-điền cho thập phương Thiện-tín.

Ngoài bốn món kể trên, ở chùa tiền cửa có dư đều thuộc về Thường-trụ Tam-Bảo, chỉ dùng tu-bổ ngôi Phật-Pháp, thật-hành Phật-sự cần-ích chung cho chúng-sanh; tuyệt-nhiên người xuất-gia không nên âm thầm cất giấu tiền của riêng cho mình lợi-dưỡng, hoặc cung-cấp cho quyến-thuộc mà hủy-phạm giới-luật, mang lấy trọng-tội.

Phàm xuất-gia tu-hành thì nhứt-thiết đều phải tuân theo giới-luật, nếu liệu mình gìn giữ không kham, thà đừng làm còn hơn là chấp-trì bất-cẩn mà tự vong kỳ-thân.

Xuất-gia vốn là đại-hạnh giải-thoát. Nếu ai có chí-nguyện cầu pháp-môn giải-thoát tất phải xuất-gia tu-hành mới đạt mục-đích cao cả.

Soi gương Đức Từ-phụ Thích-Ca Mâu-Ni, khi nhàm chán trạng huống “sanh lão bệnh tử”, đoạn-tuyệt ngai vàng điện ngọc, danh-vọng oai-quyền, xuất-gia tu-hành để tự giải-thoát và giải-thoát sanh-linh.

Mười phương chư Phật, vô-lượng Bồ-Tát, Duyên-Giác, Thịnh-Văn, Liệt-Tổ: từ Đức Ma-Ha Ca-Điếp đến Đức Huệ-Năng, tâm-tâm tương-ấn, Tổ-Tổ tương-truyền, tất cả 33 vị, gọi là Tây-Thiên tứ-thất Đông-Độ nhị-tam Lịch-Đại Tổ-Sư, gia-đĩ tự cổ chí kim, các bậc Cao-Tăng đều do đại-hạnh xuất-gia mà chứng quả Chơn-Thường, tự-tại giải-thoát.

Thế nào gọi là xuất-gia?

_ Xuất là ra, gia là nhà, xuất-gia nghĩa là ra khỏi nhà; nhưng nếu luận theo nghĩa đen, xuất-gia chỉ ra khỏi gia-đình thì chưa phải là đủ, vì có những người đi học-hành, đi mua bán, ngộ cảnh xa nhà, trường-hợp như thế không làm sao có đủ căn-bổn cụ-túc giới và 3 ngàn oai-nghi, 8 vạn tế-hạnh của Thiên-tông.

Xuất-gia có hai nghĩa:

1. Từ-thân cát-ái, bỏ tục vào đạo, cạo tóc, nhuộm áo, tức là ra khỏi nhà thế-gian.
2. Đoạn-trừ vọng-hoặc, ngũ-ấm, dứt sạch nghiệp-chướng, phiền-nã, tu-chứng vô-sanh pháp-nhãn tức là ra khỏi nhà tam-giới.

Phái xuất-gia chơn-chánh có năm chúng:

1. Học-giới-ni.
2. Sa-di.
3. Sa-di-ni.
4. Tỳ-khưu.
5. Tỳ-khưu-ni.

Phàm xuất-gia thì phải:

- hoàn-toàn ly-gia cát-ái,
- trưởng-traì tuyệt-dục,
- nương nhờ các bậc Thanh-Tịnh Tăng thông hiểu kinh-luật, quán căn dạy bảo các nguyên-tắc tu-hành chơn-chánh và sáng suốt, nhất là giới-luật trang-nghiêm để thọ-trì.

Xuất-gia đầu tiên phải thọ-trì giới Sa-di, rồi tuần-tự thọ-trì giới cụ-túc.

_ Giới Sa-di gồm có 10 điều răn cấm, lược-giải dưới đây:

1. Cấm sát-sanh,
2. Cấm trộm cắp,
3. Cấm tuyệt dâm-dục,
4. Cấm nói vọng,
5. Cấm uống rượu (cấm hút á-phiện),
6. Cấm đeo hoa thơm và thoa dầu thơm,
7. Cấm đờn ca và xem nghe đờn ca,
8. Cấm ngồi giường cao, rộng, lớn,
9. Cấm ăn quá Ngọ,
10. Cấm cất giữ vàng bạc và các món báu.

_ Giới cụ-túc do Đức Thích-Ca khi ở tại vườn Lộc-Uyển, vì bậc Nhị-thừa chế ra, đại-cương có:

- 4 giới ba-la-di,
 - 13 giới hữu-dư,
 - 2 giới bất-định,
 - 30 giới xả-đọa,
 - 90 giới ba-dật-đề,
 - 4 giới hương-bỉ-hối,
 - 100 giới chúng-học,
 - 7 giới diệt-tránh,
- cộng thành 250 giới.

_ Ngoài ra xuất-gia có thể tùy tâm thọ thêm Đại-thừa Bồ-Tát giới tức là 10 điều trọng-giới và 48 điều khinh-giới, hoặc Đại-thừa Tam Tự Tịnh giới tức là:

1. Nhiếp luật-nghi.
2. Nhiếp thiện-pháp.
3. Nhiếp chúng-sanh.

Phàm thọ giới, phải cầu bậc Hòa-Thượng Minh-Sư có giới-đức thanh-tịnh để thọ giới-pháp.

Giới-đàn tức là Trưởng-kỳ phải lập đủ Thập Sư toàn bậc Thanh-Tịnh Tăng:

- một Thầy Đường-Đầu Truyền-Giới Hòa-Thượng,
- một Thầy Yết-Ma,

- một Thầy Giáo-Thọ và
- bảy Thầy Tôn-Chứng.

“Hòa-Thượng” nghĩa là có đạo-lực và đức-độ thanh-tịnh sáng suốt khiến sanh trí-tuệ cho đệ-tử.

“Yết-Ma” nghĩa là làm được các pháp và biện được các sự truyền-giới.

“Giáo-Thọ” nghĩa là dạy bảo các phép tắc oai-nghi cho giới-tử.

“Tôn-chứng” nghĩa là hộ-đàn làm chứng cho giới-tử thọ giới.

Như địa-phương nào có ít Thanh-Tịnh Tăng thì giới-đàn giảm lại trong số bảy Thầy Tôn-Chứng còn hai Thầy cũng được, tức là chỉ có Ngũ Sư.

Giới-đàn là đạo-tràng thanh-tịnh cần có thể-thống trang-nghiêm, dĩ-nhiên Thầy truyền-giới phải là bậc Thanh-Tịnh Tăng trì giới-luật trang-nghiêm mới thành-tựu giới-pháp.

Trái lại, nếu vị sư phá giới mà dám truyền-giới gọi là vọng-truyền, còn giới-tử nào thọ giới cùng vị sư phá giới gọi là vọng-thọ; vọng-truyền và vọng-thọ đều phạm tội, như thế thì bất-hợp-pháp.

Thọ giới xuất-gia là việc trọng-đại, Phật-tử phải hết sức cẩn-thận, vì sau khi thọ giới rồi, suốt đời phải giữ tròn giới-luật, không được viển cố chi mà phá giới.

Xưa, trước khi nhập Niết-Bàn, Đức Thích-Ca ân-cần di-chức các đệ-tử: “Tu hành phải lấy giới-luật làm Thầy”.

Giới-luật có trụ được lâu dài thì Phật-Pháp mới được trường-cửu.

Hai chúng tại-gia: Nam cư-sĩ, Nữ cư-sĩ còn phải nhứt-tâm trì-giới, hướng chi năm chúng xuất-gia lại càng phải nghiêm-trì giới-pháp.

Vả chẳng xuất-gia tu-hành, làm gương mẫu cho tín-đồ thì phải nghiêm-trì giới-luật, đứng vào bậc Thanh-Tịnh Tăng Mô-Phạm.

Phật đã nhập-diệt, Pháp thì vô-tình, trách-nhiệm thừa-đương Phật-Pháp phải nương nhờ Tăng.

Kinh Hoa-Nghiêm có dạy: “Cụ-túc thọ-trì oai-nghi giới-pháp, năng khiến Tam-Bảo trường-tồn tức là không bao giờ mất”.

Tuy vậy chỗ sở-tồn của Tăng phải hoàn-toàn căn-cứ ở giới-luật; nếu không giữ giới-luật thì Tăng bất-thành, vì phần tự-độ chưa xong, còn mong chi đến việc độ-tha.

Cổ-nhân có nói: “Chớ gọi xuất-gia là việc dễ làm, xuất-gia phải nhờ có đại-căn ở vô-lượng kiếp trước đã từng trồng sâu hột giống Bồ-đề”.

Đức Phật có dạy: “Xuất-gia chẳng phải ra khỏi nhà thế-tục là đủ mà phải tu-hành chơn-chánh và sáng suốt cho ra khỏi nhà “tham, sân, si, nghi, mạn, chấp”, ra khỏi nhà phiền-nã, ra khỏi nhà tam-giới (Dục-giới, Sắc-giới và Vô-sắc-giới)”.

Bởi nên chỗ sở-hành của bậc chơn xuất-gia đại-khái gồm có:

– *Về phần tự-giác:*

- nghiêm-tịnh luật-nghi,
- chuyên tu Giới Định Tuệ,
- đầy đủ nghị-lực hàng-phục ma-chướng,
- hoàn-bị thiện-chí thoát-tục siêu-phàm.

– *Về phần giác-tha:*

- thể theo hoài-bảo xuất-thế độ-sanh của chư Phật và mảnh gương tích-cực hoàng-pháp của Lịch-Đại Tổ-Sư,
- vận-dụng từ-bi chi đức, dĩ vô-lượng phương-tiện nhiều-ích chúng-sanh.

Tóm tắt lại, xuất-gia cốt yếu là:

- tu giải-thoát,
- trụ tại điện Phật, trì ấn-lịnh Phật,
- suốt đời cúng-tập phụng-sự Chánh-pháp Như-Lai,
- phổ-biến giáo-lý giải-mê cứu-khổ lợi lạc cho vũ-trụ nhân-sanh,
- thì tuy thân ở thế-gian ngũ-trược, nhưng tâm thông đạt tứ-đức “Thường Lạc Ngã Tĩnh” của cảnh-trí Niết-Bàn,
- gọi là “**xuất-gia nhi xuất-gia**”.

Xuất-gia như vậy khế-hiệp với tinh-thần đại-hùng đại-lực đại từ-bi của Vô-thượng Giác-đạo.



CHUÔNG CHÙA TỈNH TÂM

“Boong-boong” thanh-thoát tiếng ngân xa,
Thức tỉnh sanh-linh giữa ái-hà.
Biển khổ minh mông đầy sóng bọt,
Bồ-đề chí-diệu diệt oan-gia.
Chày kinh anh-dũng tiêu phiền-não,
Vang giọng thâm-trâm giải ấ-ma.
Mộng-ảo trần-gian đành đổ vỡ,
Một lòng hành đạo, chẳng sai ngoa.

CHƠN-ĐỨC THIÊN-VIỆN

THỜI KINH A-DI-ĐÀ

TÁN LỬ HƯƠNG

爐香讚

Lử hương sạ nhiệt,
Pháp-giới môn huân,
Chư Phật hải hội tất diêu văn,
Tùy xú kết tường vân,
Thành ý phương ân,
Chư Phật hiện toàn thân. O

爐香乍熱
法界蒙薰
諸佛海會悉遙聞
隨處結祥雲
誠意方殷
諸佛現全身

Lử hương vừa mới đốt,
Khắp pháp-giới thơm lừng,
Chư Phật nơi hải hội đều xa hay,
Mây lành tùy xú hiện,
Lòng thành mới ân cần,
Chư Phật hiện toàn thân.

Dịch theo lối lục bát:

Lử hương vừa ngún chiêm-đàn,
Khói thơm ngào ngạt muôn ngàn cõi xa,
Lòng con kính-ngưỡng thiết-tha,
Ngửa mong chư Phật thương mà chứng-minh.

NAM-MÔ HƯƠNG-VÂN-CÁI BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) O
NAM-MÔ BỔN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT. (3 lần) O

KHAI KINH KỆ

開經偈

Vô-thượng thậm-thâm vi-diệu pháp,
Bá thiên vạn kiếp nan tao-ngộ,
Ngã kim kiến văn đắc thọ-trì,
Nguyện giải Như-Lai chơn-thật nghĩa. O

無上甚深微妙法
百千萬劫難遭遇
我今見聞得受持
願解如來真實義

Phật-pháp cao sâu rất nhiệm mầu,
Trăm nghìn muôn kiếp khó tìm cầu,
Con nay nghe thấy chuyên trì tụng,
Nguyện hiểu nghĩa chơn thiệt của Như-Lai.

DỊCH GIẢI:

Chánh-pháp Như-Lai nhiệm mầu sâu xa không gì hơn được.
Dù trải qua trăm ngàn muôn kiếp tìm cầu cũng không dễ gặp.
Nay con đã nhận được kinh điển đại-thừa ... này để tu-tập hành-trì.
Nguyện khai mở trí-tuệ để thấu hiểu nghĩa-lý sâu xa chân-thật trong từng lời thuyết giảng của Đức Như-Lai.

ĐẠI BI CHÚ

NAM-MÔ ĐẠI-BI HỘI-THƯỢNG PHẬT BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) O

THIÊN-THỦ THIÊN-NHÂN VÔ-NGẠI ĐẠI-BI TÂM ĐÀ-RA-NI

1. Nam-mô hắc ra đát na đa ra dạ da.
2. Nam-mô a rị da.
3. Bà lô yết đế thước bát ra da.
4. Bồ-đề tát đỏa bà da.
5. Ma-ha tát đỏa bà da.
6. Ma-ha ca lô ni ca da.
7. Án.
8. Tát bàn ra phạt duệ.
9. Số đát na đát tả.
10. Nam-mô tất kiết lật đỏa y mông a rị da.
11. Bà lô kiết đế thất Phật ra lăng đà bà.
12. Nam-mô na ra cẩn trì.
13. Hê rị ma-ha bàn đa sa mế.
14. Tát bà a tha đâu du bằng.
15. A thệ dụng.
16. Tát bà tát đa “na ma bà tát đa”.
17. Na ma bà già.
18. Ma phạt đặc đâu.
19. Đát diệt tha.
20. Án, a bà lô hê.
21. Lô ca đế.
22. Ca ra đế.
23. Di hê rị.
24. Ma-ha bồ-đề tát đỏa.
25. Tát bà tát bà.
26. Ma ra ma ra.
27. Ma hê ma hê rị đà dụng.
28. Cu lô cu lô yết mông.
29. Độ lô độ lô phạt xà da đế.
30. Ma-ha phạt xà da đế.
31. Đà ra đà ra.
32. Đa rị ni.
33. Thất Phật ra da.
34. Giá ra giá ra.
35. Mạ mạ phạt ma ra.
36. Mục đế lệ y hê di hê.
37. Thất na thất na.
38. A ra sâm Phật ra xá ly.

39. Phạt sa phạt sâm.
40. Phạt ra xá da.
41. Hô lô hô lô ma ra.
42. Hô lô hô lô hê rị.
43. Ta ra ta ra.
44. Tất rị tất rị.
45. Tô lô tô lô.
46. Bô-đề dạ bô-đề dạ.
47. Bô-đà dạ bô-đà dạ.
48. Di đế rị dạ.
49. Na ra cần trì.
50. Địa rị sắc ni na.
51. Ba dạ ma na.
52. Ta-bà-ha.
53. Tất đà dạ.
54. Ta-bà-ha.
55. Ma-ha tất đà dạ.
56. Ta-bà-ha.
57. Tất đà dũ nghệ.
58. Thất bàn ra dạ.
59. Ta-bà-ha.
60. Na ra cần trì.
61. Ta-bà-ha.
62. Ma ra na ra.
63. Ta-bà-ha.
64. Tất ra tăng a mục khô da.
65. Ta-bà-ha.
66. Ta-bà ma-ha a tất đà dạ.
67. Ta-bà-ha.
68. Giả kiết ra a tất đà dạ.
69. Ta-bà-ha.
70. Ba đà ma yết tất đà dạ.
71. Ta-bà-ha.
72. Na ra cần trì bàn già ra dạ.
73. Ta-bà-ha.
74. Ma bà rị thắng yết ra dạ.
75. Ta-bà-ha.
76. Nam-mô hắc ra đát na đa ra dạ da.
77. Nam-mô a rị da.
78. Bà lô kiết đế.
79. Thước bàn ra dạ.
80. Ta-bà-ha.
81. “Án, tất điện đô.
82. Mạn đa ra.
83. Bạt đà dạ.
84. Ta-bà-ha”. (3 lần) O

**NAM-MÔ LIÊN-TRÌ HẢI-HỘI PHẬT BỒ-TÁT
MA-HA-TÁT. (3 lần) O**

PHẬT THUYẾT A-DI-ĐÀ KINH

Hán dịch: Dao Tần Tam-Tạng Pháp-Sư Cưu-Ma-La-Thập

Âm	Nghĩa
Như-thị ngã văn: O _ Nhứt thời Phật tại Xá-Vệ quốc, Kỳ-Thọ Cấp-Cô-Độc viên, dĩ đại Tỳ-khưu tăng, thiên nhị bá ngũ thập nhân câu, giai thị đại A-La-Hán, chúng sở tri thức:	Như vậy tôi nghe: _ Một thuở nọ, Phật ở nước Xá-Vệ, vườn Kỳ-Thọ Cấp-Cô-Độc, cùng với đại Tỳ-khưu, một nghìn hai trăm năm mươi vị cùng ở chung, đều là bậc đại A-La-Hán, mọi người đều biết đến.
- Trưởng-lão Xá-Lợi-Phất, - Ma-ha Mục-Kiền-Liên, - Ma-ha Ca-Diếp, - Ma-ha Ca-Chiên-Diên, - Ma-ha Câu-Hy-La, - Ly-Bà-Đa, - Châu-Lợi Bàn-Đà-Già, - Nan-Đà, - A-Nan-Đà, - La-Hầu-La, - Kiều-Phạm-Ba-Đề, - Tân-Đầu-Lô-Phả-La-Đọa, - Ca-Lưu-Đà-Di, - Ma-ha Kiếp-Tân-Na, - Bạc-Câu-La, - A-Nậu-Lâu-Đà, như-thị đẳng chư đại đệ-tử.	Đó là: - Trưởng-lão Xá-Lợi-Phất, - Ma-ha Mục-Kiền-Liên, - Ma-ha Ca-Diếp, - Ma-ha Ca-Chiên-Diên, - Ma-ha Câu-Hy-La, - Ly-Bà-Đa, - Châu-Lợi Bàn-Đà-Già, - Nan-Đà, - A-Nan-Đà, - La-Hầu-La, - Kiều-Phạm-Ba-Đề, - Tân-Đầu-Lô-Phả-La-Đọa, - Ca-Lưu-Đà-Di, - Ma-ha Kiếp-Tân-Na, - Bạc-Câu-La, - A-Nậu-Lâu-Đà, và các vị đại đệ-tử như thế.
Tinh chư Bồ-Tát Ma-ha-tát: - Văn-Thù-Sư-Lợi Pháp-Vương-Tử, - A-Dật-Đa Bồ-Tát, - Càn-Đà-Ha-Đề Bồ-Tát, - Thường-Tinh-Tấn Bồ-Tát, - dĩ như-thị đẳng chư đại Bồ-Tát, cập Thích-Đề-Hoàn-Nhân đẳng, vô-lượng chư thiên, đại-chúng câu.	Lại có các vị đại Bồ-Tát như: - Pháp-Vương-Tử Văn-Thù-Sư-Lợi, - A-Dật-Đa Bồ-Tát, - Càn-Đà-Ha-Đề Bồ-Tát, - Thường-Tinh-Tấn Bồ-Tát, - và các vị đại Bồ-Tát như thế, cùng với vua cõi trời có lòng nhân-tử là Đế-Thích và vô-số chư thiên, đại-chúng đồng quy-tụ.
Nhĩ thời, Phật cáo Trưởng-lão Xá-Lợi-Phất: O _ “Tùng thị Tây-phương quá thập vạn ức Phật-độ, hữu thế-giới danh viết	Bấy giờ, Phật bảo Trưởng-lão Xá-Lợi-Phất: _ “Từ đây qua phương Tây cách mười vạn ức cõi Phật, có một thế-giới tên là

<p>Cực-Lạc, kỳ độ hữu Phật, hiệu A-Di-Đà, kim hiện-tại thuyết-pháp.</p> <p>_ Xá-Lợi-Phất! Bỉ độ hà cố danh vi Cực-Lạc?</p> <p>_ Kỳ quốc chúng-sanh, vô hữu chúng khổ, đăn thọ chư lạc, cố danh Cực-Lạc.</p>	<p>Cực-Lạc, ở cõi ấy có Phật, hiệu là A-Di-Đà, hiện nay đang thuyết-pháp ở đó.</p> <p>_ Xá-Lợi-Phất! Vì sao gọi cõi ấy tên là Cực-Lạc?</p> <p>_ Vì chúng-sanh của cõi ấy, không có các khổ não, chỉ hưởng những điều vui sướng, cho nên gọi là Cực-Lạc.</p>
<p>_ Hựu Xá-Lợi-Phất! Cực-Lạc quốc-độ, thất trùng lan thuẩn, thất trùng la võng, thất trùng hàng thọ, giai thị tứ bảo, châu táp vi nhiều.</p> <p>_ Thị cố bỉ quốc danh vi Cực-Lạc.</p>	<p>_ Lại này Xá-Lợi-Phất! Cõi nước Cực-Lạc, có bảy lớp lan thuẩn, bảy lớp lưới giăng và bảy lớp hàng cây, đều bằng bốn thứ báu, vây quanh giáp vòng.</p> <p>_ Cho nên nước ấy tên là Cực-Lạc.</p>
<p>_ Hựu Xá-Lợi-Phất! Cực-lạc quốc-độ, hữu thất bảo trì, bát công-đức thủy, sung-mãn kỳ trung.</p> <p>_ Trì để thuần dĩ kim sa bố địa.</p> <p>_ Tứ biên giai đạo, kim, ngân, lưu-ly, pha-lê hiệp thành.</p> <p>_ Thượng hữu lâu các, diệp dĩ kim, ngân, lưu-ly, pha-lê, xa-cừ, xích-châu, mã-não nhi nghiêm sức chi.</p> <p>_ Trì trung liên-hoa đại như xa luân,</p> <p>- thanh sắc thanh quang, - huỳnh sắc huỳnh quang, - xích sắc xích quang, - bạch sắc bạch quang, - vi-diệu hương khiết.</p> <p>_ Xá-Lợi-Phất! Cực-Lạc quốc-độ thành-tựu như-thị công-đức trang-nghiêm.</p>	<p>_ Lại này Xá-Lợi-Phất! Cõi nước Cực-Lạc, có ao bảy báu, nước tám công-đức, tràn đầy trong đó.</p> <p>_ Đáy ao toàn trải cát bằng vàng.</p> <p>_ Thêm đường bốn phía do vàng, bạc, lưu-ly, pha-lê hợp thành.</p> <p>_ Bên trên có lầu gác, cũng dùng đủ loại vàng, bạc, lưu-ly, pha-lê, xa-cừ, xích-châu, mã-não để trang-sức.</p> <p>_ Trong ao có hoa sen lớn như bánh xe, - màu xanh có ánh sáng xanh, - màu vàng có ánh sáng vàng, - màu đỏ có ánh sáng đỏ, - màu trắng có ánh sáng trắng, - thơm ngát vi-diệu.</p> <p>_ Xá-Lợi-Phất! Cõi nước Cực-Lạc thành-tựu công-đức trang-nghiêm như thế.</p>
<p>_ Hựu Xá-Lợi-Phất! Bỉ Phật quốc-độ, thường tác thiên-nhạc, huỳnh-kim vi địa, trú dạ lục thời, vũ thiên Mạn-đà-la hoa.</p> <p>_ Kỳ độ chúng-sanh, thường dĩ thanh đản, các dĩ y kích, thanh chúng diệu-hoa, cung-duỡng tha phương thập vạn ức Phật, tức dĩ thực thời, hoàn đáo bổn quốc, phạn thực kinh-hành.</p> <p>_ Xá-Lợi-Phất! Cực-lạc quốc-độ thành-tựu như-thị công-đức trang-nghiêm.</p>	<p>_ Lại này Xá-Lợi-Phất! Cõi nước Phật kia, thường thổi nhạc trời, vàng ròng làm đất, ngày đêm sáu thời, mưa hoa Mạn-đà-la cõi trời.</p> <p>_ Chúng-sanh ở cõi ấy, cứ mỗi sáng sớm, thường dùng dây y, đựng các hoa quý, đem cung-duỡng mười vạn ức Phật ở phương khác, vừa đến giờ ăn, trở về nước mình, ăn cơm kinh-hành.</p> <p>_ Xá-Lợi-Phất! Cõi nước Cực-Lạc thành-tựu công-đức trang-nghiêm như thế.</p>

<p>_ Phục thứ Xá-Lợi-Phất! Bỉ quốc thường hữu chủng chủng kỳ-diệu tạp sắc chi diệu: Bạch-hạc, khổng-tước, anh-võ, xá-lợi, ca-lăng-tần-già, cộng-mạng chi diệu.</p> <p>_ Thị chư chúng diệu, trú dạ lục thời, xuất hòa-nhã âm.</p> <p>_ Kỳ âm diễn xướng: Ngũ-căn, ngũ-lực, thất bồ-đề-phần, bát Thánh-đạo phần, như-thị đẳng pháp.</p> <p>_ Kỳ độ chúng-sanh, văn thị âm dĩ, giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. O</p>	<p>_ Lại nữa Xá-Lợi-Phất! Cõi ấy thường có các loài chim màu sắc kỳ-diệu như: Bạch-hạc, khổng-tước, anh-võ, xá-lợi, ca-lăng-tần-già, cộng-mạng.</p> <p>_ Những thú chim này, ngày đêm sáu thời, hót lên tiếng hòa-nhã.</p> <p>_ Tiếng ấy diễn xướng: Năm căn, năm lực, bảy bồ-đề phần, tám Thánh-đạo phần, các pháp như thế ấy.</p> <p>_ Chúng-sanh ở nước kia, nghe âm-thanh này rồi, thấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.</p>
<p>_ Xá-Lợi-Phất! Nhữ vật vị thủ diệu thiệt thị tội báo sở sanh.</p> <p>_ Sở dĩ giả hà? Bỉ Phật quốc-độ, vô tam ác đạo.</p> <p>_ Xá-Lợi-Phất! Kỳ Phật quốc-độ, thượng vô ác đạo chi danh, hà hưởng hữu thiệt.</p> <p>_ Thị chư chúng diệu, giai thị A-Di-Đà Phật, dục linh pháp-âm tuyên lưu, biến-hóa sở tác.</p>	<p>_ Xá-Lợi-Phất! Chớ cho rằng chim này thiệt là do tội báo sanh ra.</p> <p>_ Tại sao thế? Vì cõi nước của Phật kia, không có ba đường ác.</p> <p>_ Xá-Lợi-Phất! Cõi nước của Phật ấy, đến tên gọi của ác đạo còn không có, huống chi là có thật.</p> <p>_ Các loài chim ấy, đều là do Phật A-Di-Đà, muốn cho tiếng pháp-âm truyền khắp, mà biến-hóa ra như thế.</p>
<p>_ Xá-Lợi-Phất! Bỉ Phật quốc-độ, vi phong xuy động, chư bảo hàng thọ, cập bảo la võng, xuất vi-diệu âm, thí như bá thiên chủng nhạc đồng thời câu tác.</p> <p>_ Văn thị âm giả, tự-nhiên giai sanh niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng chi tâm.</p> <p>_ Xá-Lợi-Phất! Kỳ Phật quốc-độ thành-tựu như-thị công-đức trang-nghiêm.</p>	<p>_ Xá-Lợi-Phất! Cõi nước của Phật ấy, gió nhẹ lay động, các hàng cây báu, và các lưới báu, phát ra âm-thanh vi-diệu, giống như trăm nghìn thú âm nhạc đồng trời một lượt.</p> <p>_ Ai nghe tiếng này rồi, tự-nhiên đều sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.</p> <p>_ Xá-Lợi-Phất! Cõi nước của Phật ấy thành-tựu công-đức trang-nghiêm như thế.</p>
<p>_ Xá-Lợi-Phất! Ứ nhữ ý vân hà? Bỉ Phật hà cố hiệu A-Di-Đà?</p> <p>_ Xá-Lợi-Phất! Bỉ Phật quang-minh vô-lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại, thị cố hiệu vi A-Di-Đà.</p> <p>_ Hựu Xá-Lợi-Phất! Bỉ Phật thọ mệnh, cập kỳ nhân-dân, vô-lượng vô-biên a-tăng-kỳ kiếp, cố danh A-Di-Đà.</p>	<p>_ Xá-Lợi-Phất! Ý ông nghĩ sao? Tại sao đức Phật ấy có hiệu là A-Di-Đà?</p> <p>_ Xá-Lợi-Phất! Phật ấy có ánh sáng vô-lượng, chiếu suốt mười phương cõi nước, không bị chướng ngại, cho nên có tên là A-Di-Đà.</p> <p>_ Lại này Xá-Lợi-Phất! Mạng sống của Phật ấy và nhân-dân của Ngài, vô-lượng vô-biên a-tăng-kỳ kiếp, cho nên có tên là A-Di-Đà.</p>

<p>_ Xá-Lợi-Phất! A-Di-Đà Phật thành Phật dĩ lai, u kim thập kiếp. _ Hựu Xá-Lợi-Phất! Bỉ Phật hữu vô-lượng vô-biên Thịnh-Văn đệ-tử, giai A-La-Hán, phi thị toán số chi sở năng tri; chư Bồ-Tát chúng, diệc phục như thị. _ Xá-Lợi-Phất! Bỉ Phật quốc-độ thành-tựu như-thị công-đức trang-nghiêm. O</p>	<p>_ Xá-Lợi-Phất! Phật A-Di-Đà thành Phật đến nay đã mười kiếp. _ Lại này Xá-Lợi-Phất! Phật ấy có vô-lượng vô-biên chúng đệ-tử Thịnh-Văn, đều là bậc A-La-Hán, không thể tính đếm mà biết được; các chúng Bồ-Tát, cũng nhiều như thế. _ Xá-Lợi-Phất! Cõi nước của Phật ấy thành-tựu công-đức trang-nghiêm như thế.</p>
<p>_ Hựu Xá-Lợi-Phất! Cực-lạc quốc-độ, chúng-sanh sanh giả, giai thị a-bệ-bạt-trí. _ Kỳ trung đa hữu nhứt sanh bổ xứ. _ Kỳ số thậm đa, phi thị toán số, sở năng tri chi, đãn khả-dĩ vô-lượng vô-biên a-tăng-kỳ thuyết.</p>	<p>_ Lại này Xá-Lợi-Phất! Cõi nước Cực-Lạc, chúng-sanh sanh về, đều là “bậc không còn thối chuyển”. _ Trong đó có nhiều vị chỉ còn một lần sanh nữa là sẽ thành Phật. _ Số đó nhiều đến nỗi, không thể tính đếm mà biết được, chỉ có thể dùng số vô-lượng vô-biên a-tăng-kỳ để nói.</p>
<p>_ Xá-Lợi-Phất! Chúng-sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc. _ Sở dĩ giả hà? Đắc dĩ như-thị chư thượng-thiện-nhân câu hội nhứt xứ.</p>	<p>_ Xá-Lợi-Phất! Chúng-sanh nghe được những điều này, phải nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi nước ấy. _ Tại sao thế? Vì được ở cùng một chỗ với các bậc thượng-thiện-nhân.</p>
<p>_ Xá-Lợi-Phất! Bất khả-dĩ thiếu thiện-căn, phước-đức, nhân-duyên, đắc sanh bỉ quốc.</p>	<p>_ Xá-Lợi-Phất! Không nên cho rằng có chút ít căn lành, phước-đức, nhân-duyên, mà được sanh về cõi nước ấy đâu.</p>
<p>_ Xá-Lợi-Phất! Nhược hữu thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân, văn thuyết A-Di-Đà Phật, O - chấp-trì danh-hiệu: - nhược nhứt nhựt, nhược nhị nhựt, - nhược tam nhựt, nhược tứ nhựt, - nhược ngũ nhựt, nhược lục nhựt, - nhược thất nhựt, nhứt-tâm bất loạn. (Chuyên trì danh-hiệu, dĩ xưng danh cố, chư tội tiêu-diệt, tức thị đa thiện-căn phước-đức, nhân-duyên.) _ Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A-Di-Đà Phật dĩ chư Thánh chúng, hiện tại kỳ tiền. _ Thị nhân chung thời, tâm bất điên-đảo, tức đắc vãng-sanh A-Di-Đà Phật Cực-Lạc quốc-độ.</p>	<p>_ Xá-Lợi-Phất! Nếu có thiện-nam, thiện-nữ nào, nghe nói về Phật A-Di-Đà, - rồi chấp-trì danh-hiệu Ngài: - hoặc một ngày, hoặc hai ngày, - hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, - hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, - hoặc bảy ngày, nhứt-tâm bất loạn. (Nếu chuyên trì niệm Phật, thì các tội bị tiêu-diệt, tức là người nhiều căn lành, phước-đức, nhân-duyên.) _ Người ấy khi lâm-chung thấy Phật A-Di-Đà cùng các vị Thánh chúng hiện ra trước mặt. _ Người ấy khi chết, tâm không điên-đảo, liền được vãng-sanh về thế-giới Cực-Lạc của Phật A-Di-Đà.</p>

<p>_ Xá-Lợi-Phất! Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn. _ Nhược hữu chúng-sanh văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện sanh bỉ quốc-độ. _ Xá-Lợi-Phất! Như ngã kim giả tán-thán A-Di-Đà Phật bất khả tư nghị công-đức chi lợi. O</p>	<p>_ Xá-Lợi-Phất! Ta thấy những điều lợi ấy, nên mới nói như vậy. _ Nếu có chúng-sanh nào nghe ta nói đây, phải nên phát nguyện sanh về cõi nước ấy. _ Xá-Lợi-Phất! Như ta hôm nay ngợi khen lợi ích về công-đức không thể nghĩ bàn của Phật A-Di-Đà.</p>
<p>_ Đông phương diệc hữu: - A-Súc-Bệ Phật, - Tu-Di-Tướng Phật, - Đại-Tu-Di Phật, - Tu-Di-Quang Phật, - Diệu-Âm Phật, - như-thị đấng hằng hà sa số chư Phật, các ú kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế-giới, thuyết thành thiết ngôn: _ “Nhữ đấng chúng-sanh đương tín thị xưng tán bất khả tư nghị công-đức nhứt-thiết chư Phật sở hộ-niệm kinh”. O</p>	<p>_ Ở phương Đông cũng có: - Phật A-Súc-Bệ, - Phật Tu-Di-Tướng, - Phật Đại-Tu-Di, - Phật Tu-Di-Quang, - Phật Diệu-Âm, - hằng hà sa số chư Phật như vậy, mỗi vị đều ở cõi nước của mình, hiện ra tướng lưới rộng dài, trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế-giới, nói lời thành thật như vậy: _ “Chúng-sanh các người phải nên tin vào công-đức khen ngợi không thể nghĩ bàn của kinh được tất cả chư Phật hộ-niệm này”.</p>
<p>_ Xá-Lợi-Phất! Nam phương thế-giới hữu: - Nhật-Nguyệt-Đăng Phật, - Danh-Văn-Quang Phật, - Đại-Diệm-Kiên Phật, - Tu-Di-Đăng Phật, - Vô-Lượng Tinh-Tấn Phật, - như-thị đấng hằng hà sa số chư Phật, các ú kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế-giới, thuyết thành thiết ngôn: _ “Nhữ đấng chúng-sanh đương tín thị xưng tán bất khả tư nghị công-đức nhứt-thiết chư Phật sở hộ-niệm kinh”. O</p>	<p>_ Xá-Lợi-Phất! Ở thế-giới phương Nam có: - Phật Nhật-Nguyệt-Đăng, - Phật Danh-Văn-Quang, - Phật Đại-Diệm-Kiên, - Phật Tu-Di-Đăng, - Phật Vô-Lượng Tinh-Tấn, - hằng hà sa số chư Phật như vậy, mỗi vị đều ở cõi nước của mình, hiện ra tướng lưới rộng dài, trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế-giới, nói lời thành thật như vậy: _ “Chúng-sanh các người phải nên tin vào công-đức khen ngợi không thể nghĩ bàn của kinh được tất cả chư Phật hộ-niệm này”.</p>
<p>_ Xá-Lợi-Phất! Tây-phương thế-giới hữu: - Vô-Lượng-Thọ Phật, - Vô-Lượng-Tướng Phật, - Vô-Lượng-Tràng Phật, - Đại-Quang Phật,</p>	<p>_ Xá-Lợi-Phất! Ở thế-giới phương Tây có: - Phật Vô-Lượng-Thọ, - Phật Vô-Lượng-Tướng, - Vô-Lượng-Tràng Phật, - Phật Đại-Quang,</p>

<p>- Đại-Minh Phật, - Bảo-Tướng Phật, - Tịnh-Quang Phật, - như-thị đấng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế-giới, thuyết thành thiết ngôn:</p> <p>_ “Nhữ đấng chúng-sanh đương tín thị xưng tán bất khả tư nghị công-đức nhứt-thiết chư Phật sở hộ-niệm kinh”. O</p>	<p>- Phật Đại-Minh, - Phật Bảo-Tướng, - Phật Tịnh-Quang, - hằng hà sa số chư Phật như vậy, mỗi vị đều ở cõi nước của mình, hiện ra tướng lưới rộng dài, trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế-giới, nói lời thành thật như vậy: _ “Chúng-sanh các người phải nên tin vào công-đức khen ngợi không thể nghĩ bàn của kinh được tất cả chư Phật hộ-niệm này”.</p>
<p>_ Xá-Lợi-Phất! Bắc phương thế-giới hữu: - Diệm-Kiên Phật, - Tối-Thắng-Âm Phật, - Nan-Trở Phật, - Nhựt-Sanh Phật, - Vãng-Minh Phật, - như-thị đấng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế-giới, thuyết thành thiết ngôn:</p> <p>_ “Nhữ đấng chúng-sanh đương tín thị xưng tán bất khả tư nghị công-đức nhứt-thiết chư Phật sở hộ-niệm kinh”. O</p>	<p>_ Xá-Lợi-Phất! Ở thế-giới phương Bắc có: - Phật Diệm-Kiên, - Phật Tối-Thắng-Âm, - Phật Nan-Trở, - Phật Nhựt-Sanh, - Phật Vãng-Minh, - hằng hà sa số chư Phật như vậy, mỗi vị đều ở cõi nước của mình, hiện ra tướng lưới rộng dài, trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế-giới, nói lời thành thật như vậy: _ “Chúng-sanh các người phải nên tin vào công-đức khen ngợi không thể nghĩ bàn của kinh được tất cả chư Phật hộ-niệm này”.</p>
<p>_ Xá-Lợi-Phất! Hạ phương thế-giới hữu: - Sư-Tử Phật, - Danh-Văn Phật, - Danh-Quang Phật, - Đạt-Ma Phật, - Pháp-Tràng Phật, - Trì-Pháp Phật, - như-thị đấng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế-giới, thuyết thành thiết ngôn:</p> <p>_ “Nhữ đấng chúng-sanh đương tín thị xưng tán bất khả tư nghị công-đức nhứt-thiết chư Phật sở hộ-niệm kinh”. O</p>	<p>_ Xá-Lợi-Phất! Ở thế-giới phương dưới có: - Phật Sư-Tử, - Phật Danh-Văn, - Phật Danh-Quang, - Phật Đạt-Ma, - Phật Pháp-Tràng, - Phật Trì-Pháp, - hằng hà sa số chư Phật như vậy, mỗi vị đều ở cõi nước của mình, hiện ra tướng lưới rộng dài, trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế-giới, nói lời thành thật như vậy: _ “Chúng-sanh các người phải nên tin vào công-đức khen ngợi không thể nghĩ bàn của kinh được tất cả chư Phật hộ-niệm này”.</p>

<p>_ Xá-Lợi-Phất! Thượng phương thế-giới hữu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm-Âm Phật, - Tú-Vương Phật, - Hương-Thượng Phật, - Hương-Quang Phật, - Đại-Diệm-Kiên Phật, - Tạp-Sắc-Bảo Hoa-Nghiêm-Thân Phật, - Ta-La-Thọ-Vương Phật, - Bảo-Hoa-Đức Phật, - Kiến-Nhút-Thiết-Nghĩa Phật, - Như-Tu-Di-Sơn Phật, <p>- như-thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế-giới, thuyết thành thiết ngôn:</p> <p>_ “Nhữ đẳng chúng-sanh đương tín thị xưng tán bất khả tư nghị công-đức nhứt-thiết chư Phật sở hộ-niệm kinh”. O</p>	<p>_ Xá-Lợi-Phất! Ở thế-giới phương trên có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phật Phạm-Âm, - Phật Tú-Vương, - Phật Hương-Thượng, - Phật Hương-Quang, - Phật Đại-Diệm-Kiên, - Phật Tạp-Sắc-Bảo Hoa-Nghiêm-Thân, - Phật Ta-La-Thọ-Vương, - Phật Bảo-Hoa-Đức, - Phật Kiến-Nhút-Thiết-Nghĩa, - Phật Như-Tu-Di-Sơn, <p>- hằng hà sa số chư Phật như vậy, mỗi vị đều ở cõi nước của mình, hiện ra tướng lưới rộng dài, trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế-giới, nói lời thành thật như vậy:</p> <p>_ “Chúng-sanh các người phải nên tin vào công-đức khen ngợi không thể nghĩ bàn của kinh được tất cả chư Phật hộ-niệm này”.</p>
<p>_ Xá-Lợi-Phất! Ừ nhữ ý vân hà? Hà cố danh vi “Nhứt-Thiết Chư Phật Sở Hộ-Niệm Kinh”?</p> <p>_ Xá-Lợi-Phất! Nhược hữu thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân, văn thị kinh thọ trì giả, cập văn chư Phật danh giả, thị chư thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân, giai vi nhứt-thiết chư Phật chi sở hộ-niệm, giai đắc bất thối chuyển ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.</p> <p>_ Thị cố Xá-Lợi-Phất! Nhữ đẳng giai đương tín thọ ngã ngữ, cập chư Phật sở thuyết.</p>	<p>_ Xá-Lợi-Phất! Ý ông nghĩ sao? Tại sao gọi là “Kinh được tất cả chư Phật hộ-niệm”?</p> <p>_ Xá-Lợi-Phất! Nếu có thiện-nam, thiện-nữ nào, nghe kinh này mà thọ trì, cũng như nghe được danh-hiệu của chư Phật, thì những thiện-nam, thiện-nữ ấy, đều được tất cả chư Phật hộ-niệm, thấy đều được không còn thối chuyển nơi quả-vị Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.</p> <p>_ Cho nên Xá-Lợi-Phất! Các ông hãy nên tin nhận lời ta và lời chư Phật nói.</p>
<p>_ Xá-Lợi-Phất! Nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A-Di-Đà Phật quốc giả, thị chư nhân đẳng, giai đắc bất thối chuyển ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề; ư bỉ quốc-độ, nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược đương sanh.</p>	<p>_ Xá-Lợi-Phất! Nếu có người đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sanh về cõi nước của Phật A-Di-Đà, thì những người đó, đều được không còn thối chuyển nơi đạo Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác; những người này hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh về cõi nước ấy.</p>

<p>_ Thị cố Xá-Lợi-Phất! Chư thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân, nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc-độ.</p>	<p>_ Cho nên Xá-Lợi-Phất! Các thiện-nam, thiện-nữ, nếu ai có lòng tin, hãy nên phát nguyện, sanh về cõi nước ấy.</p>
<p>_ Xá-Lợi-Phất! Như ngã kim giả xưng tán chư Phật bất khả tư nghị công-đức; bỉ chư Phật đẳng, diệc xưng tán ngã bất khả tư nghị công-đức, nhi tác thị ngôn: O _ “Thích-Ca Mâu-Ni Phật năng vi thậm nan hy-hữu chi sự. _ Năng ư Ta-bà quốc-độ, ngũ trước ác thế: kiếp trước, kiến trước, phiền-não trước, chúng-sanh trước, mạng trước trung, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề; vị chư chúng-sanh thuyết thị, nhứt-thiết thế-gian nan tín chi pháp”. _ Xá-Lợi-Phất! Đương tri ngã ư ngũ trước ác thế, hành thủ nan sự, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề; vị nhứt-thiết thế-gian thuyết thủ nan tín chi pháp, thị vi thậm nan”.</p>	<p>_ Xá-Lợi-Phất! Như ta hôm nay khen ngợi công-đức không thể nghĩ bàn của chư Phật; các đức Phật kia, cũng ngợi khen công-đức không thể nghĩ bàn của ta và nói như thế này: _ “Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni đã làm được những việc rất khó làm ít có. _ Ở trong cõi Ta-bà, trong đời ác năm trước: kiếp trước, kiến trước, phiền-não trước, chúng-sanh trước, mạng trước, mà được quả-vị Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác; vì các chúng-sanh mà thuyết dạy, pháp tất cả thế-gian khó tin này”. _ Xá-Lợi-Phất! Nên biết ta ở đời ác năm trước, làm việc khó làm này, được quả-vị Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác; vì tất cả thế-gian thuyết dạy pháp khó tin này, thật là rất khó”.</p>
<p>_ Phật thuyết thủ kinh dĩ, Xá-Lợi-Phất cập chư Tỳ-khưu, nhứt-thiết thế-gian, thiên, nhân, A-tu-la đẳng, văn Phật sở thuyết, hoan-hỷ tín thọ, tác lễ nhi khứ. O</p>	<p>_ Phật thuyết kinh này xong, Xá-Lợi-Phất cùng các Tỳ-khưu, tất cả thế-gian, trời, người, A-tu-la, nghe Phật thuyết dạy, đều vui mừng tin nhận, lễ Phật mà lui ra.</p>
<p>A-DI-ĐÀ KINH CHUNG</p>	

**BẠT NHỨT-THIỆT NGHIỆP-CHƯƠNG CĂN-BỔN
ĐẮC SANH TỊNH-ĐỘ ĐÀ-RA-NI**

Nam-mô A-di-đà bà dạ, đa tha già đa dạ,
đa điệt dạ tha, a di rị đô bà tỳ,
a di rị đa, tất đam bà tỳ,
a di rị đa, tỳ ca lan đế,
a di rị đa, tỳ ca lan đa,
già di nị, già già na,
chỉ đa ca lệ, ta-bà-ha. (3 biến) O

A-DI-ĐÀ KINH TÁN

Tây-phương Giáo-chủ, Tịnh-độ Năng-nhân, tứ thập bát nguyện độ chúng-sanh, phát nguyện thệ hồng thâm, thượng phẩm thượng sanh, đồng phó Bảo-Liên thành.

1. Nam-mô An-Dưỡng quốc, Cực-Lạc thế-giới, Di-Đà hải-hội, Vô-Lượng-Quang Như-Lai. O (1 lạy)
2. Nam-mô An-Dưỡng quốc, Cực-Lạc thế-giới, Di-Đà hải- hội, Vô-Biên-Quang Như-Lai. O (1 lạy)
3. Nam-mô An-Dưỡng quốc, Cực-Lạc thế-giới, Di-Đà hải-hội, Vô-Ngại-Quang Như-Lai. O (1 lạy)
4. Nam-mô An-Dưỡng quốc, Cực-Lạc thế-giới, Di-Đà hải-hội, Vô-Đối-Quang Như-Lai. O (1 lạy)
5. Nam-mô An-Dưỡng quốc, Cực-Lạc thế-giới, Di-Đà hải-hội, Hải-Hội Diệm-Vương-Quang Như-Lai. O (1 lạy)
6. Nam-mô An-Dưỡng quốc, Cực-Lạc thế-giới, Di-Đà hải-hội, Thanh-Tịnh-Quang Như-Lai. O (1 lạy)
7. Nam-mô An-Dưỡng quốc, Cực-Lạc thế-giới, Di-Đà hải-hội, Hoan-Hỷ-Quang Như-Lai. O (1 lạy)
8. Nam-mô An-Dưỡng quốc, Cực-Lạc thế-giới, Di-Đà hải-hội, Trí-Tuệ-Quang Như-Lai. O (1 lạy)
9. Nam-mô An-Dưỡng quốc, Cực-Lạc thế-giới, Di-Đà hải-hội, Nan-Tư-Quang Như-Lai. O (1 lạy)
10. Nam-mô An-Dưỡng quốc, Cực-Lạc thế-giới, Di-Đà hải-hội, Bất-Đoạn-Quang Như-Lai. O (1 lạy)
11. Nam-mô An-Dưỡng quốc, Cực-Lạc thế-giới, Di-Đà hải-hội, Vô-Xung-Quang Như-Lai. O (1 lạy)
12. Nam-mô An-Dưỡng quốc, Cực-Lạc thế-giới, Di-Đà hải-hội, Siêu-Nhật-Nguyệt-Quang Như-Lai. OOO (1 lạy)



MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH

Quán-Tự-Tại Bồ-Tát, hành thâm Bát-Nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt-thiết khổ ách.

Xá-Lợi-Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị.

Xá-Lợi-Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.

Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức.

Vô nhân, nhĩ, ty, thiết, thân, ý.

Vô sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp.

Vô nhân-giới, nãi chí vô ý-thức-giới.

Vô vô-minh, diệc vô vô-minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận.

Vô khổ, tập, diệt, đạo.

Vô trí diệc vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-Đề-Tát-Đỏa y Bát-Nhã ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại. Vô quái ngại cố, vô hữu khủng-bố, viễn ly điên-đảo mộng-tưởng, cứu cánh Niết-Bàn. Tam thế chư Phật y Bát-Nhã ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

Cố tri Bát-Nhã ba-la-mật-đa, thị đại thần-chú, thị đại minh-chú, thị vô-thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt-thiết khổ, chơn thiết bất hư.

Cố thuyết Bát-Nhã ba-la-mật-đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết-đế yết-đế, ba la yết-đế, ba la tăng yết-đế, bồ-đề tát-bà-ha. O

VÃNG-SANH CHƠN-NGÔN

Nam-mô A-di-đà bà dạ, đa tha già đa dạ,
đa diệt dạ tha, a di rị đô bà tỳ,
a di rị đa, tất đam bà tỳ,
a di rị đa, tỳ ca lan đế,
a di rị đa, tỳ ca lan đa,
già di nị, già già na,
chỉ đa ca lệ, ta-bà-ha. (3 biến) O

TÁN PHẬT

A-Di-Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang-minh vô đẳng luân,
Bạch hào uyển chuyển ngũ tu-di,
Cám mục trùng thanh tứ đại-hải,
Quang trung Hóa-Phật vô số úc,
Hóa Bồ-Tát chúng diệc vô biên,
Tứ thập bát nguyện độ chúng-sanh,
Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn. O

Thân Phật Di-Đà vàng rực rỡ
Tướng đẹp sáng ngời không gì sánh
Hào quang tỏa khắp năm tu di
Mắt biếc trong hơn bốn biển lớn
Quang trung hóa Phật nhiều vô số
Hóa chúng Bồ-Tát cũng vô biên
Bốn mươi tám nguyện độ chúng-sanh
Chín phẩm đều lên ngôi Chánh-Giác.



NIỆM PHẬT

Nam-mô Tây-Phương Cực-Lạc Thế-Giới, Tam Thập Lục Vạn Úc, Nhứt Thập Nhứt Vạn, Cửu Thiên Ngũ Bá, Đồng Danh Đồng Hiệu, Đại-Tử Đại-Bi, Tiếp Dẫn Đạo-Sư A-Di-Đà Phật. O

- Nam-mô A-Di-Đà Phật. (108 lần) O
- Nam-mô Quán-Thế-Âm Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Đại-Thế-Chí Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Địa-Tạng-Vương Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Thanh-Tịnh Đại-Hải-Chúng Bồ-Tát. (10 lần) O

SÁM THẬP PHƯƠNG

Thập phương tam thế Phật,
A-Di-Đà đệ nhứt,
Cửu phẩm độ chúng-sanh,
Oai-đức vô cùng-cực.

Mười phương ba đời Phật,
A-Di-Đà đệ nhứt,
Chín phẩm độ chúng-sanh,
Uy đức không cùng tột.

Ngã kim đại quy-y,
Sám-hối tam nghiệp tội,
Phàm hữu chư phước thiện,
Chí-tâm dụng hồi-hướng.

Con nay cả quy-y,
Sám-hối tội ba nghiệp,
Hễ có các phước thiện,
Chăm lòng dùng hồi-hướng.

Nguyện đồng niệm Phật nhân,
Cảm-ứng tùy thời hiện,
Lâm-chung Tây-phương cảnh,
Phân-minh tại mục tiền.

Nguyện đồng người niệm Phật,
Đều theo thời ứng hiện,
Lâm-chung cảnh phương tây,
Rõ ràng ở trước mắt.

Kiến-văn giai tinh-tấn,
Đồng sanh Cực-Lạc quốc,
Kiến Phật liễu sanh tử,
Như Phật độ nhứt-thiết.

Thấy nghe đều tinh tiến,
Đồng sanh nước Cực-Lạc,
Thấy Phật hết sanh tử,
Như Phật độ tất cả.

Vô-biên phiến-não đoạn,
Vô-lượng pháp-môn tu,
Thệ nguyện độ chúng-sanh,
Tổng giai thành Phật-đạo.

Dứt vô-biên phiến-não,
Tu vô-lượng pháp-môn,
Thệ nguyện độ chúng-sanh,
Tất cả thành đạo Phật.

Hư-không hữu tận, ngã nguyện vô cùng, Cõi hư-không có hết, tâm nguyện con không cùng,
Hư-không hữu tận, ngã nguyện vô cùng, Cõi hư-không có hết, tâm nguyện con không cùng,
Tình dữ vô-tình, đồng viên chủng trí. O Chúng hữu-tình và chúng vô-tình, đồng tròn giống trí Phật.



THẬP NGUYỆN

Nhứt giả lễ kính chư Phật,	Thứ nhứt là nguyện kính lạy các đức Phật,
Nhị giả xưng tán Như-Lai,	Thứ hai là nguyện khen kính đức Như-Lai,
Tam giả quảng tu cung-dưỡng,	Thứ ba là nguyện rộng tu làm việc cúng dường,
Tứ giả sám-hối nghiệp chướng,	Thứ tư là nguyện sám-hối nghiệp chướng,
Ngũ giả tùy hỷ công-đức,	Thứ năm là nguyện tùy hỷ công-đức,
Lục giả thỉnh chuyển pháp-luân,	Thứ sáu là nguyện mời Phật nói pháp,
Thất giả thỉnh Phật trụ thế,	Thứ bảy là nguyện xin Phật ở lại thế-gian này,
Bát giả thường tùy Phật học,	Thứ tám là nguyện thường theo Phật để học,
Cửu giả hằng thuận chúng-sanh,	Thứ chín là nguyện thường thuận theo chúng-sanh,
Thập giả phổ giai hồi-hướng. O	Thứ mười là nguyện khắp đều hồi-hướng.

PHÚNG KINH

Phúng kinh công-đức thù-thắng hạnh,	Công-đức phúng kinh rất tuyệt vời,
Vô-biên thắng phước giai hồi hướng,	Bao nhiêu thắng phước xin hồi hướng,
Phổ nguyện pháp-giới chư chúng-sanh,	Nguyện khắp chúng-sanh trong pháp-giới,
Tốc vãng vô-lượng-quang Phật-sát. O	Chóng được sanh về cõi Cực-Lạc.

HỒI HƯỚNG

Hồi hướng nhân-duyên tam thế Phật,	Hướng về nhân-duyên với chư Phật ba đời,
Văn-Thù, Phổ-Hiến, Quán-Tự-Tại,	Nào Bồ-Tát Văn-Thù, Phổ-Hiến, và Quán-Tự-Tại,
Chư tôn Bồ-Tát Ma-ha-tát,	Cùng các vị Bồ-Tát quảng đại,
Ma-ha Bát-Nhã ba-la-mật. O	Đó là đại trí-tuệ mới qua bờ bên kia được.

NGUYỆN TIÊU

Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền-não,	Nguyện tiêu ba chướng cùng phiền-não,
Nguyện đắc trí-tuệ chơn minh liễu,	Nguyện được trí-tuệ thật sáng ngời,
Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ,	Nguyện bao tội chướng đều tiêu trừ,
Thế thế thường hành Bồ-Tát đạo. O	Đời đời thường làm Bồ-Tát đạo.

NGUYỆN SANH

Nguyện sanh Tây-phương Tịnh-Độ trung,	Nguyện sanh Tây-phương cõi Phật-đà,
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,	Chín phẩm đài sen là cha mẹ,
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh,	Hoa nở thấy Phật ngộ vô sanh,
Bất thối Bồ-Tát vi bạn lữ. O	Bất thoái Bồ-Tát làm bạn lữ.

NGUYỆN CÔNG-ĐỨC

Nguyện dĩ thủ công-đức,	Nguyện đem công-đức này,
Phổ cập ư nhứt-thiết,	Hướng về khắp tất cả,
Ngã đẳng dĩ chúng-sanh,	Đệ-tử và chúng-sanh,
Giai cộng thành Phật đạo. O	Đều cùng thành Phật-đạo.

TAM QUY

Tự quy-y Phật, đương nguyện chúng-sanh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm. O (1 lạy)

Tự quy-y Pháp, đương nguyện chúng-sanh, thâm nhập kinh tạng, trí-tuệ như hải. O (1 lạy)

Tự quy-y Tăng, đương nguyện chúng-sanh, thống lý đại chúng, nhứt-thiết vô ngại. OOO (1 lạy)

Tự về nương Phật, xin nguyện chúng-sanh, thể theo đạo lớn, phát tâm vô thượng.

Tự về nương Pháp, xin nguyện chúng-sanh, thấu rõ kinh tạng, trí-tuệ như biển.

Tự về nương Phật, xin nguyện chúng-sanh, dẫn dắt đại chúng, tất cả không ngại.

Hòa nam thánh chúng. OOO (3 xá)

Thánh chúng hài hòa. (Lạy chào các vị thánh, chúng con xin lui.)



THỜI BẢO-SÁM HỒNG-DANH

TÁN LỬ HƯƠNG

爐香讚

Lử hương sạ nhiệt,
Pháp-giới môn huân,
Chư Phật hải hội tất diêu văn,
Tùy xú kết tường vân,
Thành ý phương ân,
Chư Phật hiện toàn thân. O

爐香乍熱
法界蒙薰
諸佛海會悉遙聞
隨處結祥雲
誠意方殷
諸佛現全身

Lử hương vừa mới đốt,
Khắp pháp-giới thơm lừng,
Chư Phật nơi hải hội đều xa hay,
Mây lành tùy xú hiện,
Lòng thành mới ân cần,
Chư Phật hiện toàn thân.

Dịch theo lối lục bát:

Lử hương vừa ngún chiêm-đàn,
Khói thơm ngào ngạt muôn ngàn cõi xa,
Lòng con kính-ngưỡng thiết-tha,
Ngửa mong chư Phật thương mà chứng-minh.

NAM-MÔ HƯƠNG-VÂN-CÁI BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) O
NAM-MÔ BỔN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT. (3 lần) O

KHAI KINH KỆ

開經偈

Vô-thượng thậm-thâm vi-diệu pháp,
Bá thiên vạn kiếp nan tao-ngộ,
Ngã kim kiến văn đắc thọ-trì,
Nguyện giải Như-Lai chơn-thật nghĩa. O

無上甚深微妙法
百千萬劫難遭遇
我今見聞得受持
願解如來真實義

Phật-pháp cao sâu rất nhiệm mầu,
Trăm nghìn muôn kiếp khó tìm cầu,
Con nay nghe thấy chuyên trì tụng,
Nguyện hiểu nghĩa chơn thiệt của Như-Lai.

DỊCH GIẢI:

Chánh-pháp Như-Lai nhiệm mầu sâu xa không gì hơn được.
Dù trải qua trăm ngàn muôn kiếp tìm cầu cũng không dễ gặp.
Nay con đã nhận được kinh điển đại-thừa ... này để tu-tập hành-trì.
Nguyện khai mở trí-tuệ để thấu hiểu nghĩa-lý sâu xa chân-thật trong từng lời thuyết giảng của Đức Như-Lai.



**NAM-MÔ HỒNG-DANH HỘI-THƯỢNG PHẬT
BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) O**

HỒNG-DANH BẢO-SÁM

Âm	Nghĩa
Đại từ đại bi mẫn chúng-sanh, Đại hỷ đại xả tế hàm-thức, Tướng hảo quang-minh dĩ tự nghiêm, Chúng đẳng chí tâm quy mạng lễ. O (1 lay) (1) _ Nam-mô quy-y Kim-Cang Thượng-Sư. O (1 lay) (2) _ Quy-y Phật, quy-y Pháp, quy-y Tăng. O (1 lay) (3)	Đại từ đại bi thương chúng-sanh, Đại hỷ đại xả cứu muôn loài, Tướng tốt chói sáng tự trang-nghiêm, Đệ-tử nhứt-tâm quy mạng lễ. _ Nam-mô quy-y Kim-Cang Thượng-Sư. _ Quy-y Phật, Quy-y Pháp, Quy-y Tăng.
_ Ngã kim phát tâm bất vị tự cầu Nhơn Thiên phước báu, Thịnh-Văn, Duyên-Giác, nãi chí quyền-thừa chư vị Bồ Tát, duy y Tối-thượng-thừa, phát Bồ-đề tâm, nguyện dĩ pháp-giới chúng-sanh, nhứt-thời đồng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. O (1 lay) (4)	_ Nay con phát tâm chẳng cầu phước báu ở cõi Nhơn, Thiên, Thịnh-Văn, Duyên-Giác, cho tới Bồ-Tát quyền-thừa, chỉ mong cầu được bậc Tối-thượng-thừa, phát lòng Chánh-giác, nguyện cả chúng-sanh, khắp cùng pháp-giới, một lúc đồng thành Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.
_ Nam-mô quy-y thập phương tận hư-không giới nhứt-thiết chư Phật. O (1 lay) (5) _ Nam-mô quy-y thập phương tận hư-không giới nhứt-thiết Tôn Pháp. O (1 lay) (6) _ Nam-mô quy-y thập phương tận hư-không giới nhứt-thiết Hiền-Thánh-Tăng. O (1 lay) (7) _ Nam-mô Như-Lai, Ứng-Cúng, Chánh-Biến-Tri, Minh-Hạnh-Túc, Thiện-Thệ, Thế-Gian-Giải, Vô-Thượng-Sĩ, Điều-Ngự Trượng-Phu, Thiên-Nhân-Sư, Phật, Thế-Tôn. O (1 lay) (8)	
1. Nam-mô Phổ-Quang Phật. O (1 lay) (9) 2. Nam-mô Phổ-Minh Phật. O (1 lay) (10) 3. Nam-mô Phổ-Tịnh Phật. O (1 lay) (11) 4. Nam-mô Đa-Ma-La-Bạt-Chiên-Đàn-Hương Phật. O (1 lay) (12) 5. Nam-mô Chiên-Đàn-Quang Phật. O (1 lay) (13) 6. Nam-mô Ma-Ni-Tràng Phật. O (1 lay) (14) 7. Nam-mô Hoan-Hỷ-Tạng Ma-Ni Bảo-Tích Phật. O (1 lay) (15) 8. Nam-mô Nhứt-Thiết Thế-Gian Nhạo-Kiến Thượng-Đại-Tinh-Tấn Phật. O (1 lay) (16) 9. Nam-mô Ma-Ni-Tràng Đẳng-Quang Phật. O (1 lay) (17) 10. Nam-mô Huệ-Cự-Chiếu Phật. O (1 lay) (18)	

11. Nam-mô Hải-Đức Quang-Minh Phật. O (1 lạy) (19)
12. Nam-mô Kim-Cang Lao-Cường Phổ-Tán Kim-Quang Phật. O (1 lạy) (20)
13. Nam-mô Đại-Cường Tinh-Tấn Đông-Mãnh Phật. O (1 lạy) (21)
14. Nam-mô Đại-Bi-Quang Phật. O (1 lạy) (22)
15. Nam-mô Tự-Lực-Vương Phật. O (1 lạy) (23)
16. Nam-mô Từ-Tạng Phật. O (1 lạy) (24)
17. Nam-mô Chiên-Đàn Khốt-Trang-Nghiêm-Thắng Phật. O (1 lạy) (25)
18. Nam-mô Hiền-Thiện-Thủ Phật. O (1 lạy) (26)
19. Nam-mô Thiện-Ý Phật. O (1 lạy) (27)
20. Nam-mô Quảng-Trang-Nghiêm-Vương Phật. O (1 lạy) (28)

21. Nam-mô Kim-Hoa-Quang Phật. O (1 lạy) (29)
22. Nam-mô Bảo-Cái Chiếu-Không Tự-Tại Lực-Vương Phật. O (1 lạy) (30)
23. Nam-mô Hư-Không Bảo-Hoa-Quang Phật. O (1 lạy) (31)
24. Nam-mô Lưu-Ly Trang-Nghiêm-Vương Phật. O (1 lạy) (32)
25. Nam-mô Phổ-Hiện Sắc-Thân-Quang Phật. O (1 lạy) (33)
26. Nam-mô Bất-Động Trí-Quang Phật. O (1 lạy) (34)
27. Nam-mô Hàng-Phục Chúng-Ma-Vương Phật. O (1 lạy) (35)
28. Nam-mô Tài-Quang-Minh Phật. O (1 lạy) (36)
29. Nam-mô Trí-Tuệ-Thắng Phật. O (1 lạy) (37)
30. Nam-mô Di-Lặc Tiên-Quang Phật. O (1 lạy) (38)

31. Nam-mô Thiện-Tịch Nguyệt-Âm Diệu-Tôn Trí-Vương Phật. O (1 lạy) (39)
32. Nam-mô Thế-Tĩnh-Quang Phật. O (1 lạy) (40)
33. Nam-mô Long-Chủng Thượng-Tôn-Vương Phật. O (1 lạy) (41)
34. Nam-mô Nhựt-Nguyệt-Quang Phật. O (1 lạy) (42)
35. Nam-mô Nhựt-Nguyệt Châu-Quang Phật. O (1 lạy) (43)
36. Nam-mô Huệ-Tràng Thắng-Vương Phật. O (1 lạy) (44)
37. Nam-mô Sư-Tử-Hầu Tự-Tại Lực-Vương Phật. O (1 lạy) (45)
38. Nam-mô Diệu-Âm-Thắng Phật. O (1 lạy) (46)
39. Nam-mô Thường-Quang-Tràng Phật. O (1 lạy) (47)
40. Nam-mô Quang-Thế-Đăng Phật. O (1 lạy) (48)

41. Nam-mô Huệ-Oai-Đăng-Vương Phật. O (1 lạy) (49)
42. Nam-mô Pháp-Thắng-Vương Phật. O (1 lạy) (50)
43. Nam-mô Tu-Di-Quang Phật. O (1 lạy) (51)
44. Nam-mô Tu-Ma-Na Hoa-Quang Phật. O (1 lạy) (52)
45. Nam-mô Ưu-Đàm-Bát-La-Hoa Thù-Thắng-Vương Phật. O (1 lạy) (53)
46. Nam-mô Đại-Huệ Lực-Vương Phật. O (1 lạy) (54)
47. Nam-mô A-Súc-Tỳ Hoan-Hỷ-Quang Phật. O (1 lạy) (55)
48. Nam-mô Vô-Lượng Âm-Thinh-Vương Phật. O (1 lạy) (56)
49. Nam-mô Tài-Quang Phật. O (1 lạy) (57)
50. Nam-mô Kim-Hải-Quang Phật. O (1 lạy) (58)

51. Nam-mô Sơn-Hải-Huệ Tự-Tại Thông-Vương Phật. O (1 lạy) (59)
52. Nam-mô Đại-Thông-Quang Phật. O (1 lạy) (60)
53. Nam-mô Nhứt-Thiết Pháp-Tràng Mãn-Vương Phật. O (1 lạy) (61)
54. Nam-mô Thích-Ca Mâu-Ni Phật. O (1 lạy) (62)

<p>55. Nam-mô Kim-Cang Bất-Hoại Phật. O (1 lạy) (63)</p> <p>56. Nam-mô Bảo-Quang Phật. O (1 lạy) (64)</p> <p>57. Nam-mô Long-Tôn-Vương Phật. O (1 lạy) (65)</p> <p>58. Nam-mô Tinh-Tấn-Quân Phật. O (1 lạy) (66)</p> <p>59. Nam-mô Tinh-Tấn-Hỷ Phật. O (1 lạy) (67)</p> <p>60. Nam-mô Bảo-Hỏa Phật. O (1 lạy) (68)</p>	
<p>61. Nam-mô Bảo-Nguyệt-Quang Phật. O (1 lạy) (69)</p> <p>62. Nam-mô Hiện-Vô-Ngu Phật. O (1 lạy) (70)</p> <p>63. Nam-mô Bảo-Nguyệt Phật. O (1 lạy) (71)</p> <p>64. Nam-mô Vô-Cấu Phật. O (1 lạy) (72)</p> <p>65. Nam-mô Ly-Cấu Phật. O (1 lạy) (73)</p> <p>66. Nam-mô Dõng-Thí Phật. O (1 lạy) (74)</p> <p>67. Nam-mô Thanh-Tịnh Phật. O (1 lạy) (75)</p> <p>68. Nam-mô Thanh-Tịnh-Thí Phật. O (1 lạy) (76)</p> <p>69. Nam-mô Ta-Lưu-Na Phật. O (1 lạy) (77)</p> <p>70. Nam-mô Thủy-Thiên Phật. O (1 lạy) (78)</p>	
<p>71. Nam-mô Kiên-Đức Phật. O (1 lạy) (79)</p> <p>72. Nam-mô Chiên-Đàn Công-Đức Phật. O (1 lạy) (80)</p> <p>73. Nam-mô Vô-Lượng Cúc-Quang Phật. O (1 lạy) (81)</p> <p>74. Nam-mô Quang-Đức Phật. O (1 lạy) (82)</p> <p>75. Nam-mô Vô-Uú-Đức Phật. O (1 lạy) (83)</p> <p>76. Nam-mô Na-La-Diên Phật. O (1 lạy) (84)</p> <p>77. Nam-mô Công-Đức-Hoa Phật. O (1 lạy) (85)</p> <p>78. Nam-mô Liên-Hoa-Quang Du-Hỷ Thần-Thông Phật. O (1 lạy) (86)</p> <p>79. Nam-mô Tài-Công-Đức Phật. O (1 lạy) (87)</p> <p>80. Nam-mô Đức-Niệm Phật. O (1 lạy) (88)</p>	
<p>81. Nam-mô Thiện-Danh-Xung Công-Đức Phật. O (1 lạy) (89)</p> <p>82. Nam-mô Hồng-Diệm Đế-Tràng-Vương Phật. O (1 lạy) (90)</p> <p>83. Nam-mô Thiện-Du-Bộ Công-Đức Phật. O (1 lạy) (91)</p> <p>84. Nam-mô Đấu-Chiến-Thắng Phật. O (1 lạy) (92)</p> <p>85. Nam-mô Thiện-Du-Bộ Phật. O (1 lạy) (93)</p> <p>86. Nam-mô Châu-Tráp Trang-Nghiêm Công-Đức Phật. O (1 lạy) (94)</p> <p>87. Nam-mô Bảo-Hoa Du-Bộ Phật. O (1 lạy) (95)</p> <p>88. Nam-mô Bảo-Liên-Hoa Thiện-Trụ-Ta-La-Thọ-Vương Phật. O (1 lạy) (96)</p> <p>89. Nam-mô Pháp-Giới Tạng-Thân A-Di-Đà Phật. O (1 lạy) (97)</p>	
<p>_ Như-thị đấng, nhưt-thiết thế-giới, chư Phật Thế-Tôn, thường-trụ tại thế, thị chư Thế-Tôn, đương từ niệm ngã.</p>	<p>_ Như thế 89 đức Phật, tất cả thế-giới, chư Phật Thế-Tôn, thường-trụ nơi thế-gian, cúi xin chư Thế-Tôn, phải thương nhớ con.</p>
<p>_ Nhược ngã tử sanh, nhược ngã tiền sanh, từng vô tử sanh tử dĩ lai, sở tác chúng tội: nhược tự tác, nhược giáo tha tác, kiến tác tùy hỷ.</p>	<p>_ Hoặc con từ đời này, hoặc con từ đời trước, từ vô-thỉ sanh-tử tới nay, có làm các tội: hoặc mình làm, hoặc sai người làm, hoặc thấy người làm mà mình vui theo.</p>

<p>_ Nhược tháp, nhược Tăng, nhược tứ phương Tăng vật, nhược tự thủ, nhược giáo tha thủ, kiến thủ tùy hỷ.</p> <p>_ Ngũ vô-gián tội: nhược tự tác, nhược giáo tha tác, kiến tác tùy hỷ.</p> <p>_ Thập bất thiện đạo: nhược tự tác, nhược giáo tha tác, kiến tác tùy hỷ.</p> <p>_ Sở tác tội-chướng, hoặc hữu phú-tàng, hoặc bất phú-tàng, ưng đoạ địa-ngục, ngạ-quỷ, súc-sanh, chư dư ác-thú, biên-địa, hạ-tiện, cập miệt-lệ-xa, như-thị đẳng xứ, sở tác tội-chướng, kim giai sám-hối. O (1 lay) (98)</p>	<p>_ Hoặc của ngôi tháp, hoặc của ngôi tăng, hoặc của bốn phương tăng, nếu mình lấy, hoặc dạy người lấy, hoặc thấy người lấy mà mình vui theo.</p> <p>_ Đối với năm tội vô-gián: hoặc mình làm, hoặc dạy người làm, hoặc thấy người làm mà mình vui theo.</p> <p>_ Với mười điều chẳng lành: hoặc mình làm, hoặc dạy người làm, hoặc thấy người làm mà mình vui theo.</p> <p>_ Với chỗ làm tội-chướng, hoặc có che giấu, hoặc chẳng che giấu, phải đoạ địa-ngục, ngạ-quỷ, súc-sanh, bao nhiêu ác-thú (ác-đạo) khác, chốn biên-địa, dòng hạ-tiện và những kẻ miệt-lệ-xa, như thế chỗ làm ra tội-chướng đó, con nay đều sám-hối.</p>
<p>_ Kim chú Phật Thế-Tôn, đương chứng tri ngã, đương ức niệm ngã.</p> <p>_ Ngã phục ư chư Phật Thế-Tôn tiền, tác như-thị ngôn:</p> <p>_ Nhược ngã thủ sanh, nhược ngã dư sanh, tăng hành bố-thí, hoặc thủ tịnh giới;</p> <p>- nãi chí thí dữ súc sanh, nhứt đoàn chi tự, hoặc tu tịnh hạnh, sở hữu thiện-căn,</p> <p>- thành-tựu chúng-sanh, sở hữu thiện-căn,</p> <p>- tu hạnh Bồ-đề, sở hữu thiện-căn,</p> <p>- cập vô-thượng-trí, sở hữu thiện-căn,</p> <p>- nhứt-thiết hiệp tập, giáo kế trừ lượng, giai tất hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề;</p> <p>- như quá-khứ, vị-lai, hiện-tại chư Phật sở tác hồi-hướng, ngã diệc như-thị hồi-hướng.</p>	<p>_ Nay cầu chư Phật Thế-Tôn, chứng-minh cho con, tưởng niệm cho con.</p> <p>_ Con lại đối trước chư Phật Thế-Tôn, trình các căn lành như vậy:</p> <p>_ Hoặc con đời này, hoặc con ở trong các đời khác, đã hành pháp bố-thí, hoặc đã giữ được giới thanh-tịnh;</p> <p>- cho đến ít nhứt là một vắt cơm đem cho chúng-sanh, đã từng tu tịnh hạnh, chỗ có căn lành,</p> <p>- thành-tựu cho chúng-sanh, chỗ có căn lành,</p> <p>- từng tu-hành đạo Phật Bồ-đề, chỗ có căn lành,</p> <p>- từng phát tâm chứng trí Phật vô-thượng, chỗ có căn lành,</p> <p>- tất cả căn lành lớn và nhỏ hợp lại, so sánh, tính toán, dùng chiếc thẻ mà lường, thấy đều hồi-hướng Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác;</p> <p>- đồng như pháp hồi-hướng của chư Phật quá-khứ, vị-lai, và hiện-tại đã làm, con nay cũng học theo pháp của chư Phật hồi-hướng như thế mà hồi-hướng đó (mới hợp cách với quả tam-miệu tam-bồ-đề).</p>
<p>Chúng tội giai sám hối, Chư phước tận tùy hỷ,</p>	<p>Các tội đều sám-hối, Các phước đều tùy-hỷ,</p>

Cập thỉnh Phật công-đức, Nguyện thành vô-thượng-trí.	Và công-đức thỉnh Phật, Nguyện thành trí vô-thượng.
Khứ, lai, hiện-tại Phật, Ư chúng-sanh tối thắng, Vô-lượng công-đức hải, Ngã kim quy mạng lễ. O (1 lạy) (99)	Phật quá-khứ, vị-lai, hiện-tại, Rất hơn với chúng-sanh, Biển công-đức vô-lượng, Con nay nghiêng mình lạy.
Sở hữu thập phương thế-giới trung, Tam thế nhứt-thiết nhân-sú-tử, Ngã dĩ thanh-tịnh thân, ngữ, ý, Nhứt-thiết biến lễ tận vô dư.	Chỗ có thế-giới trong mười phương, Ba đời tất cả các vị Pháp-vương Con dùng thân, khẩu, ý thanh-tịnh, Tất cả khắp lạy hết không còn.
Phổ-Hiền hạnh-nguyện oai thần lực, Phổ hiện nhứt-thiết Như-Lai tiền, Nhứt thân phục hiện sát-trần thân, Nhứt nhứt biến lễ sát-trần Phật. O (1 lạy) (100)	Súc uy thần hạnh-nguyện Phổ-Hiền, Khắp hiện trước tất cả Như-Lai, Một thân lại hiện thân sát-trần, Mỗi mỗi khắp lạy Phật sát-trần.
Ư nhứt trần trung trần số Phật, Các xứ Bồ-Tát chúng hội trung, Vô tận pháp-giới trần diệc nhiên, Thâm-tín chư Phật giai sung-mãn.	Trong mảnh bụi Hằng sa số Phật, Trong chúng hội Bồ-Tát các nơi, Vô tận pháp-giới bụi cũng thế, Tin sâu chư Phật đầy đầy nơi nơi.
Các dĩ nhứt-thiết âm-thinh hải, Phổ xuất vô-tận diệu ngôn-tử, Tận ư vị-lai nhứt-thiết kiếp, Tán Phật thậm-thâm công-đức hải. O (1 lạy) (101)	Đều dùng tất cả biển âm-thinh, Khắp ra vô tận lời nói mầu, Tới tất cả kiếp thời vị-lai, Khen Phật biển công-đức rất sâu.
Dĩ chư tối-thắng diệu-hoa man, Kỷ-nhạc đồ-hương cập tán-cái, Như-thị tối-thắng trang-nghiêm cụ, Ngã dĩ cung-duỡng chư Như-Lai.	Dùng các tràng hoa tốt đẹp nhứt, Nhạc hay, hương hoa và tàng lọng, Như thế đồ trang-nghiêm tốt đẹp nhứt, Con đem cung-duỡng chư Như-Lai.
Tối-thắng y-phục tối-thắng hương, Mạc-hương, thiêu-hương dĩ đặng- chúc, Nhứt nhứt giai như Diệu-Cao tụ, Ngã tất cung-duỡng chư Như-Lai.	Y-phục tốt đẹp nhứt, hương trầm tốt nhứt, Hương bột, hương xông và đèn đuốc, Mỗi mỗi đều như núi Tu-Di. Con đều cúng dâng chư Như-Lai.
Ngã dĩ quảng-đại thắng-giải tâm, Thâm-tín nhứt-thiết tam thế Phật, Tất dĩ Phổ-Hiền hạnh-nguyện lực, Phổ-biến cung-duỡng chư Như-Lai. O (1 lạy) (102)	Con dùng tâm thắng-giải rộng lớn, Tin sâu tất cả Phật ba đời, Nường theo hạnh-nguyện Phổ Hiền, Cung-duỡng chư Như-Lai khắp nơi.
Ngã tích sở tạo chư ác-nghiệp, Giai do vô-thĩ tham, sân, si,	Con đã tạo và chất chứa nhiều ác- nghiệp, Do bởi tham, sân, si từ vô-thĩ,

<p>Tùng thân, ngũ, ý chi sở sanh, Nhứt-thiết ngã kim giai sám hối. O (1 lạy) (103)</p>	<p>Từ thân, khẩu, ý mà sanh ra, Tất cả con nay đều xin sám hối.</p>
<p>Thập phương nhứt-thiết chư chúng-sanh, Nhị thừa hữu-học cập vô-học, Nhứt-thiết Như-Lai dĩ Bồ-Tát, Sở hữu công-đức giai tùy-hỷ. O (1 lạy) (104)</p>	<p>Mười phương tất cả chúng-sanh, Bậc nhị thừa hữu-học cùng vô-học, Tất cả Như-Lai, cùng Bồ-Tát, Chỗ có công-đức con đều phát tâm tùy thuận hoan-hỷ.</p>
<p>Thập phương sở hữu thế-gian đấng, Tối sơ thành-tựu Bồ-đề giả, Ngã kim nhứt-thiết giai khuyến-thỉnh, Chuyển ư vô-thượng diệu pháp-luân. O (1 lạy) (105)</p>	<p>Mười phương chỗ có đèn thế-gian, Tối sơ thành đạo Bồ-đề, Tất cả, con nay đều khuyến-thỉnh, Chuyển pháp-luân mẫu vô-thượng.</p>
<p>Chư Phật nhược dục thị Niết-Bàn, Ngã tất chí-thành nhi khuyến-thỉnh, Duy nguyện cứu trụ sát-trần kiếp, Lợi-lạc nhứt-thiết chư chúng-sanh. O (1 lạy) (106)</p>	<p>Chư Phật nếu muốn thị-hiện Niết-Bàn, Con chí-thành khuyến-thỉnh, Chỉ xin Phật trụ mãi ở cõi đời, Làm lợi lạc cho tất cả chúng-sanh.</p>
<p>Sở hữu lễ tán cung-dưỡng phước, Thỉnh Phật trụ thế chuyển pháp-luân, Tùy-hỷ sám-hối chư thiện-căn, Hồi-hướng chúng-sanh cập Phật-đạo. O (1 lạy) (107)</p>	<p>Chỗ có lễ lạy, xưng tán, cung-dưỡng phước, Thỉnh Phật trụ thế chuyển pháp-luân, Vui theo sám-hối các căn lành, Xin hồi hướng cho chúng-sanh đến Phật-đạo.</p>
<p>Nguyện tương dĩ thủ thắng công-đức, Hồi-hướng vô-thượng chơn pháp-giới, Tánh tướng Phật-Pháp cập Tăng-già, Nhị đế dung-thông tam-muội ấn, Như-thị vô-lượng công-đức hải, Ngã kim giai tất tận hồi-hướng, Sở hữu chúng-sanh thân, khẩu, ý, Kiến-hoặc đàn báng ngã pháp đấng, Như-thị nhứt-thiết chư nghiệp-chướng, Tất giai tiêu-diệt tận vô dư. Niệm niệm trí châu ư pháp-giới, Quảng độ chúng-sanh giai bất-thối, Nãi chí hư-không thế-giới tận, Chúng-sanh cập nghiệp phiền-não</p>	<p>Xin đem lấy công-đức tốt đây, Hồi hướng về chơn pháp-giới vô- thượng, Tánh (chơn-đế) tướng (tục-đế) Phật-Pháp cập Tăng-già, (Tánh tướng như nhứt tức là) Nhị đế dung- thông mà thành pháp “Hải-Ấn tam- muội”, Biển công-đức vô-lượng như thế, Con nay đều trọn hồi-hướng, Chỗ có chúng-sanh thân, khẩu, ý, Thấy lầm chệ bai chấp: ngã, pháp, Như thế tất cả các nghiệp-chướng, Thấy đều tiêu-diệt hết không còn, Mỗi niệm trí giáp nơi pháp-giới, Rộng độ chúng-sanh đều chẳng lui, Dầu cùng tận hư-không thế-giới, (pháp 1) Chúng-sanh (pháp 2) và nghiệp (pháp 3)</p>

tận, Như-thị tứ pháp quảng vô-biên, Nguyện kim hồi-hướng diệc như-thị. O (1 lạy) (108)	phiền-não (pháp 4) đều hết, Như thế bốn pháp thể nó rộng lớn không ngần, Nguyện con nay hồi-hướng giống như thế.
NAM-MÔ ĐẠI-HẠNH PHỔ-HIỀN BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) OOO	

CỬ TÁN

Tứ bối đệ-tử,
Hoan-hỷ tín-thọ phụng-hành,
Bát thập bát Phật,
Thích-Ca Mâu-Ni Như-Lai,
Ứng-cúng, Chánh-biến-tri,
Thập hiệu giai cụ túc,
Trượng Phật oai-lực,
Chúng tội giai sám-hối.

NAM-MÔ CẦU-SÁM-HỐI BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) OOO



MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH

Quán-Tự-Tại Bồ-Tát, hành thâm Bát-Nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt-thiết khổ ách.

Xá-Lợi-Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị.

Xá-Lợi-Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.

Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức.

Vô nhân, nhĩ, ty, thiết, thân, ý.

Vô sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp.

Vô nhân-giới, nãi chí vô ý-thức-giới.

Vô vô-minh, diệc vô vô-minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận.

Vô khổ, tập, diệt, đạo.

Vô trí diệc vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-Đề-Tát-Đỏa y Bát-Nhã ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại. Vô quái ngại cố, vô hữu khủng-bố, viễn ly điên-đảo mộng-tưởng, cứu cánh Niết-Bàn. Tam thế chư Phật y Bát-Nhã ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

Cố tri Bát-Nhã ba-la-mật-đa, thị đại thần-chú, thị đại minh-chú, thị vô-thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt-thiết khổ, chơn thiết bất hư.

Cố thuyết Bát-Nhã ba-la-mật-đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết-đế yết-đế, ba la yết-đế, ba la tăng yết-đế, bồ-đề tát-bà-ha. O

VÃNG-SANH CHƠN-NGÔN

Nam-mô A-di-đà bà dạ, đa tha già đa dạ,
đa diệt dạ tha, a di rị đô bà tỳ,
a di rị đa, tất đam bà tỳ,
a di rị đa, tỳ ca lan đế,
a di rị đa, tỳ ca lan đa,
già di nị, già già na,
chỉ đa ca lệ, ta-bà-ha. (3 biến) O

TÁN PHẬT

A-Di-Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang-minh vô đẳng luân,
Bạch hào uyển chuyển ngũ tu-di,
Cám mục trùng thanh tứ đại-hải,
Quang trung Hóa-Phật vô số úc,
Hóa Bồ-Tát chúng diệc vô biên,
Tứ thập bát nguyện độ chúng-sanh,
Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn. O

Thân Phật Di-Đà vàng rực rỡ
Tướng đẹp sáng ngời không gì sánh
Hào quang tỏa khắp năm tu di
Mắt biếc trong hơn bốn biển lớn
Quang trung hóa Phật nhiều vô số
Hóa chúng Bồ-Tát cũng vô biên
Bốn mươi tám nguyện độ chúng-sanh
Chín phẩm đều lên ngôi Chánh-Giác.



NIỆM PHẬT

Nam-mô Tây-Phương Cực-Lạc Thế-Giới, Tam Thập Lục Vạn Úc, Nhưt Thập Nhưt Vạn, Cửu Thiên Ngũ Bá, Đồng Danh Đồng Hiệu, Đại-Từ Đại-Bi, Tiếp Dẫn Đạo-Sư A-Di-Đà Phật. O

- Nam-mô A-Di-Đà Phật. (108 lần) O
- Nam-mô Quán-Thế-Âm Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Đại-Thế-Chí Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Địa-Tạng-Vương Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Thanh-Tịnh Đại-Hải-Chúng Bồ-Tát. (10 lần) O

SÁM THẬP PHƯƠNG

Thập phương tam thế Phật,
A-Di-Đà đệ nhưt,
Cửu phẩm độ chúng-sanh,
Oai-đức vô cùng-cực.

Mười phương ba đời Phật,
A-Di-Đà đệ nhưt,
Chín phẩm độ chúng-sanh,
Uy đức không cùng tột.

Ngã kim đại quy-y,
Sám-hối tam nghiệp tội,
Phàm hữu chư phước thiện,
Chí-tâm dụng hồi-hướng.

Con nay cả quy-y,
Sám-hối tội ba nghiệp,
Hễ có các phước thiện,
Chăm lòng dùng hồi-hướng.

Nguyện đồng niệm Phật nhân,
Cảm-ứng tùy thời hiện,
Lâm-chung Tây-phương cảnh,
Phân-minh tại mục tiền.

Nguyện đồng người niệm Phật,
Đều theo thời ứng hiện,
Lâm-chung cảnh phương tây,
Rõ ràng ở trước mắt.

Kiến-văn giai tinh-tấn,
Đồng sanh Cực-Lạc quốc,
Kiến Phật liễu sanh tử,
Như Phật độ nhưt-thiết.

Thấy nghe đều tinh tiến,
Đồng sanh nước Cực-Lạc,
Thấy Phật hết sanh tử,
Như Phật độ tất cả.

Vô-biên phiên-não đoạn,
Vô-lượng pháp-môn tu,
Thệ nguyện độ chúng-sanh,
Tổng giai thành Phật-đạo.

Dứt vô-biên phiên-não,
Tu vô-lượng pháp-môn,
Thệ nguyện độ chúng-sanh,
Tất cả thành đạo Phật.

Hư-không hữu tận, ngã nguyện vô cùng, Cõi hư-không có hết, tâm nguyện con không cùng,
Hư-không hữu tận, ngã nguyện vô cùng, Cõi hư-không có hết, tâm nguyện con không cùng,
Tinh dữ vô-tinh, đồng viên chủng trí. O Chúng hữu-tinh và chúng vô-tinh, đồng tròn giống trí Phật.



THẬP NGUYỆN

Nhứt giả lễ kính chư Phật,	Thứ nhứt là nguyện kính lạy các đức Phật,
Nhị giả xưng tán Như-Lai,	Thứ hai là nguyện khen kính đức Như-Lai,
Tam giả quảng tu cung-dưỡng,	Thứ ba là nguyện rộng tu làm việc cúng dường,
Tứ giả sám-hối nghiệp chướng,	Thứ tư là nguyện sám-hối nghiệp chướng,
Ngũ giả tùy hỷ công-đức,	Thứ năm là nguyện tùy hỷ công-đức,
Lục giả thỉnh chuyển pháp-luân,	Thứ sáu là nguyện mời Phật nói pháp,
Thất giả thỉnh Phật trụ thế,	Thứ bảy là nguyện xin Phật ở lại thế-gian này,
Bát giả thường tùy Phật học,	Thứ tám là nguyện thường theo Phật để học,
Cửu giả hằng thuận chúng-sanh,	Thứ chín là nguyện thường thuận theo chúng-sanh,
Thập giả phổ giai hồi-hướng. O	Thứ mười là nguyện khắp đều hồi-hướng.

PHÚNG KINH

Phúng kinh công-đức thù-thắng hạnh,	Công-đức phúng kinh rất tuyệt vời,
Vô-biên thắng phước giai hồi hướng,	Bao nhiêu thắng phước xin hồi hướng,
Phổ nguyện pháp-giới chư chúng-sanh,	Nguyện khắp chúng-sanh trong pháp-giới,
Tốc vãng vô-lượng-quang Phật-sát. O	Chóng được sanh về cõi Cực-Lạc.

HỒI HƯỚNG

Hồi hướng nhân-duyên tam thế Phật,	Hướng về nhân-duyên với chư Phật ba đời,
Văn-Thù, Phổ-Hiến, Quán-Tự-Tại,	Nào Bồ-Tát Văn-Thù, Phổ-Hiến, và Quán-Tự-Tại,
Chư tôn Bồ-Tát Ma-ha-tát,	Cùng các vị Bồ-Tát quảng đại,
Ma-ha Bát-Nhã ba-la-mật. O	Đó là đại trí-tuệ mới qua bờ bên kia được.

NGUYỆN TIÊU

Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền-não,	Nguyện tiêu ba chướng cùng phiền-não,
Nguyện đắc trí-tuệ chơn minh liễu,	Nguyện được trí-tuệ thật sáng ngời,
Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ,	Nguyện bao tội chướng đều tiêu trừ,
Thế thế thường hành Bồ-Tát đạo. O	Đời đời thường làm Bồ-Tát đạo.

NGUYỆN SANH

Nguyện sanh Tây-phương Tịnh-Độ trung,	Nguyện sanh Tây-phương cõi Phật-đà,
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,	Chín phẩm đài sen là cha mẹ,
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh,	Hoa nở thấy Phật ngộ vô sanh,
Bất thối Bồ-Tát vi bạn lữ. O	Bất thoái Bồ-Tát làm bạn lữ.

NGUYỆN CÔNG-ĐỨC

Nguyện dĩ thủ công-đức,	Nguyện đem công-đức này,
Phổ cập ư nhứt-thiết,	Hướng về khắp tất cả,
Ngã đẳng dĩ chúng-sanh,	Đệ-tử và chúng-sanh,
Giai cộng thành Phật đạo. O	Đều cùng thành Phật-đạo.

TAM QUY

Tự quy-y Phật, đương nguyện chúng-sanh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm. O (1 lạy)

Tự quy-y Pháp, đương nguyện chúng-sanh, thâm nhập kinh tạng, trí-tuệ như hải. O (1 lạy)

Tự quy-y Tăng, đương nguyện chúng-sanh, thống lý đại chúng, nhứt-thiết vô ngại. OOO (1 lạy)

Tự về nương Phật, xin nguyện chúng-sanh, thể theo đạo lớn, phát tâm vô thượng.

Tự về nương Pháp, xin nguyện chúng-sanh, thấu rõ kinh tạng, trí-tuệ như biển.

Tự về nương Phật, xin nguyện chúng-sanh, dẫn dắt đại chúng, tất cả không ngại.

Hòa nam thánh chúng. OOO (3 xá)

Thánh chúng hài hòa. (Lạy chào các vị thánh, chúng con xin lui.)



THỜI KINH VU-LAN-BỒN

TÁN LỬ HƯƠNG

爐香讚

Lử hương sạ nhiệt,
Pháp-giới môn huân,
Chư Phật hải hội tất diêu văn,
Tùy xú kết tường vân,
Thành ý phương ân,
Chư Phật hiện toàn thân. O

爐香乍熱
法界蒙薰
諸佛海會悉遙聞
隨處結祥雲
誠意方殷
諸佛現全身

Lử hương vừa mới đốt,
Khắp pháp-giới thơm lừng,
Chư Phật nơi hải hội đều xa hay,
Mây lành tùy xú hiện,
Lòng thành mới ân cần,
Chư Phật hiện toàn thân.

Dịch theo lối lục bát:

Lử hương vừa ngún chiên-đàn,
Khói thơm ngào ngạt muôn ngàn cõi xa,
Lòng con kính-ngưỡng thiết-tha,
Ngửa mong chư Phật thương mà chứng-minh.

NAM-MÔ HƯƠNG-VÂN-CÁI BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) O
NAM-MÔ BỔN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT. (3 lần) O

KHAI KINH KỆ

開經偈

Vô-thượng thậm-thâm vi-diệu pháp,
Bá thiên vạn kiếp nan tao-ngộ,
Ngã kim kiến văn đắc thọ-trì,
Nguyện giải Như-Lai chơn-thật nghĩa. O

無上甚深微妙法
百千萬劫難遭遇
我今見聞得受持
願解如來真實義

Phật-pháp cao sâu rất nhiệm mầu,
Trăm nghìn muôn kiếp khó tìm cầu,
Con nay nghe thấy chuyên trì tụng,
Nguyện hiểu nghĩa chơn thiệt của Như-Lai.

DỊCH GIẢI:

Chánh-pháp Như-Lai nhiệm mầu sâu xa không gì hơn được.
Dù trải qua trăm ngàn muôn kiếp tìm cầu cũng không dễ gặp.
Nay con đã nhận được kinh điển đại-thừa ... này để tu-tập hành-trì.
Nguyện khai mở trí-tuệ để thấu hiểu nghĩa-lý sâu xa chân-thật trong từng lời thuyết giảng của Đức Như-Lai.

PHẬT THUYẾT VU-LAN-BỒN KINH

Âm	Nghĩa
<p>Văn như-thị:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Nhứt thời Phật tại Xá-Vệ quốc, Kỳ-thọ Cấp-Cô-Độc viên. _ Đại Mục-Kiền-Liên, thỉ đắc lục-thông, dục độ phụ mẫu, báo nhủ bộ chi ân; tức dĩ đạo-nhân quan thị thế-gian, kiến kỳ vong-mẫu sanh ngã-quỷ trung, bất kiến ẩm thực, bì cốt liên lập. _ Mục-Liên bi ai, tức dĩ bát thanh phạn, vãng hướng kỳ mẫu. _ Mẫu đắc bát phạn, tiện dĩ tả thủ chướng bát, hữu thủ sủy tự; tự vị nhập khẩu, hóa thành hỏa thán, toại bất đắc thực. _ Mục-Liên đại khiếu, bi hào thế khắp, trì hườn bạch Phật, cụ trần như thử. 	<p>Chính tôi nghe như vậy:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ Một thời đức Thế-Tôn ngự tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp-Cô-Độc (tức tinh-xá Kỳ-viên), ở kinh thành Xá-Vệ. _ Bấy giờ, Tôn giả Đại-Mục-Liên vừa chứng sáu thần thông, muốn cứu độ cha mẹ, đền đáp ơn sinh dưỡng; nên dùng sức thiên-nhân quan-sát khắp thế-gian, nhìn thấy người mẹ vừa mất của mình sinh trong chốn ngã-quỷ, không có gì ăn uống, hình hài trông tiều tụy, gầy ốm da liền xương. _ Mục-Liên lòng đau xót, liền bưng bát cơm đầy, đem đến dâng lên mẹ. _ Bà chụp ngay bát cơm, tay trái thì che đây, tay phải vốc cơm ăn; nhưng cơm chưa vào miệng, đã hóa thành than lửa, bà không thể ăn được. _ Mục-Liên quá thương tâm, kêu khóc thật bi thảm, liền mau về bạch Phật, rõ cảnh tượng này.
<p>Phật ngôn: O</p> <ul style="list-style-type: none"> _ “Nhữ mẫu tội-căn thâm kiết, phi nhữ nhứt nhân-lực sở nại hà! _ Nhữ tuy hiếu thuận, tinh động thiên-địa, thiên-thần, địa-kỳ, tà-ma, ngoại-đạo, đạo-sĩ, tứ thiên-vương thần, diệc bất năng nại hà! _ Đương tu thập phương chúng Tăng oai-thần chi lực, nãi đắc giải-thoát. _ Ngô kim đương thuyết cứu tế chi pháp, linh nhứt-thiết nạn giai ly ưu khổ”. 	<p>Phật dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ “Tội chướng của mẹ thầy gốc rễ kết đã sâu, năng-lực một mình thầy không thể nào giải cứu! _ Tâm hiếu thuận của thầy, dù rung động trời đất, (nhưng ở trong thế-gian, những vị uy lực lớn như) thiên-thần, địa-thần, tà-ma, ngoại-đạo, đạo-sĩ, cả bốn vị thiên-vương, cũng không làm gì được! _ Phải nhờ sức uy thần của Tăng chúng mười phương, mẹ thầy mới siêu-thoát. _ Như-Lai nhân dịp này, sẽ chỉ dạy cho thầy một phương pháp cứu tế, giúp những kẻ khổ nạn tiêu trừ mọi tội chướng, thoát khỏi cảnh khổ đau”.
<p>Phật cáo Mục-Liên: O</p> <ul style="list-style-type: none"> _ “Thập phương chúng Tăng, thất nguyệt thập ngũ nhật, Tăng Tự-tứ thời; đương vị thất thế phụ mẫu, cập hiện-tại phụ mẫu, ách nạn trung giả; 	<p>Phật bảo Mục-Liên:</p> <ul style="list-style-type: none"> _ “Tăng chúng mười phương, vào ngày rằm tháng bảy, trong ngày lễ Tự-tứ; vì cha mẹ bảy đời quá-khứ, đến cha mẹ hiện tại, đang trong vòng khổ nạn;

<p>- cụ phạn bá vị, ngũ quả, cấp quán bồn khí,</p> <p>- hương du, đỉnh chúc, sàng-phu ngoại-cụ, tận thế cam mỹ, dĩ trước bồn trung; cung-duỡng thập phương đại đức chúng Tăng.</p>	<p>- mà sắm sửa trai phạn đủ trăm vị, và năm loại trái cây, đặt vào trong chiếc bồn,</p> <p>- hương, đèn, dầu, giường, chiếu, gối, chăn, thật tuyệt đẹp, ngon ngọt, để trước chiếc bồn; đem dâng cúng đại đức chúng Tăng mười phương.</p>
<p>Chú thích: (2018)</p> <p>_ Cha mẹ bảy đời: Cha mẹ trong bảy đời sau cùng của chúng ta (theo tư-tưởng Phật-giáo).</p> <p>_ Khác với Cửu huyền thất tổ (theo Nho-giáo): Thất tổ gồm có:</p> <p>1) ông Nội ông Ngoại (Tổ phụ), 2) ông Cố (Tăng tổ, Cao tổ), 3) ông Sơ (Huyền tổ), 4) ông Sò (Lai tổ), 5) ông Sầm (Côn tổ), 6) ông Cầm (Nhưng tổ), 7) ông Kỷ (Vân tổ).</p> <p>Cửu huyền là vô số đời tổ trước ông Kỷ (chữ Cửu ở đây có nghĩa là vô-số).</p>	
<p>_ Đương thủ chi nhật, nhứt-thiết Thánh chúng,</p> <p>- hoặc tại sơn gian thiền-định,</p> <p>- hoặc đắc tứ đạo quả,</p> <p>- hoặc tại thọ hạ kinh hành,</p> <p>- hoặc lục-thông tự-tại giáo-hóa Thịnh-Văn, Duyên-Giác,</p> <p>- hoặc thập địa Bồ-Tát đại nhân,</p> <p>- quyền hiện Tỳ-khưu tại đại-chúng trung, giai đồng nhứt-tâm thọ bát-hòa-la phạn.</p>	<p>_ Tất cả chư Thánh chúng vào ngày Tự-tứ ấy,</p> <p>- hoặc đang tu thiền định nơi núi non,</p> <p>- hoặc đắc bốn quả Thánh,</p> <p>- hoặc thường đi kinh hành,</p> <p>- hoặc Thịnh-Văn, Duyên-Giác đã chứng sáu thần thông, đang giáo-hóa tự-tại,</p> <p>- hoặc chư đại Bồ-Tát đã lên hàng Thập-địa,</p> <p>- nhưng phương-tiện thị-hiện làm Tỳ-khưu tự hội trong đại-chúng, đều đồng đẳng nhứt tâm, thọ dụng bữa cơm Tự-tứ. (*)</p>
<p>Chú thích: (2018)</p> <p>(*) Hai câu này được dịch từ câu “Thọ bát-hòa-la phạn” trong kinh văn chữ Hán. Trong câu ấy, chữ “thọ” (nhận) và chữ “phạn” (cơm) là hai chữ Hán; còn ba chữ “bát-hòa-la” là dịch âm của chữ Phạn “pravāraṇa”, có nghĩa là “Tự-tứ”. Vậy, câu kinh văn chữ Hán “thọ bát-hòa-la phạn” có nghĩa là “thọ dụng bữa cơm Tự-tứ”.</p> <p>Ở đây có nghĩa là bữa cơm do đàn-việt cung-duỡng Phật và chúng Tăng trong ngày Tự-tứ (tức bữa cơm trưa ngày rằm tháng bảy âm lịch).</p> <p>Trước đây có vị đã dịch cụm từ “bát-hòa-la phạn” là: “bát cơm lục hòa”, e không chính xác.</p>	
<p>_ Cụ thanh-tịnh giới, Thánh chúng chi đạo, kỳ đức uông dương.</p> <p>_ Kỳ hữu cung-duỡng thủ đẳng Tự-tứ Tăng giả, hiện-thế phụ-mẫu, lục-thân quyến-thuộc, đắc xuất tam-đồ chi khổ, ứng thời giải-thoát, y thực tự-nhiên.</p> <p>_ Nhược phụ mẫu hiện-tại giả, phước lạc bá niên; nhược thất thế phụ mẫu sanh Thiên, tự-tại hóa sanh, nhập thiên hoa quang.</p>	<p>_ Chúng Tăng Tự-tứ này, đủ giới pháp thanh-tịnh, nên phước-đức mệnh mông.</p> <p>_ Người nào được cung-duỡng Tăng chúng Tự-tứ, thì cha mẹ đời này, và bà con của người ấy, được ra khỏi cảnh khổ ba đường dữ, liền được giải-thoát, cơm áo có tự nhiên.</p> <p>_ Nếu cha mẹ còn đang tại thế, được hưởng nhiều phước lạc, sống lâu đến trăm tuổi; còn các bậc cha mẹ trong bảy đời quá-khứ lên ở các cõi trời, thì tự-tại hóa sinh, vào hào-quang hoa lệ.</p>

<p>_ Thời, Phật sắc thập phương chúng Tăng, giai tiên vị thí-chủ gia chú nguyện, nguyện thất thế phụ mẫu hành thiện định ý, nhiên-hậu thọ thực.</p> <p>_ Sơ thọ thực thời, tiên an tại Phật tiền, tháp tự trung Phật tiền, chúng Tăng chú nguyện cánh, tiện tự thọ thực”.</p>	<p>_ Bấy giờ, Phật quy-định Tăng chúng trong mười phương, trước hết vì trai chủ chú nguyện, nguyện cho cha mẹ bầy đời quá-khứ, hành thiện định tâm ý, rồi sau mới thọ thực.</p> <p>_ Và trước khi thọ thực, hãy đặt các thức ăn trước bàn Phật trai đường, hoặc ở nơi chùa tháp, sau khi Tăng chúng chú nguyện xong, mới thọ thực”.</p>
<p>_ Thời Mục-Liên Tỳ-khưu cập đại Bồ-Tát chúng, giai đại hoan-hỷ.</p> <p>_ Mục-Liên bi đê khắp tinh thích nhiên trừ diệt.</p> <p>_ Thời Mục-Liên mẫu, tức ư thị nhục, đắc thoát nhứt kiếp nạ-quỷ chi khổ.</p>	<p>_ Bấy giờ, Tôn giả Mục-Kiền-Liên cùng chư vị đại Bồ-Tát, tất cả đều hoan-hỷ.</p> <p>_ Tiếng khóc than bi thảm của Mục-Liên tức thì không còn nữa.</p> <p>_ Bấy giờ, mẹ ngài Mục-Liên, cũng ngay trong ngày ấy, được thoát một kiếp khổ nạ-quỷ.</p>
<p>_ Mục-Liên phục bạch Phật ngôn: “Đệ-tử sở sanh mẫu đắc mông Tam-Bảo công-đức chi lực, chúng Tăng oai-thần chi lực cố.</p> <p>_ Nhược vị-lai thế, nhứt-thiết Phật đệ-tử, diệt ứng phụng Vu-Lan bồn, cứu-độ hiện-tại phụ-mẫu, nãi chí thất thế phụ-mẫu, khả vi nhĩ phủ?”</p>	<p>_ Bấy giờ Mục-Liên lại bạch Phật: “Nay thân mẫu của con, nhờ lực công-đức của Tam-Bảo, nhờ uy-lực Tăng chúng (nên đã được siêu thoát).</p> <p>_ Nếu trong đời vị-lai, tất cả hàng Phật-tử (muốn hành hạnh hiếu thuận), cũng vâng theo cách thức (Đức Thế-Tôn đã dạy về pháp) Vu-Lan bồn, độ cha mẹ hiện-tại, cho đến cha mẹ bầy đời, như thế có được không?”</p>
<p>Phật ngôn: O</p> <p>_ “Đại thiện khoái vấn! Ngã chánh dục thuyết, nhữ kim phục vấn.</p> <p>_ Thiện-nam-tử! Nhược Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, Quốc-vương, Thái-tử, Đại-thần, Tể-tướng, Tam công, bá quan, vạn dân, thứ nhân hành từ hiếu giả;</p> <p>- giai ứng tiên vị sở sanh hiện-tại phụ-mẫu, quá-khứ thất thế phụ-mẫu; ư thất nguyệt thập ngũ nhục, Phật hoan-hỷ nhục, Tăng Tự-tứ nhục;</p> <p>- dĩ bá vị phạm thực, an Vu-Lan bồn trung, thí thập phương Tự-tứ Tăng.</p>	<p>Phật dạy:</p> <p>_ “Thầy hỏi thật đúng lúc! Chính Như-Lai muốn nói, mà thầy lại hỏi rồi.</p> <p>_ Thiện-nam-tử! Bất-luận Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, hay Quốc-vương, vương-tử, đại-thần, Tể-tướng, Tam công, các quan viên lớn nhỏ, cho đến muôn dân, phải thực hành hiếu hạnh;</p> <p>- họ phải vì cha mẹ hiện-tại, đến cha mẹ bầy đời quá-khứ; vào ngày rằm tháng bảy, là ngày “Phật hoan-hỷ”, ngày “Chúng Tăng Tự-tứ”;</p> <p>- hãy sắm sửa trai phạm, đầy đủ trăm vị, đựng trong bồn Vu-Lan, cung-đường mười phương Tăng vừa thọ pháp Tự-tứ.</p>

<p>_ Nguyệt sử hiện-tại phụ-mẫu, thọ mạng bá niên vô bệnh, vô nhứt-thiết khổ-não chi hoạn;</p> <p>- nãi chí thất thế phụ-mẫu ly nga-quỷ khổ, sanh Nhân Thiên trung, phước lạc vô cực.</p>	<p>_ Xin các ngài chú nguyện cho cha mẹ hiện-tại, được sống lâu trăm tuổi không bệnh tật, không có tất cả phiền muộn, khổ đau;</p> <p>- và cha mẹ bảy đời thoát cảnh khổ nga-quỷ, được sinh trong loài người, hoặc lên các cõi trời, hưởng phước lạc vô cùng.</p>
<p>_ Thị Phật đệ-tử tu hiếu-thuận giả, ứng niệm niệm trung, thường ức phụ-mẫu, nãi chí thất thế phụ-mẫu;</p> <p>- niên niên thất nguyệt thập ngũ nhựt, thường dĩ hiếu từ, ức sở sanh phụ-mẫu;</p> <p>- vị tác Vu-Lan bồn thí Phật cập Tăng, dĩ báo phụ-mẫu trưởng-duỡng từ-ái chi ân.</p> <p>_ Nhược nhứt-thiết Phật đệ-tử ứng đương phụng-trì thị pháp”.</p> <p>_ Thời Mục-Liên Tỳ-Khư, tứ bối đệ-tử hoan-hỷ phụng-hành. O</p>	<p>_ Đệ-tử của Phật thực-hành hạnh hiếu-thuận, thì trong mỗi niệm mỗi niệm, thường nghĩ nhớ cha mẹ hiện-tại, cho đến cha mẹ bảy đời;</p> <p>- rằm tháng bảy mỗi năm, đem tâm thành từ hiếu, tưởng nhớ đến cha mẹ;</p> <p>- hãy sắm sửa đầy đủ, vật thực cùng phẩm vật, cung-duỡng Phật và Tăng, báo đáp ơn nuôi dưỡng và yêu thương của cha mẹ.</p> <p>_ Tất cả đệ-tử Phật phải vâng giữ hành-trì thắng-pháp Vu-Lan-Bồn Như-Lai dạy trên đây”.</p> <p>_ Bảy giờ Tôn giả Mục-Liên, cùng bốn chúng đệ-tử, tất cả đều vui mừng, nguyện vâng giữ, hành-trì.</p>
<p>VU-LAN-BỒN KINH CHUNG</p>	

BÁO PHỤ-MẪU ÂN CHÚ

Nam-mô mật lật đa đá bà dạ tá-ha. (3 lần) O

CỬ TÁN

Vu-Lan chánh-giáo,
Tự-tứ giai thân,
Mục-Liên ai khẩn cứu từ thân,
Chư Phật đại oai thần,
Thoát khổ u-hoành,
Vạn cổ hiếu danh xưng.

NAM-MÔ ĐẠI-HIẾU MỤC-KIỀN-LIÊN BỒ-TÁT MA-HA-TÁT.
(3 lần) OOO

MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH

Quán-Tự-Tại Bồ-Tát, hành thâm Bát-Nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt-thiết khổ ách.

Xá-Lợi-Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị.

Xá-Lợi-Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.

Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức.

Vô nhân, nhĩ, ty, thiết, thân, ý.

Vô sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp.

Vô nhân-giới, nãi chí vô ý-thức-giới.

Vô vô-minh, diệc vô vô-minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận.

Vô khổ, tập, diệt, đạo.

Vô trí diệc vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-Đề-Tát-Đỏa y Bát-Nhã ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại. Vô quái ngại cố, vô hữu khủng-bố, viễn ly điên-đảo mộng-tưởng, cứu cánh Niết-Bàn. Tam thế chư Phật y Bát-Nhã ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

Cố tri Bát-Nhã ba-la-mật-đa, thị đại thần-chú, thị đại minh-chú, thị vô-thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt-thiết khổ, chơn thiết bất hư.

Cố thuyết Bát-Nhã ba-la-mật-đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết-đế yết-đế, ba la yết-đế, ba la tăng yết-đế, bồ-đề tát-bà-ha. O

VÃNG-SANH CHƠN-NGÔN

Nam-mô A-di-đà bà dạ, đa tha già đa dạ,
đa diệt dạ tha, a di rị đô bà tỳ,
a di rị đa, tất đam bà tỳ,
a di rị đa, tỳ ca lan đế,
a di rị đa, tỳ ca lan đa,
già di nị, già già na,
chỉ đa ca lệ, ta-bà-ha. (3 biến) O

TÁN PHẬT

A-Di-Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang-minh vô đẳng luân,
Bạch hào uyển chuyển ngũ tu-di,
Cám mục trùng thanh tứ đại-hải,
Quang trung Hóa-Phật vô số ức,
Hóa Bồ-Tát chúng diệc vô biên,
Tứ thập bát nguyện độ chúng-sanh,
Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn. O

Thân Phật Di-Đà vàng rực rỡ
Tướng đẹp sáng ngời không gì sánh
Hào quang tỏa khắp năm tu di
Mắt biếc trong hơn bốn biển lớn
Quang trung hóa Phật nhiều vô số
Hóa chúng Bồ-Tát cũng vô biên
Bốn mươi tám nguyện độ chúng-sanh
Chín phẩm đều lên ngôi Chánh-Giác.



NIỆM PHẬT

Nam-mô Tây-Phương Cực-Lạc Thế-Giới, Tam Thập Lục Vạn Úc, Nhứt Thập Nhứt Vạn, Cửu Thiên Ngũ Bá, Đồng Danh Đồng Hiệu, Đại-Từ Đại-Bi, Tiếp Dẫn Đạo-Sư A-Di-Đà Phật. O

- Nam-mô A-Di-Đà Phật. (108 lần) O
- Nam-mô Quán-Thế-Âm Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Đại-Thế-Chí Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Địa-Tạng-Vương Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Thanh-Tịnh Đại-Hải-Chúng Bồ-Tát. (10 lần) O

SÁM THẬP PHƯƠNG

Thập phương tam thế Phật,
A-Di-Đà đệ nhứt,
Cửu phẩm độ chúng-sanh,
Oai-đức vô cùng-cực.

Mười phương ba đời Phật,
A-Di-Đà đệ nhứt,
Chín phẩm độ chúng-sanh,
Uy đức không cùng tột.

Ngã kim đại quy-y,
Sám-hối tam nghiệp tội,
Phàm hữu chư phước thiện,
Chí-tâm dụng hồi-hướng.

Con nay cả quy-y,
Sám-hối tội ba nghiệp,
Hễ có các phước thiện,
Chăm lòng dùng hồi-hướng.

Nguyện đồng niệm Phật nhân,
Cảm-ứng tùy thời hiện,
Lâm-chung Tây-phương cảnh,
Phân-minh tại mục tiền.

Nguyện đồng người niệm Phật,
Đều theo thời ứng hiện,
Lâm-chung cảnh phương tây,
Rõ ràng ở trước mắt.

Kiến-văn giai tinh-tấn,
Đồng sanh Cực-Lạc quốc,
Kiến Phật liễu sanh tử,
Như Phật độ nhứt-thiết.

Thấy nghe đều tinh tiến,
Đồng sanh nước Cực-Lạc,
Thấy Phật hết sanh tử,
Như Phật độ tất cả.

Vô-biên phiên-nã đoạn,
Vô-lượng pháp-môn tu,
Thệ nguyện độ chúng-sanh,
Tổng giai thành Phật-đạo.

Dứt vô-biên phiên-nã,
Tu vô-lượng pháp-môn,
Thệ nguyện độ chúng-sanh,
Tất cả thành đạo Phật.

Hư-không hữu tận, ngã nguyện vô cùng, Cõi hư-không có hết, tâm nguyện con không cùng,
Hư-không hữu tận, ngã nguyện vô cùng, Cõi hư-không có hết, tâm nguyện con không cùng,
Tình dữ vô-tình, đồng viên chủng trí. O Chúng hữu-tình và chúng vô-tình, đồng tròn giống trí Phật.



THẬP NGUYỆN

Nhứt giả lễ kính chư Phật,	Thứ nhứt là nguyện kính lạy các đức Phật,
Nhị giả xưng tán Như-Lai,	Thứ hai là nguyện khen kính đức Như-Lai,
Tam giả quảng tu cung-dưỡng,	Thứ ba là nguyện rộng tu làm việc cúng dường,
Tứ giả sám-hối nghiệp chướng,	Thứ tư là nguyện sám-hối nghiệp chướng,
Ngũ giả tùy hỷ công-đức,	Thứ năm là nguyện tùy hỷ công-đức,
Lục giả thỉnh chuyển pháp-luân,	Thứ sáu là nguyện mời Phật nói pháp,
Thất giả thỉnh Phật trụ thế,	Thứ bảy là nguyện xin Phật ở lại thế-gian này,
Bát giả thường tùy Phật học,	Thứ tám là nguyện thường theo Phật để học,
Cửu giả hằng thuận chúng-sanh,	Thứ chín là nguyện thường thuận theo chúng-sanh,
Thập giả phổ giai hồi-hướng. O	Thứ mười là nguyện khắp đều hồi-hướng.

PHÚNG KINH

Phúng kinh công-đức thù-thắng hạnh,	Công-đức phúng kinh rất tuyệt vời,
Vô-biên thắng phước giai hồi hướng,	Bao nhiêu thắng phước xin hồi hướng,
Phổ nguyện pháp-giới chư chúng-sanh,	Nguyện khắp chúng-sanh trong pháp-giới,
Tốc vãng vô-lượng-quang Phật-sát. O	Chóng được sanh về cõi Cực-Lạc.

HỒI HƯỚNG

Hồi hướng nhân-duyên tam thế Phật,	Hướng về nhân-duyên với chư Phật ba đời,
Văn-Thù, Phổ-Hiến, Quán-Tự-Tại,	Nào Bồ-Tát Văn-Thù, Phổ-Hiến, và Quán-Tự-Tại,
Chư tôn Bồ-Tát Ma-ha-tát,	Cùng các vị Bồ-Tát quảng đại,
Ma-ha Bát-Nhã ba-la-mật. O	Đó là đại trí-tuệ mới qua bờ bên kia được.

NGUYỆN TIÊU

Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền-não,	Nguyện tiêu ba chướng cùng phiền-não,
Nguyện đắc trí-tuệ chơn minh liễu,	Nguyện được trí-tuệ thật sáng ngời,
Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ,	Nguyện bao tội chướng đều tiêu trừ,
Thế thế thường hành Bồ-Tát đạo. O	Đời đời thường làm Bồ-Tát đạo.

NGUYỆN SANH

Nguyện sanh Tây-phương Tịnh-Độ trung,	Nguyện sanh Tây-phương cõi Phật-đà,
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,	Chín phẩm đài sen là cha mẹ,
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh,	Hoa nở thấy Phật ngộ vô sanh,
Bất thối Bồ-Tát vi bạn lữ. O	Bất thoái Bồ-Tát làm bạn lữ.

NGUYỆN CÔNG-ĐỨC

Nguyện dĩ thủ công-đức,	Nguyện đem công-đức này,
Phổ cập ư nhứt-thiết,	Hướng về khắp tất cả,
Ngã đẳng dĩ chúng-sanh,	Đệ-tử và chúng-sanh,
Giai cộng thành Phật đạo. O	Đều cùng thành Phật-đạo.

TAM QUY

Tự quy-y Phật, đương nguyện chúng-sanh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm. O (1 lạy)

Tự quy-y Pháp, đương nguyện chúng-sanh, thâm nhập kinh tạng, trí-tuệ như hải. O (1 lạy)

Tự quy-y Tăng, đương nguyện chúng-sanh, thống lý đại chúng, nhứt-thiết vô ngại. OOO (1 lạy)

Tự về nương Phật, xin nguyện chúng-sanh, thể theo đạo lớn, phát tâm vô thượng.

Tự về nương Pháp, xin nguyện chúng-sanh, thấu rõ kinh tạng, trí-tuệ như biển.

Tự về nương Phật, xin nguyện chúng-sanh, dẫn dắt đại chúng, tất cả không ngại.

Hòa nam thánh chúng. OOO (3 xá)

Thánh chúng hài hòa. (Lạy chào các vị thánh, chúng con xin lui.)



THỜI
KINH DIỆU-PHÁP LIÊN-HOÀ
QUÁN-THẾ-ÂM BỒ-TÁT
PHỔ-MÔN PHẨM

TÁN LỬ HƯƠNG

爐香讚

Lử hương sạ nhiệt,
Pháp-giới môn huân,
Chư Phật hải hội tất diêu văn,
Tùy xú kết tường vân,
Thành ý phương ân,
Chư Phật hiện toàn thân. O

爐香乍熱
法界蒙薰
諸佛海會悉遙聞
隨處結祥雲
誠意方殷
諸佛現全身

Lử hương vừa mới đốt,
Khắp pháp-giới thơm lừng,
Chư Phật nơi hải hội đều xa hay,
Mây lành tùy xú hiện,
Lòng thành mới ân cần,
Chư Phật hiện toàn thân.

Dịch theo lối lục bát:

Lử hương vừa ngún chiên-đàn,
Khói thơm ngào ngạt muôn ngàn cõi xa,
Lòng con kính-ngưỡng thiết-tha,
Ngửa mong chư Phật thương mà chứng-minh.

NAM-MÔ HƯƠNG-VÂN-CÁI BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) O
NAM-MÔ BỔN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT. (3 lần) O

KHAI KINH KỆ

開經偈

Vô-thượng thậm-thâm vi-diệu pháp,
Bá thiên vạn kiếp nan tao-ngộ,
Ngã kim kiến văn đắc thọ-trì,
Nguyện giải Như-Lai chơn-thật nghĩa. O

無上甚深微妙法
百千萬劫難遭遇
我今見聞得受持
願解如來真實義

Phật-pháp cao sâu rất nhiệm mầu,
Trăm nghìn muôn kiếp khó tìm cầu,
Con nay nghe thấy chuyên trì tụng,
Nguyện hiểu nghĩa chơn thiệt của Như-Lai.

DỊCH GIẢI:

Chánh-pháp Như-Lai nhiệm mầu sâu xa không gì hơn được.
Dù trải qua trăm ngàn muôn kiếp tìm cầu cũng không dễ gặp.
Nay con đã nhận được kinh điển đại-thừa ... này để tu-tập hành-trì.
Nguyện khai mở trí-tuệ để thấu hiểu nghĩa-lý sâu xa chân-thật trong từng lời thuyết giảng của Đức Như-Lai.

ĐẠI BI CHÚ

NAM-MÔ ĐẠI-BI HỘI-THƯỢNG PHẬT BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) O

THIÊN-THỦ THIÊN-NHÂN VÔ-NGẠI ĐẠI-BI TÂM ĐÀ-RA-NI

1. Nam-mô hắc ra đát na đa ra dạ da.
2. Nam-mô a rị da.
3. Bà lô yết đế thước bát ra da.
4. Bồ-đề tát đỏa bà da.
5. Ma-ha tát đỏa bà da.
6. Ma-ha ca lô ni ca da.
7. Án.
8. Tát bàn ra phạt duệ.
9. Số đát na đát tả.
10. Nam-mô tất kiết lật đỏa y mông a rị da.
11. Bà lô kiết đế thất Phật ra lăng đà bà.
12. Nam-mô na ra cẩn trì.
13. Hê rị ma-ha bàn đa sa mế.
14. Tát bà a tha đâu du bằng.
15. A thệ dụng.
16. Tát bà tát đa “na ma bà tát đa”.
17. Na ma bà già.
18. Ma phạt đặc đâu.
19. Đát diệt tha.
20. Án, a bà lô hê.
21. Lô ca đế.
22. Ca ra đế.
23. Di hê rị.
24. Ma-ha bồ-đề tát đỏa.
25. Tát bà tát bà.
26. Ma ra ma ra.
27. Ma hê ma hê rị đà dụng.
28. Cu lô cu lô yết mông.
29. Độ lô độ lô phạt xà da đế.
30. Ma-ha phạt xà da đế.
31. Đà ra đà ra.
32. Đạ rị ni.
33. Thất Phật ra da.
34. Giá ra giá ra.
35. Mạ mạ phạt ma ra.
36. Mục đế lệ y hê di hê.
37. Thất na thất na.
38. A ra sâm Phật ra xá ly.

39. Phạt sa phạt sâm.
40. Phạt ra xá da.
41. Hô lô hô lô ma ra.
42. Hô lô hô lô hê rị.
43. Ta ra ta ra.
44. Tất rị tất rị.
45. Tô lô tô lô.
46. Bô-đề dạ bô-đề dạ.
47. Bô-đà dạ bô-đà dạ.
48. Di đế rị dạ.
49. Na ra cần trì.
50. Địa rị sắc ni na.
51. Ba dạ ma na.
52. Ta-bà-ha.
53. Tất đà dạ.
54. Ta-bà-ha.
55. Ma-ha tất đà dạ.
56. Ta-bà-ha.
57. Tất đà dũ nghệ.
58. Thất bàn ra dạ.
59. Ta-bà-ha.
60. Na ra cần trì.
61. Ta-bà-ha.
62. Ma ra na ra.
63. Ta-bà-ha.
64. Tất ra tăng a mục khô da.
65. Ta-bà-ha.
66. Ta-bà ma-ha a tất đà dạ.
67. Ta-bà-ha.
68. Giả kiết ra a tất đà dạ.
69. Ta-bà-ha.
70. Ba đà ma yết tất đà dạ.
71. Ta-bà-ha.
72. Na ra cần trì bàn già ra dạ.
73. Ta-bà-ha.
74. Ma bà rị thắng yết ra dạ.
75. Ta-bà-ha.
76. Nam-mô hắc ra đát na đa ra dạ da.
77. Nam-mô a rị da.
78. Bà lô kiết đế.
79. Thước bàn ra dạ.
80. Ta-bà-ha.
81. “Án, tất điện đô.
82. Mạn đa ra.
83. Bạt đà dạ.
84. Ta-bà-ha”. (3 lần) O

**NAM-MÔ PHÁP-HOÀ HỘI-THƯỢNG PHẬT
BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) O**

**NAM-MÔ THÁNH-QUÁN-TỰ-TẠI BỒ-TÁT
MA-HA-TÁT. (3 lần) O**

Âm	Nghĩa
<p>_ Nhĩ thời, Vô-Tận-Ý Bồ-Tát tức từng tọa khởi, thiên dẫn hữu kiên, hiệp chưởng hướng Phật, nhi tác thị ngôn:</p> <p>_ “Thế-Tôn! Quán-Thế-Âm Bồ-Tát dĩ hà nhân-duyên danh Quán-Thế-Âm?”</p>	<p>_ Bấy giờ, Bồ-Tát Vô-Tận-Ý bèn từ tòa ngồi đứng dậy, hỷ y bày vai bên phải, chấp tay hướng về Phật, mà bạch Phật rằng:</p> <p>_ “Thế-Tôn! Bồ-Tát Quán-Thế-Âm do nhân-duyên gì, mà được tên là Quán-Thế-Âm?”</p>
<p>Phật cáo Vô-Tận-Ý Bồ-Tát: O</p> <p>_ Thiện-nam-tử! Nhược hữu vô-lượng bá thiên vạn ức chúng-sanh, thọ chư khổ-não, văn thị Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, nhứt-tâm xưng danh, Quán-Thế-Âm Bồ-Tát tức thời quán kỳ âm-thinh, giai đắc giải-thoát.</p>	<p>Phật bảo Bồ-Tát Vô-Tận-Ý:</p> <p>_ Thiện-nam-tử! Nếu có vô-lượng trăm ngàn vạn ức chúng-sanh, chịu các khổ não, mà nghe được danh-hiệu Bồ-Tát Quán-Thế-Âm, một lòng niệm danh-hiệu của Ngài, thì Bồ-Tát Quán-Thế-Âm lập tức quán xem tiếng kêu kia, khiến cho họ đều được giải-thoát.</p>
<p>_ Nhược hữu trì thị Quán-Thế-Âm Bồ-Tát danh giả, thiết nhập đại hỏa, hỏa bất năng thiêu; do thị Bồ-Tát oai thần lực cố.</p>	<p>_ Nếu có người trì danh-hiệu Bồ-Tát Quán-Thế-Âm, dù vào trong lửa lớn, lửa chẳng cháy được; do nhờ sức oai thần của Bồ-Tát.</p>
<p>_ Nhược vi đại thủy sở phiêu, xưng kỳ danh-hiệu, tức đắc thiển xứ.</p>	<p>_ Nếu bị nước lớn cuốn trôi, mà xưng niệm danh-hiệu của Ngài, thì liền được vào chỗ cạn.</p>
<p>_ Nhược hữu bá thiên vạn ức chúng-sanh, vị cầu: kim-ngân, lưu-ly, xa-cử, mã-não, san-hồ, hổ-phách, trân-châu, đẳng bảo, nhập ư đại hải; giả-sử hắc phong xuy kỳ thuyền phưởng, phiêu đoạ La-sát quý quốc.</p> <p>_ Kỳ trung nhược hữu nữi chí nhứt nhưn, xưng Quán-Thế-Âm Bồ-Tát danh giả, thị chư nhân đẳng giai đắc giải-thoát La-sát chi nạn.</p> <p>_ Dĩ thị nhân-duyên, danh Quán-Thế-Âm.</p>	<p>_ Nếu có trăm ngàn vạn ức chúng-sanh, vì đi tìm cầu: vàng bạc, lưu-ly, xa-cử, mã-não, san-hồ, hổ-phách, trân-châu, các thứ châu báu, vào trong biển lớn; giả-sử có gió bão thổi thuyền của họ, trôi dạt vào nước quý La-sát.</p> <p>_ Trong đó dù chỉ có một người, xưng niệm danh-hiệu Bồ-Tát Quán-Thế-Âm, thì hết thảy những người kia đều được thoát khỏi nạn quý La-sát.</p> <p>_ Bởi nhân-duyên đó, mà có tên là Quán-Thế-Âm.</p>
<p>_ Nhược phục hữu nhân lâm đương bị hại, xưng Quán-Thế-Âm Bồ-Tát danh</p>	<p>_ Nếu lại có người, bị người khác đánh hại, xưng niệm danh-hiệu Bồ-Tát</p>

giả, bĩ sở chấp đao trượng tầm đoạn-đoạn hoại, nhi đắc giải-thoát.	Quán-Thế-Âm, thì đao gậy của kẻ kia liền gãy ra từng đoạn, mà được giải-thoát.
_ Nhược tam-thiên đại-thiên quốc-độ mãn trung Dạ-xoa, La-sát, dục lai nã nhân, văn kỳ xưng Quán-Thế-Âm Bồ-Tát danh giả, thị chư ác quỷ thượng bất năng dĩ ác-nhãn thị chi, hưởng phục gia hại.	_ Nếu trong ba ngàn đại-thiên thế-giới đầy dẫy quỷ Dạ-xoa và La-sát, muốn đến nã hại người, mà nghe họ xưng niệm danh-hiệu Bồ-Tát Quán-Thế-Âm, thì các ác quỷ đó còn không thể dùng mắt dữ mà nhìn họ, hưởng chi là làm hại.
_ Thiết phục hữu nhân, nhược hữu tội, nhược vô tội, nữ giới già tảo, kiểm hệ kỳ thân, xưng Quán-Thế-Âm Bồ-Tát danh giả, giai tất đoạn hoại, tức đắc giải-thoát.	_ Nếu như lại có người, hoặc có tội, hoặc không có tội, bị gông cùm xiềng xích, trói buộc thân họ, mà xưng niệm danh-hiệu Bồ-Tát Quán-Thế-Âm, thì gông cùm xiềng xích đều gãy tan, liền được giải-thoát.
<p>_ Nhược tam-thiên đại-thiên quốc-độ, mãn trung oán-tặc.</p> <p>_ Hữu nhứt thương-chủ, tương chư thương-nhân, tê trì trọng bảo, kinh quá hiểm lộ.</p> <p>_ Kỳ trung nhứt nhân tác thị xướng ngôn:</p> <p>_ “Chư thiện-nam-tử! Vật đắc khủng-bố, nhữ đẳng ưng đương nhứt-tâm xưng Quán-Thế-Âm Bồ-Tát danh-hiệu; thị Bồ-Tát năng dĩ vô-úy thí ư chúng-sanh; nhữ đẳng nhược xưng danh giả, ư thử oán-tặc, đương đắc giải-thoát”.</p> <p>_ Chúng thương-nhân văn, câu phát thính ngôn: “Nam-mô Quán-Thế-Âm Bồ-Tát”, xưng kỳ danh cố, tức đắc giải-thoát.</p> <p>_ Vô-Tận-Ý! Quán-Thế-Âm Bồ-Tát Ma-ha-tát oai thần chi lực, nguy nguy như-thị. O</p>	<p>_ Nếu trong ba ngàn đại-thiên thế-giới, đầy dẫy bọn giặc cướp.</p> <p>_ Có một người chủ buôn, đem theo các người buôn bán khác, mang theo rất nhiều châu báu quý giá, đi qua con đường hiểm.</p> <p>_ Trong đó có một người xướng lên rằng:</p> <p>_ “Các thiện-nam-tử! Chớ có sợ hãi, các ông nên một lòng xưng niệm danh-hiệu Bồ-Tát Quán-Thế-Âm; vì vị Bồ-Tát đó hay đem sự vô-úy thí cho chúng-sanh; nếu các ông xưng niệm danh-hiệu của Ngài, thì nạn giặc cướp này, sẽ được giải-thoát”.</p> <p>_ Các người buôn nghe rồi, đều xưng niệm: “Nam-mô Quán-Thế-Âm Bồ-Tát”, nhờ xưng niệm danh-hiệu của Ngài, liền được giải-thoát.</p> <p>_ Vô-Tận-Ý! Sức oai thần của đại Bồ-Tát Quán-Thế-Âm, rộng lớn như thế đó.</p>
<p>_ Nhược hữu chúng-sanh, đa ư dâm-dục, thường niệm cung-kính Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, tiện đắc ly dục.</p> <p>_ Nhược đa sân-khú, thường niệm cung-kính Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, tiện</p>	<p>_ Nếu có chúng-sanh nhiều lòng dâm-dục, thường niệm cung-kính Bồ-Tát Quán-Thế-Âm, thì sẽ lìa khỏi lòng dâm-dục.</p> <p>_ Nếu nhiều giận ghét, thường niệm cung-kính Bồ-Tát Quán-Thế-Âm, thì</p>

<p>đắc ly sân.</p> <p>_ Nhược đa ngu si, thường niệm cung-kính Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, tiện đắc ly si.</p> <p>_ Vô-Tận-Ý! Quán-Thế-Âm Bồ-Tát hữu như-thị đẳng đại oai thần lực, đa sở nhiều ích; thị cố chúng-sanh, thường ưng tâm niệm.</p>	<p>sẽ lìa khỏi sân-hận.</p> <p>_ Nếu nhiều ngu si, thường niệm cung-kính Bồ-Tát Quán-Thế-Âm, thì sẽ lìa khỏi ngu si.</p> <p>_ Vô-Tận-Ý! Bồ-Tát Quán-Thế-Âm có những sức đại oai thần như thế, làm nhiều sự lợi ích; cho nên chúng-sanh, thường hay niệm tưởng.</p>
<p>_ Nhược hữu nữ-nhân, thiết dục cầu nam, lễ bái cung-duỡng Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, tiện sanh phước-đức trí-tuệ chi nam.</p> <p>_ Thiết dục cầu nữ, tiện sanh đoan-chánh hữu tướng chi nữ, túc thực đức bốn, chúng nhân ái kính.</p> <p>_ Vô-Tận-Ý! Quán-Thế-Âm Bồ-Tát hữu như-thị lực.</p>	<p>_ Nếu có người nữ, muốn cầu con trai, mà lễ lạy cung-duỡng Bồ-Tát Quán-Thế-Âm, thì sẽ sinh được con trai phúc-đức trí-tuệ.</p> <p>_ Nếu muốn cầu con gái, thì sẽ sinh được con gái đoan-chánh xinh đẹp, thuở xưa đã từng trồng gốc công-đức, nên được mọi người kính mến.</p> <p>_ Vô-Tận-Ý! Bồ-Tát Quán-Thế-Âm có sức oai thần như thế.</p>
<p>_ Nhược hữu chúng-sanh, cung-kính lễ bái Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, phước bất đường quyên; thị cố chúng-sanh, giai ưng thọ trì Quán-Thế-Âm Bồ-Tát danh-hiệu.</p>	<p>_ Nếu có chúng-sanh, cung-kính lễ bái Bồ-Tát Quán-Thế-Âm, thì phước chẳng tổn giảm; cho nên chúng-sanh, đều hay thọ trì danh-hiệu Bồ-Tát Quán-Thế-Âm.</p>
<p>_ Vô-Tận-Ý! Nhược hữu nhân thọ trì lục thập nhị ức Hằng-hà-sa Bồ-Tát danh tự, phục tận hình cung-duỡng ẩm-thực, y-phục, ngọa-cụ, y-dược.</p> <p>_ Ư nữ ý vân hà? Thị thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân công-đức đa phủ?</p> <p>_ Vô-Tận-Ý ngôn: “Thậm đa, Thế-Tôn”.</p>	<p>_ Vô Tận Ý! Nếu có người thọ trì danh-hiệu các vị Bồ-Tát nhiều như số cát sáu mươi hai ức sông Hằng, lại suốt đời dâng cúng món ăn thức uống, quần áo, đồ nằm, thuốc thang.</p> <p>_ Ý ông nghĩ sao? Người thiện-nam, thiện-nữ đó, công-đức có nhiều chăng?</p> <p>_ Vô-Tận-Ý đáp: “Bạch Thế-Tôn, rất nhiều”.</p>
<p>Phật ngôn: O</p> <p>_ “Nhược phục hữu nhân, thọ trì Quán-Thế-Âm Bồ-Tát danh-hiệu, nãi chí nhứt thời lễ bái, cung-duỡng, thị nhị nhân phước, chánh đẳng vô dị, ư bá thiên vạn ức kiếp, bất khả cùng tận.</p> <p>_ Vô-Tận-Ý! Thọ trì Quán-Thế-Âm Bồ-Tát danh-hiệu, đắc như-thị vô-lượng vô-biên phước-đức chi lợi”. O</p>	<p>Phật nói:</p> <p>_ “Nếu lại có người, thọ trì danh-hiệu Bồ-Tát Quán-Thế-Âm, cho đến một thời lễ lạy cung-duỡng, thì phước của hai người đó, bằng nhau không khác, ở trong trăm ngàn vạn ức kiếp, không thể hết được.</p> <p>_ Vô Tận Ý! Thọ trì danh-hiệu Bồ-Tát Quán-Thế-Âm, được lợi-ích phước-đức vô-lượng vô-biên như thế”.</p>

<p>Vô-Tận-Ý Bồ-Tát bạch Phật ngôn: _ “Thế-Tôn, Quán-Thế-Âm Bồ-Tát vân hà du thủ Ta-bà thế-giới? _ Vân hà nhi vị chúng-sanh thuyết-pháp? _ Phương-tiện chi lược, kỳ sự vân hà?”</p>	<p>Bồ-Tát Vô-Tận-Ý bạch Phật: _ “Thế-Tôn! Bồ-Tát Quán-Thế-Âm vân-du thế-giới Ta-bà này như thế nào? _ Vì chúng-sanh mà thuyết-pháp như thế nào? _ Sức phương-tiện việc đó thế nào?”</p>
<p>Phật cáo Vô-Tận-Ý Bồ-Tát: O _ “Thiện-nam-tử! Nhược hữu quốc-độ chúng-sanh, ưng dĩ Phật thân đặc độ giả, Quán-Thế-Âm Bồ-Tát tức hiện Phật thân, nhi vị thuyết-pháp. _ Ứng dĩ Bích-Chi-Phật thân đặc độ giả, tức hiện Bích-Chi-Phật thân, nhi vị thuyết-pháp. _ Ứng dĩ Thịnh-Văn thân đặc độ giả, tức hiện Thịnh-Văn thân, nhi vị thuyết-pháp. _ Ứng dĩ Phạm-Vương thân đặc độ giả, tức hiện Phạm-Vương thân, nhi vị thuyết-pháp. _ Ứng dĩ Đế-Thích thân đặc độ giả, tức hiện Đế-Thích thân, nhi vị thuyết-pháp. _ Ứng dĩ Tự-Tại-Thiên thân đặc độ giả, tức hiện Tự-Tại-Thiên thân, nhi vị thuyết-pháp. _ Ứng dĩ Đại-Tự-Tại-Thiên thân đặc độ giả, tức hiện Đại-Tự-Tại-Thiên thân, nhi vị thuyết-pháp. _ Ứng dĩ Thiên-Đại-Tướng-Quân thân đặc độ giả, tức hiện Thiên-Đại-Tướng-Quân thân, nhi vị thuyết-pháp. _ Ứng dĩ Tỳ-Sa-Môn thân đặc độ giả, tức hiện Tỳ-Sa-Môn thân, nhi vị thuyết-pháp. _ Ứng dĩ Tiểu-Vương thân đặc độ giả, tức hiện Tiểu-Vương thân, nhi vị thuyết-pháp. _ Ứng dĩ Trưởng-Giả thân đặc độ giả, tức hiện Trưởng-Giả thân, nhi vị thuyết-pháp. _ Ứng dĩ Cư-Sĩ thân đặc độ giả, tức hiện Cư-Sĩ thân, nhi vị thuyết-pháp.</p>	<p>Phật bảo Bồ-Tát Vô-Tận-Ý: _ “Thiện-nam-tử! Nếu có những chúng-sanh trong cõi nước, đáng dùng thân Phật độ được, thì Bồ-Tát Quán-Thế-Âm liền hiện thân Phật, để vì họ nói pháp. _ Người đáng dùng thân Bích-Chi-Phật độ được, thì liền hiện thân Bích-Chi-Phật, để vì họ nói pháp. _ Người đáng dùng thân Thịnh-Văn độ được, thì liền hiện thân Thịnh-Văn, để vì họ nói pháp. _ Người đáng dùng thân Phạm-Vương độ được, thì liền hiện thân Phạm-Vương, để vì họ nói pháp. _ Người đáng dùng thân Đế-Thích độ được, thì liền hiện thân Đế-Thích, để vì họ nói pháp. _ Người đáng dùng thân trời Tự-Tại độ được, thì liền hiện thân trời Tự-Tại, để vì họ nói pháp. _ Người đáng dùng thân trời Đại-Tự-Tại độ được, thì liền hiện thân trời Đại-Tự-Tại, để vì họ nói pháp. _ Người đáng dùng thân Thiên-Đại-Tướng-Quân độ được, thì liền hiện thân Thiên-Đại-Tướng-Quân, để vì họ nói pháp. _ Người đáng dùng thân Tỳ-Sa-Môn độ được, thì liền hiện thân Tỳ-Sa-Môn, để vì họ nói pháp. _ Người đáng dùng thân Tiểu-Vương độ được, thì liền hiện thân Tiểu-Vương, để vì họ nói pháp. _ Người đáng dùng thân Trưởng-Giả độ được, thì liền hiện thân Trưởng-Giả, để vì họ nói pháp. _ Người đáng dùng thân Cư-Sĩ độ được, thì liền hiện thân Cư-Sĩ, để vì họ</p>

<p>_ Ứng dĩ Tể-Quan thân đặc độ giả, tức hiện Tể-Quan thân, nhi vị thuyết-pháp.</p> <p>_ Ứng dĩ Bà-La-Môn thân đặc độ giả, tức hiện Bà-La-Môn thân, nhi vị thuyết-pháp.</p> <p>_ Ứng dĩ Tỳ-Khưu, Tỳ-Khưu-Ni, Ưu-Bà-Tắc, Ưu-Bà-Di thân đặc độ giả, tức hiện Tỳ-Khưu, Tỳ-Khưu-Ni, Ưu-Bà-Tắc, Ưu-Bà-Di thân, nhi vị thuyết-pháp.</p> <p>_ Ứng dĩ Trưởng-Giả, Cư-Sĩ, Tể-Quan, Bà-La-Môn phụ-nữ thân đặc độ giả, tức hiện phụ-nữ thân, nhi vị thuyết-pháp.</p> <p>_ Ứng dĩ đồng-nam, đồng-nữ thân đặc độ giả, tức hiện đồng-nam, đồng-nữ thân, nhi vị thuyết-pháp.</p> <p>_ Ứng dĩ Thiên, Long, Dạ-Xoa, Càn-Thát-Bà, A-Tu-La, Ca-Lâu-La, Khẩn-Na-La, Ma-Hầu-La-Già, nhân, phi-nhân đẳng thân đặc độ giả, tức giai hiện chi, nhi vị thuyết-pháp.</p> <p>_ Ứng dĩ Chấp-Kim-Cang thân đặc độ giả, tức hiện Chấp-Kim-Cang thân, nhi vị thuyết-pháp. O</p>	<p>nói pháp.</p> <p>_ Người đáng dùng thân Tể-Quan độ được, thì liền hiện thân Tể-Quan, để vì họ nói pháp.</p> <p>_ Người đáng dùng thân Bà-La-Môn độ được, thì liền hiện thân Bà-La-Môn, để vì họ nói pháp.</p> <p>_ Người đáng dùng thân Tỳ-Khưu, Tỳ-Khưu-Ni, cư-sĩ nam, cư-sĩ nữ độ được, thì liền hiện thân Tỳ-Khưu, Tỳ-Khưu-Ni, cư-sĩ nam, cư-sĩ nữ, để vì họ nói pháp.</p> <p>_ Người đáng dùng thân phụ-nữ Trưởng-Giả, Cư-Sĩ, Tể-Quan, Bà-La-Môn độ được, thì liền hiện thân phụ-nữ, để vì họ nói pháp.</p> <p>_ Người đáng dùng thân đồng-nam, đồng-nữ độ được, thì liền hiện thân đồng-nam, đồng-nữ, để vì họ nói pháp.</p> <p>_ Người đáng dùng thân trời, rồng, Dạ-Xoa, Càn-Thát-Bà, A-Tu-La, Ca-Lâu-La, Khẩn-Na-La, Ma-Hầu-La-Già, người, chẳng phải người, độ được, thì liền hiện ra các thân đó, để vì họ nói pháp.</p> <p>_ Người đáng dùng thân thần Chấp-Kim-Cang độ được, thì liền hiện thân thần Chấp-Kim-Cang, để vì họ nói pháp.</p>
<p>_ Vô Tận Ý! Thị Quán-Thế-Âm Bồ-Tát thành-tựu như-thị công-đức, dĩ chủng chủng hình du chư quốc-độ, độ thoát chúng-sanh.</p> <p>_ Thị cố nhữ đẳng ưng đương nhứt-tâm cung-duỡng Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.</p> <p>_ Thị Quán-Thế-Âm Bồ-Tát Ma-ha-tát ư bố úy cấp nạn chi trung, năng thí Vô-Úy.</p> <p>_ Thị cố thử Ta-bà thế-giới giai hiệu chi vi Thí-Vô-Úy giả. O</p>	<p>_ Vô-Tận-Ý! Bồ-Tát Quán-Thế-Âm đó, thành-tựu công-đức như thế, dùng đủ thứ thân hình đi khắp trong các cõi nước, để độ thoát chúng-sanh.</p> <p>_ Bởi thế, các ông nên một lòng cung-duỡng Bồ-Tát Quán-Thế-Âm.</p> <p>_ Đại Bồ-Tát Quán-Thế-Âm đó ở trong nạn khẩn cấp sợ hãi, ngài hay ban cho sự không sợ hãi.</p> <p>_ Vì thế mà thế-giới Ta-bà đều gọi ngài là Thí-Vô-Úy (bậc bố-thí không sợ hãi).</p> <p>Thí-Vô-Úy: Tiếng Phạn là Abhayapradana, nghĩa là mang lại sự an ổn, không sợ sệt cho người khác.</p>

<p>Vô-Tận-Ý Bồ-Tát bạch Phật ngôn:</p> <p>_ “Thế-Tôn! Ngã kim đương cung-dưỡng Quán-Thế-Âm Bồ-Tát”.</p> <p>_ Tức giải cảnh chúng bảo-châu anh-lạc, giá trị bá thiên lượng kim, nhi dĩ dĩ chi, tác như thị ngôn:</p> <p>_ “Nhân giả thọ thử pháp-thí trân-bảo anh-lạc”.</p> <p>_ Thời Quán-Thế-Âm Bồ-Tát bất khảng thọ chi.</p>	<p>Bồ-Tát Vô-Tận-Ý bạch Phật:</p> <p>_ “Thế-Tôn! Nay con xin cung-dưỡng Bồ-Tát Quán-Thế-Âm”.</p> <p>_ Liền cởi chuỗi ngọc các châu báu nơi cổ, giá trị trăm ngàn lạng vàng, dâng lên nói rằng:</p> <p>_ “Xin ngài hãy nhận xâu chuỗi ngọc châu báu pháp-thí này”.</p> <p>_ Lúc đó, Bồ-Tát Quán-Thế-Âm chẳng chịu thọ nhận.</p>
<p>_ Vô-Tận-Ý phục bạch Quán-Thế-Âm Bồ-Tát ngôn:</p> <p>_ “Nhân giả mẫn ngã đẳng cố, thọ thử anh lạc”.</p>	<p>_ Vô-Tận-Ý lại bạch với Bồ-Tát Quán-Thế-Âm:</p> <p>_ “Ngài hãy thương xót chúng tôi, mà thọ nhận chuỗi ngọc này”.</p>
<p>_ Nhĩ thời, Phật cáo Quán-Thế-Âm Bồ-Tát:</p> <p>_ “Đương mẫn thử Vô-Tận-Ý Bồ-Tát cập tứ chúng, thiên, long, Dạ-Xoa, Càn-Thát-Bà, A-Tu-La, Ca-Lâu-La, Khẩn-Na-La, Ma-Hầu-La-Già, nhân, phi-nhân đẳng cố, thọ thị anh lạc”.</p>	<p>_ Bấy giờ, Phật bảo Bồ-Tát Quán-Thế-Âm:</p> <p>_ “Nên thương xót Bồ-Tát Vô-Tận-Ý và bốn chúng, trời, rồng, Dạ-Xoa, Càn-Thát-Bà, A-Tu-La, Ca-Lâu-La, Khẩn-Na-La, Ma-Hầu-La-Già, người và chẳng phải người, mà thọ nhận sâu chuỗi đó”.</p>
<p>_ Tức thời, Quán-Thế-Âm Bồ-Tát mẫn chư tứ chúng, cập ư thiên, long, nhân, phi-nhân đẳng, thọ kỳ anh-lạc, phân tác nhị phần:</p> <p>- nhứt phần phụng Thích-Ca Mâu-Ni Phật,</p> <p>- nhứt phần phụng Đa-Bảo Phật tháp.</p> <p>O</p>	<p>_ Ngay lúc đó, Bồ-Tát Quán-Thế-Âm vì lòng thương bốn chúng và các trời, rồng, người và chẳng phải người, mà thọ nhận sâu chuỗi đó, chia làm hai phần:</p> <p>- một phần dâng lên Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni,</p> <p>- một phần dâng cúng tháp của Phật Đa-Bảo.</p>
<p>_ Vô-Tận-Ý! Quán-Thế-Âm Bồ-Tát hữu như-thị tự-tại thần-lực, du ư Ta-bà thế-giới.</p>	<p>_ Vô-Tận-Ý! Bồ-Tát Quán-Thế-Âm có thần-lực tự-tại như thế, đi khắp thế-giới Ta-bà.</p>
<p>_ Nhĩ thời, Vô-Tận-Ý Bồ-Tát dĩ kệ vấn viết: O</p> <p>“Thế-Tôn diệu tướng cụ, Ngã kim trùng vấn bỉ, Phật tử hà nhân-duyên, Danh vi Quán-Thế-Âm?”</p>	<p>_ Bấy giờ, Bồ-Tát Vô-Tận-Ý dùng kệ hỏi rằng:</p> <p>“Thế-Tôn đủ tướng tốt, Nay con xin hỏi Ngài, Vị kia do duyên gì, Tên là Quán-Thế-Âm?”</p>
<p>Cụ túc Diệu-Tướng-Tôn, Kệ đáp Vô-Tận-Ý: “Nhữ thính Quán-Âm hạnh, Thiện ứng chư phương sở.</p>	<p>Đấng đầy đủ tướng tốt, Đáp kệ Vô-Tận-Ý: “Ông nghe hạnh Quán-Âm, Khéo ứng khắp mọi nơi.</p>

Hoằng thệ thâm như hải, Lịch kiếp bất tư-nghi, Thị đa thiên ức Phật, Phát đại thanh-tịnh nguyện.	Nguyện lớn sâu như biển, Nhiều kiếp không nghĩ bàn, Hầu nhiều nghìn đức Phật, Phát nguyện lớn thanh tịnh.
Ngã vị nữ lược thuyết, Văn danh cập kiến thân, Tâm niệm bất không quá, Năng diệt chư hữu khổ.	Ta vì ông lược nói, Nghe tên cùng thấy thân, Tâm niệm chẳng luống qua, Hay diệt khổ các cõi.
Giả sử hưng hại ý, Thôi lạc đại hỏa-khanh, Niệm bỉ Quán-Âm lực, Hỏa-khanh biến thành trì.	Nếu người khởi tâm hại, Xô rút hầm lửa lớn, Nhờ sức niệm Quán-Âm, Hầm lửa biến thành ao.
Hoặc phiêu-lưu cự hải, Long, ngư, chư quỷ nạn, Niệm bỉ Quán-Âm lực, Ba lăng bất năng một.	Hoặc trôi dạt biển lớn, Rồng, cá, các nạn quỷ, Nhờ sức niệm Quán-Âm Sóng lớn chẳng ngập chết.
Hoặc tại Tu-Di phong, Vi nhân sở thôi đọa, Niệm bỉ Quán-Âm lực, Như nhật hư-không trụ.	Hoặc trên đỉnh Tu-Di, Bị người xô rút xuống, Nhờ sức niệm Quán-Âm, Như mặt trời trên không.
Hoặc bi ác nhân trục, Đọa lạc Kim-Cang sơn, Niệm bỉ Quán-Âm lực, Bất năng tổn nhứt mao.	Hoặc bị người ác đuổi, Ngã xuống núi Kim-Cang, Nhờ sức niệm Quán-Âm, Chẳng tổn hại mảy lông.
Hoặc trị oán tặc nhiều, Các chấp đao gia hại, Niệm bỉ Quán-Âm lực, Hàm tức khởi từ tâm.	Hoặc gặp oán tặc vây, Đều cầm đao làm hại, Nhờ sức niệm Quán-Âm, Thả đều khởi từ tâm.
Hoặc tao vương nạn khổ, Lâm hình dục thọ chung, Niệm bỉ Quán-Âm lực, Đao tầm đoạn đoạn hoại.	Hoặc gặp nạn khổ vua, Muốn hành hình sắp chết, Nhờ sức niệm Quán-Âm, Đao liền gãy từng đoạn.
Hoặc tù cấm già tỏa, Thủ túc bị nữ giới, Niệm bỉ Quán-Âm lực, Thích nhiên đắc giải-thoát.	Hoặc tù cấm xiềng xích, Tay chân bị gông cùm, Nhờ sức niệm Quán-Âm, Tự-nhiên được giải-thoát.
Chú trở chư độc-dược, Sở dục hại thân giả, Niệm bỉ Quán-Âm lực, Hườn trước ư bổn nhân.	Nguyện rửa các thuốc độc, Muốn làm hại thân người, Nhờ sức niệm Quán-Âm, Trở lại hại người đó.
Hoặc ngộ ác La-Sát, Độc-Long, chư quỷ đẳng,	Hoặc gặp La-Sát dữ, Rồng độc, các loài quỷ,

Niệm bỉ Quán-Âm lực, Thời tất bất cảm hại.	Nhờ sức niệm Quán-Âm, Thời chúng chẳng dám hại.
Nhược ác-thú vi nhiều, Lợi nha trảo khả bố, Niệm bỉ Quán-Âm lực, Tật tẩu vô biên phương.	Nếu thú dữ vây quanh, Nanh vuốt nhọn đáng sợ, Nhờ sức niệm Quán-Âm, Chúng vội chạy bỏ đi.
Ngoan-xà cập phúc-yết, Khí độc yên hỏa nhiên, Niệm bỉ Quán-Âm lực, Tâm thình tự hồi khứ.	Rắn độc cùng bò cạp, Hơi độc khói lửa đốt, Nhờ sức niệm Quán-Âm, Nghe tiếng bỏ chạy đi.
Vân lôi cổ xiết điện, Giáng bạc chú đại võ, Niệm bỉ Quán-Âm lực, Ứng thời đặc tiêu tán.	Mây sấm nổ điện chớp, Tuôn mưa đá mưa rào, Nhờ sức niệm Quán-Âm, Liền được trời quang tạnh.
Chúng-sanh bị khổ ách, Vô-lượng khổ bức thân, Quán-Âm diệu-trí lực, Năng cứu thế-gian khổ.	Chúng-sanh bị khổ cùng, Vô-lượng khổ bức bách, Nhờ diệu-trí Quán-Âm, Hay cứu khổ thế-gian.
Cụ-túc thần-thông lực, Quảng tu trí phương-tiện, Thập phương chư quốc-độ, Vô sát bất hiện thân.	Đầy đủ sức thần-thông, Rộng tu trí phương tiện, Các cõi nước mười phương, Không cõi nào chẳng hiện.
Chủng chủng chư ác thú: Địa-ngục, quỷ, súc-sanh, Sanh, lão, bệnh, tử khổ, Dĩ tiêm tất linh diệt.	Đủ loại trong đường ác: Địa-ngục, quỷ, súc-sanh, Sinh, già, bệnh, chết khổ, Dần dần đều dứt hết.
Chơn-quán, thanh-tịnh quán, Quảng-đại trí-tuệ quán, Bi-quán cập từ-quán, Thường nguyện thường chiêm-nguống	Quán chơn, quán thanh-tịnh, Quán trí-tuệ rộng lớn, Quán bi và quán từ, Thường nguyện thường chiêm-nguống.
Vô cấu thanh-tịnh quang, Tuệ-nhứt phá chư ám, Năng phục tai phong hỏa, Phổ minh chiếu thế-gian.	Quang thanh-tịnh không dơ, Tuệ-nhứt phá các tối, Hay phục nạn gió lửa, Chiếu sáng khắp thế-gian.
Bi-thể giới lôi-chấn, Từ-ý diệu đại-vân, Chú cam-lộ pháp-võ, Diệt-trừ phiền-não diêm.	Lòng bi răn như sấm, Ý từ diệu mây lớn, Rưới mưa pháp cam-lộ, Dập tắt lửa phiền não.
Tránh tụng kinh quan xứ, Bố úy quân trận trung, Niệm bỉ Quán-Âm lực, Chúng oán tất thối tán.	Kiện tụng nơi quan tòa, Trong trận chiến sợ hãi, Nhờ sức niệm Quán-Âm Các oán địch lui tan.

Diệu-âm, Quán-Thế-Âm, Phạm-âm, hải-triều-âm, Thắng bỉ thế-gian âm, Thị cố tu thường niệm	Tiếng vi-diệu, Quán-Thế-Âm, Tiếng Phạm, tiếng hải-triều, Hơn hẳn tiếng thế-gian, Cho nên thường phải niệm.
Niệm niệm vật sanh nghi, Quán-Thế-Âm tịnh thánh, Ư khổ não tử ách, Năng vị tác y hộ.	Niệm niệm chớ sanh nghi, Quán-Âm bậc Tịnh-thánh, Nơi khổ não nạn chết, Hay làm nơi nương tựa.
Cụ nhứt-thiết công-đức, Tử-nhãn thị chúng-sanh, Phước tụ hải vô-lượng, Thị cố ưng đánh lễ”. O	Đủ tất cả công-đức, Mắt từ trông chúng-sanh, Biển phước lớn vô-lượng, Cho nên phải đánh lễ”.
_ Nhĩ thời, Trì-Địa Bồ-Tát tức tùng tọa khởi, tiền bạch Phật ngôn: _ “Thế-Tôn! Nhược hữu chúng-sanh văn thị Quán-Thế-Âm Bồ-Tát phẩm, tự-tại chi nghiệp, Phổ-Môn thị-hiện thần-thông lực giả, đương tri thị nhân, công-đức bất thiếu”.	_ Bảy giờ, Bồ-Tát Trì-Địa liền từ tòa ngồi đứng dậy, đến trước Phật bạch rằng: _ “Thế-Tôn! Nếu có chúng-sanh nghe được phẩm Bồ-Tát Quán-Thế-Âm này, nghiệp tự-tại, Phổ-Môn thị-hiện sức thần thông, thì nên biết người đó, công-đức chẳng ít”.
_ Phật thuyết thị Phổ-Môn phẩm thời, chúng trung bát vạn tứ thiên chúng- sanh, giai phát Vô-đẳng-đẳng A-nậu- đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề Tâm. O	_ Khi Đức Phật nói phẩm Phổ-Môn này, thì có tám vạn bốn ngàn chúng- sanh ở trong chúng, đều phát tâm Vô- thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.
DIỆU-PHÁP LIÊN-HOÀ KINH QUÁN-THẾ-ÂM BỒ-TÁT PHỔ-MÔN PHẨM. CHUNG	



CHƠN-NGÔN VIẾT:

Án, đa rị đa rị, đốt đa rị, đốt đốt đa rị, ta-bà-ha. (3 lần) O

LỤC TỰ ĐẠI-MINH CHƠN-NGÔN

Án ma ni bát di hồng. (108 lần) O

QUÁN-ÂM KINH TÁN

Phổ-Môn thị-hiện,
Cứu khổ tầm thình,
Từ-bi thuyết-pháp độ mê tân,
Phó cảm-ứng tùy hình,
Tứ hải thanh-ninh,
Bát nạn vĩnh vô xâm. O



THẬP NHỊ NGUYỆN

1. Nam-mô hiệu Viên-Thông, danh Tự-Tại, Quán-Âm Như-Lai quảng phát hồng thệ nguyện. O (1 lạy)
1. Được xưng tụng là “Hiểu biết đầy đủ”, “Thong dong hoàn-toàn”, Ngài đem pháp tu-hành mà khuyên độ khắp cùng.
2. Nam-mô nhứt niệm tâm, vô quái ngại, Quán-Âm Như-Lai thường cư Nam-Hải nguyện. O (1 lạy)
2. Ở trong một niệm tâm được tự-tại vô-ngại, Ngài nguyện thường ở biển phương nam (Nam-Hải) để cứu độ chúng-sanh.
3. Nam-mô trụ Ta-bà, U-minh giới, Quán-Âm Như-Lai tầm thình cứu khổ nguyện. O (1 lạy)
3. Luôn ở cõi Ta-bà và cõi U-minh, Ngài cứu-độ kẻ nào kêu cầu tới Ngài.
4. Nam-mô hàng tà-ma, trừ yêu-quái, Quán-Âm Như-Lai năng trừ nguy-hiểm nguyện. O (1 lạy)
4. Trừ-khử loài tà-ma yêu-quái, Ngài có đủ sức cứu người gặp nguy-hiểm.
5. Nam-mô thanh-tịnh bình, thùi dương liễu, Quán-Âm Như-Lai cam-lộ sái tâm nguyện. O (1 lạy)
5. Ngài lấy hành dương liễu dụ dàng nhúng vào nước ngọt mát, trong cái bình thanh-tịnh, để rưới tắt lửa lòng của chúng-sanh.
6. Nam-mô đại từ-bi, năng hỷ-xả, Quán-Âm Như-Lai thường hành bình-đẳng nguyện. O (1 lạy)
6. Thương xót người đói và sẵn lòng tha thứ, Ngài không phân-biệt kẻ oán người thân, tất cả đều coi như nhau.

7. Nam-mô trú dạ tuần, vô tổn hoại, Quán-Âm Như-Lai thệ diệt tam đồ nguyện. O (1 lạy)
7. Đêm ngày đi khắp đó đây để cứu giúp chúng-sanh ra khỏi các sự tổn hại, Ngài nguyện cứu vớt chúng-sanh ra khỏi ba đường ác: địa-ngục, ngạ-quỷ, súc-sanh.
8. Nam-mô vọng Nam-nham, cần lễ bái, Quán-Âm Như-Lai già tỏa giải-thoát nguyện. O (1 lạy)
8. Nếu ai quay về núi hướng nam mà hết lòng cầu nguyện thì dầu có bị gông cùm xiềng xích cũng được thoát khỏi.
9. Nam-mô tạo pháp-thuyền, du khổ-hải, Quán-Âm Như-Lai độ tận chúng-sanh nguyện. O (1 lạy)
9. Dùng phép tu-hành để làm chiếc thuyền, Ngài đi cùng trong biển khổ để độ hết chúng-sanh.
10. Nam-mô tiền tràng-phan, hậu bảo-cái, Quán-Âm Như-Lai tiếp dẫn Tây-phương nguyện. O (1 lạy)
10. Nếu ai cầu nguyện và tu-hành theo Ngài chỉ dẫn, khi rời bỏ xác thân này thì sẽ có phước dài đi trước, tàng lọng quý giá theo sau, để rước về Tây-phương.
11. Nam-mô Vô-Lượng-Thọ Phật cảnh-giới, Quán-Âm Như-Lai Di-Đà thọ-ký nguyện. O (1 lạy)
11. Ở cảnh-giới của Đức Vô-Lượng-Thọ (tức Phật A-Di-Đà), Ngài đã được cho biết trước là về sau Ngài sẽ thay thế Đức Phật A-Di-Đà ở ngôi vị đó.
12. Nam-mô đoan-nghiêm thân, vô tỷ trại, Quán-Âm Như-Lai quả tu thập nhị nguyện. O (1 lạy)
12. Được thân hình trang-nghiêm không ai so sánh được với Ngài, ấy là kết-quả của sự tu theo mười hai lời nguyện lớn ấy.

CỬ TÁN

Quán-Âm Đại-Sĩ,
Phổ hiệu Viên-Thông,
Thập nhị đại nguyện thệ hoằng thâm,
Khổ-hải phiếm từ phong,
Phổ tế tâm dung,
Sát sát hiện vô cùng.

NAM-MÔ THÁNH-QUÁN-TỰ-TẠI BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) O



MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH

Quán-Tự-Tại Bồ-Tát, hành thâm Bát-Nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt-thiết khổ ách.

Xá-Lợi-Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị.

Xá-Lợi-Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.

Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức.

Vô nhân, nhĩ, ty, thiết, thân, ý.

Vô sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp.

Vô nhân-giới, nãi chí vô ý-thức-giới.

Vô vô-minh, diệc vô vô-minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận.

Vô khổ, tập, diệt, đạo.

Vô trí diệc vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-Đề-Tát-Đỏa y Bát-Nhã ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại. Vô quái ngại cố, vô hữu khủng-bố, viễn ly điên-đảo mộng-tưởng, cứu cánh Niết-Bàn. Tam thế chư Phật y Bát-Nhã ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

Cố tri Bát-Nhã ba-la-mật-đa, thị đại thần-chú, thị đại minh-chú, thị vô-thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt-thiết khổ, chơn thiết bất hư.

Cố thuyết Bát-Nhã ba-la-mật-đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết-đế yết-đế, ba la yết-đế, ba la tăng yết-đế, bồ-đề tát-bà-ha. O

VÃNG-SANH CHƠN-NGÔN

Nam-mô A-di-đà bà dạ, đa tha già đa dạ,
đa diệt dạ tha, a di rị đô bà tỳ,
a di rị đa, tất đam bà tỳ,
a di rị đa, tỳ ca lan đế,
a di rị đa, tỳ ca lan đa,
già di nị, già già na,
chỉ đa ca lệ, ta-bà-ha. (3 biến) O

TÁN PHẬT

A-Di-Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang-minh vô đẳng luân,
Bạch hào uyển chuyển ngũ tu-di,
Cám mục trùng thanh tứ đại-hải,
Quang trung Hóa-Phật vô số úc,
Hóa Bồ-Tát chúng diệc vô biên,
Tứ thập bát nguyện độ chúng-sanh,
Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn. O

Thân Phật Di-Đà vàng rực rỡ
Tướng đẹp sáng ngời không gì sánh
Hào quang tỏa khắp năm tu di
Mắt biếc trong hơn bốn biển lớn
Quang trung hóa Phật nhiều vô số
Hóa chúng Bồ-Tát cũng vô biên
Bốn mươi tám nguyện độ chúng-sanh
Chín phẩm đều lên ngôi Chánh-Giác.



NIỆM PHẬT

Nam-mô Tây-Phương Cực-Lạc Thế-Giới, Tam Thập Lục Vạn Úc, Nhưt Thập Nhưt Vạn, Cửu Thiên Ngũ Bá, Đồng Danh Đồng Hiệu, Đại-Từ Đại-Bi, Tiếp Dẫn Đạo-Sư A-Di-Đà Phật. O

- Nam-mô A-Di-Đà Phật. (108 lần) O
- Nam-mô Quán-Thế-Âm Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Đại-Thế-Chí Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Địa-Tạng-Vương Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Thanh-Tịnh Đại-Hải-Chúng Bồ-Tát. (10 lần) O

SÁM THẬP PHƯƠNG

Thập phương tam thế Phật,
A-Di-Đà đệ nhưt,
Cửu phẩm độ chúng-sanh,
Oai-đức vô cùng-cực.

Mười phương ba đời Phật,
A-Di-Đà đệ nhưt,
Chín phẩm độ chúng-sanh,
Uy đức không cùng tột.

Ngã kim đại quy-y,
Sám-hối tam nghiệp tội,
Phàm hữu chư phước thiện,
Chí-tâm dụng hồi-hướng.

Con nay cả quy-y,
Sám-hối tội ba nghiệp,
Hễ có các phước thiện,
Chăm lòng dùng hồi-hướng.

Nguyện đồng niệm Phật nhân,
Cảm-ứng tùy thời hiện,
Lâm-chung Tây-phương cảnh,
Phân-minh tại mục tiền.

Nguyện đồng người niệm Phật,
Đều theo thời ứng hiện,
Lâm-chung cảnh phương tây,
Rõ ràng ở trước mắt.

Kiến-văn giai tinh-tấn,
Đồng sanh Cực-Lạc quốc,
Kiến Phật liễu sanh tử,
Như Phật độ nhưt-thiết.

Thấy nghe đều tinh tiến,
Đồng sanh nước Cực-Lạc,
Thấy Phật hết sanh tử,
Như Phật độ tất cả.

Vô-biên phiến-não đoạn,
Vô-lượng pháp-môn tu,
Thệ nguyện độ chúng-sanh,
Tổng giai thành Phật-đạo.

Dứt vô-biên phiến-não,
Tu vô-lượng pháp-môn,
Thệ nguyện độ chúng-sanh,
Tất cả thành đạo Phật.

Hư-không hữu tận, ngã nguyện vô cùng, Cõi hư-không có hết, tâm nguyện con không cùng,
Hư-không hữu tận, ngã nguyện vô cùng, Cõi hư-không có hết, tâm nguyện con không cùng,
Tinh dữ vô-tinh, đồng viên chủng trí. O Chúng hữu-tinh và chúng vô-tinh, đồng tròn giống trí Phật.



THẬP NGUYỆN

Nhứt giả lễ kính chư Phật,	Thứ nhứt là nguyện kính lạy các đức Phật,
Nhị giả xưng tán Như-Lai,	Thứ hai là nguyện khen kính đức Như-Lai,
Tam giả quảng tu cung-dưỡng,	Thứ ba là nguyện rộng tu làm việc cúng dường,
Tứ giả sám-hối nghiệp chướng,	Thứ tư là nguyện sám-hối nghiệp chướng,
Ngũ giả tùy hỷ công-đức,	Thứ năm là nguyện tùy hỷ công-đức,
Lục giả thỉnh chuyển pháp-luân,	Thứ sáu là nguyện mời Phật nói pháp,
Thất giả thỉnh Phật trụ thế,	Thứ bảy là nguyện xin Phật ở lại thế-gian này,
Bát giả thường tùy Phật học,	Thứ tám là nguyện thường theo Phật để học,
Cửu giả hằng thuận chúng-sanh,	Thứ chín là nguyện thường thuận theo chúng-sanh,
Thập giả phổ giai hồi-hướng. O	Thứ mười là nguyện khắp đều hồi-hướng.

PHÚNG KINH

Phúng kinh công-đức thù-thắng hạnh,	Công-đức phúng kinh rất tuyệt vời,
Vô-biên thắng phước giai hồi hướng,	Bao nhiêu thắng phước xin hồi hướng,
Phổ nguyện pháp-giới chư chúng-sanh,	Nguyện khắp chúng-sanh trong pháp-giới,
Tốc vãng vô-lượng-quang Phật-sát. O	Chóng được sanh về cõi Cực-Lạc.

HỒI HƯỚNG

Hồi hướng nhân-duyên tam thế Phật,	Hướng về nhân-duyên với chư Phật ba đời,
Văn-Thù, Phổ-Hiền, Quán-Tự-Tại,	Nào Bồ-Tát Văn-Thù, Phổ-Hiền, và Quán-Tự-Tại,
Chư tôn Bồ-Tát Ma-ha-tát,	Cùng các vị Bồ-Tát quảng đại,
Ma-ha Bát-Nhã ba-la-mật. O	Đó là đại trí-tuệ mới qua bờ bên kia được.

NGUYỆN TIÊU

Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền-não,	Nguyện tiêu ba chướng cùng phiền-não,
Nguyện đắc trí-tuệ chơn minh liễu,	Nguyện được trí-tuệ thật sáng ngời,
Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ,	Nguyện bao tội chướng đều tiêu trừ,
Thế thế thường hành Bồ-Tát đạo. O	Đời đời thường làm Bồ-Tát đạo.

NGUYỆN SANH

Nguyện sanh Tây-phương Tịnh-Độ trung,	Nguyện sanh Tây-phương cõi Phật-đà,
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,	Chín phẩm đài sen là cha mẹ,
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh,	Hoa nở thấy Phật ngộ vô sanh,
Bất thối Bồ-Tát vi bạn lữ. O	Bất thoái Bồ-Tát làm bạn lữ.

NGUYỆN CÔNG-ĐỨC

Nguyện dĩ thủ công-đức,	Nguyện đem công-đức này,
Phổ cập ư nhứt-thiết,	Hướng về khắp tất cả,
Ngã đẳng dĩ chúng-sanh,	Đệ-tử và chúng-sanh,
Giai cộng thành Phật đạo. O	Đều cùng thành Phật-đạo.

TAM QUY

Tự quy-y Phật, đương nguyện chúng-sanh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm. O (1 lạy)

Tự quy-y Pháp, đương nguyện chúng-sanh, thâm nhập kinh tạng, trí-tuệ như hải. O (1 lạy)

Tự quy-y Tăng, đương nguyện chúng-sanh, thống lý đại chúng, nhứt-thiết vô ngại. OOO (1 lạy)

Tự về nương Phật, xin nguyện chúng-sanh, thể theo đạo lớn, phát tâm vô thượng.

Tự về nương Pháp, xin nguyện chúng-sanh, thấu rõ kinh tạng, trí-tuệ như biển.

Tự về nương Phật, xin nguyện chúng-sanh, dẫn dắt đại chúng, tất cả không ngại.

Hòa nam thánh chúng. OOO (3 xá)

Thánh chúng hài hòa. (Lạy chào các vị thánh, chúng con xin lui.)



THỜI KINH KIM-CANG

TÁN LƯ HƯƠNG

Lư hương sạ nhiệt,
Pháp-giới môn huân,
Chư Phật hải hội tất diêu văn,
Tùy xứ kiết tường vân,
Thành ý phương ân,
Chư Phật hiện toàn thân. O

Lư hương vừa mới đốt,
Khắp pháp-giới thơm lừng,
Chư Phật nơi hải hội đều xa hay,
Mây lành tùy xứ hiện,
Lòng thành mới ân cần,
Chư Phật hiện toàn thân.

Dịch theo lối lục bát:

Lư hương vừa ngún chiêm-đàn,
Khói thơm ngào ngạt muôn ngàn cõi xa,
Lòng con kính-ngưỡng thiết-tha,
Ngửa mong chư Phật thương mà chứng-minh.

NAM-MÔ HƯƠNG-VÂN-CÁI BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) O
NAM-MÔ BỔN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT. (3 lần) O

PHỤNG-THỈNH BÁT KIM-CANG

Phụng-thỉnh	Thanh-Trừ-Tai	Kim-Cang.
Phụng-thỉnh	Tịch-Độc	Kim-Cang.
Phụng-thỉnh	Huỳnh-Tùy-Cầu	Kim-Cang.
Phụng-thỉnh	Bạch-Tịnh-Thủy	Kim-Cang.
Phụng-thỉnh	Xích-Thịnh-Hỏa	Kim-Cang.
Phụng-thỉnh	Định-Trì-Tai	Kim-Cang.
Phụng-thỉnh	Tử-Hiền	Kim-Cang.
Phụng-thỉnh	Đại-Thần	Kim-Cang. O

PHỤNG-THỈNH TỨ BỒ-TÁT

Phụng-thỉnh	Kim-Cang-Quyển	Bồ-Tát.
Phụng-thỉnh	Kim-Cang-Sách	Bồ-Tát.
Phụng-thỉnh	Kim-Cang-Ái	Bồ-Tát.
Phụng-thỉnh	Kim-Cang-Ngũ	Bồ-Tát. O

PHÁT NGUYỆN VĂN

Khể-thủ tam-giới Tôn, quy-mệnh thập phương Phật,
Ngã kim phát hoàng-nguyện: trì thủ Kim-Cang kinh,
Thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ,
Nhược hữu kiến-văn giả, tất phát Bồ-đề tâm,
Tận thủ nhứt báo-thân, vãng-sanh Cực-Lạc quốc. O



VÂN-HÀ PHẠM

Vân-hà đắc trường-thọ, Kim-Cang bất hoại thân?
Phục dĩ hà nhân-duyên, đắc đại kiên-cố lực?
Vân-hà ư thủ kinh, cứu-cánh đáo bỉ-ngạn?
Nguyện Phật khai vi mật, quảng vị chúng-sanh thuyết. O

NAM-MÔ BỔN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT. (3 lần) O

KHAI KINH KỆ

無上甚深微妙法
百千萬劫難遭遇
我今見聞得受持
願解如來真實義

Vô-thượng thậm-thâm vi-diệu pháp,
Bá thiên vạn kiếp nan tao-ngộ,
Ngã kim kiến văn đắc thọ-trì,
Nguyện giải Như-Lai chơn-thật nghĩa. O

Phật-pháp cao sâu rất nhiệm mầu,
Trăm nghìn muôn kiếp khó tìm cầu,
Con nay nghe thấy chuyên trì tụng,
Nguyện hiểu nghĩa chơn thiết của Như-Lai.

DỊCH GIẢI:

Chánh-pháp Như-Lai nhiệm mầu sâu xa không gì hơn được.
Dù trải qua trăm ngàn muôn kiếp tìm cầu cũng không dễ gặp.
Nay con đã nhận được kinh điển đại-thừa ... này để tu-tập hành-trì.
Nguyện khai mở trí-tuệ để thấu hiểu nghĩa-lý sâu xa chân-thật trong từng lời thuyết giảng của Đức Như-Lai.



**NAM-MÔ KIM-CANG HỘI-THƯỢNG PHẬT BỒ-TÁT
MA-HA-TÁT. (3 lần) O**

KIM-CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT KINH

金剛般若波羅蜜經

(Dao Tần Tam-Tạng Pháp-Sư Cưu-Ma-La-Thập dịch)

Âm	Nghĩa
1. PHÁP-HỘI NHÂN DO	1. NGUYÊN DO CỦA PHÁP-HỘI
<p>Như-thị ngã văn: _ Nhứt thời Phật tại Xá-Vệ quốc, Kỳ-Thọ Cấp-Cô-Độc viên, dĩ đại Tỳ-khưu chúng thiên nhị bá ngũ thập nhân câu.</p> <p>_ Nhĩ thời, Thế-Tôn thực thời, trước y trì bát, nhập Xá-Vệ đại thành khát-thực.</p> <p>_ Ư kỳ thành trung thứ đệ khát dĩ, hườn chí bốn xứ, phạn thực ngật, đầu y bát, tẩy túc dĩ, phu tòa nhi tọa. O</p>	<p>Ta nghe như vậy: _ Một thuở nọ, đức Phật ở trong vườn Kỳ-Thọ, Cấp-Cô-Độc, tại nước Xá-Vệ, cùng với chúng đại Tỳ-khưu, một nghìn hai trăm năm mươi người câu-hội.</p> <p>_ Lúc đó, gần đến giờ ăn, đức Thế-Tôn đắp y, cầm bát vào thành lớn Xá-Vệ mà khát-thực.</p> <p>_ Trong thành ấy, đức Phật theo thứ tự, ghé từng nhà, khát-thực xong trở về tinh-xá, dùng cơm, rồi cất y bát, sau khi rửa chân xong, đức Phật trải tòa mà ngồi.</p>

2. THIỆN HIỆN KHẢI THỈNH	2. TU-BỒ-ĐỀ THƯA THỈNH
<p>_ Thời Trưởng-lão Tu-Bồ-Đề tại đại-chúng trung, tức từng tọa khởi, thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng cung-kính, nhi bạch Phật ngôn: _ “Hy-hữu Thế-Tôn! Như-Lai thiện hộ-niệm chư Bồ Tát, thiện phú-chúc chư Bồ Tát. _ Thế-Tôn! Thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, ưng vân hà trụ, vân hà hàng-phục kỳ tâm?”</p>	<p>_ Bấy giờ, ông Trưởng-Lão Tu-Bồ-Đề, ở trong đại-chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trạch áo bên vai hữu, gối bên hữu quỳ sát đất, cung-kính chấp tay, mà bạch Phật rằng: _ “Hi-hữu thay, Thế-Tôn! Như-Lai khéo hay hộ-niệm các vị Bồ-Tát và khéo hay dặn dò các vị Bồ-Tát! _ Bạch Thế-Tôn! Thiện-nam thiện-nữ phát tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, thời phải trụ tâm như thế nào, nên hàng-phục tâm mình như thế nào?”</p>
<p>Phật ngôn: _ “Thiện-tai! Thiện-tai! Tu-Bồ-Đề! Như nữ sở thuyết, Như-Lai thiện hộ-niệm chư Bồ-Tát, thiện phú-chúc chư Bồ-</p>	<p>Phật dạy: _ “Lành thay! Lành thay! Tu-Bồ-Đề! Đúng như lời của ông vừa nói, Như-Lai khéo hay hộ-niệm các Bồ-Tát và khéo</p>

<p>Tát. _ Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết. _ Thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, ưng như-thị trụ, như-thị hàng-phục kỳ tâm”.</p>	<p>hay dặn dò các Bồ-Tát. _ Nay hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông mà giảng thuyết. _ Thiện-nam thiện-nữ phát tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, phải trụ tâm như thế này, phải hàng-phục tâm mình như thế này”.</p>
<p>_ “Duy nhiên Thế-Tôn! Nguyện nhạo dục văn”. O</p>	<p>_ “Vâng, bạch Thế-Tôn! Con xin vui thích muốn nghe”.</p>
<p>Chú thích: (2018) _ An trụ tâm: là tu Chỉ (Samatha) tập-trung tinh-thần vào một nơi. Đó là pháp-môn tu để được Định (Samadhi, Tam-ma-đề, Tam-muội, Chánh-định). _ Hàng phục tâm: là tu Quán (Vipassana) tập-trung tư-tưởng vào một đề tài để tìm chơn-lý. Khi tu Chỉ mà bị phiền-não hay vọng-tưởng quấy rầy thì phải dùng Quán để trừ (hàng phục). Ví dụ như khi tu Chỉ mà bị tưởng dâm-dục quấy rầy thì nên dùng Quán Thân Bất Tịnh (Cửu Tưởng Quán) để trừ.</p>	

<p>3. ĐẠI-THỪA CHÁNH-TÔNG</p>	<p>3. CHÁNH-TÔNG CỦA ĐẠI-THỪA</p>
<p>Phật cáo Tu-Bồ-Đề: _ “Chư Bồ-Tát Ma-ha-tát ưng như-thị hàng-phục kỳ tâm: - Sở hữu nhứt-thiết chúng-sanh chi loại, - nhược noãn-sanh, - nhược thai-sanh, - nhược thấp-sanh, - nhược hóa-sanh, - nhược hữu-sắc, - nhược vô-sắc, - nhược hữu-tưởng, - nhược vô-tưởng, - nhược phi hữu-tưởng phi vô-tưởng, - ngã giai linh nhập Vô-dư Niết-Bàn, nhi diệt-độ chi. _ Như-thị diệt-độ vô-lượng vô-số vô-biên chúng-sanh, thiết vô chúng-sanh, đắc diệt-độ giả. _ Hà dĩ cố? Tu-Bồ-Đề! Nhược Bồ-Tát hữu ngã-tướng, nhân-tướng, chúng-sanh-tướng, thọ-giả-tướng, tức phi Bồ Tát”. O</p>	<p>Phật bảo Tu-Bồ-Đề: _ “Các vị đại Bồ-Tát phải hàng-phục tâm mình như thế này: - Đối với tất cả các loài chúng-sanh, - hoặc là loài noãn-sanh, - hoặc loài thai-sanh, - hoặc loài thấp-sanh, - hoặc loài hóa-sanh, - hoặc loài có hình-sắc, - hoặc loài không hình-sắc, - hoặc loài có tư-tưởng, - hoặc loài không tư-tưởng, - hoặc loài chẳng-phải-có-tư-tưởng, mà cũng chẳng-phải-không-tư-tưởng, - thời ta đều làm cho được diệt-độ, và đưa tất cả vào nơi Vô-dư Niết-Bàn. _ Diệt-độ vô-lượng, vô-số, vô-biên chúng-sanh như thế, mà thiết không có chúng-sanh nào, là kẻ được diệt-độ cả. _ Tại sao vậy? Tu-Bồ-Đề! Nếu Bồ-Tát còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng-sanh, tướng thọ-giả, thời chẳng phải là Bồ-Tát”.</p>

4. DIỆU-HẠNH VÔ-TRỤ	4. DIỆU-HẠNH KHÔNG CHẤP TRƯỚC
<p>_ “Phục thứ Tu-Bồ-Đề! Bồ-Tát ư pháp ưng vô sở trụ, hành ư bố-thí.</p> <p>_ Sở vị, bất trụ sắc bố-thí, bất trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp bố-thí.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Bồ-Tát ưng như-thị bố-thí, bất trụ ư tướng.</p> <p>_ Hà dĩ cố? Nhược Bồ-Tát bất trụ tướng bố-thí, kỳ phước-đức bất khả tư lượng.</p>	<p>_ “Lại nữa, Tu-Bồ-Đề! Bồ-Tát theo đúng pháp, nên lấy tâm không có chỗ trụ-trước, mà làm việc bố-thí.</p> <p>_ Nghĩa là, không trụ-trước nơi hình sắc mà bố-thí, không trụ-trước nơi âm-thinh, hương thơm, mùi vị, cảm xúc, pháp-tướng mà bố-thí.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Bồ-Tát phải nên bố-thí như thế, chẳng trụ-trước nơi tướng.</p> <p>_ Tại vì sao? Vì nếu Bồ-Tát không trụ-trước nơi tướng mà bố-thí, thời phước-đức nhiều không thể suy lường.</p>
<p>_ Tu-Bồ-Đề! Ư ý vân hà? Đông phương hư-không khả tư lượng phủ?”</p> <p>_ “Phất dã, Thế-Tôn!”</p>	<p>_ Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Cõi hư-không ở phương đông có thể suy lường được chăng?”</p> <p>_ “Bạch Thế-Tôn, không!”</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Nam, tây, bắc phương, tứ duy, thượng hạ hư-không, khả tư lượng phủ?”</p> <p>_ “Phất dã, Thế-Tôn!”</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Cõi hư-không ở phương nam, tây, bắc, bốn phương phụ, phương trên, phương dưới, có thể suy lường được chăng?”</p> <p>_ “Bạch Thế-Tôn, không!”</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Bồ-Tát vô trụ tướng bố-thí, phước-đức diệc phục như thị, bất khả tư lượng.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Bồ-Tát dẫn ứng như sở giáo trụ”. O</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Bồ-Tát không trụ-trước nơi tướng mà bố-thí, thời phước-đức cũng lại như thế, không thể suy lường được.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Bồ-Tát chỉ nên đúng như lời ta đã dạy đó mà trụ”.</p>

5. NHƯ LÝ THIỆT KIẾN	5. THẤY THẬT ĐÚNG LÝ
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ư ý vân hà? Khả dĩ thân tướng kiến Như-Lai phủ?”</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Có thể do nơi thân tướng mà thấy Như-Lai chăng?”</p>
<p>_ “Phất dã, Thế-Tôn! Bất khả dĩ thân tướng đắc kiến Như-Lai. Hà dĩ cố? Như-Lai sở thuyết thân tướng tức phi thân tướng”.</p>	<p>_ “Bạch Thế-Tôn, không! Không thể do nơi thân tướng mà thấy được Như-Lai. Bởi vì sao? Vì Như-Lai nói thân-tướng đó chính là chẳng phải thân-tướng”.</p>
<p>Phật cáo Tu-Bồ-Đề:</p> <p>_ “Phàm sở hữu tướng giai thị hư-vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như-Lai”. O</p>	<p>Phật bảo Tu-Bồ-Đề:</p> <p>_ “Phàm hễ có tướng đều là hư-vọng. Nếu nhận thấy các tướng đều không phải tướng, chính là thấy Như-Lai”.</p>

6. CHÁNH-TÍN HY-HỮU	6. CHÁNH-TÍN HIẾM CÓ
<p>Tu-Bồ-Đề bạch Phật ngôn: _ “Thế-Tôn! Phả hữu chúng-sanh đắc văn như-thị ngôn thuyết chương cú sanh thiệt tín phủ?”</p>	<p>Tu-Bồ-Đề bạch Phật: _ “Bạch Thế-Tôn! Liệu có chúng-sanh nào nghe lời thuyết dạy này mà sanh lòng tin là thiệt chẳng?”</p>
<p>Phật cáo Tu-Bồ-Đề: _ “Mạc tác thị thuyết. Như-Lai diệt hậu, hậu ngũ bá tuế, hữu trì giới tu phước giả, ư thủ chương cú, năng sanh tín tâm, dĩ thủ vi thiệt.</p> <p>_ Đương trì thị nhân, bất ư nhứt Phật, nhị Phật, tam, tứ, ngũ Phật nhi chủng thiện-căn; dĩ ư vô-lượng thiên vạn Phật sở chủng chư thiện-căn.</p> <p>_ Văn thị chương cú, nãi chí nhứt niệm, sanh tịnh tín giả.</p>	<p>Phật bảo Tu-Bồ-Đề: _ “Chớ nói lời ấy. Sau khi Như-Lai diệt-độ, năm trăm năm sau, có người trì giới tu phước, đối với lời thuyết dạy này, thường sanh lòng tin, cho đó là thiệt.</p> <p>_ Thời phải biết người ấy, chẳng phải chỉ vun trồng căn lành từ nơi một đức Phật, hai đức Phật, ba, bốn, năm đức Phật; mà người đó đã vun trồng căn lành từ nơi vô-lượng nghìn muôn đức Phật rồi.</p> <p>_ (Những người ấy) Nghe lời thuyết dạy này, dù chỉ một niệm, cũng sanh lòng tin trong sạch.</p>
<p>_ Tu-Bồ-Đề! Như-Lai tất tri, tất kiến, thị chư chúng-sanh đắc như-thị vô-lượng phước-đức.</p> <p>_ Hà dĩ cố? Thị chư chúng-sanh vô phục ngã-tướng, nhân-tướng, chúng-sanh-tướng, thọ-giả-tướng, vô pháp-tướng diệt vô phi-pháp-tướng.</p> <p>_ Hà dĩ cố? Thị chư chúng-sanh nhược tâm thủ tướng, tức vi trước ngã, nhân, chúng-sanh, thọ giả.</p> <p>_ Hà dĩ cố? Nhược thủ pháp-tướng tức trước ngã, nhân, chúng-sanh, thọ giả.</p> <p>_ Nhược thủ phi-pháp-tướng tức trước ngã, nhân, chúng-sanh, thọ giả.</p> <p>_ Thị cố, bất ưng thủ pháp, bất ưng thủ phi-pháp”.</p>	<p>_ Tu-Bồ-Đề! Như-Lai đều biết, đều thấy, những chúng-sanh đó đặng phước-đức vô-lượng dường ấy.</p> <p>_ Tại vì sao? Vì những chúng-sanh đó không còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng-sanh, tướng thọ-giả, không có tướng pháp, cũng không có tướng phi-pháp (chẳng-phải-pháp).</p> <p>_ Tại vì sao? Vì những chúng-sanh đó nếu trong lòng chấp tướng, thời chính là chấp ngã, nhân, chúng-sanh, thọ-giả.</p> <p>_ Tại vì sao? Nếu chấp tướng pháp, thời chính là chấp ngã, nhân, chúng-sanh, thọ-giả.</p> <p>_ Nếu chấp tướng phi-pháp (chẳng-phải-pháp), thời cũng chính là chấp ngã, nhân, chúng-sanh, thọ-giả.</p> <p>_ Vì thế, chẳng nên chấp pháp, cũng chẳng nên chấp phi-pháp (chẳng-phải-pháp)”.</p>
<p>Dĩ thị nghĩa cố, Như-Lai thường thuyết: _ “Nhữ đẳng Tỳ-khuu tri ngã thuyết-</p>	<p>Do nơi nghĩa này, Như-Lai thường dạy: _ “Các Tỳ-khuu nên biết pháp của ta</p>

pháp như phiệt dụ giả. _ Pháp thượng ưng xả, hà hướng phi-pháp?” O	thuyết dạy cũng như thuyền bè. _ Đến pháp còn phải xả bỏ, hướng chi những gì chẳng-phải-pháp? (phi-pháp)”
---	--

7. VÔ ĐẮC VÔ THUYẾT	7. KHÔNG ĐƯỢC, KHÔNG NÓI
_ “Tu-Bồ-Đề! Ư ý vân hà? Như-Lai đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề da? Như-Lai hữu sở thuyết-pháp da?”	_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Như-Lai có chúng được quả Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác chẳng? Như-Lai có thuyết-pháp chẳng?”
Tu-Bồ-Đề ngôn: _ “Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, vô hữu định-pháp danh A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, diệc vô hữu định-pháp Như-Lai khả thuyết. _ Hà dĩ cố? Như-Lai sở thuyết-pháp giai bất khả thủ, bất khả thuyết, phi pháp, phi phi-pháp. _ Sở dĩ giả hà? Nhứt-thiết chư Hiền-Thánh giai dĩ vô-vi pháp nhi hữu sai biệt”. O	Tu-Bồ-Đề bạch: _ “Như con hiểu ý nghĩa của Phật nói, thời không có pháp nhứt-định nào, gọi là Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, cũng không có pháp nhứt-định nào mà Như-Lai có thể nói được. _ Bởi vì sao? Vì pháp của Như-Lai nói đều không thể chấp giữ lấy, không thể nói được, chẳng phải pháp, chẳng phải “không phải pháp”. _ Tại vì sao? Vì tất cả chư vị Hiền-Thánh tuy đều đã thâm-nhập pháp vô-vi, nhưng sự chứng-ngộ ấy có sâu cạn khác nhau”.

8. Y PHÁP XUẤT SANH	8. Y PHÁP SANH CÔNG-ĐỨC
_ “Tu-Bồ-Đề! Ư ý vân hà? Nhược nhân mãn tam-thiên đại-thiên thế-giới thất bảo dĩ dụng bố-thí, thị nhân sở đắc phước-đức ninh vi đa phủ?”	_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu có người đem bảy thứ báu đầy cả cõi tam-thiên đại-thiên thế-giới để làm việc bố-thí, thì người đó có được phước-đức nhiều chẳng?”
Tu-Bồ-Đề ngôn: _ “Thậm đa, Thế-Tôn. Hà dĩ cố? Thị phước-đức tức phi phước-đức tánh, thị cố Như-Lai thuyết phước-đức đa”.	Tu-Bồ-Đề bạch: _ “Bạch Thế-Tôn, rất nhiều. Tại làm sao? Vì phước-đức đó chính là không phải tánh phước-đức, cho nên Như-Lai nói là phước-đức nhiều”.
_ “Nhược phục hữu nhân ư thủ kinh trung thọ trì, nãi chí tứ cú kệ đẳng, vi tha-nhân thuyết, kỳ phước thắng bỉ. _ Hà dĩ cố? Tu-Bồ-Đề! Nhứt-thiết chư Phật cập chư Phật A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề pháp, giai từng thủ kinh xuất.	_ “Nếu như có người nơi trong kinh này thọ trì, dù chỉ một bài kệ bốn câu, vì người khác mà giảng nói, thời phước-đức này hơn hẳn phước-đức (bố-thí) kia. _ Bởi vì sao? Tu-Bồ-Đề! Tất cả chư Phật, và pháp Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác của chư Phật, đều từ kinh này mà ra.

_ Tu-Bồ-Đề! Sở vị Phật-pháp giả tức phi Phật-pháp”. O	_ Tu-Bồ-Đề! Pháp Phật nói đó chính chẳng phải là pháp Phật”.
---	--

9. NHỨT TƯỚNG VÔ TƯỚNG	9. MỘT TƯỚNG và KHÔNG TƯỚNG
<p>_ “Tu-Bồ-Đề, Ư ý vân hà? Tu-đà-hoàn năng tác thị niệ: Ngã đắc Tu-đà-hoàn quả phủ?”</p> <p>Tu-Bồ-Đề ngôn:</p> <p>_ “Phất dã, Thế-Tôn! Hà dĩ cố? Tu-đà-hoàn danh vi Nhập-lưu, nhi vô sở nhập.</p> <p>_ Bất nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, thị danh Tu-đà-hoàn”.</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Vị Tu-đà-hoàn có thể khởi niệ: Ta chứng được quả Tu-đà-hoàn chăng?”</p> <p>Tu-Bồ-Đề bạch:</p> <p>_ “Bạch Thế-Tôn, không! Bởi vì sao? Vì vị Tu-đà-hoàn gọi là bậc Nhập-lưu, nhưng thật không có chỗ nhập.</p> <p>_ Chẳng nhập vào hình-sắc, âm-thinh, hương thơm, mùi vị, cảm xúc, pháp-tướng, nên mới gọi là Tu-đà-hoàn”.</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề, Ư ý vân hà? Tư-đà-hàm năng tác thị niệ: Ngã đắc Tư-đà-hàm quả phủ?”</p> <p>Tu-Bồ-Đề ngôn:</p> <p>_ “Phất dã, Thế-Tôn! Hà dĩ cố? Tư-đà-hàm danh Nhứt-vãng-lai, nhi thiết vô vãng-lai, thị danh Tư-đà-hàm”.</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Vị Tư-đà-hàm có thể khởi niệ: Ta chứng được quả Tư-đà-hàm chăng?”</p> <p>Tu-Bồ-Đề bạch:</p> <p>_ “Bạch Thế-Tôn, không! Bởi vì sao? Vì vị Tư-đà-hàm gọi là bậc “Một lần trở lại”, mà thiết không có trở lại, nên mới gọi là Tư-đà-hàm”.</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ư ý vân hà? A-na-hàm năng tác thị niệ: Ngã đắc A-na-hàm quả phủ?”</p> <p>Tu-Bồ-Đề ngôn:</p> <p>_ “Phất dã, Thế-Tôn! Hà dĩ cố? A-na-hàm danh vi Bất-lai, nhi thiết vô Bất-lai, thị cố danh A-na-hàm”.</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Vị A-na-hàm có thể khởi niệ: Ta chứng được quả A-na-hàm chăng?”</p> <p>Tu-Bồ-Đề bạch:</p> <p>_ “Bạch Thế-Tôn, không! Bởi vì sao? Vì vị A-na-hàm gọi là bậc “Không trở lại”, mà thiết chẳng phải là “Không trở lại”, nên mới gọi là A-na-hàm”.</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ư ý vân hà? A-la-hán năng tác thị niệ: Ngã đắc A-la-hán đạo phủ?”</p> <p>Tu-Bồ-Đề ngôn:</p> <p>_ “Phất dã, Thế-Tôn! Hà dĩ cố? Thiết vô hữu pháp danh A-la-hán.</p> <p>_ Thế-Tôn! Nhược A-la-hán tác thị niệ: Ngã đắc A-la-hán đạo, tức vi trước ngã, nhân, chúng-sanh, thọ giả.</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Vị A-la-hán có thể khởi niệ: Ta chứng được quả A-la-hán chăng?”</p> <p>Tu-Bồ-Đề bạch:</p> <p>_ “Bạch Thế-Tôn, không! Bởi vì sao? Vì thiết không có pháp chi gọi là A-la-hán.</p> <p>_ Bạch Thế-Tôn! Nếu như vị A-la-hán nghĩ thế nầy: Ta chứng được quả A-la-hán, thời chính là còn chấp-trước tướng ngã, nhân, chúng-sanh, thọ-giả.</p>
<p>_ Thế-Tôn! Phật thuyết ngã đắc Vô-tránh Tam-muội, nhân trung tối vi đệ-nhứt, thị đệ-nhứt ly dục A-la-hán.</p>	<p>_ Bạch Thế-Tôn! Phật dạy rằng con được môn “Vô-tránh Tam-muội”, là bậc nhứt trong mọi người, là bậc A-la-</p>

<p>_ Thế-Tôn! Ngã bất tác thị niệm: Ngã thị ly dục A-la-hán.</p>	<p>hán cao quý nhứt đã lia bỏ tham dục. _ Thế-Tôn! Con chẳng khởi niệm này: Ta là bậc A-la-hán lia bỏ tham dục.</p>
<p>_ Thế-Tôn! Ngã nhược tác thị niệm: Ngã đắc A-la-hán đạo, Thế-Tôn tức bất thuyết: Tu-Bồ-Đề thị nhạo A-lan-na hạnh giả. _ Dĩ Tu-Bồ-Đề thiết vô sở hành, nhi danh Tu-Bồ-Đề thị nhạo A-lan-na hạnh”. O</p>	<p>_ Bạch Thế-Tôn! Nếu con tự nghĩ rằng: Ta được quả-vị A-la-hán, thời chắc đức Thế-Tôn chẳng nói: Tu-Bồ-Đề là người ưa hạnh tịch-tịnh. _ Bởi Tu-Bồ-Đề thiết không có làm chi cả, nên mới gọi Tu-Bồ-Đề là ưa hạnh tịch-tịnh”.</p>

<p>10. TRANG-NGHIÊM TỊNH-ĐỘ</p>	<p>10. TRANG-NGHIÊM CÔI PHẬT</p>
<p>Phật cáo Tu-Bồ-Đề: _ “Ú ý vân hà? Như-Lai tích tại Nhiên-Đăng Phật sở, ư pháp hữu sở đắc phủ?” _ “Phất dã, Thế-Tôn! Như-Lai tại Nhiên-Đăng Phật sở, ư pháp thiết vô sở đắc”.</p>	<p>Phật bảo Tu-Bồ-Đề: _ “Ý ông nghĩ sao? Như-Lai hỏi ở chỗ đức Phật Nhiên-Đăng, có chứng đắc pháp chăng?” _ “Bạch Thế-Tôn, không! Như-Lai hỏi ở chỗ đức Phật Nhiên-Đăng, thiết không có chỗ chứng đắc”.</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ú ý vân hà? Bồ-Tát trang-nghiêm Phật-độ phủ?” _ “Phất dã, Thế-Tôn! Hà dĩ cố? Trang-nghiêm Phật-độ giả tức phi trang-nghiêm, thị danh trang-nghiêm”.</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Bồ-Tát có trang-nghiêm côi Phật chăng?” _ “Bạch Thế-Tôn, không! Tại vì sao? Vì trang-nghiêm côi Phật đó tức chẳng phải trang-nghiêm, đó gọi là trang-nghiêm”.</p>
<p>_ “Thị cố, Tu-Bồ-Đề! Chư Bồ-Tát Ma-ha-tát ưng như-thị sanh thanh-tịnh tâm: - bất ưng trụ sắc sanh tâm, - bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. _ Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm. (Nghĩa là: Phải an trụ tâm vào nơi không có chỗ trụ và không có gì để trụ.)</p>	<p>_ “Bởi vậy, Tu-Bồ-Đề! Các vị đại Bồ-Tát phải nên sanh tâm thanh-tịnh như vậy: - chẳng nên trụ-trước nơi hình-sắc mà sanh tâm, - chẳng nên trụ-trước nơi âm-thính, hương thơm, mùi vị, cảm xúc, và pháp-tướng mà sanh tâm. _ Nên ở nơi không chỗ trụ-trước mà sanh tâm (thanh-tịnh kia).</p>
<p>_ Tu-Bồ-Đề! Thí như hữu nhân, thân như Tu-di sơn vương. Ú ý vân hà? Thị thân vi đại phủ?” Tu-Bồ-Đề ngôn: _ “Thậm đại, Thế-Tôn. Hà dĩ cố? Phật thuyết phi thân, thị danh đại thân”. O</p>	<p>_ Tu-Bồ-Đề! Ví như có người, thân như núi chúa Tu-di. Ý ông nghĩ sao? Thân ấy có lớn chăng?” Tu-Bồ-Đề bạch: _ “Bạch Thế-Tôn, rất lớn. Vì sao vậy? Vì Phật nói chẳng phải thân, đó mới gọi là thân lớn”.</p>

11. VÔ-VI PHƯỚC-THẮNG	11. PHƯỚC-ĐỨC VÔ-VI HƠN HẾT
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Như Hằng hà trung số hữu sa số, như-thị sa đẳng Hằng hà.</p> <p>_ U ý vân hà? Thị chư Hằng hà sa, ninh vi đa phủ?” Tu-Bồ-Đề ngôn: _ “Thậm đa, Thế-Tôn. Đãn chư Hằng hà thượng đa vô số, hà hướng kỳ sa”.</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Như trong một sông Hằng có bao nhiêu số cát, lại có những sông Hằng nhiều như số cát đó.</p> <p>_ Ý ông nghĩ sao? Số cát trong những sông Hằng đó, có nhiều chăng?” Tu-Bồ-Đề bạch: _ “Bạch Thế-Tôn, rất nhiều. Chỉ những sông Hằng đã là nhiều vô số rồi, huống chi là số cát trong sông”.</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ngã kim thiết ngôn cáo nhữ.</p> <p>_ Nhược hữu thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân, dĩ thất bảo mãn nhĩ sở Hằng hà sa số tam-thiên đại-thiên thế-giới, dĩ dụng bố-thí, đắc phước đa phủ?”</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề ngôn: “Thậm đa, Thế-Tôn”.</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Nay ta nói thật cho ông biết.</p> <p>_ Nếu có thiện-nam, thiện-nữ nào, đem bảy thứ báu đầy cả ngàn ấy Hằng hà sa số cõi tam-thiên đại-thiên thế-giới, để làm việc bố-thí, được phước có nhiều không?” _ Tu-Bồ-Đề bạch: “Bạch Thế-Tôn, rất nhiều”.</p>
<p>Phật cáo Tu-Bồ-Đề: _ “Nược thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân, ư tử kinh trung, nãi chí thọ trì tứ cú kệ đẳng, vị tha-nhân thuyết, nhi thủ phước-đức thắng tiền phước-đức”. O</p>	<p>Phật bảo Tu-Bồ-Đề: _ “Nếu có thiện-nam, thiện-nữ nào, nơi trong kinh này, dù chỉ thọ trì một bài kệ bốn câu, vì người khác mà giảng nói, thời phước-đức này hơn cả phước-đức (bố-thí) trước kia”.</p>

12. TÔN-TRỌNG CHÁNH-GIÁO	12. TÔN-TRỌNG CHÁNH-PHÁP
<p>_ “Phục thứ, Tu-Bồ-Đề! Tùy thuyết thị kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng, đương tri tử xứ, nhứt-thiết thế-gian thiên, nhân, a-tu-la, giai ứng cung-duỡng như Phật tháp miếu.</p> <p>_ Hà hướng hữu nhân tận năng thọ trì độc tụng.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Đương tri thị nhân, thành-tựu tối-thượng đệ-nhút hy-hữu chi pháp.</p> <p>_ Nhược thị kinh-điển sở tại chi xứ, tức vi hữu Phật, nhược tôn-trọng đệ-tử”. O</p>	<p>_ “Lại nữa, Tu-Bồ-Đề! Theo như kinh này mà thuyết dạy, dù chỉ một bài kệ bốn câu, phải biết là chỗ đó, tất cả trời, người, a-tu-la trong thế-gian, đều nên cung-duỡng như là tháp miếu thờ đức Phật.</p> <p>_ Hướng chi có người đem hết sức mà thọ trì, đọc tụng.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Phải biết là người này, thành-tựu pháp tối-thượng hy-hữu bậc nhứt.</p> <p>_ Nếu chỗ nào có kinh-điển này, tức như có Phật, hoặc có bậc đệ-tử đáng tôn-trọng ở đó”.</p>

13. NHƯ PHÁP THỌ-TRÌ	13. THỌ-TRÌ ĐÚNG PHÁP
<p>Nhĩ thời, Tu-Bồ-Đề bạch Phật ngôn: _ “Thế-Tôn! Đương hà danh thử kinh? _ Ngã đẳng vân hà phụng trì?”</p>	<p>Bấy giờ, Tu-Bồ-Đề bạch Phật rằng: _ “Bạch Thế-Tôn! Kinh này tên gọi là gì? _ Chúng con phải vâng giữ như thế nào?”</p>
<p>Phật cáo Tu-Bồ-Đề: _ “Thị kinh danh vi Kim-Cang Bát-Nhã ba-la-mật. Dĩ thị danh-tự nữ đương phụng trì. Sở dĩ giả hà? _ Tu-Bồ-Đề! Phật thuyết Bát-Nhã ba-la-mật, tức phi Bát-Nhã ba-la-mật, thị danh Bát-Nhã ba-la-mật.</p>	<p>Phật bảo Tu-Bồ-Đề: _ “Kinh nầy tên là Kim-Cang Bát-Nhã ba-la-mật. Nên theo tên kinh mà vâng giữ. Vì sao vậy? _ Tu-Bồ-Đề! Phật nói Bát-Nhã Ba-la-mật, tức chẳng phải Bát-Nhã ba-la-mật, nên gọi là Bát-Nhã ba-la-mật.</p>
<p>_ Tu-Bồ-Đề! Ư ý vân hà? Như-Lai hữu sở thuyết-pháp phủ?” Tu-Bồ-Đề bạch Phật ngôn: _ “Thế-Tôn! Như-Lai vô sở thuyết”.</p>	<p>_ Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Như-Lai có chỗ nào nói pháp chẳng?” Tu-Bồ-Đề bạch Phật: _ “Bạch Thế-Tôn! Như-Lai không có chỗ nào nói pháp”.</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ư ý vân hà? Tam-thiên đại-thiên thế-giới sở hữu vi-trần, thị vi đa phủ?” _ Tu-Bồ-Đề ngôn: “Thậm đa, Thế-Tôn”. _ “Tu-Bồ-Đề! Chư vi-trần, Như-Lai thuyết phi vi-trần, thị danh vi-trần. _ Như-Lai thuyết thế-giới phi thế-giới, thị danh thế-giới.</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Số vi-trần trong cõi tam-thiên đại-thiên thế-giới, có nhiều chẳng?” _ Tu-Bồ-Đề bạch: “Bạch Thế-Tôn, rất nhiều”. _ “Tu-Bồ-Đề! Những vi-trần ấy, Như-Lai nói chẳng phải vi-trần, nên gọi là vi-trần. _ Như-Lai nói thế-giới cũng chẳng phải thế-giới, nên gọi là thế-giới.</p>
<p>_ Tu-Bồ-Đề! Ư ý vân hà? Khả dĩ tam thập nhị tướng kiến Như-Lai phủ?” _ “Phát dã, Thế-Tôn! Bất khả dĩ tam thập nhị tướng đắc kiến Như-Lai. _ Hà dĩ cố? Như-Lai thuyết tam thập nhị tướng tức thị phi tướng, thị danh tam thập nhị tướng”.</p>	<p>_ Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Có thể do ba mươi hai tướng mà thấy Như-Lai chẳng?” _ “Bạch Thế-Tôn, không! Chẳng có thể do ba mươi hai tướng mà thấy được Như-Lai. _ Bởi vì sao? Như-Lai nói ba mươi hai tướng tức chẳng phải tướng, nên gọi là ba mươi hai tướng”.</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Nhược hữu thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân, dĩ Hằng hà sa đẳng thân mạng bố-thí. _ Nhược phục hữu nhân, ư thử kinh trung, nãi chí thọ trì tứ cú kệ đẳng, vị tha nhân thuyết, kỳ phước thậm đa”. O</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Nếu có thiện-nam, thiện-nữ nào, đem thân-mạng nhiều như số cát sông Hằng ra bố-thí. _ Nếu lại có người, nơi trong kinh này, dù chỉ thọ-trì một bài kệ bốn câu, vì người khác mà giảng nói, thì phước ấy rất nhiều.</p>

14. LY TƯỚNG TỊCH-DIỆT	14. LÌA TƯỚNG VẮNG LẶNG
<p>_ Nhĩ thời, Tu-Bồ-Đề văn thuyết thị kinh, thâm giải nghĩa thú, thế lệ bi khắp, nhi bạch Phật ngôn:</p> <p>_ “Hy-hữu Thế-Tôn! Phật thuyết như-thị thậm-thâm kinh-điển, ngã từng tích lai sở đắc tuệ nhãn, vị tăng đắc văn như-thị chi kinh.</p> <p>_ Thế-Tôn! Nhược phục hữu nhân đắc văn thị kinh, tín-tâm thanh-tịnh, tức sanh thiết-tướng.</p> <p>_ Đương tri thị nhân thành-tựu đệ-nhứt hy-hữu công-đức.</p> <p>_ Thế-Tôn! Thị thiết-tướng giả, tức thị phi tướng, thị cố Như-Lai thuyết danh thiết-tướng.</p>	<p>_ Bấy giờ, Tu-Bồ-Đề nghe thuyết kinh này, thời ông hiểu thấu nghĩa thú của kinh, xúc động đến rơi nước mắt, mà bạch Phật rằng:</p> <p>_ “Thật hiếm có thay, Thế-Tôn! Phật nói kinh điển rất sâu xa dường ấy, mà con từ trước đến nay dù đặng tuệ nhãn, chưa từng được nghe kinh-điển như vậy.</p> <p>_ Bạch Thế-Tôn! Nếu lại có người được nghe kinh này, mà có lòng tin thanh-tịnh, thời chính là sanh thiết-tướng.</p> <p>_ Phải biết người ấy thành-tựu công-đức hiếm có bậc nhứt.</p> <p>_ Bạch Thế-Tôn! Thiết-tướng đó, tức chẳng phải tướng, nên Như-Lai gọi là thiết-tướng.</p>
<p>_ Thế-Tôn! Ngã kim đắc văn như-thị kinh-điển, tín giải thọ trì, bất túc vi nan.</p> <p>_ Nhược đương lai thế, hậu ngũ bá tuế, kỳ hữu chúng-sanh đắc văn thị kinh, tín giải thọ trì, thị nhân tức vi đệ-nhứt hy-hữu.</p> <p>_ Hà dĩ cố? Thử nhân vô ngã-tướng, vô nhân-tướng, vô chúng-sanh tướng, vô thọ-giả tướng.</p> <p>_ Sở dĩ giả hà? Ngã-tướng tức thị phi tướng; nhân-tướng, chúng-sanh tướng, thọ-giả tướng tức thị phi tướng.</p> <p>_ Hà dĩ cố? <i>Ly nhứt-thiết chư tướng tức danh chư Phật</i>”.</p>	<p>_ Bạch Thế-Tôn! Nay con được nghe kinh-điển này, tin hiểu thọ trì, chẳng lấy chi làm khó.</p> <p>_ Nhưng nếu ở đời vị-lai, năm trăm năm sau, có chúng-sanh nào đặng nghe kinh này, mà tin hiểu thọ trì, thời người ấy chính là hiếm có bậc nhứt.</p> <p>_ Vì sao vậy? Vì người ấy không có tướng ngã, không có tướng nhân, không có tướng chúng-sanh, không có tướng thọ-giả.</p> <p>_ Vì sao thế? Vì tướng ngã tức là chẳng phải tướng; tướng nhân, tướng chúng-sanh, tướng thọ-giả cũng chẳng phải tướng.</p> <p>_ Vì sao vậy? <i>Vì lìa tất cả các tướng, gọi là chư Phật</i>”.</p>
<p>Phật cáo Tu-Bồ-Đề:</p> <p>_ “Như-thị! Như-thị! Nhược phục hữu nhân đắc văn thị kinh, bất kinh, bất bố, bất úy, đương tri thị nhân, thậm vi hy-hữu.</p> <p>_ Hà dĩ cố? Tu-Bồ-Đề! Như-Lai thuyết đệ-nhứt ba-la-mật, tức phi đệ-nhứt ba-la-mật, thị danh đệ-nhứt ba-la-mật.</p>	<p>Phật bảo Tu-Bồ-Đề:</p> <p>_ “Đúng thế! Đúng thế! Nếu lại có người được nghe kinh này, mà không kinh-hãi, không sợ, không hoảng, thời phải biết người đó, rất là hiếm có.</p> <p>_ Vì sao vậy? Tu-Bồ-Đề! Như-Lai nói môn ba-la-mật thứ nhứt, tức chẳng phải môn ba-la-mật thứ nhứt, mà tạm</p>

<p>_ Tu-Bồ-Đề! Nhẫn-nhục ba-la-mật, Như-Lai thuyết phi nhẫn-nhục ba-la-mật, thị danh nhẫn-nhục ba-la-mật.</p> <p>_ Hà dĩ cố? Tu-Bồ-Đề! Như ngã tích vị Ca-Lợi vương cát triệt thân-thể.</p> <p>_ Ngã ư nhĩ thời vô ngã-tướng, vô nhân-tướng, vô chúng-sanh tướng, vô thọ-giả tướng.</p> <p>_ Hà dĩ cố? Ngã ư vãng tích, tiết tiết chi giải thời, nhược hữu ngã-tướng, nhân-tướng, chúng-sanh tướng, thọ-giả tướng, ưng sanh sân-hận.</p>	<p>gọi là môn ba-la-mật thứ nhứt.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Môn nhẫn-nhục Ba-la-mật, Như-Lai nói đó chẳng phải nhẫn-nhục ba-la-mật, mà tạm gọi là nhẫn-nhục Ba-la-mật.</p> <p>_ Vì sao vậy? Tu-Bồ-Đề! Như ta thuở xưa bị vua Ca-Lợi chặt đứt thân thể.</p> <p>_ Lúc đó, ta không có tướng ngã, không có tướng nhân, không có tướng chúng-sanh, không có tướng thọ-giả.</p> <p>_ Vì sao vậy? Vì thuở xưa, trong lúc thân-thể bị chặt rã rời đó, nếu (ta) có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng-sanh, tướng thọ-giả, tất phải sanh lòng hờn giận.</p>
<p>_ Tu-Bồ-Đề! Hựu niệm quá-khứ, ư ngũ bá thể, tác nhẫn-nhục tiên-nhân.</p> <p>_ Ư nhĩ sở thể vô ngã-tướng, vô nhân-tướng, vô chúng-sanh tướng, vô thọ-giả tướng.</p> <p>_ Thị cố, Tu-Bồ-Đề! Bồ-Tát ưng ly nhứt-thiết tướng, phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.</p> <p>_ Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thính, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm.</p> <p>_ Ứng sanh vô sở trụ tâm. Nhược tâm hữu trụ tức vi phi trụ.</p>	<p>_ Tu-Bồ-Đề! Nhớ lại quá-khứ, trong năm trăm đời, ta làm vị Tiên nhẫn-nhục.</p> <p>_ Trong bao nhiêu đời đó, ta không có tướng ngã, không có tướng nhân, không có tướng chúng-sanh, không có tướng thọ-giả.</p> <p>_ Bởi vậy, Tu-Bồ-Đề! Bồ-Tát phải lìa tất cả tướng, phát tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.</p> <p>_ Chẳng nên trụ-trước nơi hình-sắc mà sanh tâm, chẳng nên trụ-trước nơi âm-thính, hương thơm, mùi vị, cảm xúc, pháp, mà sanh tâm.</p> <p>_ Nên sanh tâm không có chỗ trụ. Nếu tâm có chỗ trụ, tức chẳng phải trụ.</p>
<p>_ Thị cố, Phật thuyết Bồ-Tát tâm, bất ưng trụ sắc bố-thí.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Bồ-Tát vị lợi-ích nhứt-thiết chúng-sanh, cố ưng như-thị bố-thí.</p>	<p>_ Vì vậy, Phật nói tâm của Bồ-Tát, chẳng nên trụ-trước nơi hình-sắc mà bố-thí.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Bồ-Tát vì lợi-ích cho tất cả chúng-sanh, nên phải bố-thí như vậy.</p>
<p>_ Như-Lai thuyết nhứt-thiết chư tướng tức thị phi tướng, hựu thuyết nhứt-thiết chúng-sanh tức phi chúng-sanh.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Như-Lai thị chơn-ngữ giả, thiệt-ngữ giả, như ngữ giả, bất cưỡng ngữ giả, bất dị ngữ giả.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Như-Lai sở đắc pháp, thử</p>	<p>_ Như-Lai nói tất cả các tướng tức chẳng phải tướng, lại nói tất cả chúng-sanh tức chẳng phải chúng-sanh.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Như-Lai là người nói lời chơn-chánh, lời chắc thiệt, lời đúng đắn, lời không dối trá, lời không sai khác.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Pháp mà Như-Lai chứng</p>

pháp vô thiệt vô hư.	đặng, pháp ấy không thiệt, không hư.
<p>_ Tu-Bồ-Đề! Nhược Bồ-Tát tâm, trụ ư pháp nhi hành bố-thí, như nhân nhập ám, tức vô sở kiến.</p> <p>_ Nhược Bồ-Tát tâm, bất trụ pháp nhi hành bố-thí, như nhân hữu mục, nhứt quang-minh chiếu kiến chủng chủng sắc.</p>	<p>_ Tu-Bồ-Đề! Nếu tâm của Bồ-Tát, trụ-trước nơi pháp mà làm việc bố-thí, thì như người vào chỗ tối, liền không thấy chi cả.</p> <p>_ Nếu tâm của Bồ-Tát, không trụ-trước nơi pháp mà làm việc bố-thí, thì như người có mắt, lại có ánh sáng mặt trời chiếu rõ thấy đủ thứ màu sắc.</p>
<p>_ Tu-Bồ-Đề! Đương lai chi thế, nhược hữu thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân, năng ư thủ kinh thọ trì độc tụng, tức vi Như-Lai dĩ Phật trí-tuệ, tất tri thị nhân, tất kiến thị nhân, giai đắc thành-tựu vô-lượng vô-biên công-đức. O</p>	<p>_ Tu-Bồ-Đề! Về đời vị-lai, nếu có thiện-nam, thiện-nữ nào, thường hay thọ trì độc tụng kinh nầy, liền được Như-Lai dùng trí-tuệ của Phật, biết rõ người ấy, thấy rõ người ấy, đều được thành-tựu vô-lượng vô-biên công-đức.</p>

15. TRÌ KINH CÔNG-ĐỨC	15. CÔNG-ĐỨC CỦA VIỆC TRÌ TỤNG KINH
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Nhược hữu thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân, - sơ nhứt phần dĩ Hằng hà sa đặng thân bố-thí, - trung nhứt phần phục dĩ Hằng hà sa đặng thân bố-thí, - hậu nhứt phần diệc dĩ Hằng hà sa đặng thân bố-thí; - như-thị vô-lượng bá thiên vạn ức kiếp dĩ thân bố-thí.</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Nếu có thiện-nam, thiện-nữ nào, - vào buổi sáng, đem thân mạng bằng số cát sông Hằng để bố-thí, - vào buổi trưa, lại đem thân mạng bằng số cát sông Hằng để bố-thí, - vào buổi chiều, cũng đem thân mạng bằng số cát sông Hằng để bố-thí; - trong vô-lượng trăm nghìn muôn ức kiếp đem thân mạng bố-thí như vậy.</p>
<p>_ Nhược phục hữu nhân văn thủ kinh điển, tín tâm bất nghịch, kỳ phước thắng bỉ.</p> <p>_ Hà huống thơ tả, thọ trì, độc tụng, vị nhân giải thuyết.</p>	<p>_ Nếu lại có người <i>nghe</i> kinh điển này, mà lòng <i>tin</i> không trái nghịch, thời phước của người này, hơn phước của người bố-thí kia. (<i>Mới nghe và tin mà đã được phước như vậy</i>)</p> <p>_ Huống chi là biên chép, thọ trì, độc tụng, vì người khác mà giảng giải (kinh này).</p>
<p>_ Tu-Bồ-Đề! Dĩ yếu ngôn chi, thị kinh hữu bất khả tư nghị, bất khả xúng lượng vô-biên công-đức.</p> <p>_ Như-Lai vị phát đại-thừa giả thuyết, vị phát tối-thượng-thừa giả thuyết.</p>	<p>_ Tu-Bồ-Đề! Chính yếu mà nói, thời kinh nầy có công-đức vô-biên không thể nghĩ bàn, không thể cân lường được.</p> <p>_ Như-Lai vì người phát tâm đại-thừa mà nói, vì người phát tâm tối-thượng-thừa mà nói.</p>

<p>_ Nhược hữu nhân năng thọ trì độc tụng, quảng vị nhân thuyết, Như-Lai tất tri thị nhân, tất kiến thị nhân, giai đắc thành-tựu bất khả lượng, bất khả xứng, vô hữu biên, bất khả tư nghị công-đức.</p> <p>_ Như-thị nhân đẳng, tức vi hà đảm Như-Lai A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.</p>	<p>_ Nếu có người nào thường hay thọ trì độc tụng, giảng nói rộng cho người khác, Như-Lai biết rõ người ấy, thấy rõ người ấy, đều được thành-tựu công-đức không thể lường, không thể cân, không có ngần mé, không thể nghĩ bàn được.</p> <p>_ Những người như vậy, mới có thể đảm-đương gánh vác đạo Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác của Như-Lai.</p>
<p>_ Hà dĩ cố? Tu-Bồ-Đề! Nhược nhạo tiểu pháp giả, - trước ngã-kiến, nhân-kiến, chúng-sanh kiến, thọ-giả kiến, - tức ư thủ kinh, bất năng thính thọ, độc tụng, vị nhân giải thuyết.</p>	<p>_ Vì sao vậy? Tu-Bồ-Đề! Vì nếu người nào ham ưa pháp tiểu-thừa, - chấp-trước thấy có ta, thấy có người, thấy có chúng-sanh, thấy có thọ-giả, - thời ở nơi kinh này, (người ấy) không thể nghe nhận, độc tụng, vì người khác mà giảng giải (kinh này).</p>
<p>_ Tu-Bồ-Đề! Tại tại xứ xứ nhược hữu thủ kinh, nhứt-thiết thế-gian thiên, nhân, a-tu-la sở ứng cung-duỡng.</p> <p>_ Đương tri thủ xứ tức vi thị tháp, giai ứng cung-kính tác lễ vi nhiều, dĩ chư hoa hương nhi tán kỳ xứ. O</p>	<p>_ Tu-Bồ-Đề! Bất cứ nơi nào nếu có kinh này, tất cả trời, người, a-tu-la trong thế-gian đều nên cung-duỡng.</p> <p>_ Phải biết nơi đó chính là tháp thờ Phật, đều nên cung-kính đi quanh lễ lạy, đem các thứ hoa hương mà rải trên nơi đó.</p>

<p>16. NĂNG TỊNH NGHIỆP-CHƯỚNG</p>	<p>16. LUÔN LÀM SẠCH CÁC NGHIỆP-CHƯỚNG</p>
<p>_ “Phục thứ, Tu-Bồ-Đề! Thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân thọ trì độc tụng thủ kinh, nhược vi nhân khinh tiện, thị nhân tiên thế tội-nghiệp ưng đọa ác đạo, - dĩ kim thế nhân khinh tiện cố, tiên thế tội-nghiệp tức vi tiêu-diệt, đương đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.</p>	<p>_ “Lại nữa, Tu-Bồ-Đề! Những thiện-nam, thiện-nữ nào thọ trì độc tụng kinh này, nếu bị người khác khinh chê, thì những người (trì kinh) ấy dù trong đời trước đã gây ra tội-nghiệp đáng lẽ đọa vào ác đạo, - nhưng bởi trong đời này bị người khinh chê, nên tội-nghiệp đã gây ra trong đời trước đó liền được tiêu-diệt, người ấy sẽ đặng đạo Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.</p>
<p>_ Tu-Bồ-Đề! Ngã niệm quá-khứ vô-lượng a-tăng-kỳ kiếp ư Nhiên-Đăng Phật tiên, đắc trí bát bá tứ thiên vạn ức na-do-tha chư Phật, tất giai cung-duỡng thừa sự, vô không quá giả.</p>	<p>_ Tu-Bồ-Đề! Ta nhớ thuở quá-khứ vô-lượng vô-số kiếp trước đức Phật Nhiên-Đăng, ta đã gặp tám trăm bốn ngàn muôn ức na-do-tha chư Phật, ta đều cung-kính phụng-sự, không có sơ suất.</p>

<p>_ Nhược phục hữu nhân, ư hậu mạng thế, năng thọ trì độc tụng thủ kinh, sở đắc công-đức, ư ngã sở cung-dưỡng chư Phật công-đức, bá phần bất cập nhứt, thiên vạn ức phần, nãi chí toán số thí-dụ sở bất năng cập.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Nhược thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân ư hậu mạng-thế hữu thọ trì độc tụng thủ kinh, sở đắc công-đức, ngã nhược cụ thuyết giả, hoặc hữu nhân văn, tâm tắc cuồng loạn, hồ nghi bất tín.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Đương tri thị kinh nghĩa bất khả tư nghị, quả-báo diệc bất khả tư nghị”. O</p>	<p>_ Nếu lại có người, đời mạng-thế sau này, thường hay thọ trì độc tụng kinh này, thì công-đức của người ấy có được, (so sánh với) công-đức cung-dưỡng chư Phật của ta (trong thuở quá-khứ), (thời công-đức của ta) không bằng một phần trăm, một phần nghìn, muôn, ức, cho đến tính toán thí-dụ đều chẳng bằng được.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Nếu có thiện-nam, thiện-nữ nào vào đời mạng-thế thọ trì độc tụng kinh này, thì công-đức có được (của những người này), nếu ta nói ra đầy đủ, hoặc có kẻ nghe đó, trong lòng liền rối loạn, nghi ngờ không tin.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Phải biết rằng nghĩa-lý của kinh này không thể nghĩ bàn, nên quả-báo cũng không thể nghĩ bàn”.</p>
---	--

17. CỨU CÁNH VÔ-NGÃ	17. RỐT RÁO KHÔNG NGÃ
<p>Nhĩ thời, Tu-Bồ-Đề bạch Phật ngôn: _ “Thế-Tôn! Thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, vân hà ưng trụ? _ Vân hà hàng-phục kỳ tâm?”</p>	<p>Bấy giờ, Tu-Bồ-Đề bạch Phật: _ “Bạch Thế-Tôn! Thiện-nam, thiện-nữ phát tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, phải trụ-tâm như thế nào? _ Phải hàng-phục tâm mình như thế nào?”.</p>
<p>Phật cáo Tu-Bồ-Đề: _ “Thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm giả, đương sanh như-thị tâm: _ Ngã ưng diệt-độ nhứt-thiết chúng-sanh, diệt-độ nhứt-thiết chúng-sanh dĩ, nhi vô hữu nhứt chúng-sanh thiệt diệt độ giả.</p>	<p>Phật bảo Tu-Bồ-Đề: _ “Thiện-nam, thiện-nữ nào phát tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác đó, thời phải sanh tâm như vậy: _ Ta phải diệt-độ tất cả chúng-sanh, diệt-độ tất cả chúng-sanh xong, mà không có một chúng-sanh nào thiệt diệt-độ.</p>
<p>_ Hà dĩ cố? Tu-Bồ-Đề! Nhược Bồ-Tát hữu ngã-tướng, nhân-tướng, chúng-sanh tướng, thọ-giả tướng, tức phi Bồ Tát. _ Sở dĩ giả hà? Tu-Bồ-Đề! Thiệt vô hữu pháp phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm giả.</p>	<p>_ Bởi vì sao? Tu-Bồ-Đề! Nếu Bồ-Tát có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng-sanh, tướng thọ-giả, tức chẳng phải Bồ-Tát. _ Vì cố sao? Tu-Bồ-Đề! Vì thiệt ra không có pháp chi phát-tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác cả.</p>
<p>_ Tu-Bồ-Đề! Ứ ý vân hà? Như-Lai ư Nhiên-Đăng Phật sở, hữu pháp đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề phủ?”</p>	<p>_ Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Như-Lai ở chỗ Phật Nhiên-Đăng, có pháp chi mà được thành Vô-thượng Chánh-</p>

<p>_ “Phất dã, Thế-Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, Phật ư Nhiên Đăng Phật sở, vô hữu pháp đặc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”.</p>	<p>đẳng Chánh-giác chăng?”</p> <p>_ “Bạch Thế-Tôn, không! Như chỗ con hiểu nghĩa-lý của lời Phật dạy, thời ở chỗ Phật Nhiên-Đăng, (Thế-Tôn) đã không có pháp chi mà được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác cả”.</p>
<p>Phật ngôn:</p> <p>_ “Nhu-thị! Nhu-thị! Tu-Bồ-Đề! Thiệt vô hữu pháp Như-Lai đặc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Nhược hữu pháp Như-Lai đặc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, Nhiên-Đăng Phật tức bất dữ ngã thọ-ký:</p> <p>_ “Nhữ ư lai thế đương đặc tác Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni”.</p> <p>_ Dĩ thiệt vô hữu pháp đặc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, thị cố Nhiên-Đăng Phật dữ ngã thọ-ký, tác thị ngôn:</p> <p>_ “Nhữ ư lai thế đương đặc tác Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni”.</p>	<p>Phật dạy:</p> <p>_ “Đúng thế! Đúng thế! Tu-Bồ-Đề! Thiệt không có pháp chi Như-Lai được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Nếu có pháp chi Như-Lai được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, thời Phật Nhiên-Đăng hẳn đã chẳng thọ-ký cho ta:</p> <p>_ “Ông ở đời sau sẽ được thành Phật hiệu là Thích-Ca Mâu-Ni”.</p> <p>_ Bởi thiệt không có pháp chi để được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, cho nên Phật Nhiên-Đăng đã thọ-ký cho ta, mà nói lời này:</p> <p>_ “Ông ở đời sau sẽ được thành Phật hiệu là Thích-Ca Mâu-Ni”.</p>
<p>_ Hà dĩ cố? Như-Lai giả, tức chư pháp như nghĩa.</p>	<p>_ Bởi vì sao? Vì Như-Lai đó, tức là nghĩa như-như của các pháp.</p>
<p>_ Nhược hữu nhân ngôn: “Như-Lai đặc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Thiệt vô hữu pháp Phật đặc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Như-Lai sở đặc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, ư thị trung vô thiệt vô hư, thị cố Như-Lai thuyết nhứt-thiết pháp giai thị Phật-pháp.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Sở ngôn nhứt-thiết pháp giả, tức phi nhứt-thiết pháp, thị cố danh nhứt-thiết pháp.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Thí như nhân thân trường đại”.</p>	<p>_ Nếu có người nói: “Như-Lai được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác”.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Thiệt không có pháp chi mà Phật được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Như-Lai chứng được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, trong đó không thiệt, không hư, vì thế Như-Lai nói tất cả pháp đều là Phật-pháp.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Tất cả pháp mà đức Phật nói đó, tức chẳng phải tất cả pháp, cho nên gọi là tất cả pháp.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Ví như thân người cao lớn”.</p>
<p>_ Tu-Bồ-Đề ngôn: “Thế-Tôn! Như-Lai thuyết nhân thân trường đại, tức vi phi đại thân, thị danh đại thân”.</p>	<p>_ Tu-Bồ-Đề bạch: “Bạch Thế-Tôn! Như-Lai nói thân người cao lớn, tức chẳng phải thân lớn, mới gọi là thân lớn”.</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Bồ-Tát diệc như-thị. Nhược tác thị ngôn:</p>	<p>_ Tu-Bồ-Đề! Bồ-Tát cũng như thế. Nếu nói lời này:</p>

<p>_ Ngã đương diệt-độ vô-lượng chúng-sanh, tức bất danh Bồ-Tát. _ Hà dĩ cố? Tu-Bồ-Đề! Thiệt vô hữu pháp danh vi Bồ-Tát. _ Thị cố, Phật thuyết nhứt-thiết pháp vô ngã, vô nhân, vô chúng-sanh, vô thọ-giả. _ Tu-Bồ-Đề! Nhược Bồ-Tát tác thị ngôn: “Ngã đương trang-nghiêm Phật-độ”, thị bất danh Bồ Tát. _ Hà dĩ cố? Như-Lai thuyết trang-nghiêm Phật-độ giả, tức phi trang-nghiêm, thị danh trang-nghiêm. _ Tu-Bồ-Đề! Nhược Bồ-Tát thông đạt vô ngã pháp giả, Như-Lai thuyết danh chơn thị Bồ-Tát. O</p>	<p>_ Ta đang độ vô-lượng chúng-sanh, tức chẳng gọi là Bồ-Tát. _ Bởi vì sao? Tu-Bồ-Đề! Thiệt không có pháp chi gọi là Bồ-Tát. _ Vì thế, Phật nói tất cả pháp không ngã, không nhân, không chúng-sanh, không thọ-giả. _ Tu-Bồ-Đề! Nếu Bồ-Tát nói thế này: “Ta đang trang-nghiêm cõi Phật”, tức chẳng gọi là Bồ-Tát. _ Bởi vì sao? Vì Như-Lai nói trang-nghiêm cõi Phật, tức chẳng phải trang-nghiêm, mới gọi là trang-nghiêm. _ Tu-Bồ-Đề! Nếu Bồ-Tát thông đạt được lý không ngã, không pháp đó, Như-Lai mới gọi thiệt là Bồ-Tát.</p>
--	--

<p>18. NHỨT-THIỆT ĐỒNG QUAN</p>	<p>18. XEM ĐỒNG MỘT THỂ</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ý vân hà? Như-Lai hữu nhục-nhãn phủ?” _ “Như-thị, Thế-Tôn! Như-Lai hữu nhục-nhãn”.</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Như-Lai có nhục-nhãn chăng?” _ “Đúng thế, bạch Thế-Tôn! Như-Lai có nhục-nhãn”.</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ý vân hà? Như-Lai hữu thiên-nhãn phủ?” _ “Như-thị, Thế-Tôn! Như-Lai hữu thiên-nhãn”.</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Như-Lai có thiên-nhãn chăng?” _ “Đúng thế, bạch Thế-Tôn! Như-Lai có thiên-nhãn”.</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ý vân hà? Như-Lai hữu tuệ-nhãn phủ?” _ “Như-thị, Thế-Tôn! Như-Lai hữu tuệ-nhãn”.</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Như-Lai có tuệ-nhãn chăng?” _ “Đúng thế, bạch Thế-Tôn! Như-Lai có tuệ-nhãn”.</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ý vân hà? Như-Lai hữu pháp-nhãn phủ?” _ “Như-thị, Thế-Tôn! Như-Lai hữu pháp-nhãn”.</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Như-Lai có pháp-nhãn chăng?” _ “Đúng thế, bạch Thế-Tôn! Như-Lai có pháp-nhãn”.</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ý vân hà? Như-Lai hữu Phật-nhãn phủ?” _ “Như-thị, Thế-Tôn! Như-Lai hữu Phật-nhãn”.</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Như-Lai có Phật-nhãn chăng?” _ “Đúng thế, bạch Thế-Tôn! Như-Lai có Phật-nhãn”.</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ý vân hà? Như Hằng hà trung sở hữu sa, Phật thuyết thị sa phủ?” _ “Như-thị, Thế-Tôn! Như-Lai thuyết thị sa”.</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Như bao nhiêu cát trong sông Hằng, Phật nói đó là cát chăng?” _ “Đúng thế, bạch Thế-Tôn! Như-Lai nói đó là cát”.</p>

<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ý vân hà? Như như Hạng hà trung sở hữu sa,</p> <p>- hữu như-thị sa đẳng Hạng hà,</p> <p>- thị chư Hạng hà sở hữu sa số Phật thế-giới, như-thị ninh vi đa phủ?”</p> <p>_ “Thậm đa, Thế-Tôn!”</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Ví như trong một sông Hạng có bao nhiêu cát,</p> <p>- lại có số sông Hạng cũng nhiều như số cát ấy,</p> <p>- lại có số cõi Phật nhiều như số cát trong (tất cả) những sông Hạng đó, như vậy (cõi Phật) có nhiều chăng?”</p> <p>_ “Rất nhiều, bạch Thế-Tôn!”</p>
<p>Phật cáo Tu-Bồ-Đề:</p> <p>_ “Nhĩ sở quốc-độ trung sở hữu chúng-sanh, nhược can chủng tâm, Như-Lai tất tri.</p> <p>_ Hà dĩ cố? Như-Lai thuyết chư tâm, giai vi phi tâm, thị danh vi tâm.</p> <p>_ Sở dĩ giả hà? Tu-Bồ-Đề! Quá-khú tâm bất khả đắc, hiện-tại tâm bất khả đắc, vị-lai tâm bất khả đắc”. O</p>	<p>Phật bảo Tu-Bồ-Đề:</p> <p>_ “Những chúng-sanh trong số cõi Phật nhiều như vậy, có ngần ấy thứ tâm, Như-Lai đều biết rõ.</p> <p>_ Bởi vì sao? Vì Như-Lai nói các thứ tâm, đều là chẳng phải tâm, nên gọi là tâm.</p> <p>_ Vì sao như thế? Tu-Bồ-Đề! Tâm quá-khú không thể đắc, tâm hiện-tại không thể đắc, tâm vị-lai không thể đắc”.</p>

<p>19. PHÁP-GIỚI THÔNG HÓA</p>	<p>19. THÔNG SUỐT PHÁP-GIỚI</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ý vân hà? Nhược hữu nhân mãn tam-thiên đại-thiên thế-giới thất bảo dĩ dụng bố-thí, thị nhân dĩ thị nhân-duyên đắc phước đa phủ?”</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu có người dùng bảy thứ báu đầy cả cõi tam-thiên đại-thiên thế-giới để bố-thí, do nhân-duyên đó, người ấy có được phước nhiều chăng?”</p>
<p>_ “Như-thị, Thế-Tôn! Thử nhân dĩ thị nhân-duyên, đắc phước thậm đa”.</p>	<p>_ “Bạch Thế-Tôn, đúng như thế! Người ấy do nhân-duyên đó, được phước rất nhiều”.</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Nhược phước-đức hữu thiệt, Như-Lai bất thuyết đắc phước-đức đa.</p> <p>_ Dĩ phước-đức vô cố, Như-Lai thuyết đắc phước-đức đa”. O</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Nếu phước-đức có thiệt (hữu-vi), thì Như-Lai chẳng nói là được phước-đức nhiều.</p> <p>_ Vì phước-đức là không (vô-vi), nên Như-Lai mới nói là được phước-đức nhiều”.</p>

<p>20. LY SẮC LY TƯỚNG</p>	<p>20. LÌA SẮC, LÌA TƯỚNG</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ý vân hà? Phật khả-đĩ cụ-túc sắc-thân kiến phủ?”</p> <p>_ “Phất dã, Thế-Tôn! Như-Lai bất ưng dĩ cụ-túc sắc-thân kiến.</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Có thể do sắc-thân đầy đủ mà thấy là Phật chăng?”</p> <p>_ “Bạch Thế-Tôn, không! Chẳng nên do sắc-thân đầy đủ mà thấy là Như-</p>

<p>_ Hà dĩ cố? Như-Lai thuyết cụ-túc sắc-thân, tức phi cụ-túc sắc-thân, thị danh cụ-túc sắc-thân.</p>	<p>Lai. _ Bởi vì sao? Vì Như-Lai nói sắc-thân đầy đủ, tức chẳng phải sắc-thân đầy đủ, nên gọi là sắc-thân đầy đủ”.</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ý vân hà? Như-Lai khả-dĩ cụ-túc chư tướng kiến phủ?” _ “Phất dã, Thế-Tôn! Như-Lai bất ưng dĩ cụ-túc chư tướng kiến. _ Hà dĩ cố? Như-Lai thuyết chư tướng cụ-túc, tức phi cụ-túc, thị danh chư tướng cụ-túc”. O</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Có thể do các tướng đầy đủ mà thấy là Như-Lai chẳng?” _ “Bạch Thế-Tôn, không! Chẳng nên do các tướng đầy đủ mà thấy là Như-Lai. _ Bởi vì sao? Vì Như-Lai nói các tướng đầy đủ, tức chẳng phải đầy đủ, nên gọi là các tướng đầy đủ”.</p>

<p>21. PHI THUYẾT SỞ THUYẾT</p>	<p>21. KHÔNG CÓ THUYẾT, CŨNG KHÔNG CÓ PHÁP ĐỂ THUYẾT</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Nhữ vật vị Như-Lai tác thị hữu niệm: Ngã đương hữu sở thuyết-pháp. _ Mạc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Nhược nhân ngôn: Như-Lai hữu sở thuyết-pháp, tức vi báng Phật, bất năng giải ngã sở thuyết cố. _ Tu-Bồ-Đề! Thuyết-pháp giả, vô pháp khả thuyết, thị danh thuyết-pháp”.</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ông chớ cho rằng Như-Lai có ý nghĩ này: Ta đang có chỗ thuyết-pháp. _ Chớ nghĩ như thế. Bởi vì sao? Vì nếu người nào nói: Như-Lai có chỗ thuyết-pháp, tức là hủy báng Phật, không thể hiểu được nghĩa-lý của Phật nói. _ Tu-Bồ-Đề! Thuyết-pháp ấy, không có pháp chi mà thuyết, nên gọi là thuyết-pháp”.</p>
<p>Nhĩ thời, Tuệ-Mạng Tu-Bồ-Đề bạch Phật ngôn: _ “Thế-Tôn! Phả hữu chúng-sanh, ư vị lai thế, văn thuyết thị pháp, sanh tín tâm phủ?”</p>	<p>Bấy giờ, Tuệ-Mạng Tu-Bồ-Đề bạch Phật: _ “Bạch Thế-Tôn! Liệu có chúng-sanh nào, trong thời vị-lai, nghe nói pháp này, mà sanh lòng tin chẳng?”</p>
<p>_ Phật ngôn: “Tu-Bồ-Đề! Bỉ phi chúng-sanh, phi bất chúng-sanh. _ Hà dĩ cố? Tu-Bồ-Đề! Chúng-sanh chúng-sanh giả, Như-Lai thuyết phi chúng-sanh, thị danh chúng-sanh”. O</p>	<p>_ Phật dạy: “Tu-Bồ-Đề! Đó chẳng phải chúng-sanh, cũng chẳng phải không là chúng-sanh. _ Bởi vì sao? Tu-Bồ-Đề! Chúng-sanh chúng-sanh đó, Như-Lai nói chẳng phải chúng-sanh, nên gọi là chúng-sanh”.</p>

<p>22. VÔ PHÁP KHẢ ĐẮC</p>	<p>22. KHÔNG CÓ PHÁP CÓ THỂ ĐẮC</p>
<p>Tu-Bồ-Đề bạch Phật ngôn: _ “Thế-Tôn! Phật đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, vi vô sở đắc</p>	<p>Tu-Bồ-Đề bạch Phật: _ “Bạch Thế-Tôn! Phật đắc Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, là không có</p>

da?”	chi đăc sao?”
_ Phật ngôn: “Như-thị! Như-thị! Tu-Bồ-Đề! Ngã ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nãi chí vô hữu thiếu pháp khả đăc, thị danh A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”. O	_ Phật dạy: “Đúng thế! Đúng thế! Tu-Bồ-Đề! Ta ở nơi Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, cho đến không có một chút pháp chi có thể gọi là đăc đó, mới gọi là Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác”.

23. TỊNH TÂM HÀNH THIỆN	23. TÂM TRONG SẠCH LÀM VIỆC LÀNH
_ “Phục thứ, Tu-Bồ-Đề! Thị pháp bình-đẳng vô hữu cao hạ, thị danh A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. _ Dĩ vô ngã, vô nhân, vô chúng-sanh, vô thọ-giả, tu nhưt-thiết thiện-pháp tức đăc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. _ Tu-Bồ-Đề! Sở ngôn thiện-pháp giả, Như-Lai thuyết phi thiện-pháp, thị danh thiện-pháp”. O	_ “Lại nữa, Tu-Bồ-Đề! Pháp đó bình-đẳng không có cao thấp, đó gọi là Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác. _ Do không ngã, không nhân, không chúng-sanh, không thọ-giả, mà tu tất cả pháp lành liền được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác. _ Tu-Bồ-Đề! Cái gọi là pháp lành ấy, Như-Lai nói chẳng phải pháp lành, nên gọi là pháp lành”.

24. PHƯỚC TRÍ VÔ TỶ	24. PHƯỚC-ĐỨC TRÍ-TUỆ KHÔNG GÌ SÁNH BẰNG
_ “Tu-Bồ-Đề! Nhược tam-thiên đại-thiên thế-giới trung sở hữu chư Tu-di sơn vương, như-thị đăng thất bảo tụ, hữu nhân trì dụng bố-thí. _ Nhược nhân dĩ thủ Bát-Nhã ba-la-mật kinh, nãi chí tứ cú kệ đăng, thọ trì đọc tụng, vị tha nhân thuyết, ư tiền phước-đức bá phần bất cập nhưt, bá thiên vạn ức phần, nãi chí toán số thí-dụ, sở bất năng cập”. O	_ “Tu-Bồ-Đề! Như trong cõi tam-thiên đại-thiên thế-giới có những núi chúa Tu-Di, góp cả bảy thứ báu lại bằng những núi Tu-Di đó, nếu có người đem dùng mà bố-thí. _ Nếu có người nơi kinh Bát-Nhã ba-la-mật này, dù chỉ một bài kệ bốn câu, thọ trì đọc tụng, vì người khác mà giảng nói, thời phước-đức (của người bố-thí) trước sánh không bằng một phần trăm (của người trì kinh), trăm nghìn muôn ức phần, cho đến tính toán thí-dụ (thế nào đi nữa), cũng chẳng bằng được”.

25. HÓA VÔ SỞ HÓA	25. KHÔNG NĂNG ĐỘ, SỞ ĐỘ
_ “Tu-Bồ-Đề! Ư ý vân hà? Nhữ đăng vật vị Như-Lai tác thị niệm: Ngã đương độ chúng-sanh. _ Tu-Bồ-Đề! Mạc tác thị niệm. _ Hà dĩ cố? Thiệt vô hữu chúng-sanh	_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Ông chớ cho rằng Như-Lai nghĩ thế này: Ta đang hóa-độ chúng-sanh. _ Tu-Bồ-Đề! Đừng nghĩ như thế. _ Bởi vì sao? Vì thiệt không có chúng-

<p>Như-Lai độ giả. _ Nhược hữu chúng-sanh Như-Lai độ giả, Như-Lai tức hữu ngã, nhân, chúng-sanh, thọ giả. _ Tu-Bồ-Đề! Như-Lai thuyết hữu ngã giả, tức phi hữu ngã, nhi phàm-phu chi nhân dĩ vi hữu ngã. _ Tu-Bồ-Đề! Phàm-phu giả, Như-Lai thuyết tức phi phàm-phu, thị danh phàm-phu”. O</p>	<p>sanh nào Như-Lai độ cả. _ Nếu có chúng-sanh nào Như-Lai độ, tức Như-Lai có tướng ngã, nhân, chúng-sanh, thọ-giả. _ Tu-Bồ-Đề! Như-Lai nói có ngã, tức chẳng phải có ngã, mà kẻ phàm-phu lại cho là có ngã. _ Tu-Bồ-Đề! Phàm-phu đó, Như-Lai nói tức chẳng phải phàm-phu, nên gọi là phàm-phu”.</p>
---	---

<p>26. PHÁP-THÂN PHI TƯỚNG</p>	<p>26. PHÁP-THÂN CHẲNG PHẢI SẮC-TƯỚNG</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ý vân hà? Khả-dĩ tam thập nhị tướng quan Như-Lai phủ?” _ Tu-Bồ-Đề ngôn: “Như-thị! Như-thị! Dĩ tam thập nhị tướng quan Như-Lai”.</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Có thể do ba mươi hai tướng mà xem là Như-Lai chẳng?” _ Tu-Bồ-Đề bạch: “Đúng thế! Đúng thế! Do ba mươi hai tướng mà xem là Như-Lai”.</p>
<p>Phật ngôn: _ “Tu-Bồ-Đề! Nhược dĩ tam thập nhị tướng quan Như-Lai giả, Chuyển-Luân Thánh-Vương tức thị Như-Lai”.</p>	<p>Phật dạy: _ “Tu-Bồ-Đề! Nếu do ba mươi hai tướng mà xem là Như-Lai đó, thời vị Chuyển-Luân Thánh-Vương tức là Như-Lai rồi”. <i>(Vi Chuyển-Luân Thánh-Vương cũng có đủ ba mươi hai tướng tốt như Phật.)</i></p>
<p>Tu-Bồ-Đề bạch Phật ngôn: _ “Thế-Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, bất ưng dĩ tam thập nhị tướng quan Như-Lai”.</p>	<p>Tu-Bồ-Đề bạch Phật: _ “Bạch Thế-Tôn! Theo như con hiểu nghĩa-lý của Phật nói, thời chẳng nên do ba mươi hai tướng mà xem là Như-Lai”.</p>
<p>Nhĩ thời, Thế-Tôn nhi thuyết kệ ngôn: <i>“Nhược dĩ sắc kiến ngã, Dĩ âm-thinh cầu ngã. Thị nhân hành tà đạo, Bất năng kiến Như-Lai”. O</i></p>	<p>Bấy giờ, Thế-Tôn liền nói kệ rằng: <i>“Nếu dùng sắc thấy ta, Dùng âm-thinh cầu ta, Người ấy hành tà đạo, Chẳng thể thấy Như-Lai”.</i></p>

<p>27. VÔ ĐOẠN VÔ DIỆT</p>	<p>27. KHÔNG ĐOẠN KHÔNG DIỆT</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Nhữ nhược tác thị niệm: Như-Lai bất dĩ cụ-túc tướng cố đặc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. _ Tu-Bồ-Đề! Mạc tác thị niệm: Như-Lai bất dĩ cụ-túc tướng cố đặc A-nậu-đa-la</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Nếu ông nghĩ thế này: Như-Lai không do nơi tướng cụ-túc mà được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác. _ Tu-Bồ-Đề! Chớ nghĩ như vậy: Như-Lai không do nơi tướng cụ-túc mà</p>

<p>Tam-miệu Tam-bồ-đề.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Nhữ nhược tác thị niệm: Phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm giả thuyết chư pháp đoạn diệt. Mạc tác thị niệm.</p> <p>_ Hà dĩ cố? Phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm giả, ư pháp bất thuyết đoạn diệt tướng”. O</p>	<p>được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.</p> <p>_ Tu-Bồ-Đề! Nếu ông nghĩ thế này: Người phát tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác nói các pháp đều đoạn diệt. Đừng nghĩ như thế.</p> <p>_ Bởi vì sao? Vì người phát tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, nơi các pháp không nói tướng đoạn diệt”.</p>
--	--

<p>28. BẤT THỌ BẤT THAM</p>	<p>28. KHÔNG NHẬN KHÔNG THAM</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Nhược Bồ-Tát dĩ mãn Hằng hà sa đẳng thế-giới thất bảo trì dụng bố-thí.</p> <p>_ Nhược phục hữu nhân tri nhứt-thiết pháp vô ngã, đắc thành ư nhĩn. Thủ Bồ-Tát thắng tiền Bồ-Tát sở đắc phước-đức.</p> <p>_ Hà dĩ cố? Tu-Bồ-Đề! Dĩ chư Bồ-Tát bất thọ phước-đức cố”.</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Nếu Bồ-Tát dùng bảy thứ báu đầy cả thế-giới, nhiều như cát sông Hằng, để làm việc bố-thí.</p> <p>_ Nếu lại có người biết tất cả pháp là vô ngã, mà đặng thành nhĩn. Bồ-Tát (biết các pháp đều vô ngã) này được phước-đức hơn Bồ-Tát (bố-thí bảy thứ báu) trước.</p> <p>_ Bởi vì sao? Tu-Bồ-Đề! Vì các Bồ-Tát không thọ nhận phước-đức”.</p>
<p>Tu-Bồ-Đề bạch Phật ngôn:</p> <p>_ “Thế-Tôn! Vân hà Bồ-Tát bất thọ phước-đức?”</p>	<p>Tu-Bồ-Đề bạch Phật:</p> <p>_ “Bạch Thế-Tôn! Tại sao Bồ-Tát không thọ nhận phước-đức?”</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Bồ-Tát sở tác phước-đức, bất ưng tham trước, thị cố thuyết bất thọ phước-đức”. O</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Bồ-Tát làm việc phước-đức, chẳng nên tham trước, nên nói là không thọ nhận phước-đức”.</p>

<p>29. UY-NGHI TỊCH TỊNH</p>	<p>29. OAI-NGHI VẮNG LẶNG</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Nhược hữu nhân ngôn: Như-Lai nhược lai, nhược khứ, nhược tọa, nhược ngọa, thị nhân bất giải ngã sở thuyết nghĩa.</p> <p>_ Hà dĩ cố? Như-Lai giả, vô sở tùng lai, diệt vô sở khứ, cố danh Như-Lai”. O</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Nếu có người nói: Như-Lai hoặc đến, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc nằm, thời người ấy không hiểu nghĩa của Phật nói.</p> <p>_ Bởi vì sao? Vì Như-Lai đó, không từ nơi nào lại, cũng không đi về đâu, nên gọi là Như-Lai”.</p>

<p>30. NHỨT HIỆP TƯỚNG LÝ</p>	<p>30. LÝ CỦA NHỨT HIỆP TƯỚNG</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Nhược thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân dĩ tam thiên đại thiên thế-giới toái vi vi-trần.</p> <p>_ Ư ý vân hà? Thị vi-trần chúng ninh vi đa phủ?”</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Nếu có thiện-nam, thiện-nữ đem cõi tam-thiên đại-thiên thế-giới đập nát thành vi-trần.</p> <p>_ Ý ông nghĩ sao? Những vi-trần đó có nhiều chăng?”</p>

<p>Tu-Bồ-Đề ngôn: _ “Thậm đa, Thế-Tôn! _ Hà dĩ cố? Nhược thị vi-trần chúng thiệt hữu giả, Phật tức bất thuyết thị vi-trần chúng. _ Sở dĩ giả hà? Phật thuyết vi-trần chúng, tức phi vi-trần chúng, thị danh vi-trần chúng.</p>	<p>Tu-Bồ-Đề bạch: _ “Bạch Thế-Tôn, rất nhiều! _ Bởi vì sao? Vì nếu những vi-trần đó là thiệt có, Phật tất chẳng nói là những vi-trần. _ Vì sao như thế? Vì Phật nói những vi-trần, tức chẳng phải những vi-trần, nên gọi là những vi-trần.</p>
<p>_ Thế-Tôn! Như-Lai sở thuyết tam-thiên đại-thiên thế-giới, tức phi thế-giới, thị danh thế-giới. _ Hà dĩ cố? Nhược thế-giới thiệt hữu giả, tức thị nhứt hiệp tướng. Như-Lai thuyết nhứt hiệp tướng, tức phi nhứt hiệp tướng, thị danh nhứt hiệp tướng”.</p>	<p>_ Bạch Thế-Tôn! Như-Lai nói tam-thiên đại-thiên thế-giới, tức chẳng phải thế-giới, nên gọi là thế-giới. _ Bởi vì sao? Vì nếu thế-giới là thiệt có ấy, tức là tướng nhứt hiệp. Như-Lai nói tướng nhứt hiệp, tức chẳng phải tướng nhứt hiệp, nên gọi là tướng nhứt hiệp”.</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Nhứt hiệp tướng giả, tức thị bất khả thuyết, đăn phàm-phu chi nhân, tham trước kỳ sự”. O</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Tướng nhứt hiệp đó, tức là chẳng thể nói được, chỉ kể phàm-phu, tham chấp nơi sự việc”.</p>

<p>31. TRI-KIẾN BẤT SANH</p>	<p>31. KHÔNG SANH TRI-KIẾN</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Nhược nhân ngôn: Phật thuyết ngã-kiến, nhân-kiến, chúng-sanh-kiến, thọ-giả-kiến. _ Tu-Bồ-Đề! Ý ý vân hà? Thị nhân giải ngã sở thuyết nghĩa phủ?”</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Nếu có người nói: Phật nói ngã-kiến, nhân-kiến, chúng-sanh-kiến, thọ-giả-kiến. _ Tu-Bồ-Đề! Ý ông nghĩ sao? Người ấy hiểu nghĩa-lý của Phật nói chăng?”</p>
<p>_ “Phất dã, Thế-Tôn! Thị nhân bất giải Như-Lai sở thuyết nghĩa. _ Hà dĩ cố? Thế-Tôn thuyết ngã-kiến, nhân-kiến, chúng-sanh-kiến, thọ-giả-kiến, - tức phi ngã-kiến, nhân-kiến, chúng-sanh-kiến, thọ-giả-kiến, - thị danh ngã-kiến, nhân-kiến, chúng-sanh-kiến, thọ-giả-kiến”.</p>	<p>_ “Bạch Thế-Tôn, không! Người ấy không hiểu nghĩa-lý của Như-Lai nói. _ Bởi vì sao? Thế-Tôn nói ngã-kiến, nhân-kiến, chúng-sanh-kiến, thọ-giả-kiến, - tức chẳng phải ngã-kiến, nhân-kiến, chúng-sanh-kiến, thọ-giả-kiến, - nên gọi là ngã-kiến, nhân-kiến, chúng-sanh-kiến, thọ-giả-kiến”.</p>
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm giả, ư nhứt-thiết pháp ưng như-thị tri, như-thị kiến, như-thị tín-giải, bất sanh pháp-tướng. _ Tu-Bồ-Đề! Sở ngôn pháp tướng giả, Như-Lai thuyết tức phi pháp-tướng, thị danh pháp-tướng”. O</p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Người phát tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, nơi tất cả pháp phải biết như thế, thấy như thế, tin hiểu như thế, chẳng sanh pháp-tướng. _ Tu-Bồ-Đề! Chỗ nói là pháp-tướng đó, Như-Lai nói tức chẳng phải pháp-tướng, nên gọi là pháp-tướng”.</p>

32. ỨNG HÓA PHI CHÂN	32. ỨNG HÓA CHẲNG PHẢI THẬT (MỌI THỨ NHƯ MỘNG ẢO)
<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Nhược hữu nhân dĩ mãn vô-lượng a-tăng-kỳ thế-giới thất bảo trì dụng bố-thí.</p> <p>_ Nhược hữu thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân phát Bồ-đề tâm giả, trì ư thủ kinh, nãi chí tứ cú kệ đấng, thọ trì độc tụng, vị nhân diễn-thuyết, kỳ phước thắng bỉ.</p> <p>_ Vân hà vị nhân diễn-thuyết?</p> <p>_ Bất thủ ư tướng, như-như bất động.</p> <p>_ Hà dĩ cố?</p> <p><i>“Nhứt-thiết hữu-vi pháp, Như mộng, huyễn, bào, ảnh, Như lộ, diệc như điển. Ứng tác như-thị quán”.</i></p>	<p>_ “Tu-Bồ-Đề! Nếu có người đem bảy thứ báu đầy cả vô-lượng vô-số thế-giới để làm việc bố-thí.</p> <p>_ Nếu có thiện-nam, thiện-nữ nào phát tâm Bồ-đề, giữ theo kinh này, dù chỉ một bài kệ bốn câu, thọ trì độc tụng, vì người khác mà giảng nói, thời phước-đức của người này hơn người kia.</p> <p>_ Thế nào là vì người khác mà giảng nói?</p> <p>_ Không chấp giữ nơi tướng, như-như chẳng động.</p> <p>_ Bởi vì sao?</p> <p><i>“Tất cả pháp hữu-vi, Như mộng, ảo, bọt nước, bóng hình, Như sương, như điện chớp, Nên quán-sát như vậy”.</i></p>
<p>_ Phật thuyết thị kinh dĩ, Trưởng-lão Tu-Bồ-Đề cập chư Tỳ-khưu, Tỳ-khư-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nhứt-thiết thế-gian, thiên, nhân, A-tu-la ... văn Phật sở thuyết, giai đại hoan-hỷ, tín-thọ phụng-hành. O</p>	<p>_ Phật nói kinh này xong, Trưởng-lão Tu-Bồ-Đề cùng với các vị Tỳ-khưu, Tỳ-khư-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả thế-gian, trời, người, A-tu-la ... nghe những lời Phật dạy, thấy đều rất vui mừng, tin nhận, vâng theo tu-hành.</p>
KIM-CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT KINH CHUNG	

BÁT-NHÃ VÔ-TẬN CHƠN-NGÔN

1. Nam-mô bặt già phật đế, bặt rị nhã,
ba-la-mật đa duệ, đát điệt tha.
2. Án, hột rị, địa rị, thất rị,
thú rô tri, tam mật lật tri,
Phật xã duệ, tá-ha. O

KIM-CANG TÂM CHƠN NGÔN

Án, ô luân ni, ta-bà-ha. O

BỔ KHUYẾT CHƠN-NGÔN

Nam-mô hát-ra đát-na đa-ra dạ-da, kê-ra kê-ra, cu-trụ cu-trụ, ma-ra ma-ra, hổ ra hồng, hạ-hạ tô-đát noa-hồng, bặt mật noa, ta-bà-ha. O

PHỔ HỒI-HƯỚNG CHƠN-NGÔN

Án, ta ma ra, ta ma ra, di ma năng tát cáp ra, ma-ha chúc ca ra hồng. O

KIM-CANG BỔ KHUYẾT CHÂN-NGÔN

Án, hô lô hô lô, xã duệ mục kê, tá-ha. (7 lần)

Nhứt hồi hướng : Chân-như thiết-tế, tâm-tâm khế-hiệp.

Nhị hồi hướng : Vô-thượng Phật-quả Bồ-đề, niệm niệm viên-mãn.

Tam hồi hướng : Pháp-giới nhứt-thiết chúng-sanh đồng sanh Tịnh-độ. O

TÁN

Kim-Cang công-đức,
Diệu-lý nan lương,
Như-Lai vị chúng quảng tuyên-dương.
Thọ thí ngộ Chơn-thường,
Dĩ chư hoa hương.
Phổ tán Pháp-Trung-Vương.

NAM-MÔ KỲ-VIÊN HỘI-THƯỢNG PHẬT BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) OOO



MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH

Quán-Tự-Tại Bồ-Tát, hành thâm Bát-Nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt-thiết khổ ách.

Xá-Lợi-Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị.

Xá-Lợi-Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.

Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức.

Vô nhân, nhĩ, ty, thiết, thân, ý.

Vô sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp.

Vô nhân-giới, nãi chí vô ý-thức-giới.

Vô vô-minh, diệc vô vô-minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận.

Vô khổ, tập, diệt, đạo.

Vô trí diệc vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-Đề-Tát-Đỏa y Bát-Nhã ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại. Vô quái ngại cố, vô hữu khủng-bố, viễn ly điên-đảo mộng-tưởng, cứu cánh Niết-Bàn. Tam thế chư Phật y Bát-Nhã ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

Cố tri Bát-Nhã ba-la-mật-đa, thị đại thần-chú, thị đại minh-chú, thị vô-thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt-thiết khổ, chơn thiết bất hư.

Cố thuyết Bát-Nhã ba-la-mật-đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết-đế yết-đế, ba la yết-đế, ba la tăng yết-đế, bồ-đề tát-bà-ha. O

VÃNG-SANH CHƠN-NGÔN

Nam-mô A-di-đà bà dạ, đa tha già đa dạ,
đa diệt dạ tha, a di rị đô bà tỳ,
a di rị đa, tất đam bà tỳ,
a di rị đa, tỳ ca lan đế,
a di rị đa, tỳ ca lan đa,
già di nị, già già na,
chỉ đa ca lệ, ta-bà-ha. (3 biến) O

TÁN PHẬT

A-Di-Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang-minh vô đẳng luân,
Bạch hào uyển chuyển ngũ tu-di,
Cám mục trùng thanh tứ đại-hải,
Quang trung Hóa-Phật vô số ức,
Hóa chúng Bồ-Tát chúng diệc vô biên,
Tứ thập bát nguyện độ chúng-sanh,
Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn. O

Thân Phật Di-Đà vàng rực rỡ
Tướng đẹp sáng ngời không gì sánh
Hào quang tỏa khắp năm tu di
Mắt biếc trong hơn bốn biển lớn
Quang trung hóa Phật nhiều vô số
Hóa chúng Bồ-Tát cũng vô biên
Bốn mươi tám nguyện độ chúng-sanh
Chín phẩm đều lên ngôi Chánh-Giác.

NIỆM PHẬT

Nam-mô Tây-Phương Cực-Lạc Thế-Giới, Tam Thập Lục Vạn Úc, Nhứt Thập Nhứt Vạn, Cửu Thiên Ngũ Bá, Đồng Danh Đồng Hiệu, Đại-Tử Đại-Bi, Tiếp Dẫn Đạo-Sư A-Di-Đà Phật. O

- Nam-mô A-Di-Đà Phật. (108 lần) O
- Nam-mô Quán-Thế-Âm Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Đại-Thế-Chí Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Địa-Tạng-Vương Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Thanh-Tịnh Đại-Hải-Chúng Bồ-Tát. (10 lần) O

SÁM THẬP PHƯƠNG

Thập phương tam thế Phật,
A-Di-Đà đệ nhứt,
Cửu phẩm độ chúng-sanh,
Oai-đức vô cùng-cực.

Mười phương ba đời Phật,
A-Di-Đà đệ nhứt,
Chín phẩm độ chúng-sanh,
Uy đức không cùng tột.

Ngã kim đại quy-y,
Sám-hối tam nghiệp tội,
Phàm hữu chư phước thiện,
Chí-tâm dụng hồi-hướng.

Con nay cả quy-y,
Sám-hối tội ba nghiệp,
Hễ có các phước thiện,
Chăm lòng dùng hồi-hướng.

Nguyện đồng niệm Phật nhân,
Cảm-ứng tùy thời hiện,
Lâm-chung Tây-phương cảnh,
Phân-minh tại mục tiền.

Nguyện đồng người niệm Phật,
Đều theo thời ứng hiện,
Lâm-chung cảnh phương tây,
Rõ ràng ở trước mắt.

Kiến-văn giai tinh-tấn,
Đồng sanh Cực-Lạc quốc,
Kiến Phật liễu sanh tử,
Như Phật độ nhứt-thiết.

Thấy nghe đều tinh tiến,
Đồng sanh nước Cực-Lạc,
Thấy Phật hết sanh tử,
Như Phật độ tất cả.

Vô-biên phiên-não đoạn,
Vô-lượng pháp-môn tu,
Thệ nguyện độ chúng-sanh,
Tổng giai thành Phật-đạo.

Dứt vô-biên phiên-não,
Tu vô-lượng pháp-môn,
Thệ nguyện độ chúng-sanh,
Tất cả thành đạo Phật.

Hư-không hữu tận, ngã nguyện vô cùng, Cõi hư-không có hết, tâm nguyện con không cùng,
Hư-không hữu tận, ngã nguyện vô cùng, Cõi hư-không có hết, tâm nguyện con không cùng,
Tình dữ vô-tình, đồng viên chủng trí. O Chúng hữu-tình và chúng vô-tình, đồng tròn giống trí Phật.



THẬP NGUYỆN

Nhứt giả lễ kính chư Phật,	Thứ nhứt là nguyện kính lạy các đức Phật,
Nhị giả xưng tán Như-Lai,	Thứ hai là nguyện khen kính đức Như-Lai,
Tam giả quảng tu cung-dưỡng,	Thứ ba là nguyện rộng tu làm việc cúng dường,
Tứ giả sám-hối nghiệp chướng,	Thứ tư là nguyện sám-hối nghiệp chướng,
Ngũ giả tùy hỷ công-đức,	Thứ năm là nguyện tùy hỷ công-đức,
Lục giả thỉnh chuyển pháp-luân,	Thứ sáu là nguyện mời Phật nói pháp,
Thất giả thỉnh Phật trụ thế,	Thứ bảy là nguyện xin Phật ở lại thế-gian này,
Bát giả thường tùy Phật học,	Thứ tám là nguyện thường theo Phật để học,
Cửu giả hằng thuận chúng-sanh,	Thứ chín là nguyện thường thuận theo chúng-sanh,
Thập giả phổ giai hồi-hướng. O	Thứ mười là nguyện khắp đều hồi-hướng.

PHÚNG KINH

Phúng kinh công-đức thù-thắng hạnh,	Công-đức phúng kinh rất tuyệt vời,
Vô-biên thắng phước giai hồi hướng,	Bao nhiêu thắng phước xin hồi hướng,
Phổ nguyện pháp-giới chư chúng-sanh,	Nguyện khắp chúng-sanh trong pháp-giới,
Tốc vãng vô-lượng-quang Phật-sát. O	Chóng được sanh về cõi Cực-Lạc.

HỒI HƯỚNG

Hồi hướng nhân-duyên tam thế Phật,	Hướng về nhân-duyên với chư Phật ba đời,
Văn-Thù, Phổ-Hiền, Quán-Tự-Tại,	Nào Bồ-Tát Văn-Thù, Phổ-Hiền, và Quán-Tự-Tại,
Chư tôn Bồ-Tát Ma-ha-tát,	Cùng các vị Bồ-Tát quảng đại,
Ma-ha Bát-Nhã ba-la-mật. O	Đó là đại trí-tuệ mới qua bờ bên kia được.

NGUYỆN TIÊU

Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền-não,	Nguyện tiêu ba chướng cùng phiền-não,
Nguyện đắc trí-tuệ chơn minh liễu,	Nguyện được trí-tuệ thật sáng ngời,
Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ,	Nguyện bao tội chướng đều tiêu trừ,
Thế thế thường hành Bồ-Tát đạo. O	Đời đời thường làm Bồ-Tát đạo.

NGUYỆN SANH

Nguyện sanh Tây-phương Tịnh-Độ trung,	Nguyện sanh Tây-phương cõi Phật-đà,
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,	Chín phẩm đài sen là cha mẹ,
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh,	Hoa nở thấy Phật ngộ vô sanh,
Bất thối Bồ-Tát vi bạn lữ. O	Bất thoái Bồ-Tát làm bạn lữ.

NGUYỆN CÔNG-ĐỨC

Nguyện dĩ thủ công-đức,	Nguyện đem công-đức này,
Phổ cập ư nhứt-thiết,	Hướng về khắp tất cả,
Ngã đẳng dĩ chúng-sanh,	Đệ-tử và chúng-sanh,
Giai cộng thành Phật đạo. O	Đều cùng thành Phật-đạo.

TAM QUY

Tự quy-y Phật, đương nguyện chúng-sanh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm. O (1 lạy)

Tự quy-y Pháp, đương nguyện chúng-sanh, thâm nhập kinh tạng, trí-tuệ như hải. O (1 lạy)

Tự quy-y Tăng, đương nguyện chúng-sanh, thống lý đại chúng, nhứt-thiết vô ngại. OOO (1 lạy)

Tự về nương Phật, xin nguyện chúng-sanh, thể theo đạo lớn, phát tâm vô thượng.

Tự về nương Pháp, xin nguyện chúng-sanh, thấu rõ kinh tạng, trí-tuệ như biển.

Tự về nương Phật, xin nguyện chúng-sanh, dẫn dắt đại chúng, tất cả không ngại.

Hòa nam thánh chúng. OOO (3 xá)

Thánh chúng hài hòa. (Lạy chào các vị thánh, chúng con xin lui.)



NGHI-THỨC CUNG-DUỠNG

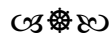
TÁN CHIÊN-ĐÀN

Chiên-đàn hải ngạn,
Lư nhiệt danh hương,
Da-Du tử mẫu lưỡng vô ương,
Hỏa-nội đắc thanh-lương,
Chí tâm kim tương,
Nhứt chú biến thập phương.

Hương chiên-đàn hải ngạn,
Lò đốt ngát mùi thơm,
Mẹ con bà Da-Du an-toàn không bị nạn,
Trong lửa cháy hừng hực nghe mát mẻ dị thường,
Nay đem lòng chí thành,
Một nén thầu mười phương.

NAM-MÔ THANH-LƯƠNG-ĐỊA BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) O

NAM-MÔ BỔN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT. (3 lần) O



ĐẠI BI CHÚ

NAM-MÔ ĐẠI-BI HỘI-THƯỢNG PHẬT BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) O

THIÊN-THỦ THIÊN-NHÂN VÔ-NGẠI ĐẠI-BI TÂM ĐÀ-RA-NI

1. Nam-mô hắc ra đát na đa ra dạ da.
2. Nam-mô a rị da.
3. Bà lô yết đế thước bát ra da.
4. Bồ-đề tát đỏa bà da.
5. Ma-ha tát đỏa bà da.
6. Ma-ha ca lô ni ca da.
7. Án.
8. Tát bàn ra phạt duệ.
9. Số đát na đát tả.
10. Nam-mô tất kiết lật đỏa y mông a rị da.
11. Bà lô kiết đế thất Phật ra lăng đà bà.
12. Nam-mô na ra cẩn trì.
13. Hê rị ma-ha bàn đa sa mế.
14. Tát bà a tha đâu du bằng.
15. A thệ dụng.
16. Tát bà tát đa “na ma bà tát đa”.
17. Na ma bà già.
18. Ma phạt đặc đậu.
19. Đát diệt tha.
20. Án, a bà lô hê.
21. Lô ca đế.
22. Ca ra đế.
23. Di hê rị.
24. Ma-ha bồ-đề tát đỏa.
25. Tát bà tát bà.
26. Ma ra ma ra.
27. Ma hê ma hê rị đà dụng.
28. Cu lô cu lô yết mông.
29. Độ lô độ lô phạt xà da đế.
30. Ma-ha phạt xà da đế.
31. Đà ra đà ra.
32. Địa rị ni.
33. Thất Phật ra da.
34. Giá ra giá ra.
35. Mạ mạ phạt ma ra.
36. Mục đế lệ y hê di hê.
37. Thất na thất na.
38. A ra sâm Phật ra xá ly.

39. Phạt sa phạt sâm.
40. Phạt ra xá da.
41. Hô lô hô lô ma ra.
42. Hô lô hô lô hê rị.
43. Ta ra ta ra.
44. Tất rị tất rị.
45. Tô lô tô lô.
46. Bồ-đề dạ bồ-đề dạ.
47. Bồ-đà dạ bồ-đà dạ.
48. Di đế rị dạ.
49. Na ra cần trì.
50. Địa rị sắc ni na.
51. Ba dạ ma na.
52. Ta-bà-ha.
53. Tất đà dạ.
54. Ta-bà-ha.
55. Ma-ha tất đà dạ.
56. Ta-bà-ha.
57. Tất đà dũ nghệ.
58. Thất bàn ra dạ.
59. Ta-bà-ha.
60. Na ra cần trì.
61. Ta-bà-ha.
62. Ma ra na ra.
63. Ta-bà-ha.
64. Tất ra tăng a mục khê da.
65. Ta-bà-ha.
66. Ta-bà ma-ha a tất đà dạ.
67. Ta-bà-ha.
68. Giả kiết ra a tất đà dạ.
69. Ta-bà-ha.
70. Ba đà ma yết tất đà dạ.
71. Ta-bà-ha.
72. Na ra cần trì bàn già ra dạ.
73. Ta-bà-ha.
74. Ma bà rị thắng yết ra dạ.
75. Ta-bà-ha.
76. Nam-mô hắc ra đát na đa ra dạ da.
77. Nam-mô a rị da.
78. Bà lô kiết đế.
79. Thước bàn ra dạ.
80. Ta-bà-ha.
81. “Án, tất điện đô.
82. Mạn đa ra.
83. Bạt đà dạ.
84. Ta-bà-ha”. (3 lần) O

MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH

Quán-Tự-Tại Bồ-Tát, hành thâm Bát-Nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt-thiết khổ ách.

Xá-Lợi-Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị.

Xá-Lợi-Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.

Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức.

Vô nhãn, nhĩ, ty, thiệt, thân, ý.

Vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Vô nhãn-giới, nãi chí vô ý-thức-giới.

Vô vô-minh, diệc vô vô-minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận.

Vô khổ, tập, diệt, đạo.

Vô trí diệc vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-Đề-Tát-Đỏa y Bát-Nhã ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại. Vô quái ngại cố, vô hữu khủng-bố, viễn ly điên-đảo mộng-tưởng, cứu cánh Niết-Bàn. Tam thế chư Phật y Bát-Nhã ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

Cố tri Bát-Nhã ba-la-mật-đa, thị đại thần-chú, thị đại minh-chú, thị vô-thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt-thiết khổ, chơn thiệt bất hư.

Cố thuyết Bát-Nhã ba-la-mật-đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết-đế yết-đế, ba la yết-đế, ba la tăng yết-đế, bồ-đề tát-bà-ha. O

CUNG-DƯỠNG

Thường-trụ thập phương Phật.

Thường-trụ thập phương Pháp.

Thường-trụ thập phương Tăng.

Thanh-tịnh pháp-thân Tỳ-Lư Giá-Na Phật.

Viên-mãn báo-thân Lư-Xá-Na Phật.

Thiên-bá-úc hóa-thân Bổn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật.

Cực-Lạc Thế-Giới A-Di-Đà Phật.

Đương-Lai Hạ-Sanh Di-Lặc Tôn Phật.

Dược-Sư Lưu-Ly-Quang Phật.

Thập phương tam thế nhứt-thiết chư Phật.

Đại-Trí Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ-Tát.

Đại-Hạnh Phổ-Hiền Bồ-Tát.

Đại-Bi Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

Đại-Lực Đại-Thế-Chí Bồ-Tát.

Đại-Thánh Địa-Tạng-Vương Bồ-Tát.

Thanh-Tịnh Đại-Hải-Chúng Bồ-Tát.

Phật-Mẫu Đại-Chuẩn-Đề-Vương Bồ-Tát.

Đại-Thánh Công-Đức-Lâm Bồ-Tát.

Kim-Cang-Tạng-Vương Bồ-Tát.

Lịch-Đại Tổ-Sư Bồ-Tát.
Hộ-Pháp Chư Thiên Bồ-Tát.
Già-Lam Thánh-Chúng Bồ-Tát.
Giám-Trai Sứ-Giả Bồ-Tát.
Chư Tôn Bồ-Tát Ma-ha-tát. O

BIẾN THỰC CHÚ

Nam-mô tát phạ đát tha, nga đa phạ lồ chỉ đế.
Án, tam bặt ra tam bặt ra hồng. (3 lần) O

BIẾN THỦY CHÚ

Nam-mô tô rô bà da, đát tha nga đa da, đát điệt tha.
Án, tô rô tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô, ta-bà-ha. (3 lần) O

Thử thực sắc hương vị,
Thượng cúng thập phương Phật,
Trung phụng chư Hiền-Thánh,
Hạ cập lục đạo phẩm,
Đẳng thí vô sai biệt,
Tùy nguyện giai bảo mãn,
Linh kim thế-giới đắc,
Vô-lượng ba-la-mật,
Tam đức lục vị,
Cúng Phật cập Tăng,
Pháp-giới hữu-tình,
Phổ đồng cung-duỡng.

PHỔ CUNG-DUỠNG CHÚ

Án, nga nga năng, tam bà phạ, phiệt nhựt ra hộc. (3 lần) O

Ngã kim phụng hiến cam-lộ vị,	Con xin dâng cúng vị cam-lộ,
Lượng đẳng Tu-di vô quá thượng,	Dù núi Tu-di cũng không hơn,
Sắc-hương mỹ-vị biến hư-không,	Mùi thơm vị ngon khắp hư-không,
Duy nguyện từ-bi ai nạp thọ.	Xin đức Từ-Bi thương nạp thọ.

NAM-MÔ PHỔ-CUNG-DUỠNG BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) O

Cúng Phật dĩ ngật, đương nguyện chúng-sanh, sở tác giai biện, cụ chư
Phật-pháp. O



TAM QUY

Tự quy-y Phật, đương nguyện chúng-sanh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm. O (1 lạy)

Tự quy-y Pháp, đương nguyện chúng-sanh, thâm nhập kinh tạng, trí-tuệ như hải. O (1 lạy)

Tự quy-y Tăng, đương nguyện chúng-sanh, thống lý đại chúng, nhứt-thiết vô ngại. OOO (1 lạy)

Tự về nương Phật, xin nguyện chúng-sanh, thể theo đạo lớn, phát tâm vô thượng.

Tự về nương Pháp, xin nguyện chúng-sanh, thấu rõ kinh tạng, trí-tuệ như biển.

Tự về nương Phật, xin nguyện chúng-sanh, dẫn dắt đại chúng, tất cả không ngại.

PHỤC NGUYỆN

- Tam-Bảo chúng-minh, từ-bi cứu-độ,
Phật-giáo thanh-tịnh, cứu-trụ vô-cương.
- Thiên-long Bát-bộ viên-chúng Bồ-đề,
Phạm-sát Tăng-Ni trang-nghiêm giới-đức.
- Cửu-huyền Thất-tổ, Lịch-kiếp Tôn-sư,
Tùng tư nhập Thánh siêu-phàm.
- Tông-môn quyến-thuộc, lữ-thế thân-sơ,
Tự thủ thừa ân cu mônng giải-thoát.
- Phụ-mẫu tại-đường tăng-long phước-thọ,
Phụ-mẫu quá-thế trực-vãng Tây-phương.
- Chư gia khương thói, vĩnh vô phiến-não chi xâm,
Tứ tự điều-hòa, thường hữu thanh-ninh chi phước.
- Tu-hành tấn-đạo nghiêm-thân,
Kỳ tha nhứt đắc A-Di-Đà Phật thọ-ký.

PHỔ NGUYỆN

Âm siêu dương thói,

Hải-yến hà-thanh,

Pháp-giới chúng-sanh,

Tể thành Phật-đạo.

Âm siêu, thì dương thói,

Biển yên ổn, sông trong xanh, (biển khổ, sông mê/ sông yêu)

Chúng-sanh trong pháp-giới,

Đều cùng thành Phật-đạo.

Hòa nam thánh chúng. OOO (3 xá)

Thánh chúng hài hòa. (Lạy chào các vị thánh, chúng con xin lui.)



PHÁP THỌ BÁT-QUAN-TRAI GIỚI TẠI GIA

PHÁP TU BÁT-QUAN-TRAI GIỚI LÀ PHÁP TU TỊNH

TỰA

Pháp tu Bát-quan-trai giới là pháp tu tịnh trong 24 giờ giúp ích cho phái Cận-sự-nam (Ưu-bà-tắc), Cận-sự-nữ (Ưu-bà-di) đã hoàn-thành tam-quy ngũ giới. Pháp thọ Bát-quan-trai có nghĩa là thọ 8 giới và 1 ngọ-trai.

Lâu nay các chùa có tổ-chức cho tu tập-thể thọ Bát-quan-trai dưới sự hướng dẫn của Thanh-Tịnh-Tăng. Ngoài ra Cận-sự-nam hoặc Cận-sự-nữ nào nhận thấy đủ phương-tiện thích-nghi ở tư-thất có thể giữ bổn-phận cá-nhân tu Bát-quan-trai tại-gia bằng cách nương theo Nghi-thức sau đây để hành-trì và tùy-nghi gia giảm.

Điều cần-yếu là phải giữ tam nghiệp thân khẩu ý thanh-tịnh, tuyệt-đối miễn bàn luận việc thế-tục.

Trong 24 giờ (1 ngày 1 đêm), hành lễ khởi-sự từ 6 giờ sáng hôm nay đến viên-mãn 6 giờ sáng ngày kế, giới-tử có thể tùy-nghi sửa đổi ngày giờ. Giới-tử có thể gia giảm chương-trình giờ khắc hành lễ và hằng tháng tùy ý muốn tu Bát-quan-trai bao nhiêu lần cũng được. Trong khoảng thời-gian thọ Bát-quan-trai khi rảnh rỗi, giới-tử có thể trì thêm Thủ-Lãng-Nghiêm, Đại-Bi, Thập-Chú, hoặc tụng kinh Di-Đà, Hồng-Danh, Phổ-Môn, hoặc Thiền-Định, hoặc chuyển (1) niệm Phật liên-tục không để công-phu gián-đoạn.



CHÚ-THÍCH: (2018)

(1) **Chuyển**: quay, quay vòng, xoay, xoay vần, đổi, thay đổi.

Chuyển niệm Phật: ý nói là giới-tử sau khi trì chú, hoặc tụng kinh, hoặc Thiền-Định, có thể chuyển qua niệm Phật..., cứ thế quay vòng, thay đổi, không để công-phu gián-đoạn.

CHƯƠNG-TRÌNH HÀNH LỄ

1. NIỆM HƯƠNG (xem chương 18).

2. PHỔ LỄ TAM-BẢO (xem chương 18).

3. BÀI CÚNG HƯƠNG.

Nguyện thủ diệu hương vân,
Biển mãn thập phương giới,
Cung-duỡng nhứt-thiết Phật,
Tôn pháp chư Bồ-Tát,
Vô-biên Thịnh-văn chúng,
Cập nhứt-thiết Thánh-Hiền,
Duyên khởi quang-minh đài,
Xứng tánh tác Phật-sự,
Phổ-huân chư chúng-sanh,
Giai phát Bồ-đề tâm,
Viễn ly chư vọng-nghiệp,
Viên-thành Vô-thượng-đạo.

Nguyện mây hương mầu này,
Khắp cùng mười phương cõi,
Cung-duỡng tất cả Phật,
Tôn pháp, các Bồ-Tát,
Vô biên chúng Thịnh-Văn,
Và cả thầy Thánh-Hiền,
Duyên khởi đài sáng chói,
Xứng Phật-tánh làm Phật-sự,
Xông khắp các chúng-sanh,
Đều phát Bồ-đề tâm,
Xa lìa những nghiệp vọng,
Trọn nên đạo vô-thượng.

4. CẦU SÁM-HỐI.

Ngã tích sở tạo chư ác nghiệp,
Giai do vô trí tham sân si,
Tùng thân ngũ ý chi sở sanh,
Nhứt-thiết ngã kim giai sám hối.

Con đã tạo và chất chứa nhiều ác nghiệp,
Do bởi tham sân si từ vô trí,
Từ thân khẩu ý mà sanh ra,
Tất cả con nay đều xin sám hối.

NAM-MÔ CẦU-SÁM-HỐI BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần)

5. NGHI-THỨC PHÁT NGUYỆN TRÌ GIỚI (quỳ).

Từ thời đệ-tử thế-danh , pháp-danh , kim nhứt quy đầu Tam-Bảo, phát nguyện thọ-trì Bát-quan- trai giới, nhứt nhứt nhứt dạ. Duy nguyện thập phương chư Phật, chư Đại Bồ-Tát, Hộ-pháp bát bộ thiện-thần, từ-bi gia-hộ đệ-tử giới-đức thanh-tịnh, đạo-hạnh viên-mãn.

6. BÀI PHÁT NGUYỆN THỌ GIỚI.

Đệ-tử phát nguyện trong 24 giờ nhứt-tâm nghiêm-trì 8 giới:

Một là nguyện giữ giới không giết hại các loài sanh-vật. Tự mình không giết hại, không bảo người giết hại, hoặc thấy người khác giết hại cũng không sanh tâm vui theo. (1 lạy)

Hai là nguyện giữ giới không trộm cắp của cải mọi người. Tự mình không trộm cắp, không bảo người trộm cắp, hoặc thấy người khác trộm cắp cũng không sanh tâm vui theo. (1 lạy)

Ba là nguyện giữ giới không dâm dục. Tự mình không dâm dục, không bảo người dâm dục, hoặc thấy người khác dâm dục cũng không sanh tâm vui theo. (1 lạy)

Bốn là nguyện giữ giới không nói quấy. Tự mình không nói quấy, không bảo người nói quấy, hoặc thấy người khác nói quấy cũng không sanh tâm vui theo. (1 lạy)

Năm là nguyện giữ giới không uống rượu. Tự mình không uống rượu, không bảo người uống rượu, hoặc thấy người khác uống rượu cũng không sanh tâm vui theo. (1 lạy)

Sáu là nguyện giữ giới không đeo tràng hoa, xoa ướp dầu thơm, phấn thơm. Tự mình không làm việc đó, không bảo người làm, hoặc thấy người khác làm cũng không sanh tâm vui theo. (1 lạy)

Bảy là nguyện giữ giới không đàn ca xướng hát. Tự mình không làm việc đó, không bảo người làm, hoặc thấy người khác làm cũng không sanh tâm vui theo. (1 lạy)

Tám là nguyện giữ giới không nằm giường cao rộng lớn. Tự mình không làm việc đó, không bảo người làm, hoặc thấy người khác làm cũng không sanh tâm vui theo. (1 lạy)

Đệ-tử nguyện trọn 1 ngày đêm nay giữ ngũ trai.
Đứng dậy xướng 3 lần, mỗi lần lễ một lạy.

NAM-MÔ CÔNG-ĐỨC-LÂM BỒ-TÁT MA-HA-TÁT.

7. TỤNG CHÚ ĐẠI-BI.

8. TỤNG BÁT-NHÃ TÂM-KINH.

9. TỤNG VÃNG-SANH (3 lần).

10. TỤNG TIÊU-TAI KIẾT-TƯỜNG THẦN-CHÚ (3 lần).

11. HỒI-HƯỚNG.

Thọ giới công-đức thù-thắng hạnh,
Vô-biên thắng phước giai hồi hướng,
Phổ nguyện pháp-giới chư chúng-sanh,
Tốc vãng vô-lượng-quang Phật-sát.

Công-đức thọ giới rất tuyệt vời,
Bao nhiêu thắng phước xin hồi hướng,
Nguyện khắp chúng-sanh trong pháp-giới,
Chóng được sanh về cõi Cực-Lạc.

PHỤC NGUYỆN

Phật nhứt tăng huy, pháp-luân thường chuyển,
Phong điều vũ thuận, quốc thới dân an,
Thiên-hạ thái-bình, chư tai tiêu-diệt.
Tam giới chúng-sanh chi nội, các miển luân-hồi,
Cửu hữu thập loại chi trung, tất ly khổ-hải,
Kim thời giới-tử pháp-danh trượng thừa Phật-ân hộ-trì tinh-tấn, song tu phước-tuệ, thành-tựu đạo-quả viên-mãn.

Phật-pháp ngày càng phát-huy, thường chuyển pháp-luân,
Gió hòa mưa thuận, đất nước hanh thông, dân chúng an ổn,
Mọi người rất bình yên, các tai họa không còn.
Chúng-sanh trong tam giới, đều không còn luân-hồi.
Chín cõi mười loại trong đó, ắt ra khỏi biển khổ.
Ngày nay giới-tử pháp-danh nương nhờ Phật-ân hộ-trì tinh-tấn, song tu phước-tuệ, thành-tựu đạo-quả viên-mãn.

PHỔ NGUYỆN

Âm siêu dương thới,	Âm siêu, thì dương thới,
Hải-yến hà-thanh,	Biển yên ổn, sông trong xanh, (biển khổ, sông mê/ sông yêu)
Pháp-giới chúng-sanh,	Chúng-sanh trong pháp-giới,
Tề thành Phật-đạo.	Đều cùng thành Phật-đạo.

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT.

12. TAM QUY.



NGHI-THỨC THỌ TRAI

Ngồi tề-chỉnh, kiết ấn Bảo-Thủ, tức là tay trái co ngón giữa, ngón áp út, còn ba ngón dựng thẳng để chén cơm lên, tay mặt bắt ấn Kiết-Tường (ngón cái bàn tay phải để lên móng ngón áp út) để ngang phía trong miệng chén, rồi xướng:

CUNG-DƯỠNG:

Thanh-tịnh pháp-thân Tỳ-Lư Giá-Na Phật.
Viên-mãn báo-thân Lư-Xá-Na Phật.
Thiên-bá-ức hóa-thân Bồn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật.
Cực-Lạc Thế-Giới A-Di-Đà Phật.
Đương-Lai Hạ-Sanh Di-Lặc Tôn Phật.
Dược-Sư Lưu-Ly-Quang Phật.
Thập phương tam thế nhứt-thiết chư Phật.
Đại-Trí Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ-Tát.
Đại-Hạnh Phổ-Hiền Bồ-Tát.
Đại-Bi Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.
Đại-Lực Đại-Thế-Chí Bồ-Tát.
Đại-Thánh Địa-Tạng-Vương Bồ-Tát.
Thanh-Tịnh Đại-Hải-Chúng Bồ-Tát.
Phật-Mẫu Đại-Chuẩn-Đề-Vương Bồ-Tát.
Đại-Thánh Công-Đức-Lâm Bồ-Tát.
Kim-Cang-Tạng-Vương Bồ-Tát.
Lịch-Đại Tổ-Sư Bồ-Tát.
Hộ-Pháp Chư Thiên Bồ-Tát.
Già-Lam Thánh-Chúng Bồ-Tát.
Giám-Trai Sứ-Giả Bồ-Tát.
Chư Tôn Bồ-Tát Ma-ha-tát.

Tam đức, lục vị, cúng Phật cấp Tăng, pháp-giới hữu-tình, phổ đồng cung-dưỡng, nhược phạn thực thời, đương nguyện chúng-sanh, thiên-duyệt vi thực, pháp-hỷ sung-mãn.

(Cung-dưỡng rồi để bát xuống.)

XUẤT SANH

Lấy cái chén nhỏ múc chút nước, để trong lòng bàn tay trái, gấp 7 hột cơm để trong chén, tay mặt bắt ấn Kiết-Tường, đặt trên chén cách một tấc, mặc-niệm:

Pháp-lực bất tư nghị,
Từ-bi vô chướng ngại,
Thất liệp biến thập phương,
Phổ thí châu sa giới.
Án, độ lợi ích tá ha. (7 lần)

Pháp-lực khó nghĩ bàn,
Từ-bi không chướng ngại,
Bảy hạt biến mười phương,
Khấp cho cả pháp-giới.

Tay mặt bắt ấn viết bóng hai chữ “Án Lãm”, rồi khảy móng tay lên trên chén ba lần, đưa thị-giả đem ra trước để trên cái bàn nhỏ, đọc kệ chú:

Đại-bàng kim-sí-điều,
Khoáng-dã quý thần chúng,
La-sát quý-tử-mẫu,
Cam-lộ tất sung-mãn.
Án, mục lực lãng tóa ha. (7 lần)

Chim đại-bàng cánh vàng,
Chúng quý thần đồng rộng,
Mẹ con quý La-sát,
Cam-lộ no đủ cả.

BỤNG CHÉN CƠM

Hai tay, mỗi tay co hai ngón sau, còn sáu ngón bụng chén cơm ngang trán, đọc thầm:

Chấp-trì ứng khí đương nguyện chúng-sanh,
Thành-tựu pháp-thí thọ thiên nhân cúng.
Án, chỉ rị, chỉ rị phạ nhựt ra hồng phẩn tra. (3 lần)

TAM ĐỀ

(Ăn ba miếng đầu tiên)

- _ Miếng thứ nhứt (niệm thầm:)
NGUYỆN ĐOẠN NHỨT-THIỆT ÁC.
- _ Miếng thứ hai (niệm thầm:)
NGUYỆN TU NHỨT-THIỆT THIỆN.
- _ Miếng thứ ba (niệm thầm:)
THỆ ĐỘ NHỨT-THIỆT CHÚNG-SANH.

Trong khi ăn phải tưởng năm pháp quán này:

1. Nhứt kế công đa thiếu, lượng bĩ lai xú.
2. Nhị thốn kỷ đức hạnh, toàn khuyết Ứng-Cúng.
3. Tam phòng tâm ly quá, tham đẳng vi tông.
4. Tứ chánh sự lương dục, vị liệu hình khô.
5. Ngũ vị thành đạo nghiệp, phương thọ tử thực.

ẨM THỦY KỆ CHÚ

(Uống nước đọc chú này)

Phật quán nhứt bát thủy,
Bát vạn tứ thiên trùng,
Nhuộc bát trì thủ chú,
Như thực chúng-sanh nhục.
Án, phạ tất ba ra, ma ni tá ha. (3 lần)

Phật xem một bát nước,
Có tám muôn bốn ngàn trùng,
Bằng chẳng trì chú này,
Như ăn thịt chúng-sanh.



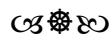
KIẾT TRAI KỆ CHÚ

(Ăn cơm uống nước xong tụng chú này)

Nam-mô tát đa nã, tam miệu tam bồ đề, cu tri nã, đát điệt tha.
Án, chiết lệ chủ lệ chuẩn đề, ta-bà-ha. (7 lần)

Sở vị bố-thí giả,
Tất hoạch kỳ lợi ích,
Nhược vị lạc bố-thí,
Hậu tất đắc an lạc.

Phạn thực dĩ ngật, dương nguyện chúng-sanh, sở tác giai biện, cụ chú Phật-pháp.



NGHI-LỄ XẢ BÁT-QUAN-TRAI GIỚI

1. NIỆM HƯƠNG. (Xem chương 18)

2. PHỔ LỄ TAM-BẢO. (Xem chương 18)

3. CÁO-BẠCH XẢ GIỚI.

Từ thời giới-tử pháp-danh , nhứt nhứt nhứt dạ, phát nguyện thọ-trì Bát-quan-trai giới, công huân dĩ mãn, nguyện lực châu toàn.

Nguyện thập phương chư Phật, Bồ-Tát, Duyên-Giác, Thịnh-Văn, Thánh-Hiền, chư thượng thiện-nhân, Hộ-Pháp Vi-Đà Tôn-Thiên phủ thùy minh-chứng, hộ-trì giới-tử sanh sanh đắc phùng Phật-pháp, đắc trí thiện duyên, phổ-cập nhứt-thiết chúng-sanh tể thành Phật-đạo.

NAM-MÔ HỘ-GIỚI-TẠNG BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần, lễ 3 lạy)

4. TỤNG BÁT-NHÃ TÂM-KINH.

5. TỤNG VÃNG-SANH THÂN-CHÚ. (3 lần)

6. TÁN PHẬT A-DI-ĐÀ.

TÁN PHẬT

A-Di-Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang-minh vô đẳng luân,
Bạch hào uyển chuyển ngũ tu-di,
Cám mục trùng thanh tứ đại-hải,
Quang trung Hóa-Phật vô số ức,
Hóa Bồ-Tát chúng diệp vô biên,
Tứ thập bát nguyện độ chúng-sanh,
Cửu phẩm hàm linh đăng bỉ ngạn. O

Thân Phật Di-Đà vàng rực rỡ
Tướng đẹp sáng ngời không gì sánh
Hào quang tỏa khắp năm tu di
Mắt biếc trong hơn bốn biển lớn
Quang trung hóa Phật nhiều vô số
Hóa chúng Bồ-Tát cũng vô biên
Bốn mươi tám nguyện độ chúng-sanh
Chín phẩm đều lên ngôi Chánh-Giác.

Niệm Phật A-Di-Đà. (108 lần)

Niệm tứ thánh mỗi vị (10 lần)

- Nam-mô A-Di-Đà Phật. (108 lần) O
- Nam-mô Quán-Thế-Âm Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Đại-Thế-Chí Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Địa-Tạng-Vương Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Thanh-Tịnh Đại-Hải-Chúng Bồ-Tát. (10 lần) O



SÁM THẬP PHƯƠNG

Thập phương tam thế Phật,
A-Di-Đà đệ nhất,
Cửu phẩm độ chúng-sanh,
Oai-đức vô cùng-cực.

Mười phương ba đời Phật,
A-Di-Đà đệ nhất,
Chín phẩm độ chúng-sanh,
Uy đức không cùng tột.

Ngã kim đại quy-y,
Sám-hối tam nghiệp tội,
Phàm hữu chu phước thiện,
Chí-tâm dụng hồi-hướng.

Con nay cả quy-y,
Sám-hối tội ba nghiệp,
Hễ có các phúc thiện,
Chăm lòng dùng hồi-hướng.

Nguyện đồng niệm Phật nhân,
Cảm-ứng tùy thời hiện,
Lâm-chung Tây-phương cảnh,
Phân-minh tại mục tiền.

Nguyện đồng người niệm Phật,
Đều theo thời ứng hiện,
Lâm-chung cảnh phương tây,
Rõ ràng ở trước mắt.

Kiến-văn giai tinh-tấn,
Đồng sanh Cực-Lạc quốc,
Kiến Phật liễu sanh tử,
Như Phật độ nhứt-thiết.

Thấy nghe đều tinh tiến,
Đồng sanh nước Cực-Lạc,
Thấy Phật hết sanh tử,
Như Phật độ tất cả.

Vô-biên phiến-não đoạn,
Vô-lượng pháp-môn tu,
Thệ nguyện độ chúng-sanh,
Tổng giai thành Phật-đạo.

Dứt vô-biên phiến-não,
Tu vô-lượng pháp-môn,
Thệ nguyện độ chúng-sanh,
Tất cả thành đạo Phật.

Hư-không hữu tận, ngã nguyện vô cùng, Cõi hư-không có hết, tâm nguyện con không cùng,
Hư-không hữu tận, ngã nguyện vô cùng, Cõi hư-không có hết, tâm nguyện con không cùng,
Tình dữ vô-tình, đồng viên chủng trí. O Chúng hữu-tình và chúng vô-tình, đồng tròn giống trí Phật.

7. THẮT PHẬT DIỆT TỘI CHƠN-NGÔN.

Ly bà ly bà đế, cầu ha cầu ha đế,
đà-ra-ni đế, ni ha ra đế, tỳ lê nễ đế,
ma-ha già đế, chơn lăng càn đế, ta-bà-ha. (3 lần)

Nguyện dĩ thủ công-đức,
Trang-nghiêm Phật Tịnh-độ,
Thượng báo tứ trọng ân,
Hạ tế tam đồ khổ,
Nhược hữu kiến văn giả,
Tất phát Bồ-đề tâm,
Tận thủ nhứt báo-thân,
Vãng-sanh An-Lạc sát.

Nguyện dâng công-đức này,
Trang-nghiêm Phật Tịnh-độ,
Trên đền bốn ân trọng,
Dưới cứu ba đường khổ,
Nếu được duyên nghe thấy,
Rộng phát tâm Bồ-đề,
Khi hết báo-thân này,
Vãng-sanh về Cực-Lạc.

8. TAM QUY.



HÒA-THƯỢNG THIÊN-SƯ
THÍCH TỬ-QUANG

TU PHẬT
NGHI-THỨC YẾU-LƯỢC

SIÊU-ĐỘ VONG-GIẢ

QUYỂN HAI

CHƠN-ĐỨC THIÊN-VIỆN
1949

NHÂN-QUẢ

Nhân-quả thiên-nhiên thật nhiệm mầu!
Giống nào trái ấy, lý cao sâu.
Việc đời vay trả đều minh-bạch,
Nghệp-báo đành rành, có vị đâu.
Tích thiện hưởng nhờ ơn phước-tuệ,
Hành hung ngộ phải nạn âu sâu.
Dữ lành cảm-ứng không sai chạy,
Nhân-quả thiên-nhiên thật nhiệm mầu!

LUÂN-HỒI

Lục đạo luân-hồi khổ biết bao!
Biển trần chìm nổi thật lao đao.
Thế-gian thay đổi nào ngờ được!
Sanh tử không thường, dễ hiểu đâu!
Sóng thức đập đôi, gây nghiệp trước,
Sông mê ảm-đạm, chịu thân sau.
Vô-minh che Tánh từ vô-thỉ,
Lục đạo luân-hồi khổ biết bao!

CHƠN-ĐỨC THIÊN-VIỆN

TỰA

Trong quyển “Siêu-Độ Vong-Giả”, xin lược biên các nghi-lễ trọng-yếu để giúp ích chư Tôn Phật-tử, khi tụng niệm siêu-độ cho vong-giả.

Trong trường-hợp chư Tôn Phật-tử hộ-niệm giùm cho ai, nên giữ thân-sơ bình-đẳng, không riêng chấp pháp-phái, không phân-biệt giai-cấp; nương theo đức-tánh Đại-Từ, Đại-Bi, Đại-Hỷ, Đại-Xả của Phật mà làm việc pháp-thí.

Nếu lễ siêu-độ được giản-dị, thanh-tịnh trang-nghiêm thì quý báu vô cùng.

Cúng vong, xin dùng toàn thực-phẩm chay. Chẳng phải có đủ cao-lương mỹ-vị mới quý, mà lòng thành dâng cúng chén cơm đĩa muối đạm-bạc cũng tốt.

Khi kỵ cơm, Tuần-tự, quan-trọng nhất trong 49 ngày đầu kể từ ngày chết, hoặc hằng ngày, hoặc đúng 7 bữa làm lễ cúng thất một lần, tất cả gia-nhân lão thiếu nam nữ nên ăn chay, giới sát và thành-tâm cầu nguyện thì vong-giả có thể siêu-thăng.

Nên bỏ tục-lệ cúng mặn, vì nếu còn sát-hại sanh-vật thì trái nghịch với tôn-chỉ Từ-Bi của Đạo Phật. Từ tức là Lành, tánh Lành năng làm cho tất cả chúng-sanh được vui. Bi tức là Thương, tánh Thương năng làm cho tất cả chúng-sanh khỏi khổ. Vậy xin đừng làm khổ sanh-linh, nhất là trong khi cầu kiết.

Lại cũng nên bỏ tục đốt giấy tiền vàng bạc, thanh-y ngũ-sắc, các vật dụng gọi tắt là đồ mã.

Trong khi hành lễ siêu-độ, xin chư Tôn Phật-tử giữ tâm thanh-tịnh và chí-thành, cầu cầu Phật-lực gia-hộ cho vong-giả vãng-sanh Cực-Lạc.

NAM-MÔ HOAN-HỠ-TẶNG BỒ-TÁT MA-HA-TÁT.

Hạ năm Kỷ-Sửu (1949)

Cẩn-khai

CHƠN-ĐỨC THIÊN-VIỆN

Tổ đời thứ 40, Thiên-Tông Lâm-Tế

Đại-Lão Hòa-Thượng Thiên-Sư THÍCH TỪ-QUANG

Húy **HÔNG-LIỄU**, hiệu **HUỆ-ĐỨC**

(1888 Mậu-Tý – 1991 Tân-Mùi)

TỪ GIÁC BỔN TÂM TRỰC NGỘ THIÊN,
QUANG MINH TỰ TÁNH HUỆ HOÀN NGUYÊN,
HÔNG CƠ CHUYỂN PHÁP TÙY DUYÊN HÓA,
LIỄU ĐẠT CHƠN NHƯ ĐỨC VĨNH TRUYỀN.

1. NGHI LÂM CHUNG

Lời dặn: Thường lệ Lâm-Chung là lúc hấp hối sắp tắt hơi, thời giờ khẩn-cấp, ít khi tụng kinh được.

Như muốn tụng kinh, phải sắp đặt trước khi Lâm-Chung; nên trần-thiết một bàn Phật ở gần chỗ người bệnh nằm, tụng được nhiều thời kinh A-Di-Đà, thì công-đức vô-lượng. Đồng thời nên treo một bức tượng A-Di-Đà phóng quang ở ngay trước mặt kẻ sắp chết để giúp ích về sự tưởng nhớ mật-thiết.

Trong lúc Lâm-Chung, chỉ giữ niệm lục-tự A-Di-Đà cũng được. Cần nhớ: trong khi niệm, phải tịnh-tâm và giữ tiếng niệm cho thật rõ ràng. Phải tránh các sự than khóc của họ hàng thân-quyến vì sợ làm cho người sắp chết động lòng luyến-ái mà sai mất chánh-niệm.

Nếu có được nhiều người chơn-tu trưởng-trai tuyệt-dục, đầu xuất-gia hay là tại-gia, hiệp lại đồng tịnh-tâm niệm Phật và rón giữ tiếng niệm cho thật hòa nhau tỏ rõ, càng niệm càng phấn-khởi, thì đức-chúng lớn lao như biển cả, người Lâm-Chung chắc có phần vãng-sanh.

Khi hộ-niệm, vị Chủ-Tể nên đứng ngay đầu kẻ Lâm-Chung, kê miệng bên tai người sắp chết, niệm cho lớn tiếng, rõ ràng từ chữ, dùng đạo-lực bảo rằng: Nhứt-tâm niệm Phật A-Di-Đà, cầu sanh về cõi Cực-Lạc.

Người hộ-niệm nhớ giữ hết lòng chơn-thành, hoàn-toàn tin tưởng nơi Phật-lực, cầu cho kẻ Lâm-Chung được chánh-niệm phân-minh, siêu-sanh Tịnh-độ.



NGHI-THỨC

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

(Thành-tâm niệm 10 lần, 108 lần, niệm mãi cho tới khi thấy
con người tắt hơi, mới niệm tiếp):

Nam-mô Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.	(10 lần)
Nam-mô Đại-Thế-Chí Bồ-Tát.	(10 lần)
Nam-mô Địa-Tạng-Vương Bồ-Tát.	(10 lần)
Nam-mô Thanh-Tịnh Đại-Hải Chúng Bồ-Tát Ma-ha-tát.	(10 lần)

SÁM THẬP PHƯƠNG

Thập phương tam thế Phật,
A-Di-Đà đệ nhất,
Cửu phẩm độ chúng-sanh,
Oai-đức vô cùng-cực.

Mười phương ba đời Phật,
A-Di-Đà đệ nhất,
Chín phẩm độ chúng-sanh,
Uy đức không cùng tột.

Ngã kim đại quy-y,
Sám-hối tam nghiệp tội,
Phàm hữu chư phước thiện,
Chí-tâm dụng hồi-hướng.

Con nay cả quy-y,
Sám-hối tội ba nghiệp,
Hễ có các phước thiện,
Chăm lòng dùng hồi-hướng.

Nguyện đồng niệm Phật nhân,
Cảm-ứng tùy thời hiện,
Lâm-chung Tây-phương cảnh,
Phân-minh tại mục tiền.

Nguyện đồng người niệm Phật,
Đều theo thời ứng hiện,
Lâm-chung cảnh phương tây,
Rõ ràng ở trước mắt.

Kiến-văn giai tinh-tấn,
Đồng sanh Cực-Lạc quốc,
Kiến Phật liễu sanh tử,
Như Phật độ nhất-thiết.

Thấy nghe đều tinh tiến,
Đồng sanh nước Cực-Lạc,
Thấy Phật hết sanh tử,
Như Phật độ tất cả.

Vô-biên phiến-não đoạn,
Vô-lượng pháp-môn tu,
Thệ nguyện độ chúng-sanh,
Tổng giai thành Phật-đạo.

Dứt vô-biên phiến-não,
Tu vô-lượng pháp-môn,
Thệ nguyện độ chúng-sanh,
Tất cả thành đạo Phật.

Hư-không hữu tận, ngã nguyện vô cùng, Cõi hư-không có hết, tâm nguyện con không cùng,
Hư-không hữu tận, ngã nguyện vô cùng, Cõi hư-không có hết, tâm nguyện con không cùng,
Tinh dã vô-tinh, đồng viên chủng trí. O Chúng hữu-tinh và chúng vô-tinh, đồng tròn giống trí Phật.



THẬP NGUYỆN

Nhứt giả lễ kính chư Phật,	Thứ nhứt là nguyện kính lạy các đức Phật,
Nhị giả xưng tán Như-Lai,	Thứ hai là nguyện khen kính đức Như-Lai,
Tam giả quảng tu cung-dưỡng,	Thứ ba là nguyện rộng tu làm việc cúng dường,
Tứ giả sám-hối nghiệp chướng,	Thứ tư là nguyện sám-hối nghiệp chướng,
Ngũ giả tùy hỷ công-đức,	Thứ năm là nguyện tùy hỷ công-đức,
Lục giả thỉnh chuyển pháp-luân,	Thứ sáu là nguyện mời Phật nói pháp,
Thất giả thỉnh Phật trụ thế,	Thứ bảy là nguyện xin Phật ở lại thế-gian này,
Bát giả thường tùy Phật học,	Thứ tám là nguyện thường theo Phật để học,
Cửu giả hằng thuận chúng-sanh,	Thứ chín là nguyện thường thuận theo chúng-sanh,
Thập giả phổ giai hồi-hướng. O	Thứ mười là nguyện khắp đều hồi-hướng.

CẦU SIÊU

Cầu siêu công-đức thù-thắng hạnh,	Công-đức cầu siêu rất tuyệt vời,
Vô-biên thắng phước giai hồi hướng,	Bao nhiêu thắng phước xin hồi hướng,
Phổ nguyện pháp-giới chư chúng-sanh,	Nguyện khắp chúng-sanh trong pháp-giới,
Tốc vãng vô-lượng-quang Phật-sát. O	Chóng được sanh về cõi Cực-Lạc.

HỒI HƯỚNG

Hồi hướng nhân-duyên tam thế Phật,	Hướng về nhân-duyên với chư Phật ba đời,
Văn-Thù, Phổ-Hiến, Quán-Tự-Tại,	Nào Bồ-Tát Văn-Thù, Phổ-Hiến, và Quán-Tự-Tại,
Chư tôn Bồ-Tát Ma-ha-tát,	Cùng các vị Bồ-Tát quảng đại,
Ma-ha Bát-Nhã ba-la-mật. O	Đó là đại trí-tuệ mới qua bờ bên kia được.

NGUYỆN TIÊU

Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền-não,	Nguyện tiêu ba chướng cùng phiền-não,
Nguyện đắc trí-tuệ chơn minh liễu,	Nguyện được trí-tuệ thật sáng ngời,
Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ,	Nguyện bao tội chướng đều tiêu trừ,
Thế thế thường hành Bồ-Tát đạo. O	Đời đời thường làm Bồ-Tát đạo.

NGUYỆN SANH

Nguyện sanh Tây-phương Tịnh-Độ trung,	Nguyện sanh Tây-phương cõi Phật-đà,
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,	Chín phẩm đài sen là cha mẹ,
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh,	Hoa nở thấy Phật ngộ vô sanh,
Bất thoái Bồ-Tát vi bạn lữ. O	Bất thoái Bồ-Tát làm bạn lữ.

NGUYỆN CÔNG-ĐỨC

Nguyện dĩ thủ công-đức,	Nguyện đem công-đức này,
Phổ cập ư nhứt-thiết,	Hướng về khắp tất cả,
Ngã đẳng dĩ chúng-sanh,	Đệ-tử và chúng-sanh,
Giai cộng thành Phật đạo. O	Đều cùng thành Phật-đạo.

TAM QUY

Tự quy-y Phật, đương nguyện chúng-sanh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm. O (1 lạy)

Tự quy-y Pháp, đương nguyện chúng-sanh, thâm nhập kinh tạng, trí-tuệ như hải. O (1 lạy)

Tự quy-y Tăng, đương nguyện chúng-sanh, thống lý đại chúng, nhứt-thiết vô ngại. OOO (1 lạy)

Tự về nương Phật, xin nguyện chúng-sanh, thể theo đạo lớn, phát tâm vô thượng.

Tự về nương Pháp, xin nguyện chúng-sanh, thấu rõ kinh tạng, trí-tuệ như biển.

Tự về nương Phật, xin nguyện chúng-sanh, dẫn dắt đại chúng, tất cả không ngại.

PHỤC NGUYỆN

Thần-thê tịnh-vức, nghiệp tạ trần-lao,
Liều bá niên nhứt tử nhứt sanh,
Xả vạn kiếp tam luân tam khổ,
Nguyện vong-giả ... (tánh-danh, pháp-danh)...
Trượng thừa Phật-lực, trực-vãng Tây-phương.

Thần-thức đã xuất ra, nghiệp ở trần-gian đã hết,
Trăm năm một lần sanh, một lần chết, đã trôi qua,
Vạn kiếp tam luân tam khổ đã rời bỏ,
Nguyện cho người chết ... (tên họ, pháp-danh) ...
Dựa vào sự giúp đỡ của Phật-lực mà tới thẳng Tây-phương.

_ Tam luân: là Hoại, Nghiệp, và Khổ. Y hoặc tác nghiệp, y nghiệp cảm khổ, y khổ khởi hoặc tác nghiệp; ba thứ đó cứ như bánh xe quay mãi chẳng dừng, nên gọi là Tam luân.

_ Tam khổ:

1. Khổ-khổ : là nỗi khổ do nóng lạnh, đói khát sanh ra.

2. Hoại-khổ : là nỗi khổ trong cảnh vui nhưng đến lúc tàn hoại thì sinh ra khổ.

3. Hành-khổ : là nỗi khổ của hết thấy các pháp hữu-vi vô-thường biến-động.



PHỔ NGUYỆN

Âm siêu dương thới,
Hải-yến hà-thanh,
Pháp-giới chúng-sanh,
Tể thành Phật-đạo.

Âm siêu, thì dương thới,
Biển yên ổn, sông trong xanh, (biển khổ, sông mê/ sông yêu)
Chúng-sanh trong pháp-giới,
Đều cùng thành Phật-đạo.

TIÊU DIÊU

Tiêu-diêu chơn thế-giới,
Khoái-lạc cửu liên-đài,
Hiệp-chuông Thế-Tôn tiên,
Như-Lai thân thọ-ký. OOO

Chu-du nơi cõi Phật,
Sung sướng ở tòa sen chín phẩm,
Chấp tay trước Thế-Tôn,
Được Như-Lai thọ-ký.



2. NGHI NHẬP MẠCH (Tẩn liệm)

ĐẠI BI CHỦ

NAM-MÔ ĐẠI-BI HỘI-THƯỢNG PHẬT BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) O

THIÊN-THỦ THIÊN-NHÂN VÔ-NGẠI ĐẠI-BI TÂM ĐÀ-RA-NI

1. Nam-mô hắc ra đát na đa ra dạ da.
2. Nam-mô a rị da.
3. Bà lô yết đế thước bát ra da.
4. Bồ-đề tát đỏa bà da.
5. Ma-ha tát đỏa bà da.
6. Ma-ha ca lô ni ca da.
7. Án.
8. Tát bàn ra phạt duệ.
9. Số đát na đát tả.
10. Nam-mô tất kiết lật đỏa y mông a rị da.
11. Bà lô kiết đế thất Phật ra lăng đà bà.
12. Nam-mô na ra cẩn trì.
13. Hê rị ma-ha bàn đa sa mế.
14. Tát bà a tha đâu du bằng.
15. A thệ dựng.
16. Tát bà tát đa “na ma bà tát đa”.
17. Na ma bà già.
18. Ma phạt đặc đâu.
19. Đát điệt tha.
20. Án, a bà lô hê.
21. Lô ca đế.
22. Ca ra đế.
23. Di hê rị.
24. Ma-ha bồ-đề tát đỏa.
25. Tát bà tát bà.
26. Ma ra ma ra.
27. Ma hê ma hê rị đà dựng.
28. Cu lô cu lô yết mông.
29. Độ lô độ lô phạt xà da đế.
30. Ma-ha phạt xà da đế.
31. Đà ra đà ra.
32. Đạ rị ni.
33. Thất Phật ra da.
34. Giá ra giá ra.
35. Mạ mạ phạt ma ra.
36. Mục đế lệ y hê di hê.
37. Thất na thất na.

38. A ra sâm Phật ra xá ly.
39. Phật sa phạt sâm.
40. Phật ra xá da.
41. Hô lô hô lô ma ra.
42. Hô lô hô lô hê rị.
43. Ta ra ta ra.
44. Tất rị tất rị.
45. Tô lô tô lô.
46. Bồ-đề dạ bồ-đề dạ.
47. Bồ-đà dạ bồ-đà dạ.
48. Di đế rị dạ.
49. Na ra cần trì.
50. Địa rị sắc ni na.
51. Ba dạ ma na.
52. Ta-bà-ha.
53. Tất đà dạ.
54. Ta-bà-ha.
55. Ma-ha tất đà dạ.
56. Ta-bà-ha.
57. Tất đà dũ nghê.
58. Thất bàn ra dạ.
59. Ta-bà-ha.
60. Na ra cần trì.
61. Ta-bà-ha.
62. Ma ra na ra.
63. Ta-bà-ha.
64. Tất ra tăng a mục Khê da.
65. Ta-bà-ha.
66. Ta-bà ma-ha a tất đà dạ.
67. Ta-bà-ha.
68. Giả kiết ra a tất đà dạ.
69. Ta-bà-ha.
70. Ba đà ma yết tất đà dạ.
71. Ta-bà-ha.
72. Na ra cần trì bàn già ra dạ.
73. Ta-bà-ha.
74. Ma bà rị thắng yết ra dạ.
75. Ta-bà-ha.
76. Nam-mô hắc ra đát na đa ra dạ da.
77. Nam-mô a rị da.
78. Bà lô kiết đế.
79. Thước bàn ra dạ.
80. Ta-bà-ha.
81. “Án, tất điện đô.
82. Mạn đa ra.
83. Bạt đà dạ.
84. Ta-bà-ha”. (3 lần) O

TÁN PHẬT

A-Di-Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang-minh vô đẳng luân,
Bạch hào uyển chuyển ngũ tu-di,
Cám mục trùng thanh tứ đại-hải,
Quang trung Hóa-Phật vô số úc,
Hóa Bồ-Tát chúng diệp vô biên,
Tứ thập bát nguyện độ chúng-sanh,
Cửu phẩm hàm linh đấng bỉ ngạn. O

Thân Phật Di-Đà vàng rực rỡ
Tướng đẹp sáng ngời không gì sánh
Hào quang tỏa khắp năm tu di
Mắt biếc trong hơn bốn biển lớn
Quang trung hóa Phật nhiều vô số
Hóa chúng Bồ-Tát cũng vô biên
Bốn mươi tám nguyện độ chúng-sanh
Chín phẩm đều lên ngôi Chánh-Giác.

NIỆM PHẬT

Nam-mô Tây-Phương Cực-Lạc Thế-Giới, Tam Thập Lục Vạn Úc, Nhứt Thập Nhứt Vạn, Cửu Thiên Ngũ Bá, Đồng Danh Đồng Hiệu, Đại-Tử Đại-Bi, Tiếp Dẫn Đạo-Sư A-Di-Đà Phật. O

- Nam-mô A-Di-Đà Phật. (108 lần) O
- Nam-mô Quán-Thế-Âm Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Đại-Thế-Chí Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Địa-Tạng-Vương Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Thanh-Tịnh Đại-Hải-Chúng Bồ-Tát. (10 lần) O

CHÚ QUÁN ĐẰNG

Án, A mô già vĩ lô ta nãng,
ma hạ mẫu nại ra, ma nĩ bát nạp ma,
nhập phả lả bát ra, mạt đa dã hồng. (3 lần) O

(Tụng xong 3 lần chú Quán-Đảnh, nếu có luyến sẵn sạn hay là cát tán-sa thì để vào quan-tài, đọc theo hai bên xác. Đoạn tụng tiếp chú Quán-Đảnh cho tới khi liệm xong mới đọc sám thập phương.)



SÁM THẬP PHƯƠNG

Thập phương tam thế Phật,
A-Di-Đà đệ nhứt,
Cửu phẩm độ chúng-sanh,
Oai-đức vô cùng-cực.

Mười phương ba đời Phật,
A-Di-Đà đệ nhứt,
Chín phẩm độ chúng-sanh,
Uy đức không cùng tột.

Ngã kim đại quy-y,
Sám-hối tam nghiệp tội,
Phàm hữu chư phước thiện,
Chí-tâm dụng hồi-hướng.

Con nay cả quy-y,
Sám-hối tội ba nghiệp,
Hễ có các phước thiện,
Chăm lòng dùng hồi-hướng.

Nguyện đồng niệm Phật nhân,
Cảm-ứng tùy thời hiện,
Lâm-chung Tây-phương cảnh,
Phân-minh tại mục tiền.

Nguyện đồng người niệm Phật,
Đều theo thời ứng hiện,
Lâm-chung cảnh phương tây,
Rõ ràng ở trước mắt.

Kiến-văn giai tinh-tấn,
Đồng sanh Cực-Lạc quốc,
Kiến Phật liễu sanh tử,
Như Phật độ nhứt-thiết.

Thấy nghe đều tinh tiến,
Đồng sanh nước Cực-Lạc,
Thấy Phật hết sanh tử,
Như Phật độ tất cả.

Vô-biên phiên-não đoạn,
Vô-lượng pháp-môn tu,
Thệ nguyện độ chúng-sanh,
Tổng giai thành Phật-đạo.

Dứt vô-biên phiên-não,
Tu vô-lượng pháp-môn,
Thệ nguyện độ chúng-sanh,
Tất cả thành đạo Phật.

Hư-không hữu tận, ngã nguyện vô cùng, Cõi hư-không có hết, tâm nguyện con không cùng,
Hư-không hữu tận, ngã nguyện vô cùng, Cõi hư-không có hết, tâm nguyện con không cùng,
Tinh dữ vô-tinh, đồng viên chủng trí. O Chúng hữu-tinh và chúng vô-tinh, đồng tròn giống trí Phật.

THẬP NGUYỆN

Nhứt giả lễ kính chư Phật,
Nhị giả xưng tán Như-Lai,
Tam giả quảng tu cung-dưỡng,
Tứ giả sám-hối nghiệp chướng,
Ngũ giả tùy hỷ công-đức,
Lục giả thỉnh chuyển pháp-luân,
Thất giả thỉnh Phật trụ thế,
Bát giả thường tùy Phật học,
Cửu giả hằng thuận chúng-sanh,
Thập giả phổ giai hồi-hướng. O

Thứ nhứt là nguyện kính lạy các đức Phật,
Thứ hai là nguyện khen kính đức Như-Lai,
Thứ ba là nguyện rộng tu làm việc cúng dường,
Thứ tư là nguyện sám-hối nghiệp chướng,
Thứ năm là nguyện tùy hỷ công-đức,
Thứ sáu là nguyện mời Phật nói pháp,
Thứ bảy là nguyện xin Phật ở lại thế-gian này,
Thứ tám là nguyện thường theo Phật để học,
Thứ chín là nguyện thường thuận theo chúng-sanh,
Thứ mười là nguyện khắp đều hồi-hướng.

CẦU SIÊU

Cầu siêu công-đức thù-thắng hạnh,
Vô-biên thắng phước giai hồi hướng,
Phổ nguyện pháp-giới chư chúng-sanh,
Tốc vãng vô-lượng-quang Phật-sát. O

Công-đức cầu siêu rất tuyệt vời,
Bao nhiêu thắng phước xin hồi hướng,
Nguyện khắp chúng-sanh trong pháp-giới,
Chóng được sanh về cõi Cực-Lạc.

HỒI HƯỚNG

Hồi hướng nhân-duyên tam thế Phật,
Văn-Thù, Phổ-Hiến, Quán-Tự-Tại,
Chư tôn Bồ-Tát Ma-ha-tát,
Ma-ha Bát-Nhã ba-la-mật. O

Hướng về nhân-duyên với chư Phật ba đời,
Nào Bồ-Tát Văn-Thù, Phổ-Hiến, và Quán-Tự-Tại,
Cùng các vị Bồ-Tát quảng đại,
Đó là đại trí-tuệ mới qua bờ bên kia được.

NGUYỆN TIÊU

Nguyện tiêu tam chương trừ phiền-não,
Nguyện đặc trí-tuệ chơn minh liễu,
Phổ nguyện tội chương tất tiêu trừ,
Thế thế thường hành Bồ-Tát đạo. O

Nguyện tiêu ba chương cùng phiền-não,
Nguyện được trí-tuệ thật sáng ngời,
Nguyện bao tội chương đều tiêu trừ,
Đời đời thường làm Bồ-Tát đạo.

NGUYỆN SANH

Nguyện sanh Tây-phương Tịnh-Độ trung,
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh,
Bất thối Bồ-Tát vi bạn hữu. O

Nguyện sanh Tây-phương cõi Phật-đà,
Chín phẩm đài sen là cha mẹ,
Hoa nở thấy Phật ngộ vô sanh,
Bất thoái Bồ-Tát làm bạn hữu.

NGUYỆN CÔNG-ĐỨC

Nguyện dĩ thủ công-đức,
Phổ cập ư nhứt-thiết,
Ngã đẳng dĩ chúng-sanh,
Giai cộng thành Phật đạo. O

Nguyện đem công-đức này,
Hương về khắp tất cả,
Đệ-tử và chúng-sanh,
Đều cùng thành Phật đạo.

PHỤC NGUYỆN

Bồ-đề thọ-trưởng,
Ảnh gia bá vạn nhân thiên,
Ưu-bát hoa khai, hương mãn đại thiên thế-giới,
Hương lân hữu tộc huân triêm phát võ chi ân,
Chiêu mục tiên vong tận phó liên-trì chi hội.
Nguyện vong-giả: ... (tánh-danh, pháp-danh) ...
Thừa Tam-Bảo lực, vãng-sanh An-Dưỡng.

PHỔ NGUYỆN

Âm siêu dương thới,
Hải-yến hà-thanh,
Pháp-giới chúng-sanh,
Tề thành Phật-đạo.

Âm siêu, thì dương thới,
Biển yên ổn, sông trong xanh, (biển khổ, sông mê/ sông yêu)
Chúng-sanh trong pháp-giới,
Đều cùng thành Phật-đạo.

TIÊU ĐIỀU

Tiêu-diêu chơn thế-giới,
Khoái-lạc cửu liên-đài,
Hiệp-chuông Thế-Tôn tiền,
Như-Lai thân thọ-ký. OOO

Chu-du nơi cõi Phật,
Sung sướng ở tòa sen chín phẩm,
Chấp tay trước Thế-Tôn,
Được Như-Lai thọ-ký.



3. NGHI THÀNH PHỤC

(Lễ thọ tang: nghi-thức này được sử-dụng để những người trong tang-gia tiếp nhận tang-phục.)

(Trước khi hành lễ, tang-phục phải để sẵn trên bàn vong đặt trước linh-cữu, nhớ biên tên họ riêng từng người.)

- _ Đánh 3 tiếng chuông, xướng:
Tang-quyển các tỳu linh tiền lễ tam bái. OOO
- _ Chờ tang-chủ lễ xong 3 lạy, xướng:
Giai quỳ. (Tang-chủ quỳ.)

Thượng-lai triệu-thỉnh chơn-ngôn, tuyên-dương dĩ-kinh, tang-chủ kiến-thiền, thượng hương nghinh thỉnh.

Vong-hồn văn triệu-thỉnh, dĩ lai lâm. Hương hoa thỉnh, hương hoa triệu-thỉnh.

1. Nam-mô nhứt-tâm phụng-thỉnh Tây-Phương Giáo-Chủ A-Di-Đà Phật thủ phóng hào-quang tiếp triệu phục vì cố linh:

- _ Tánh-danh (tên họ):
- _ Pháp-danh:
- _ Ngươn sanh (sanh năm):
- _ Hưởng thọ:
- _ Cư (cứ-trú ở):
- _ Tử (chết): - niên (năm)
- ngoạ (tháng)
- nhựt (ngày)
- thời (giờ)

Nhứt vị thần-hồn (vong nam) chánh-hồn (vong nữ) chi linh-cữu tiền, đồng lai hâm hưởng, chúng nghi thành-phục:

Duy nguyện hồn như tại nhựt, phách nhược sanh thời, văn ngọc kệ dĩ ưu-du (ưu-du: rong chơi thong thả sung sướng), thỉnh kim kinh nhi giải-thoát. Hương hoa thỉnh, hương hoa triệu-thỉnh.

- _ Tang-chủ kiến-thiền trà châm sơ tuần lễ nhị bái. OO
(Tang-chủ châm trà, lễ 2 lạy)

2. Nam-mô nhứt-tâm phụng-thỉnh U-Minh Giáo-Chủ Đại-Thánh Địa-Tạng-Vương Bồ-Tát Ma-ha-tát thủ phóng hào-quang tiếp triệu phục vì cố linh:

- _ Tánh-danh (tên họ):
- _ Pháp-danh:

Nhứt vị thần-hồn (vong nam) chánh-hồn (vong nữ) chi linh-cữu tiền, đồng lai hâm hưởng, chúng nghi thành-phục:

Duy nguyện thừa Tam-Bảo lực, trượng bí-mật ngôn, thủ nhựt kim thời (ban ngày) dạ thời (ban đêm) lai lâm pháp-hội. Hương hoa thỉnh, hương hoa triệu-thỉnh.

- _ Tang-chủ kiến-thiền trà châm nhị tuần lễ nhị bái. OO
(Tang-chủ châm trà, lễ 2 lạy)

3. Nam-mô nhứt-tâm phụng-thỉnh Âm-Dương lưỡng giới, Linh-Thông Sứ-giả tiếp triệu phục vì cố linh:

_ Tánh-danh (tên họ):

_ Pháp-danh:

Nhứt vị thần-hồn (vong nam) chánh-hồn (vong nữ) chi linh-cữu tiền, đồng lai hâm hưởng, chúng nghi thành-phục:

Duy nguyện nhứt văn pháp-ngữ, nhị vãng Tịnh-ban, tam văn thuyết-pháp chi âm, tứ chúng Bồ-đề chi đạo, văn kim tam thỉnh, nguyện phú linh-sàn, thọ tài hưởng thực, cộng đắc vãng-sanh. Hương hoa thỉnh, hương hoa triệu-thỉnh.

_ Tang-chủ kiến-thiền trà châm tam tuần lễ nhị bái. OO

(Tang-chủ châm trà, lễ 2 lạy)

_ Ngũ phục chi nhân, các phục kỳ phục. OOO

(Phát tang-phục cho tang-quyển. Sau khi phát xong, xướng:)

_ Khởi thân lễ tam bái. OOO

(Tang-quyển mỗi người lễ 3 lạy.)

_ Giai quỳ. (Tang-quyển quỳ.)

_ Sớ, tá, tam thỉnh, vong-hồn dĩ đặng an-tọa, tọa ngật kiên bị, hương tu bàn soạn chi nghi, biệt tại án tiền, phổ thân phụng thực. O

(Theo cổ-tục, tang-chủ xới cơm gạo đồ ăn để vào bát cơm.)

_ Hiến soạn.

(Đặt bát cơm trên bàn vong để cúng.)

_ Tang-quyển các lễ nhị bái. OO

(Tang-quyển mỗi người lễ 2 lạy.)

Sở-hữu biến-thực, biến-thủy chơn-ngôn cần-đương trì-tụng:

_ **Biến-thực:** Nam-mô tát phạ, đất tha nga đa, phạ lồ chỉ đế. Án, tam bặt ra tam bặt ra hồng. (3 lần) O

_ **Biến-thủy:** Nam-mô tô rô bà da, đất tha nga đa da, đất diệt tha. Án, tô rô tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô, ta-bà-ha. (3 lần) O



Sắc-hương mỹ-vị biến hư-không,
Duy nguyện vong-hồn giai bảo-mãn.

NAM-MÔ MỸ-HƯƠNG-TRAI BỒ-TÁT MA-HA-TÁT.
(3 lần) OOO



Sơn trung tự hữu thiên niên thọ,
Thế thượng nan lưu bá tuế nhân.

Ở sâu trong rừng núi có cổ-thụ ngàn năm,
Trong đời sống thế-nhân khó có người trăm tuổi.

_ Tang-chủ kiến-thiền trà châm hậu tuần lễ tam bái. OOO
(Tang-chủ châm trà, lễ 3 lạy)



**BẠT NHỨT-THIỆT NGHIỆP-CHƯƠNG CĂN-BỔN
ĐẮC SANH TỊNH-ĐỘ ĐÀ-RA-NI**

Nam-mô A-di-đà bà dạ, đa tha già đa dạ,
đa diệt dạ tha, a di rị đô bà tỳ,
a di rị đa, tất đām bà tỳ,
a di rị đa, tỳ ca lan đế,
a di rị đa, tỳ ca lan đa,
già di nị, già già na,
chỉ đa ca lệ, ta-bà-ha. (3 lần) O

PHỤC NGUYỆN

Nhứt thành thượng đạt,
Vạn tội băng tiêu,
Nguyện vong-hồn: đắc độ cao-siêu,
Kỳ tang-quyển: bình-an lợi-lạc.

PHỔ NGUYỆN

Âm siêu dương thới,
Hải-yến hà-thanh,
Pháp-giới chúng-sanh,
Tề thành Phật-đạo.

Âm siêu, thi dương thới,
Biển yên ổn, sông trong xanh, (biển khổ, sông mê/ sông yêu)
Chúng-sanh trong pháp-giới,
Đều cùng thành Phật-đạo.

_ Tang-chủ kiên-thiền lễ tất tứ bái. OOOO
(Tang-chủ lễ 4 lạy)



4. NGHI ĐỘNG QUAN

_ Đánh 3 tiếng chuông, xướng:

Tang-chủ tự-vị (tới chỗ dành cho mình) lễ tam bái. OOO
(Tang-quyển đồng lễ 3 lạy)

Chuyên thân triệu-thỉnh cung vọng lai lâm,
Tang-chủ thành-tâm thượng hương triệu-thỉnh,
Vong-hồn văn triệu-thỉnh lai lâm,
Hương hoa thỉnh, hương hoa triệu-thỉnh. O

Ái hà thiên xích lãng,	Sông yêu sóng cao ngàn thước,
Khổ-hải vạn trùng ba,	Biển khổ sóng dậy muôn trùng,
Dục thoát luân-hồi lộ,	Muốn thoát khỏi đường luân-hồi,
Tảo cấp niệm Di-Đà. O	Sớm mau chóng niệm Di-Đà.

- Nam-mô A-Di-Đà Phật. (10 lần) O
- Nam-mô Quán-Thế-Âm Bồ-Tát. (3 lần) O
- Nam-mô Đại-Thế-Chí Bồ-Tát. (3 lần) O
- Nam-mô Địa-Tạng-Vương Bồ-Tát. (3 lần) O
- Nam-mô Thanh-Tịnh Đại-Hải-Chúng Bồ-Tát. (3 lần) O

THẬP NGUYỆN

Nhứt giả lễ kính chư Phật,	Thứ nhứt là nguyện kính lạy các đức Phật,
Nhị giả xưng tán Như-Lai,	Thứ hai là nguyện khen kính đức Như-Lai,
Tam giả quảng tu cung-dưỡng,	Thứ ba là nguyện rộng tu làm việc cúng dường,
Tứ giả sám-hối nghiệp chướng,	Thứ tư là nguyện sám-hối nghiệp chướng,
Ngũ giả tùy hỷ công-đức,	Thứ năm là nguyện tùy hỷ công-đức,
Lục giả thỉnh chuyển pháp-luân,	Thứ sáu là nguyện mời Phật nói pháp,
Thất giả thỉnh Phật trụ thế,	Thứ bảy là nguyện xin Phật ở lại thế-gian này,
Bát giả thường tùy Phật học,	Thứ tám là nguyện thường theo Phật để học,
Cửu giả hằng thuận chúng-sanh,	Thứ chín là nguyện thường thuận theo chúng-sanh,
Thập giả phổ giai hồi-hướng. O	Thứ mười là nguyện khắp đều hồi-hướng.

NGUYỆN TIÊU

Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền-não,	Nguyện tiêu ba chướng cùng phiền-não,
Nguyện đắc trí-tuệ chơn minh liễu,	Nguyện được trí-tuệ thật sáng ngời,
Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ,	Nguyện bao tội chướng đều tiêu trừ,
Thế thế thường hành Bồ-Tát đạo. O	Đời đời thường làm Bồ-Tát đạo.

NGUYỆN SANH

Nguyện sanh Tây-phương Tịnh-Độ trung,	Nguyện sanh Tây-phương cõi Phật-đà,
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,	Chín phẩm đài sen là cha mẹ,

Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh,
Bất thối Bồ-Tát vi bạn lữ. O

Hoa nở thấy Phật ngộ vô sanh,
Bất thoái Bồ-Tát làm bạn lữ.

NGUYỆN CÔNG-ĐỨC

Nguyện dĩ thủ công-đức,
Phổ cập ư nhứt-thiết,
Ngã đẳng dĩ chúng-sanh,
Giai cộng thành Phật đạo. O

Nguyện đem công-đức này,
Hương về khắp tất cả,
Đệ-tử và chúng-sanh,
Đều cùng thành Phật-đạo.



- _ Tang-quyển các lễ nhị báii. (Mỗi người trong tang-quyển lễ 2 lạy.)
 - _ Cung thối. (Tang-quyển lui ra.)
 - _ Đạo-tỳ nhập báii quan. (Đạo-tỳ vào lạy linh-cữu.)
 - _ Triệt linh-tòa. (Dẹp bàn vong.)
 - _ Đạo-tỳ cử cữu, thăng xa phát-hành. (Đạo-tỳ khiêng linh-cữu đi ra nhà giàn.
- Trong lúc đó, tang-chủ bưng lư hương đi trước linh-cữu. Các vị hộ-niệm, cứ niệm “Nam-mô A-Di-Đà Phật”, niệm mãi cho tới khi quan-tài đặt vô nhà giàn rồi mới nghỉ.)



5. NGHI TIỀN VONG

(Nghi đưa vong lên đường)

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT.

CHÚ QUÁN ĐẢNH

Án, a mô già, vĩ lô ta nãng,
ma hạ mẫu nại ra,
ma ni bát nạp ma,
nhập phạ la,
bát ra mạt đa dã, hồng. (3 lần) O

(Vừa đi vừa niệm danh-hiệu Phật A-Di-Đà và chú Quán-Đảnh mãi cho tới huyệt.)



6. NGHI HẠ CŨU

(Nghi hạ linh-cửu xuống huyết)

ĐẠI BI CHÚ

**NAM-MÔ ĐẠI-BI HỘI-THƯỢNG PHẬT BỒ-TÁT
MA-HA-TÁT. (3 lần) O**

THIÊN-THỦ THIÊN-NHÃN VÔ-NGẠI ĐẠI-BI TÂM ĐÀ-RA-NI

1. Nam-mô hắc ra dát na đa ra dạ da.
2. Nam-mô a rị da.
3. Bà lô yết đế thước bát ra da.
4. Bồ-đề tát đỏa bà da.
5. Ma-ha tát đỏa bà da.
6. Ma-ha ca lô ni ca da.
7. Ân.
8. Tát bàn ra phạt duệ.
9. Số dát na dát tả.
10. Nam-mô tất kiết lật đỏa y mông a rị da.
11. Bà lô kiết đế thất Phật ra lăng đà bà.
12. Nam-mô na ra cẩn trì.
13. Hê rị ma-ha bàn đa sa mế.
14. Tát bà a tha đậu du bằng.
15. A thệ dựng.
16. Tát bà tát đa “na ma bà tát đa”.
17. Na ma bà già.
18. Ma phạt đặc đậu.
19. Đát diệt tha.
20. Ân, a bà lô hê.
21. Lô ca đế.
22. Ca ra đế.
23. Di hê rị.
24. Ma-ha bồ-đề tát đỏa.
25. Tát bà tát bà.
26. Ma ra ma ra.
27. Ma hê ma hê rị đà dựng.
28. Cu lô cu lô yết mông.
29. Độ lô độ lô phạt xà da đế.
30. Ma-ha phạt xà da đế.
31. Đà ra đà ra.
32. Đạ rị ni.
33. Thất Phật ra da.
34. Giá ra giá ra.
35. Mạ mạ phạt ma ra.
36. Mục đế lệ y hê di hê.
37. Thất na thất na.

38. A ra sâm Phật ra xá ly.
39. Phật sa phạt sâm.
40. Phật ra xá da.
41. Hô lô hô lô ma ra.
42. Hô lô hô lô hê rị.
43. Ta ra ta ra.
44. Tất rị tất rị.
45. Tô lô tô lô.
46. Bồ-đề dạ bồ-đề dạ.
47. Bồ-đà dạ bồ-đà dạ.
48. Di đế rị dạ.
49. Na ra cần trì.
50. Địa rị sắc ni na.
51. Ba dạ ma na.
52. Ta-bà-ha.
53. Tất đà dạ.
54. Ta-bà-ha.
55. Ma-ha tất đà dạ.
56. Ta-bà-ha.
57. Tất đà dũ nghê.
58. Thất bàn ra dạ.
59. Ta-bà-ha.
60. Na ra cần trì.
61. Ta-bà-ha.
62. Ma ra na ra.
63. Ta-bà-ha.
64. Tất ra tăng a mục Khê da.
65. Ta-bà-ha.
66. Ta-bà ma-ha a tất đà dạ.
67. Ta-bà-ha.
68. Giả kiết ra a tất đà dạ.
69. Ta-bà-ha.
70. Ba đà ma yết tất đà dạ.
71. Ta-bà-ha.
72. Na ra cần trì bàn già ra dạ.
73. Ta-bà-ha.
74. Ma bà rị thắng yết ra dạ.
75. Ta-bà-ha.
76. Nam-mô hắc ra đát na đa ra dạ da.
77. Nam-mô a rị da.
78. Bà lô kiết đế.
79. Thước bàn ra dạ.
80. Ta-bà-ha.
81. “Án, tất điện đô.
82. Mạn đa ra.
83. Bạt đà dạ.
84. Ta-bà-ha”. (3 lần) O

CHÚ QUÁN ĐẢNH

Án, a mô già, vĩ lô ta nã,
ma hạ mẫu nại ra,
ma ni bát nập ma,
nhập phạ la,
bát ra mạt đa dã, hồng. (3 lần) O

(Vừa đọc vừa đi nhiễu chung quanh huyệt đủ 3 lần. Mỗi khi đọc xong một biến chú Quán-Đảnh, nếu có luyện sẵn sạn hay là cát tán-sa, thì rải sạn hay là cát ấy xuống huyệt.)



(Ra lệnh cho đạo-tỳ hạ linh-cửu xuống huyệt. Khi hạ xong đọc tiếp:)

NGUYỆT SANH

Nguyệt sanh Tây-phương Tịnh-Độ trung,
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh,
Bất thối Bồ-Tát vi bạn lữ. O

Nguyệt sanh Tây-phương cõi Phật-đà,
Chín phẩm đài sen là cha mẹ,
Hoa nở thấy Phật ngộ vô sanh,
Bất thoái Bồ-Tát làm bạn lữ.

PHỤC NGUYỆT

Nhứt thành thượng đạt,
Vạn tội băng tiêu,
Nguyệt vong-hồn: đắc độ cao-siêu,
Kỳ tang-quyển: bình-an lợi-lạc. O

PHỔ NGUYỆT

Âm siêu dương thối,
Hải-yến hà-thanh,
Pháp-giới chúng-sanh,
Tề thành Phật-đạo.

Âm siêu, thì dương thối,
Biển yên ổn, sông trong xanh, (biển khổ, sông mê/ sông yêu)
Chúng-sanh trong pháp-giới,
Đều cùng thành Phật-đạo.

TIÊU DIÊU

Tiêu-diêu chơn thế-giới,
Khoái-lạc cửu liên-đài,
Hiệp-chuởng Thế-Tôn tiền,
Như-Lai thân thọ-ký. OOO

Chu-du nơi cõi Phật,
Sung sướng ở tòa sen chín phẩm,
Chấp tay trước Thế-Tôn,
Được Như-Lai thọ-ký.



7. NGHI AN SÀNG

(Sau khi mai-táng xong, đem di-ảnh về tôn-trí nơi đã chọn, để làm lễ an vị và cúng cơm hương-linh.)

_ Đánh 3 tiếng chuông, xướng:
Tang-chủ tựu-vị lễ tam bái. OOO
(Tang-chủ lễ 3 lạy.)

Dĩ thủ tín hương thân, triệu-thỉnh vong-hồn bất muội diêu văn tri, trượng thừa Tam-Bảo lực gia-trì, thủ nhứt kim thời lai phó hội. Hương hoa thỉnh, hương hoa triệu-thỉnh. O

Nam-mô nhứt-tâm phụng-thỉnh U-Minh Giáo-Chủ Cứu-Khổ Bốn-Tôn Cứu-Bạt Minh-Đồ Đại-Thánh Địa-Tạng-Vương Bồ-Tát Ma-ha-tát tiếp triệu phục vì vong-cổ chánh-độ (vong nam) chánh-tiến (vong nữ) hiển-linh.

_ Tánh-danh (tên họ):
_ Pháp-danh:
_ Ngươn sanh (sanh năm):
_ Hưởng thọ:
_ Cư (cư-trú ở):
_ Tử (chết): - niên (năm)
 - ngoạ (tháng)
 - nhựt (ngày)
 - thời (giờ)

Nhứt vị thân-hồn (vong nam) chánh-hồn (vong nữ) duy nguyện thừa Tam-Bảo lực, trượng bí-mật ngôn, thủ nhứt (ngày), thủ dạ (đêm), kim thời, quy-đáo gia-đường, an-cư linh-tọa, hưởng-thọ vô-giá cam-lộ pháp-thực. O



Giáo hữu biến-thực, biến-thủy chơn-ngôn cần-đương trì-tụng:

_ **Biến-thực:** Nam-mô tát phạ, đát tha nga đa, phạ lồ chỉ đế. Án, tam bạt ra tam bạt ra hồng. (3 lần) O

_ **Biến-thủy:** Nam-mô tô rô bà da, đát tha nga đa da, đát điệt tha. Án, tô rô tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô, ta-bà-ha. (3 lần) O

PHỔ CUNG-DƯỠNG CHÚ

Án, nga nga năng, tam bà phạ, phiệt nhựt ra học. (3 lần) O

NAM-MÔ MỸ-HƯƠNG-TRAI BỒ-TÁT MA-HA-TÁT.
(3 lần) OOO



MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH

Quán-Tự-Tại Bồ-Tát, hành thâm Bát-Nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt-thiết khổ ách.

Xá-Lợi-Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị.

Xá-Lợi-Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.

Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức.

Vô nhãn, nhĩ, ty, thiệt, thân, ý.

Vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Vô nhãn-giới, nãi chí vô ý-thức-giới.

Vô vô-minh, diệc vô vô-minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận.

Vô khổ, tập, diệt, đạo.

Vô trí diệc vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-Đề-Tát-Đỏa y Bát-Nhã ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại. Vô quái ngại cố, vô hữu khủng-bố, viễn ly điên-đảo mộng-tưởng, cứu cánh Niết-Bàn. Tam thế chư Phật y Bát-Nhã ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

Cố tri Bát-Nhã ba-la-mật-đa, thị đại thần-chú, thị đại minh-chú, thị vô-thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt-thiết khổ, chơn thiệt bất hư.

Cố thuyết Bát-Nhã ba-la-mật-đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết-đế yết-đế, ba la yết-đế, ba la tăng yết-đế, bồ-đề tát-bà-ha. O

VÃNG-SANH CHƠN-NGÔN

Nam-mô A-di-đà bà dạ, đa tha già đa dạ, đa diệt dạ tha, a di rị đô bà tỳ, a di rị đa, tất đam bà tỳ, a di rị đa, tỳ ca lan đế, a di rị đa, tỳ ca lan đa, già di nị, già già na, chỉ đa ca lệ, ta-bà-ha. (3 biến) O

VÃNG-SANH TÁN

Vãng-sanh thần-chú, công-đức vô biên, Di-Đà đánh thượng ký tâm truyền, vong-giả chí thiên-tiên, trực-vãng hướng Tây-thiên, chư Phật tiếp dẫn tiên.

NAM-MÔ VÃNG-SANH-PHƯƠNG BỒ-TÁT MA-HA-TÁT.

(3 lần) OOO

TIÊU DIÊU

Tiêu-diêu chơn thế-giới,

Khoái-lạc cửu liên-đài,

Hiệp-chưởng Thế-Tôn tiên,

Như-Lai thân thọ-ký. OOO

Chu-du nơi cõi Phật,

Sung sướng ở tòa sen chín phẩm,

Chấp tay trước Thế-Tôn,

Được Như-Lai thọ-ký.

Tang-chủ lễ tạ vong-linh tứ bái. OOOO

(Tang-chủ lễ 4 lạy.)

8. NGHI CÚNG VONG

(Nghi-thức này dùng khi cúng thực-phẩm chay cho vong-giả trong các ngày kỵ cơm.)

Đánh 3 tiếng chuông, xướng:

Trai-chủ tựu-vị tam bái. OOO

(Trai-chủ lễ 3 lạy)

Thu võ ngô đồng lạc diệp thời, dạ thê thê, triệu-thỉnh vong-hồn lai phó hội, vong-hồn văn triệu-thỉnh lai lâm. Hương hoa thỉnh, hương hoa triệu-thỉnh.

Nam-mô nhứt-tâm phụng-thỉnh U-Minh Giáo-Chủ Cứu-Khổ Bốn-Tôn Cứu-Bạt Minh-Đồ Đại-Thánh Địa-Tạng-Vương Bồ-Tát Ma-ha-tát tiếp triệu phục vì vong-cổ chánh-độ (vong nam) chánh-tiến (vong nữ) hiển-linh.

_ Tánh-danh (tên họ):

_ Pháp-danh:

_ Ngươn sanh (sanh năm):

_ Hưởng thọ:

_ Cư (cư-trú ở):

_ Tử (chết): - niên (năm)

- nguyệt (tháng)

- nhật (ngày)

- thời (giờ)

Nhứt vị thân-hồn (vong nam) chánh-hồn (vong nữ) duy nguyện thừa Tam-Bảo lực, trượng bí-mật ngôn, thủ nhật kim thời lai thọ vô-giá cam-lộ pháp-thực. O



Nhứt cú Di-Đà vô biệt niệm,

Chỉ sáu chữ Di-Đà, không có niệm nào khác,

Bất lao đàn chỉ đáo Tây-phương.

Không phí công lao nhọc, sát-na đến Tây-phương.

_ Kiến-thiền trà châm sơ tuần, lễ nhị bái. OO

(Trai-chủ châm trà, lễ 2 lạy.)

Tây-phương Tịnh-độ thắng Ta-bà.

Siêu-thoát luân-hồi khoái-lạc đa.

_ Kiến-thiền trà châm nhị tuần, lễ nhị bái. OO

(Trai-chủ châm trà, lễ 2 lạy.)

Nguyện độ vong-hồn quy bổn-quốc,

Cửu liên-đài bạn vãng Tây-phương.

_ Kiến-thiền trà châm tam tuần, lễ nhị bái. OO

(Trai-chủ châm trà, lễ 2 lạy.)



Giáo hữu biến-thực, biến-thủy chơn-ngôn cấn-đương trì-tụng:

_ **Biến-thực:** Nam-mô tát phạ, đát tha nga đa, phạ lô chỉ đế. Án, tam bạt ra tam bạt ra hồng. (3 lần) O

_ **Biến-thủy:** Nam-mô tô rô bà da, đát tha nga đa da, đát điệt tha. Án, tô rô tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô, ta-bà-ha. (3 lần) O

PHỔ CUNG-DƯỠNG CHÚ

Án, nga nga nẵng, tam bà phạ, phiệt nhựt ra học. (3 lần) O

Nhứt đích thanh-lương thủy,
Năng trừ cơ-khát tiêu,
Đồn sái quán đảnh môn,
Tất lịch hoạch an-lạc.

_ Kiên-thiền trà châm bảo-mãn, lễ nhị bái. OO
(Trai-chủ châm trà, lễ 2 lạy.)

BẠT NHỨT-THIỆT NGHIỆP-CHƯƠNG CĂN-BỔN ĐẮC SANH TỊNH-ĐỘ ĐÀ-RA-NI

Nam-mô A-di-đa bà dạ, đa tha già đa dạ,
đa điệt dạ tha, a di rị đô bà tỳ,
a di rị đa, tất đām bà tỳ,
a di rị đa, tỳ ca lan đế,
a di rị đa, tỳ ca lan đa,
già di nị, già già na,
chỉ đa ca lệ, ta-bà-ha. (3 lần) O

_ Phạn-thực kiên-thiền lễ tất tứ bái. OOOO
(Trai-chủ lễ 4 lạy.)



9. NGHI CÚNG THÍ CÔ HỒN

PHỤNG-THỈNH TIÊU-DIỆN BỒ-TÁT

Nam-mô nhứt-tâm phụng-thỉnh Ốc-tiêu sơn hạ, thống-lãnh tam thập lục bộ, cứu u thập loại cô-hồn, hà sa ngã-quỷ đẳng chúng. Tiêu-Diện Diệm-Khẩu Bồ-Tát, duy nguyện đầu đới tam sơn thiên-địa động, khẩu trung phúng hỏa quỷ thần kinh, giáng phó trai-đàn, chứng-minh công-đức. Hương hoa thỉnh, hương hoa triệu-thỉnh.

NAM-MÔ TIÊU-DIỆN DIỆM-KHẨU BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần)

TRIỆU-THỈNH CÔ-HỒN

Nhứt-tâm triệu-thỉnh (một lòng kính xin triệu-thỉnh), tứ sanh lục đạo, tam thập lục bộ, cứu u thập loại cô-hồn, hà sa ngã-quỷ đẳng chúng, duy nguyện thừa Tam-Bảo lực (cúi xin Tam-Bảo Từ-Tôn), trượng bí-mật ngôn (đem pháp mầu mật ngôn tiếp độ), thử nhứt kim thời (ngày nay giờ này), lai thọ vô-giá cam-lộ pháp-thực (chư linh tới thọ vô-giá cam-lộ pháp-thực). O

(Như muốn tụng văn nôm thì có thể đọc tiếp bài dưới đây:)

Ngày nay tín-chủ thành-tâm,
Xin nghe lời thỉnh, lai lâm pháp-đàn,
Lòng thành một biển hương nhang,
Hoa tươi trái ngọt trang-hoàng tiệc trai,
Nguyện xin mười phương Như-Lai,
Phóng quang độ chúng nghiệp dày tiêu tan.

Trước thỉnh Đại-sĩ A-Nan,
Diện-Nhiên Đại-sĩ giáng đàn chứng-minh.
Sau mời lục đạo tứ sinh,
Tam đồ bát nạn quỷ tinh đẳng hồn,
Khắp trong mấy cõi càn-khôn,
Thấy từ hải-khẩu sơn-môn đều về,
Viên-lâm, trì-chiếu giang-kê,
Nghe lời triệu-thỉnh chớ hể trì nghi.

Lại thỉnh Đạo-sĩ Tăng-ni,
Kể đi làm phước, người thì làm duyên,
Chỉ mong thành Phật thành Tiên,
Ai ngờ một phút Huỳnh-tuyền xa chơi.
Linh đình biển khổ giữa vời,
Bốn bề sóng dậy gió dôi ngựa nghiêng.
Ngày nay gặp hội nhờ duyên,
Nường theo Bát-Nhã pháp-thuyền tiêu-diêu,

Tây-phương là cảnh cao-siêu,
Thường văn thiên-nhạc, thường triều kim tiên.

Lại mời văn-chức trọng-quyền,
Cùng là võ-chức ở miền kinh-đô,
Chí-tâm giúp nước phò vua,
Lên xe xuống ngựa tranh đua trong triều,
Chẳng may quốc loạn vận nghèo,
Ra tay chống đỡ hồn theo gió tần,
Phiêu phiêu phách quế vân vân,
Nghe lời triệu-thỉnh giải lãn đường ba.

Lại mời hiền-sĩ nho-gia,
Chí mong cây đỗ khôi khoa hơn người,
Mười năm đèn sách trau giồi,
Số mạng thôi rồi thác xuống âm-ty.

Lại mời mấy kẻ lương-y,
Nếm mùi diệu-dược phòng khi trợ người,
Linh-đơn truyền-bá trong đời,
Hồi sanh cãi tử mọi nơi an lành,
Tưởng là khỏi số thiên-đình,
Nào hay một phút xuống thành Diêm-la,
Tây-phương vọi vọi còn xa,
Hồn nay có biết đó là U-minh.

Lại mời địa-lý tướng hình,
Tầm long điểm huyết, nêu danh để đời,
Ngao-du đến đất nước người,
Thâu sơn định cuộc đổi dời âm dương,
Nào hay sanh tử vô-thường,
Mơ màng một phút huỳnh-lương đã đành.

Lại mời thầy bói khoa danh,
Gieo tiền quyết-đoán tử-sanh cho người,
Phải khi đau ốm khí trời,
Non bỗng thăm-thăm một hơi thở cùng.

Lại mời thể-nữ cung trung,
Những người trốn chúa lộn chồng ra đi,
Hương hoa phấn sáp đoài khi,
Tay vòng tai nổ, chơn đi hớn hài,
Khôn hay chiều nắng mưa mai,
Ngủ đình nằm quán lạc loài chúa tôi.

Cùng người buôn ngược bán xuôi,
Trải nghề thương-mãi, trong nghề chở chuyên,

Những người buôn bộ bán thuyền,
Nhiều bạc nhiều tiền nên đại-phú-gia,
Chẳng may gặp trận phong-ba,
Nhà tan cửa nát, người ra cát dầm.

Những người tửu-sắc hoang-dâm,
Mẹ cha không dạy, chẳng cầm đặng con,
Khắp nơi gốc biển đầu non,
Gặp khi thời dịch không còn mạng thân,
Nghe lời triệu-thỉnh ân-cần,
Nướng theo hơi gió đến gần nghe kinh.

Lại mời tử-trận đao-binh,
Những anh chiến-sĩ cắt mình ra đi,
Vi nước bỏ mình hề chi,
Thường dân đua chạy tứ vi tới bởi,
Cảnh ngộ đói rách khổ với,
Chồng thời lạc vợ, cha thời lạc con.

Khôn hay ai mất ai còn,
Kẻ nam người bắc khôn toan lẽ nào,
Cửa nhà chẳng có lao đao,
Nay cầu mai quán xiết bao khổ lòng.

Kẻ thì mang xích mang gông,
Đi thì diu dắt, lại bồng cháu con,
Nghỉ thôi thân héo gan mòn,
Trai cô gái góa, những đoàn nổi trôi.

Kẻ thì cái bát cái nôi,
Cọng rau nắm gạo, thảm sâu xót xa,
Kẻ thì nên bốn nên ba,
Nên tám nên chín hay là lên năm,
Đói cơm kêu khóc ngấm ngấm,
Chơn đi chẳng đặng lại nằm khóc than,
Khó khăn phải chịu cơ-hàn,
Gặp khi thời-dịch không toan ở đời.

Lại mời già trẻ mấy người,
Những ai chết yếu thuở hồi thơ ngây,
Đi thì nương gậy vịn cây,
Lần phen dựa vách mình gầy héo hon.

Những người nịch-thủy trầm-hồn,
Xương trong bụng cá, thân trong bụng điều,
Kẻ thì chết núi chết đèo,
Chết thiêu chết chém cùng người chết dâm.

Kẻ thì lổi đạo nhân-luân,
Voi chà ngựa giốn bởi nhân thói hèn,
Kẻ thì rấn cắn trâu vàng,
Bị tên bị súng, cọp ăn xương gầy,
Vách đàng, chó cắn, té cây,
Xe lăn ngựa đạp, phân thây nát nghiền.

Người thì mắc nỗi ưu-phiền,
Lấy dây thắt cổ, nhảy miền vực sâu.
Người thì mang nặng chuỗi sầu,
Lỡ duyên chồng vợ buồn rầu ủ ê.

Người thì lên chốn sơn-khê,
Mọi đâm heo xốc, tư bề tượng vây,
Non cao thăm thẳm ai hay,
Đã dành một nỗi bỏ thây trên ngàn.

Hung tàn Trời đánh chết ngang,
Huyết hồ sản nạn, ba đàng chúng vây,
Ma châm, ma chợ, ma chầy,
Ma mọi, ma rợ đông vầy đều nghe,
Chim kêu chuột túc ai hay,
Người khoa, kẻ bói, nghiệp dày thắm thay.

Khi nghe các tiếng mõ Thầy,
Cô-hồn lục đạo đến ngay đàn tiền,
Thọ-hưởng bố-thí trai-diên,
Nường nhờ Phật-lực sanh về Tây-phương.

Tín-chủ thọ phước vĩnh-trường,
Thổ-gia đều được kiết-tường khương-ninh,
Cầu cho thiên-hạ thái-bình,
Tất cả pháp-giới hữu-tình an vui. O



Mãnh-hỏa diễm-diễm chiếu thiết-thành,
Thiết-thành chiếu kiến triệu cô-hồn,
Cô-hồn nhược yếu sanh Tịnh-độ,
Phúng tụng Hoa-Nghiêm bán kệ kinh. O

Lửa hùng hực nóng đỏ thiết-thành,
Trong thành sắt nóng đốt cô-hồn,
Cô-hồn nếu muốn sanh Tịnh-độ,
Tin nghe nửa kệ Hoa-Nghiêm kinh.

Nhược nhân dục liễu tri,
Tam thế nhứt-thiết Phật,
Ứng quán pháp-giới tánh,
Nhứt-thiết duy tâm tạo. O

Nếu người muốn biết rõ,
Ba đời các đức Phật,
Nên quán tánh pháp-giới,
Tất cả do tâm tạo.



Án, già ra đế da, ta-bà-ha. (3 lần) O
Nam-mô bộ bộ đế rị, già rị đa rị, đát đa nga đa da. (3 lần) O
Án, tam đà ra đà già, ta-bà-ha. (3 lần) O



Nam-mô Đại-Phương-Quảng Phật Hoa-nghiêm kinh.
Nam-mô thường-trụ thập phương Phật.
Nam-mô thường-trụ thập phương Pháp.
Nam-mô thường-trụ thập phương Tăng.
Nam-mô Bổn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật.
Nam-mô Đại-Bi Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.
Nam-mô Minh-Dương Cứu Khổ Địa-Tạng-Vương Bồ-Tát.
Nam-mô Khải-Giáo A-Nan-Đà Tôn-Giả. O

Quy-y Phật, quy-y Pháp, quy-y Tăng. O
Quy-y Phật Luỡng-Túc-Tôn,
Quy-y Pháp Ly-Dục-Tôn,
Quy-y Tăng Chúng-Trung-Tôn. O
Quy-y Phật-cảnh, quy-y Pháp-cảnh, quy-y Tăng-cảnh. O

Cô-hồn sở tạo chư ác nghiệp,
Giai do vô trí tham sân si,
Tùng thân ngũ ý chi sở sanh,
Nhứt-thiết cô-hồn giai sám hối. O

Cô-hồn đã tạo nhiều ác nghiệp,
Do bởi tham sân si từ vô trí,
Từ thân khẩu ý mà sanh ra,
Tất cả cô-hồn đều xin sám hối.

1. Chúng-sanh vô-biên thệ-nguyện độ,
2. Phiền-não vô-tận thệ-nguyện đoạn,
3. Pháp-môn vô-lượng thệ-nguyện học,
4. Phật-đạo vô-thượng thệ-nguyện thành. O

1. Tự-tánh chúng-sanh thệ-nguyện độ,
2. Tự-tánh phiền-não thệ-nguyện đoạn,
3. Tự-tánh pháp-môn thệ-nguyện học,
4. Tự-tánh Phật-đạo thệ-nguyện thành. O

Tánh chúng-sanh xin thệ tự độ,
Tánh phiền-não xin thệ tự đoạn,
Tánh pháp-môn xin thệ tự học,
Tánh Phật-đạo xin thệ tự thành.

TRỪ ĐỊNH NGHIỆP CHÚ

Án, bát ra mặt lân đà nãnh, ta-bà-ha. (3 lần) O

TIÊU NGHIỆP CHƯỚNG CHÚ

Án, a lố lặc kế, ta-bà-ha. (3 lần) O

PHỔ TRIỆU-THỈNH CHÚ

Án, bộ bộ đế rị, già rị đa rị, đát đa nga đa da. (3 lần) O

TAM-MUỘI-DA GIỚI CHÚ

Án, tam-muội da tát đỏa phạm. (3 lần) O

BIẾN THỰC CHÚ

Nam-mô tát phạ đất tha, nga đa phạ lồ chỉ đế.

Án, tam bạt ra tam bạt ra hồng. (3 lần) O

BIẾN THỦY CHÚ

Nam-mô tô rô bà da, đất tha nga đa da, đất diệt tha.

Án, tô rô tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô, ta-bà-ha. (3 lần) O

NHỨT TỰ THỦY LUÂN CHÚ

Án, noan noan noan noan noan. (3 lần) O

NHỮ HẢI CHÚ

Nam-mô tam mãn đa mẫu đà nẫm án noan. (3 lần) O

1. Nam-mô Đa-Bửu Như-Lai.
2. Nam-mô Bửu-Thắng Như-Lai.
3. Nam-mô Diệu-Sắc-Thân Như-Lai.
4. Nam-mô Quảng-Bát-Thân Như-Lai.
5. Nam-mô Ly-Bố-Úy Như-Lai.
6. Nam-mô Cam-Lộ-Vương Như-Lai.
7. Nam-mô A-Di-Đà Như-Lai.

(7 danh-hiệu trên, niệm đủ 3 lần) O

1. Nghe đến danh của đức **Phật Đa-Bửu**, thì có thể đắc trí-tuệ tài-bửu của pháp-tánh mà thụ-dụng không hết, vì là của sẵn trong tự-tánh.
2. Nghe đến danh của đức **Phật Bửu-Thắng**, hay dứt được lửa nghiệp phiền-não sanh-tử, liền đắc cái trí-bửu pháp-tánh bậc vô-thượng.
3. Nghe đến danh của đức **Phật Diệu-Sắc-Thân**, hay đặng cái thân tướng hảo đoan-nghiêm bậc nhứt giữa tam-giới, tức kinh Pháp-Hoa bảo: “Vi-diệu tịnh pháp-thân, cụ-túc tam thập nhị”.
4. Nghe đến danh của đức **Phật Quảng-Bát-Thân**, thì đặng tiêu được lửa nghiệp, cuống họng mở thông, mà đặng cái thân thanh-lương vô-ngại.
5. Nghe đến danh của đức **Phật Ly-Bố-Úy**, thì xa lìa các điều sợ sệt, thường đắc mọi sự khoái-lạc thanh-tịnh.
6. Nghe đến danh của đức **Phật Cam-Lộ-Vương**, thì năng đắc mùi vị cam-lộ rót vào thâm-tâm hằng được khoái-lạc luôn.
7. Nghe đến danh của đức **Phật A-Di-Đà**, thì được đắc sanh sang thế-giới Cực-Lạc là Tịnh-độ, do liên-hoa hóa sanh vào bậc bất-thối-chuyển.



Thần-chú gia-trì tịnh pháp-thực,
Phổ thí hà sa chúng cô-hồn,
Nguyện giai bảo mãn xả gian tham,
Tốc thoát U-minh sanh Tịnh-độ,
Quy-y Tam-Bảo phát Bồ-đề,
Cứu-cánh đắc thành vô-thượng đạo,
Công-đức vô-biên tận vị-lai,
Nhứt-thiết cô-hồn đồng pháp-thực. O

Nhũ đấng cô-hồn chúng,
Ngã kim thí nhũ cúng,
Thủ thực biến thập phương,
Nhứt-thiết cô-hồn cộng,
Nguyện dĩ thủ công-đức,
Phổ-cập ư nhứt-thiết,
Ngã đấng dữ cô-hồn,
Giai cộng thành Phật-đạo. O

Thần-chú gia-trì tịnh pháp-thực,
Cùng khắp hà sa chúng cô-hồn,
Nguyện đều no đủ bỏ gian tham,
Thoát khỏi U-đồ sanh Tịnh-độ,
Nương về Tam-Bảo chứng Bồ-đề,
Rốt ráo trọn thành vô-thượng đạo,
Công-đức khôn lường thấu vị-lai,
Hết thảy cô-hồn thọ pháp-thực.

Các vị chúng cô-hồn,
Con nay xin thí cúng,
Pháp-thực biến mười phương,
Chung cho các cô-hồn,
Nguyện nhờ công-đức này,
Kính đến cả mọi nơi,
Con và các cô-hồn,
Đều trọn thành Phật-đạo.

THÍ VÔ GIÁ THỰC CHÚ

Án, mục lực lăng, ta-bà-ha. (3 lần) O

PHỔ CUNG-DƯỠNG CHÚ

Án, nga nga năng, tam bà phạ, phiệt nhựt ra học. (3 lần) O

Rải gạo, muối, và nước.

1. Tay trái kiết ấn Bảo-Thủ cầm chén gạo muối, tay mặt trì ấn Kiết-Tường họa 3 lần hai chữ “Án Lãm” trong chén gạo muối, niệm chú Biến-Thực, rồi rải vào bụi cây.

2. Tay trái kiết ấn Bảo-Thủ cầm chén nước, tay mặt trì ấn Kiết-Tường họa 3 lần hai chữ “Án Lãm” trong chén nước, niệm chú Biến-Thủy, rồi tưới xuống đất, vừa tưới vừa đọc:

Án, thủy từ từ tá hạ. (3 lần) O



MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH

Quán-Tự-Tại Bồ-Tát, hành thâm Bát-Nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt-thiết khổ ách.

Xá-Lợi-Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị.

Xá-Lợi-Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.

Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức.

Vô nhân, nhĩ, ty, thiết, thân, ý.

Vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Vô nhân-giới, nãi chí vô ý-thức-giới.

Vô vô-minh, diệc vô vô-minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận.

Vô khổ, tập, diệt, đạo.

Vô trí diệc vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-Đề-Tát-Đỏa y Bát-Nhã ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại. Vô quái ngại cố, vô hữu khủng-bố, viễn ly điên-đảo mộng-tưởng, cứu cánh Niết-Bàn. Tam thế chư Phật y Bát-Nhã ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

Cố tri Bát-Nhã ba-la-mật-đa, thị đại thần-chú, thị đại minh-chú, thị vô-thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt-thiết khổ, chơn thiết bất hư.

Cố thuyết Bát-Nhã ba-la-mật-đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết-đế yết-đế, ba la yết-đế, ba la tăng yết-đế, bồ-đề tát-bà-ha. O

VÃNG-SANH CHƠN-NGÔN

Nam-mô A-di-đà bà dạ, đa tha già đa dạ,
đa diệt dạ tha, a di rị đô bà tỳ,
a di rị đa, tất đam bà tỳ,
a di rị đa, tỳ ca lan đế,
a di rị đa, tỳ ca lan đa,
già di nị, già già na,
chỉ đa ca lệ, ta-bà-ha. (3 biến) O

BÁCH TỰ CHÚ

Ngàn quan thơ lai, tát đả tô,
tát mo de, mo nại bó lặc de, quan thư lai,
tát đả tử, no bót tử,
xắc tháp thít lí xừ, mìn phín hoa,
tô độ thúc, mìn phín hoa,
tô bố tô, mìn phín hoa,
tát lì hoa, thú đĩ mi,
phút lai de dè, tát lì hoa,
cót lì mo, tô chan mìn phục thạc,
thít lí dằng, cóc lỗ hồng, hỏ hỏ hỏ hỏ, hỏ hỏ,

phín hò lang, thát lì hoa, ta tháp cót thạc,
quan thơ lai, mo min môn chan,
quan thơ lai, tát mo de, tát tá ha. (1 lần) O

PHỔ HỒI-HƯỚNG CHÚ

Án, ta ma ra, ta ma ra, di ma năng tát cáp ra, ma-ha thính cáp ra hồng. (3 lần) O

- | | |
|---|--|
| 1. Nguyện trú kiết-tường, dạ kiết-tường,
Trú dạ lục thời hằng kiết-tường,
Nhút-thiết thời trung kiết-tường giả,
Nguyện chư Thượng-sư ai nhiếp thọ. O | Nguyện ngày an lành, đêm an lành,
Ngày đêm sáu thời thường an lành,
Tất cả các thời đều an lành,
Nguyện đấng Từ-Bi thương nhiếp thọ. |
| 2. Nguyện trú kiết-tường, dạ kiết-tường,
Trú dạ lục thời hằng kiết-tường,
Nhút-thiết thời trung kiết-tường giả,
Nguyện chư Tam-Bảo ai nhiếp thọ. O | Nguyện ngày an lành, đêm an lành,
Ngày đêm sáu thời thường an lành,
Tất cả các thời đều an lành,
Nguyện cầu Tam-Bảo thương nhiếp thọ. |
| 3. Nguyện trú kiết-tường, dạ kiết-tường,
Trú dạ lục thời hằng kiết-tường,
Nhút-thiết thời trung kiết-tường giả,
Nguyện chư Hộ-pháp thường ủng-hộ. O | Nguyện ngày an lành, đêm an lành,
Ngày đêm sáu thời thường an lành,
Tất cả các thời đều an lành,
Nguyện chư Hộ-pháp thường ủng-hộ. |
| Tứ sanh đặng ư Bửu-địa,
Tam hữu thác hóa Liên-trì,
Hà sa ngã-quỷ chứng Tam-Hiền,
Vạn loại hữu-tình đặng Thập-Địa. O | Tứ sanh đồng lên Bảo-địa,
Ba cõi hóa ở Liên-trì,
Hà sa ngã-quỷ chứng Tam-Hiền,
Muôn loại hữu-tình siêu Thập-địa. |

NAM-MÔ SIÊU-THẬP-ĐỊA BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) O

- | | |
|---|--|
| Thí-thực công-đức thù-thắng hạnh,
Vô-biên thắng phước giai hồi hướng,
Phổ nguyện pháp-giới chư chúng-sanh,
Tốc vãng vô-lượng-quang Phật-sát. O | Công-đức thí-thực rất tuyệt vời,
Bao nhiêu thắng phước xin hồi hướng,
Nguyện khắp chúng-sanh trong pháp-giới,
Chóng được sanh về cõi Cực-Lạc. |
|---|--|

NAM-MÔ VĨNG-SANH-PHƯƠNG BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) OOO



201 – Tu Phật Nghi Thức Yếu Lược

HÒA-THƯỢNG THIÊN-SƯ
THÍCH TỬ-QUANG

TU PHẬT
NGHI-THỨC YẾU-LƯỢC

HAI THỜI CÔNG-PHU Ở CHÙA

QUYỂN BA

CHƠN-ĐỨC THIÊN-VIỆN
1949

TU LÀ CỘI PHƯỚC

Đời người sanh lão bệnh tử khổ.
Thấm thoát qua ba vạn sáu ngàn ngày.
Tranh chấp chi danh-lợi sắc-tài.
Vay rồi trả, trả vay mà nghiệp tạo.
“Dục đắc an-nhiên, quy Chánh-đạo,
Vô như hương Phật, ngộ Chơn-Tâm”.
Nướng thuyền từ, xa bến mê lầm,
Nhờ đức tuệ, tỉnh cơn mộng túy.
Tín Hạnh Nguyên, phụng-hành chơn-lý,
Thời đương-lai siêu kiếp phù-trâm.

Thành-công căn-bổn là Tâm.

CHƠN-ĐỨC THIÊN-VIỆN

TỰA

NAM-MÔ BỔN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT.

Hai thời công-phu ở Chùa là:

1. Thời công-phu khuya: khởi sự từ 5 giờ, đại-khai có chú Thủ-Lăng-Nghiêm, Đại-Bi, Thập Chú và Bát-Nhã Tâm-Kinh.

2. Thời công-phu chiều: khởi sự từ 17 giờ, gồm có:

a) *Tiểu công-phu* tức là công-phu trì-tụng Nghi Mông-Sơn Thí-Thực.

b) *Đại công-phu* tức là công-phu trì-tụng: kinh A-Di-Đà, Bảo-Sám Hồng-Danh và Nghi Mông-Sơn Thí-Thực.

Tụng kinh A-Di-Đà, khởi từ câu:

“Nam-mô Liên-Trì Hải-Hội Phật Bồ-Tát Ma-ha-tát” cho tới câu “Nam-mô An-Dương quốc Cực-Lạc giới Di-Đà Hải-Hội Siêu-Nhật-Nguyệt-Quang Như-Lai”.

Tụng Bảo-Sám Hồng-Danh, khởi từ câu:

“Nam-mô Hồng-Danh Hội-Thượng Phật Bồ-Tát Ma-ha-tát” cho tới câu “Nam-mô Đại-Hạnh Phổ-Hiền Bồ-Tát Ma-ha-tát”.

Trong thời *Đại công-phu*, khi tụng Bảo-Sám Hồng-Danh, được miễn lạy.

Nguyên chú Thủ-Lăng-Nghiêm là Bửu-ấn của chư Phật, diệu-dụng siêu phàm nhập Thánh.

Đại-Bi Thập Chú là Mật-ngôn linh-ứng phi-thường.

Bát-Nhã Tâm-Kinh là chỗ tu-chứng cao-siêu của chư Bồ-Tát.

Kinh A-Di-Đà tuyên-dương Đại-thừa pháp-môn nhất-tâm bất loạn niệm Phật vãng-sanh Thánh-Cảnh Cực-Lạc.

Bảo-Sám Hồng-Danh là Đại-thừa pháp-môn tịnh-tâm lễ Phật, sám-hối nghiệp-tội, hồi-hướng quả-vị vô-thượng Bồ-Đề.

Nghi Mông-Sơn Thí-Thực là phương-pháp siêu-độ cho lục-đạo vong-linh.

Gia-đĩ, trong hai thời công-phu còn có các bài tán-tụng, cầu nguyện hồi-hướng đều tiêu-biểu công-đức vô-lượng vô-biên.

Hiển-nhiên hai thời công-phu ở Chùa gồm đủ tự-tha, viên-dung lý-sự, mẫu nhiệm tuyệt-đối.

Bởi nên hai thời công-phu ở Chùa là Pháp-Bửu nhập-tâm và thọ-trì của các vị Tăng-Ni chơn-tu hoàn-toàn ly-gia cát-ái, nhất quyết chuyển mê khai ngộ, trên cầu Phật-quả, dưới độ chúng-sanh.

Vậy ở Chùa, hai thời công-phu phải được thường xuyên tinh-tấn.

Riêng về buổi chiều, tùy phương-tiện, nếu tu-sĩ không trì-tụng *Đại công-phu* thì trì-tụng *Tiểu công-phu* cũng được, vì Kinh A-Di-Đà và Bảo-Sám Hồng-Danh có thể trì-tụng vào khoảng 20 giờ tới 21 giờ tối.

Như hằng ngày, tu-sĩ cần-cầu giải-thoát biển khổ sông mê, giữ tâm thanh-tịnh trì-tụng hai thời công-phu được viên-mãn thì chắc chắn vọng-niệm trừ tuyệt, giới-đức trang-nghiêm, muôn tượng giai không, Chơn-Như thật hiện, phần tự-giác quang-minh, phần giác-tha tỏ rạng, thế mới hoàn-thành đạo-hạnh xuất-gia cao cả, thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ.

NAM-MÔ ĐẠI-THÁNH CÔNG-ĐỨC-LÂM BỒ-TÁT MA-HA-TÁT

Hạ năm Kỷ-Sửu (1949)

Cẩn-khải

CHƠN-ĐỨC THIÊN-VIỆN

Tổ đời thứ 40, Thiên-Tông Lâm-Tế

Đại-Lão Hòa-Thượng Thiên-Sư THÍCH TỪ-QUANG

Húy **HÔNG-LIỄU**, hiệu **HUỆ-ĐỨC**

(1888 Mậu-Tý – 1991 Tân-Mùi)

**TỪ GIÁC BỔN TÂM TRỰC NGỘ THIÊN,
QUANG MINH TỰ TÁNH HUỆ HOÀN NGUYÊN,
HÔNG CƠ CHUYỂN PHÁP TÙY DUYÊN HÓA,
LIỄU ĐẠT CHƠN NHƯ ĐỨC VĨNH TRUYỀN.**

CÔNG-PHU KHUYA

(KHỞI SỰ TỪ 5 GIỜ)

僧 法 佛

卍 卍 卍 卍 卍 卍 卍 卍 卍 卍

卍 卍 卍 卍 卍 卍 卍 卍 卍 卍



卍 卍 卍 卍 卍 卍 卍 卍 卍 卍

卍 卍 卍 卍 卍 卍 卍 卍

卍	卍	卍	卍	卍
卍	卍	卍	卍	卍
卍	卍	卍	卍	卍
卍	卍	卍	卍	卍
卍	卍	卍	卍	卍

P.L. 2.476
10-6-1.932
7-5 NHÂM-THÂN



BẢN ĐỒ VIÊN-MINH



CHƠN-ĐỨC THIÊN-VIÊN
Hòa-Thượng Thiên-Sư THÍCH TỬ-QUANG
Ngày 10-6-1932 (7-5 Nhâm-Thân)

THỦ-LĂNG-NGHIÊM CHỦ

NAM-MÔ LĂNG-NGHIÊM HỘI-THƯỢNG PHẬT BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) O

Diệu trạm tổng-trì bất-động tôn,
Thủ-Lăng-Nghiêm Vương thế hy-hữu,
Tiêu ngã ức kiếp điên-đảo tưởng,
Bất lịch tăng-kỳ hoạch Pháp-thân.
Nguyện kim đắc quả thành Bửu-vương,
Hườn độ như-thị hằng-sa chúng,
Tương thủ thâm-tâm phụng trần-sát,
Thị tắc danh vi báo Phật-ân.
Phục thỉnh Thế-Tôn vị chứng-minh,
Ngũ trước ác thế thệ tiên nhập,
Như nhứt chúng-sanh vị thành Phật,
Chung bất ư thủ thủ Nê-Hoàn.
Đại-hùng đại-lực đại từ-bi,
Hy cánh thắm-trừ vi-tế hoặc,
Linh ngã tảo đặng Vô-Thượng-Giác,
Ư thập phương giới tọa đạo tràng,
Thuấn-nhã-đa tánh khả tiêu vong,
Thước-ca-ra tâm vô động chuyển. O

Diệu-trạm Tổng-trì Bất-động Tôn,
Thủ-Lăng-Nghiêm Vương đời ít có,
Úc kiếp điên-đảo tôi tiêu hết,
Khỏi trái tăng-kỳ, đượ Pháp-thân.
Nguyện kim đắc quả thành Bảo-vương,
Trở lại độ thoát Hằng-sa chúng,
Lấy tâm nhiệt-thành phụng trần-sát,
Thế mới gọi là báo Phật-ân.
Ngưỡng cầu Thế-Tôn chứng-minh cho!
Thệ vào trước ngũ-trước ác-thế,
Nếu còn một người chưa thành Phật,
Không chịu về ở cảnh Niết-Bàn.
Đại-hùng, đại-lực, đại từ-bi,
Xét lại trừ tuyệt hoặc vi-tế,
Khiến tôi lên bậc Vô-Thượng Giác,
Tọa đạo-tràng khắp cả mười phương,
Tánh Thuấn-nhã-đa có tiêu mất,
Tâm Thước-ca-ra không đời đổi.



NAM-MÔ THƯỜNG-TRỤ THẬP PHƯƠNG PHẬT.
NAM-MÔ THƯỜNG-TRỤ THẬP PHƯƠNG PHÁP.
NAM-MÔ THƯỜNG-TRỤ THẬP PHƯƠNG TĂNG.

NAM-MÔ BỔN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT.
NAM-MÔ PHẬT-ĐẢNH THỦ-LĂNG-NGHIÊM.
NAM-MÔ QUÁN-THẾ-ÂM BỒ-TÁT.
NAM-MÔ KIM-CANG-TẠNG BỒ-TÁT. O



Nhĩ thời Thế-Tôn, từng Nhục-kế trung, dõng bá bảo-quang, quang trung dõng xuất, thiên diệp bảo liên, hữu hóa Như-Lai, tọa bảo hoa trung, đảnh phóng thập đạo, bá bảo quang-minh, nhứt nhứt quang-minh, giai biến thị-hiện, thập Hằng-hà-sa, Kim-Cang Mật-Tích, kinh sơn trì xử, biến hư-không giới, đại chúng ngưỡng quan, úy ái kiêm bảo, cầu Phật ai hựu, nhứt-tâm thính Phật, vô kiến đảnh tướng, phóng quang Như-Lai, tuyên-thuyết thân-chú:

Thời bấy giờ, Đức Thích-Ca Mâu-Ni Thế-Tôn từ Nhục-kế phóng hào-quang bá-bảo, trong hào-quang hiện ra một hoa sen vĩ-đại có ngàn cánh quý báu, trên hoa sen ấy có một Đức Hóa-Phật đoan-tọa trang-nghiêm, từ đảnh phát ra mười đạo ánh sáng bá-bảo, mỗi tia ánh sáng đều có Thiên-Thần Kim-Cang Mật-Tích thị-hiện, rất nhiều như số cát mười sông Hằng, vị nào cũng tay bưng núi, tay cầm chày, lại có đại chúng ở khắp mười phương hư-không quốc-độ đồng ngưỡng xem, vừa sợ vừa kính, ngưỡng cầu Đức Thế-Tôn thương xót, rồi nhứt-thiết đều im lặng, tịnh tâm nghe Đức Hóa-Phật phóng quang trên đảnh vô kiến, tuyên-thuyết mật-chú Thủ-Lăng-Nghiêm:



PHẬT-ĐẢNH TÂM-CHÚ THỦ-LĂNG-NGHIÊM

ĐỆ NHỨT

1. Nam-mô tát đát tha tô già đa da a ra ha đế tam miệu tam bồ-đề tỏa.
2. Tát đát tha Phật đà câu tri sắc ni sam.
3. Nam-mô tát bà bột đà bột địa tát đa bệ tộ.
4. Nam-mô tát đa nẫm tam miệu tam bồ-đề câu tri nẫm.
5. Ta xá ra bà ca tăng già nẫm.
6. Nam-mô lô kê a ra ha đa nẫm.
7. Nam-mô tô lô đa ba na nẫm.
8. Nam-mô ta yết rị đà già di nẫm.
9. Nam-mô lô kê tam miệu già đa nẫm.
10. Tam miệu già ba ra để ba đa na nẫm.
11. Nam-mô đê bà ly sắt nỏa.
12. Nam-mô tát đà da tỳ địa da đà ra ly sắt nỏa.
13. Xá ba noa yết-ra-ha ta ha ta ra ma tha nẫm.
14. Nam-mô bặt ra ha ma ni.
15. Nam-mô nhân đà ra da.
16. Nam-mô bà già bà đế.
17. Lô đà ra da.
18. Ô ma bát đế.
19. Ta hê dạ da.
20. Nam-mô bà già bà đế.
21. Na ra dã noa da.
22. Bàn giá ma-ha tam mộ đà ra.
23. Nam-mô tát yết rị đa da.
24. Nam-mô bà già bà đế.
25. Ma-ha ca ra da.
26. Địa rị bát lạt na già ra.
27. Tỳ đà ra ba noa ca ra da.

28. A địa mục đế.
29. Thi ma xá na nê bà tất nê.
30. Ma đất rị già noa.
31. Nam-mô tất yết rị đa da.
32. Nam-mô bà già bà đế.
33. Đa tha già đa câu ra da.
34. Nam-mô bát đầu ma câu ra da.
35. Nam-mô bạt xà ra câu ra da.
36. Nam-mô ma ni câu ra da.
37. Nam-mô già xà câu ra da.
38. Nam-mô bà già bà đế.
39. Đế rị trà du ra tây na.
40. Ba ra ha ra noa ra xà da.
41. Đa tha già đa da.
42. Nam-mô bà già bà đế.
43. Nam-mô a di đa bà da.
44. Đa tha già đa da.
45. A ra ha đế.
46. Tam miệu tam bồ-đề da.
47. Nam-mô bà già bà đế.
48. A sô bệ da.
49. Đa tha già đa da.
50. A ra ha đế.
51. Tam miệu tam bồ-đề da.
52. Nam-mô bà già bà đế.
53. Bệ sa xà da câu lô phệ trụ rị da.
54. Bát ra bà ra xà da.
55. Đa tha già đa da.
56. Nam-mô bà già bà đế.
57. Tam bổ sư bí đa.
58. Tát lân nại ra lạt xà da.
59. Đa tha già đa da.
60. A ra ha đế.
61. Tam miệu tam bồ-đề da.

62. Nam-mô bà già bà đế.
63. Xá kê dã mẫu na duệ.
64. Đa tha già đa da.
65. A ra ha đế.
66. Tam miệu tam bồ-đề da.
67. Nam-mô bà già bà đế.
68. Lạt đất na kê đô ra xà da.
69. Đa tha già đa da.
70. A ra ha đế.
71. Tam miệu tam bồ-đề da.
72. Đế biểu nam-mô tát yết rị đa.
73. Ế đàm bà già bà đa.
74. Tát đất tha già đô sắt ni sam.
75. Tát đất đa bát đất lam.
76. Nam-mô a bà ra thị đām.
77. Bát ra đế dương kỳ ra.
78. Tát ra bà bộ đa yết-ra-ha.
79. Ni yết-ra-ha yết ca ra ha ni.
80. Bạt ra bí địa da sắt đà nễ.
81. A ca ra mật rị trụ.
82. Bát rị đất ra da nãnh yết rị.
83. Tát ra bà bàn đà na mục xoa ni.
84. Tát ra bà đột sắt tra.
85. Đột tất phạp bát na nễ phạp ra ni.
86. Giả đô ra thất đế nẫm.
87. Yết-ra-ha ta ha tát ra nhã xà.
88. Tỳ đa băng ta na yết rị.
89. A sắt tra băng xá đế nẫm.
90. Na xoa sát đất ra nhã xà.
91. Ba ra tát đà na yết rị.
92. A sắt tra nẫm.
93. Ma-ha yết-ra-ha nhã xà.
94. Tỳ đa băng tát na yết rị.
95. Tát bà xá đô lô nễ bà ra nhã xà.

96. Hô lam đột tất phạp nan giá na xá ni.
97. Bí sa xá tất đát ra.
98. A kiết ni ô đà ca ra nhã xà.
99. A bát ra thị đa câu ra.
100. Ma-ha bát ra chiến trì.
101. Ma-ha điệp đa.
102. Ma-ha đế xà.
103. Ma-ha thuế đa xà bà ra.
104. Ma-ha bạt ra bàn đà ra bà tất nễ.
105. A rị da đa ra.
106. Tỳ rị câu tri.
107. Thệ bà tỳ xà da.
108. Bạt xà ra ma lễ để.
109. Tỳ xá lô đa.
110. Bột đăng võng ca.
111. Bạt xà ra chế hát na a giá.
112. Ma ra chế bà bát ra chất đa.
113. Bạt xà ra thiện trì.
114. Tỳ xá ra giá.
115. Phiến đa xá bệ đề bà bổ thị đa.
116. Tô ma lô ba.
117. Ma-ha thuế đa.
118. A rị da đa ra.
119. Ma-ha bà ra a bát ra.
120. Bạt xà ra thương yết ra chế bà.
121. Bạt xà ra câu ma rị.
122. Câu lam đà rị.
123. Bạt xà ra hát tát đa giá.
124. Tỳ địa da kiền giá na ma rị ca.
125. Khuất tô mẫu bà yết ra đá na.
126. Bệ lô giá na câu rị da.
127. Dạ ra thổ sắt ni sam.
128. Tỳ chiết lam bà ma ni giá.
129. Bạt xà ra ca na ca ba ra bà.

130. Lô xà na bạt xà ra đốn trĩ giá.
131. Thuế đa giá ca ma ra.
132. Sát xa thi ba ra bà.
133. Ế đế di đế.
134. Mẫu đà ra yết noa.
135. Ta bệ ra sám.
136. Quật phạm đô.
137. Ấn thố na mạ mạ tả.

ĐỆ NHỊ

138. Ô hồng.
139. Rị sắt yết noa.
140. Bát lặc xá tất đa.
141. Tát đất tha già đô sắt ni sam.
142. Hổ hồng.
143. Đô lô ung.
144. Chiêm bà na.
145. Hổ hồng.
146. Đô lô ung.
147. Tất đam bà na.
148. Hổ hồng.
149. Đô lô ung.
150. Ba ra sắt địa da tam bát xoa noa yết ra.
151. Hổ hồng.
152. Đô lô ung.
153. Tát bà dược xoa hát ra sát ta.
154. Yết-ra-ha nhã xà.
155. Tỳ đằng băng tát na yết ra.
156. Hổ hồng.
157. Đô lô ung.
158. Giả đô ra thi để nãm.
159. Yết-ra-ha ta ha tát ra nãm.
160. Tỳ đằng băng tát na ra.

161. Hổ hồng.
162. Đô lô ung.
163. Ra xoa.
164. Bà già phạm.
165. Tát đất tha già đô sắt ni sam.
166. Ba ra điếm xà kiết rị.
167. Ma-ha ta ha tát ra.
168. Bột thọ ta ha tát ra thất rị sa.
169. Câu tri ta ha tát nê đế lệ.
170. A tộ đề thị bà rị đa.
171. Tra tra anh ca.
172. Ma-ha bạt xà lô đà ra.
173. Đế rị bồ bà na.
174. Mạn trà la.
175. Ô hồng.
176. Ta tát đế bạc bà đô.
177. Mạ mạ.
178. Ấn thổ na mạ mạ tỏa.

ĐỆ TAM

179. Ra xà bà dạ.
180. Chủ ra bà dạ.
181. A kỳ ni bà dạ.
182. Ô đà ca bà dạ.
183. Tỳ sa bà dạ.
184. Xá tát đa ra bà dạ.
185. Bà ra chước yết ra bà dạ.
186. Đột sắc xoa bà dạ.
187. A xá nễ bà dạ.
188. A ca ra mật rị trụ bà dạ.
189. Đà ra ni bộ di kiếm ba già ba đà bà dạ.
190. Ô ra ca bà đa bà dạ.
191. Lạt xà đàng trà bà dạ.

192. Na già bà dạ.
193. Tỳ điều đất bà dạ.
194. Tô ba ra noa bà dạ.
195. Dược xoa yết-ra-ha.
196. Ra xoa tư yết-ra-ha.
197. Tất rị đa yết-ra-ha.
198. Tỳ xá giá yết-ra-ha.
199. Bộ đa yết-ra-ha.
200. Cứu bàn trà yết-ra-ha.
201. Bồ đơn na yết-ra-ha.
202. Ca tra bồ đơn na yết-ra-ha.
203. Tất kiên độ yết-ra-ha.
204. A bá tất ma ra yết-ra-ha.
205. Ô đàn ma đà yết-ra-ha.
206. Xa dạ yết-ra-ha.
207. Hê rị bà đế yết-ra-ha.
208. Xã đa ha rị năm.
209. Yết bà ha rị năm.
210. Lô địa ra ha rị năm.
211. Mang ta ha rị năm.
212. Mê đà ha rị năm.
213. Ma xà ha rị năm.
214. Xà đa ha rị nữ.
215. Thị tử đa ha rị năm.
216. Tỳ đa ha rị năm.
217. Bà đa ha rị năm.
218. A du giá ha rị nữ.
219. Chát đa ha rị nữ.
220. Đế sam tát bộ sam.
221. Tát bà yết-ra-ha năm.
222. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
223. Kê ra dạ di.
224. Ba rị bạt ra giả ca hát rị đởm.
225. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.

226. Kê ra dạ di.
227. Trà diễn ni hất rị đởm.
228. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
229. Kê ra dạ di.
230. Ma ha bát du bát đát dạ.
231. Lô đà ra hất rị đởm.
232. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
233. Kê ra dạ di.
234. Na ra dạ noa hất rị đởm.
235. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
236. Kê ra dạ di.
237. Đát đỏa già lô trà tây hất rị đởm.
238. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
239. Kê ra dạ di.
240. Ma ha ca ra ma đát rị già noa hất rị đởm.
241. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
242. Kê ra dạ di.
243. Ca ba rị ca hất rị đởm.
244. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
245. Kê ra dạ di.
246. Xà da yết ra ma độ yết ra.
247. Tát bà ra tha ta đạt na hất rị đởm.
248. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
249. Kê ra dạ di.
250. Giả đốt ra bà kỳ nễ hất rị đởm.
251. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
252. Kê ra dạ di.
253. Tỳ rị dương hất rị tri.
254. Nan đà kê sa ra già noa bát đế.
255. Sách hê dạ hất rị đởm.
256. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
257. Kê ra dạ di.
258. Na yết na xá ra bà noa hất rị đởm.
259. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.

260. Kê ra dạ di.
261. A ra ha hất rị đởm.
Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
262. Kê ra dạ di.
263. Tỳ đà ra già hất rị đởm.
264. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
265. Kê ra dạ di.
Bạt xà ra ba nễ.
266. Câu hê dạ câu hê dạ.
267. Ca địa bát đế hất rị đởm.
268. Tỳ đà dạ xà sân đà dạ di.
269. Kê ra dạ di.
270. Ra xoa võng.
271. Bà già phạm.
272. Ấn thổ na mạ mạ tỏa.

ĐỆ TỨ

273. Bà già phạm.
274. Tát đất đa bát đất ra.
275. Nam-mô túy đô đế.
276. A tát đa na ra lạt ca.
277. Ba ra bà tất phổ tra.
278. Tỳ ca tát đất đa bát đế rị.
279. Thập Phật ra thập Phật ra.
280. Đà ra đà ra.
281. Tần đà ra tần đà ra sân đà sân đà.
282. Hổ hồng.
283. Hổ hồng.
284. Phấn tra phấn tra phấn tra phấn tra phấn tra.
285. Ta ha.
286. Hê hê phấn.
287. A mâu ca da phấn.
288. A ba ra đề ha đa phấn.

289. Bà ra ba ra đà phẩn.
290. A tố ra tỳ đà ra ba ca phẩn.
291. Tát bà đề bệ tộ phẩn.
292. Tát bà na già tộ phẩn.
293. Tát bà dục xoa tộ phẩn.
294. Tát bà kiên thát bà tộ phẩn.
295. Tát bà bổ đơn na tộ phẩn.
296. Ca tra bổ đơn na tộ phẩn.
297. Tát bà đột lang chỉ đế tộ phẩn.
298. Tát bà đột sáp tỳ lê hất sắt đế tộ phẩn.
299. Tát bà thập bà lê tộ phẩn.
300. Tát bà a bá tất ma lê tộ phẩn.
301. Tát bà xá ra bà noa tộ phẩn.
302. Tát bà địa đế kê tộ phẩn.
303. Tát bà đất ma đà kế tộ phẩn.
304. Tát bà tỳ đà da ra thệ giá lê tộ phẩn.
305. Xà dạ yết ra ma độ yết ra.
306. Tát bà ra tha ta đà kê tộ phẩn.
307. Tỳ địa dạ giá lê tộ phẩn.
308. Giả đô ra phược kỳ nễ tộ phẩn.
309. Bạt xà ra câu ma rị.
310. Tỳ đà dạ ra thệ tộ phẩn.
311. Ma-ha ba ra đĩnh dương xoa kỳ rị tộ phẩn.
312. Bạt xà ra thương yết ra dạ.
313. Ba ra trượng kỳ ra xà da phẩn.
314. Ma-ha ca ra dạ.
315. Ma-ha mặt đất rị ca noa.
316. Nam-mô ta yết rị đa dạ phẩn.
317. Bí sắt noa tỳ duệ phẩn.
318. Bột ra ha mâu ni duệ phẩn.
319. A kỳ ni duệ phẩn.
320. Ma-ha yết rị duệ phẩn.
321. Yết ra đàn trì duệ phẩn.
322. Miệt đất rị duệ phẩn.

- 323. Lao đất rị duệ phần.
- 324. Giá văn trà duệ phần.
- 325. Yết la ra đất rị duệ phần.
- 326. Ca bát rị duệ phần.
- 327. A địa mục chất đa ca thi ma xá na.
- 328. Bà tư nễ duệ phần.
- 329. Diễn kết chất.
- 330. Tát đỏa bà tỏa.
- 331. Mạ mạ ấn thổ na mạ mạ tỏa.

ĐỆ NGŨ

- 332. Đột sắt tra chất đa.
- 333. A mặt đất rị chất đa.
- 334. Ô xà ha ra.
- 335. Già bà ha ra.
- 336. Lô địa ra ha ra.
- 337. Bà ta ha ra.
- 338. Ma xà ha ra.
- 339. Xà đa ha ra.
- 340. Thị bí đa ha ra.
- 341. Bạt lược dạ ha ra.
- 342. Kiền đà ha ra.
- 343. Bỏ sử ba ha ra.
- 344. Phả ra ha ra.
- 345. Bà tỏa ha ra.
- 346. Bát ba chất đa.
- 347. Đột sắt tra chất đa.
- 348. Lao đà ra chất đa.
- 349. Dực xoa yết-ra-ha.
- 350. Ra sát ta yết-ra-ha.
- 351. Bế lệ đa yết-ra-ha.
- 352. Tỳ xá giá yết-ra-ha.
- 353. Bộ đa yết-ra-ha.

354. Cứu bàn trà yết-ra-ha.
355. Tất kiền đà yết-ra-ha.
356. Ô đất ma đà yết-ra-ha.
357. Xa dạ yết-ra-ha.
358. A bá tát ma ra yết-ra-ha.
359. Trạch khô cách trà kỳ ni yết-ra-ha.
360. Rị Phật đế yết-ra-ha.
361. Xà di ca yết-ra-ha.
362. Xá câu ni yết-ra-ha.
363. Mỗ đà ra nan địa ca yết-ra-ha.
364. A lam bà yết-ra-ha.
365. Kiền độ ba ni yết-ra-ha.
366. Thập phạt ra yên ca hê ca.
367. Trụy đế dước ca.
368. Đất lệ đế dước ca.
369. Giả đột thác ca.
370. Ni đề thập phạt ra bí sam ma thập phạt ra.
371. Bạc đế ca.
372. Tỷ đế ca.
373. Thất lệ sắt mật ca.
374. Ta nễ bát đế ca.
375. Tát bà thập phạt ra.
376. Thất lô kiết đế.
377. Mật đà bệ đạt lô chế kiếm.
378. A ý lô kiếm.
379. Mục khô lô kiếm.
380. Yết rị đột lô kiếm.
381. Yết-ra-ha yết lam.
382. Yết noa du lam.
383. Đạn đa du lam.
384. Hất rị dạ du lam.
385. Mật mạ du lam.
386. Bạt rị thất bà du lam.
387. Tỷ lật sắt tra du lam.

388. Ô đà ra du lam.
389. Yết tri du lam.
390. Bạt tất đế du lam.
391. Ô lô du lam.
392. Thường già du lam.
393. Hát tất đa du lam.
394. Bạt đà du lam.
395. Ta phòng áng già bát ra trượng già du lam.
396. Bộ đa tử đa trà.
397. Tra kỳ ni thập bà ra.
398. Đà đột lô ca kiến đốt lô kiết tri bà lộ đà tỳ.
399. Tát bát lô ha lãng già.
400. Du sa đát ra ta na yết ra.
401. Tỳ sa dụ ca.
402. A kỳ ni ô đà ca.
403. Mạt ra bệ ra kiến đa ra.
404. A ca ra mạt rị đốt đát liễm bộ ca.
405. Địa lật lật tra.
406. Tỷ rị sắt chất ca.
407. Tát bà na câu ra.
408. Tứ dẫn già tộ yết ra rị dục xoa đát ra xô.
409. Mạt ra thị phệ đế sam ta bệ sam.
410. Tát đát đa bát đát ra.
411. Ma ha bạt xà lô sắt ni sam.
412. Ma ha bát lật trượng kỳ lam.
413. Dạ ba đột đà xá dụ xà na.
414. Biện đát lệ noa.
415. Tỳ đà da bàn đàm ca lô di.
416. Đế thù bàn đàm ca lô di.
417. Bát ra tỳ đà bàn đàm ca lô di.
418. Đát điệt tha.
419. “Án.
420. A na lệ.
421. Tỳ xá đề.

422. Bệ ra bạt xà ra đà rị.
423. Bàn đà bàn đà nễ.
424. Bạt xà ra báng ni phẩn.
425. Hổ hồng.
426. Đô lô ung phẩn.
427. Ta-bà-ha”. O



CHÚ-THÍCH: (2018)

Câu thần-chú tổng-kết (419 – 427):

Âm Hán-Việt	Âm Phạn
1. ÁN	1. OM
2. A NA LỆ	2. ANALE
3. TỶ XÁ ĐỀ	3. VIŚADE
4. BỆ RA BẠT XÀ RA ĐÀ RỊ,	4. VĪRA VAJRA-DHARE,
5. BÀN ĐÀ BÀN ĐÀ NỄ,	5. BANDHA BANDHANI,
6. BẠT XÀ RA BÁNG NI PHẨN!	6. VAJRA-PĀṆI PHAṬ!
7. HỔ HỒNG	7. HŪM
8. ĐÔ LÔ UNG PHẨN!	8. BHRŪM PHAṬ!
9. TA BÀ HA.	9. SVĀHĀ.



ĐẠI-BI CHÚ

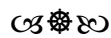
NAM-MÔ ĐẠI-BI HỘI-THƯỢNG PHẬT BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) O

THIÊN-THỦ THIÊN-NHÃN VÔ-NGẠI ĐẠI-BI TÂM ĐÀ-RA-NI

1. Nam-mô hắc ra đát na đa ra dạ da.
2. Nam-mô a rị da.
3. Bà lô yết đế thước bát ra da.
4. Bồ-đề tát đỏa bà da.
5. Ma-ha tát đỏa bà da.
6. Ma-ha ca lô ni ca da.
7. Án.
8. Tát bàn ra phạt duệ.
9. Số đát na đát tả.
10. Nam-mô tát kiết lật đỏa y mông a rị da.
11. Bà lô kiết đế thất Phật ra lăng đà bà.
12. Nam-mô na ra cẩn trì.
13. Hê rị ma-ha bàn đa sa mế.
14. Tát bà a tha đậ du bằng.
15. A thệ dụng.
16. Tát bà tát đa “na ma bà tát đa”.
17. Na ma bà già.
18. Ma phạt đặc đậ.
19. Đát điệt tha.
20. Án, a bà lô hê.
21. Lô ca đế.
22. Ca ra đế.
23. Di hê rị.
24. Ma-ha bồ-đề tát đỏa.
25. Tát bà tát bà.
26. Ma ra ma ra.
27. Ma hê ma hê rị đà dụng.

28. Cu lô cu lô yết môn.
29. Độ lô độ lô phạt xà da đế.
30. Ma-ha phạt xà da đế.
31. Đà ra đà ra.
32. Địa rị ni.
33. Thất Phật ra da.
34. Giá ra giá ra.
35. Mạ mạ phạt ma ra.
36. Mục đế lệ y hê di hê.
37. Thất na thất na.
38. A ra sâm Phật ra xá lý.
39. Phạt sa phạt sâm.
40. Phật ra xá da.
41. Hô lô hô lô ma ra.
42. Hô lô hô lô hê rị.
43. Ta ra ta ra.
44. Tất rị tất rị.
45. Tô lô tô lô.
46. Bồ-đề dạ bồ-đề dạ.
47. Bồ-đà dạ bồ-đà dạ.
48. Di đế rị dạ.
49. Na ra cần trì.
50. Địa rị sắc ni na.
51. Ba dạ ma na.
52. Ta-bà-ha.
53. Tất đà dạ.
54. Ta-bà-ha.
55. Ma-ha tất đà dạ.
56. Ta-bà-ha.
57. Tất đà dĩ nghê.
58. Thất bàn ra dạ.
59. Ta-bà-ha.
60. Na ra cần trì.
61. Ta-bà-ha.

62. Ma ra na ra.
63. Ta-bà-ha.
64. Tất ra tăng a mục khô da.
65. Ta-bà-ha.
66. Ta-bà ma-ha a tất đà dạ.
67. Ta-bà-ha.
68. Giả kiết ra a tất đà dạ.
69. Ta-bà-ha.
70. Ba đà ma yết tất đà dạ.
71. Ta-bà-ha.
72. Na ra cần trì bàn già ra dạ.
73. Ta-bà-ha.
74. Ma bà rị thắng yết ra dạ.
75. Ta-bà-ha.
76. Nam-mô hắc ra đất na đa ra dạ da.
77. Nam-mô a rị da.
78. Bà lô kiết đế.
79. Thước bàn ra dạ.
80. Ta-bà-ha.
81. “Án, tất điện đô.
82. Mạn đa ra.
83. Bạt đà dạ.
84. Ta-bà-ha”. (3 lần) O



THẬP CHÚ

1. NHƯ Ý BỬU-LUÂN-VƯƠNG ĐÀ-RA-NI

- ★ Nam-mô Phật-đà-da,
Nam-mô Đạt-ma-da,
Nam-mô Tăng-già-da,
Nam-mô Quán-Tự-Tại Bồ-Tát ma-ha-tát,
cụ đại bi tâm giả, đát diệt tha:
- ★ Án, chước yết ra phạt để, chấn đa mặt ni,
ma-ha bát đẳng mê, rô rô rô rô,
để sắc tra, thước ra a yết rị,
sa dạ hồng phẩn tá-ha.
- ★ Án, bát đập ma, chấn đa mặt ni, thước ra hồng.
- ★ Án, bát lạt đà bát đẳng mê hồng. O

2. TIÊU-TAI KIẾT-TƯỜNG THÂN-CHÚ

- ★ Nam-mô tam mẫn đa, mầu đà nẫm,
a bát ra để, hạ đa xá ta nấng nẫm, đát diệt tha:
- ★ Án, khô khô, khô hế, khô hế, hồng hồng,
nhập phạ ra, nhập phạ ra,
bát ra nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra,
để sắc sá, để sắc sá,
sắc trí rị, sắc trí rị,
ta phẩn tra, ta phẩn tra,
phiến để ca thất rị duệ, ta-bà-ha. O

3. CÔNG-ĐỨC BỬU-SƠN THÂN-CHÚ

- ★ Nam-mô Phật-đà-da,
Nam-mô Đạt-ma-da,
Nam-mô Tăng-già-da,
- ★ Án, tất đế hộ rô rô, tất đô rô,
chỉ rị ba, kiết rị bà,
tất đạt rị, bố rô rị, ta-bà-ha. O

4. PHẬT-MẪU CHUẨN-ĐỀ THẦN-CHÚ

- ★ Nam-mô tát đa nã, tam miệu tam bồ-đề,
cu đê nã, đát điệt tha:
- ★ Án, chiết lệ chủ lệ chuẩn đề, ta-bà-ha. O

5. THÁNH VÔ-LƯỢNG-THỌ QUYẾT-ĐỊNH QUANG-MINH-VƯƠNG ĐÀ-RA-NI

- ★ Án, nại ma ba cát ngõa đế, a ba ra mật đạp,
a ưu rị a nạp, tô tất nễ, thiết chấp đạp,
điệp tả ra tể dã, đát tháp cả đạp dã,
a ra ha đế, tam dực tam bất đạp dã,
đát nễ dã tháp.
- ★ Án, tát rị ba, tang tư cát rị, bát rị thuật đạp,
đạp ra mã đế, cả cả nại,
tang mã ngọt cả đế, ta ba ngõa, tỷ thuật đế,
mã hát nại dã, bát rị ngõa rị, tá hát. O

6. DỤC-SƯ QUÁN-ĐẢNH CHƠN-NGÔN

- ★ Nam-mô bạt già phạt đế, bệ sát xã,
lũ rô thích lưu ly, bát lạt bà hát ra xà dã,
đát tha yết đa da, a ra hát đế,
tam miệu tam bột đà da, đát điệt tha:
- ★ Án, bệ sát thệ, bệ sát thệ, bệ sát xã,
tam một yết đế, tá-ha. O

7. QUÁN-ÂM LINH-CẢM CHƠN-NGÔN

Án, ma ni bát di hồng, ma hát nghê nha nạp,
tích đô đặc ba đạp, tích đặc ta nạp,
vi đạp rị cát, tát nhi cán nhi tháp,
bốc rị tất tháp cát, nạp bổ ra nạp,
nạp bốc rị, thư thất ban nạp,
nại ma lô kiết, thuyết ra da, tá-ha. O

8. THẤT PHẬT DIỆT TỘI CHƠN-NGÔN

Ly bà ly bà đế, cầu ha cầu ha đế,
đà-ra-ni đế, ni ha ra đế, tỳ lê nễ đế,
ma-ha già đế, chơn lăng càn đế, ta-bà-ha. O

9. VÃNG-SANH TỊNH-ĐỘ THÂN-CHÚ

Nam-mô A-di-đà bà dạ, đa tha già đa dạ,
đa diệt dạ tha, a di rị đô bà tỳ,
a di rị đa, tất đam bà tỳ,
a di rị đa, tỳ ca lan đế,
a di rị đa, tỳ ca lan đa,
già di nị, già già na,
chỉ đa ca lệ, ta-bà-ha. O

10. THIỆN NỮ THIÊN CHÚ

- ★ Nam-mô Phật-đà,
Nam-mô Đạt-ma,
Nam-mô Tăng-già.
Nam-mô thất ly, ma-ha đề tỳ đa.
- ★ Đát nễ dã tha: Ba rị phú lâu na giá rị,
tam mạn đà, đạt xá ni,
ma-ha tỳ ha ra già đế,
tam mạn đà, tỳ ni già đế,
ma-ha ca rị dã, ba nễ ba ra ba nễ,
tát rị phạ lật tha, tam mạn đà, tu bát lê đế,
phú lệ na, a rị na, đạt ma đế,
ma-ha tỳ cổ tất đế,
ma-ha Di Lạc đế,
lâu phả tăng kỳ đế,
hê đế tỳ tăng kỳ hê đế,
tam mạn đà, a tha a nậu, đà-ra-ni. O

GHI CHÚ: (2018)

Quý độc-giả có thể đọc thêm 15 chú sau đây do Hòa-Thượng Thiên-Sư Thích Từ-Quang khẩu-truyền “Nhị Thập Ngũ Bộ Chú” (二十五部咒) nhân ngày Phật-Đản 2528 (1984).

**11. ĐẠI-BẢO QUẢNG-BÁC LÂU-CÁC THIỆN-TRỤ
BÍ-MẬT ĐÀ-RA-NI**

- ★ Nam mô tát phạ, đát tha nghiệt đa nam.
- ★ Án, vĩ bồ la nghiệt bệ, ma ni bát ra bệ,
đát tha đa, nễ nại xả ninh,
ma ni ma ni, tô bát ra bệ, vĩ ma lê sa nghiệt ra,
nghiễm ty lệ, hồng hồng,
nhập phạ la, nhập phạ la,
một đà vĩ lô chỉ đế, ngu hứ dạ,
địa sắt sỉ đa nghiệt bệ, ta phạ ha. O
- ★ Án, ma ni phạ nhựt lễ hồng. (Tâm chú)
- ★ Án, ma ni đà lễ hồng phấn tra. O (Tùy tâm chú)

**12. BÁT-TỰ TỐI-THẮNG ĐẠI-OAI-ĐỨC
BÍ-MẬT TÂM CHƠN-NGÔN**

Úm, a vị ra hùm khư tá ra. O

13. KIM-CANG TÂM CHƠN-NGÔN

Án, ô luân ni, ta-bà-ha. O

14. BÁT-NHÃ VÔ-TẬN CHƠN-NGÔN

- ★ Nam-mô bạt già phạt đế, bát rị nhã,
ba-la-mật đa duệ, đát diệt tha:
- ★ Án, hột rị, địa rị, thất rị,
thú rô tri, tam mật lật tri,
Phật xã duệ, tá-ha. O

15. TRỪ ĐỊNH-NGHIỆP CHÚ

Án, bát ra mật lân đà nãnh, ta-bà-ha. O

16. TIÊU NGHIỆP-CHƯƠNG CHÚ

Án, a lố lặc kế, ta-bà-ha. O

17. TỠ-LÔ-GIÁ-NA ĐẠI QUÁN-ĐẢNH QUANG ĐÀ-RA-NI

Án, a mô già, vĩ lô ta năng,
ma hạ mẫu nại ra,
ma ni bát nạp ma,
nhập phạ la,
bát ra mật đa dã, hồng. O

18. GIẢI OAN-NGHIỆP CHÚ

Án, tam đà ra, già đà, ta-bà-ha. O

19. A-DI-ĐÀ TÂM CHÚ

Án, a mật lật đát đỉnh, tỉnh hắc ra hồng, học-rị. O

20. NGŨ BỘ CHÚ

A. PHẬT BỘ

Án xỉ lâm.
Án bộ lâm.
Án phổ lũng.
Án giang.
Án A. O

B. BỒ-TÁT BỘ

Án lăm, Án già hồng, học-rị.
Án xỉ lâm, bộ lâm, hồng phẩn tra.
Án ma-ha tát đát đa bát đát ra.
Án ma-ni bát di hồng.
Án chiết lệ chủ lệ chuẩn đề, ta-bà-ha. O

21. BẠCH-Y THẦN-CHÚ

Đát chỉ đa.

Án, già liệp phạt đa, già liệp phạt đa, già ha phạt đa, liệp già phạt đa, tá-ha. O

22. CẦU PHẬT TIẾP-DẪN ĐÀ-RA-NI

Nam-mô ra đát nãm đát ra dạ dã.

Án, na ma ba đế, dĩ nhã duệ tất địa tất đà lật đế, ta-phạ-hạ. O

23. CẦU BIỆN-TÀI ĐÀ-RA-NI

Án, phạt nhựt ra nãnh đảm nhá duệ, ta-bà-ha. O

24. PHÁT ĐẠI BỒ-ĐỀ TÂM ĐÀ-RA-NI

Án, bồ địa thất đa, mưu chí ba, đa già nhị. O

25. HOA-NGHIÊM CHÚ (42 TỰ MẪU HOA-NGHIÊM)

A đa ba ta na, la đà bà trà sa,
Va đa da sắt-tra, ca ta ma cà tha,
Thà ta đà sa khứ, xoa ta-đa như hạt-la-đa,
Bà xa ta-ma ha-bà ta, cà tra noa ta-pha,
Ta-ca dã-ta thất-ta sa đà. O



MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH

Quán-Tự-Tại Bồ-Tát, hành thâm Bát-Nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt-thiết khổ ách.

Xá-Lợi-Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị.

Xá-Lợi-Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.

Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức.

Vô nhãn, nhĩ, ty, thiệt, thân, ý.

Vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Vô nhãn-giới, nãi chí vô ý-thức-giới.

Vô vô-minh, diệc vô vô-minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận.

Vô khổ, tập, diệt, đạo.

Vô trí diệc vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-Đề-Tát-Đỏa y Bát-Nhã ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại. Vô quái ngại cố, vô hữu khủng-bố, viễn ly điên-đảo mộng-tưởng, cứu cánh Niết-Bàn. Tam thế chư Phật y Bát-Nhã ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

Cố tri Bát-Nhã ba-la-mật-đa, thị đại thần-chú, thị đại minh-chú, thị vô-thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt-thiết khổ, chơn thiệt bất hư.

Cố thuyết Bát-Nhã ba-la-mật-đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết-đế yết-đế, ba la yết-đế, ba la tăng yết-đế, bồ-đề tát-bà-ha. O

THƯỢNG LAI

Thượng lai hiện-tiền thanh-tịnh chúng,
Phúng-tụng Lăng-Nghiêm chư phẩm chú,
Hồi-hướng Tam-Bảo chúng Long-Thiên,
Thủ-hộ Già-lam chư Thánh tạo.

Hiện-tiền đại-chúng nay thanh-tịnh,
Phúng-tụng Lăng-Nghiêm chư phẩm chú,
Hồi-hướng Tam-Bảo chúng Long-Thiên,
Hộ-pháp Già-lam chư Thánh-chúng.

Tam đồ bát nạn câu ly khổ,
Tứ ân tam hữu tận triêm ân,
Quốc-giới an-ninh binh-cách tiêu,
Phong điều vũ thuận dân an-lạc.

Ba đường tám nạn lia đau khổ,
Bốn ân ba cõi trọn nhờ ân,
Quốc-giới an-ninh binh-biến tiêu,
Mưa thuận gió hòa dân an-lạc.

Đại-chúng huân-tu hy thắng-tấn,
Thập-Địa đốn siêu vô nan sự,
Sơn-môn thanh-tịnh tuyệt phi ngu,
Đàn-tín quy-y tăng phước-tuệ.

Đại-chúng huân-tu mong tấn tiến,
Mau lên thập-địa chẳng gian-nan,
Sơn-môn thanh-tịnh dứt hẳn điều hiểm-họa khôn lường,
Đàn-tín trở về nương tựa tu-tập khiến tăng phước-tuệ.



刹塵心念可數知，大海中水可飲盡，
虛空可量風可繫，無能盡說佛功德。

Sát-trần tâm-niệm khả số tri,
Đại-hải trung thủy khả ẩm tận,
Hư-không khả lượng phong khả hệ/ kế,
Vô năng tận thuyết Phật công-đức.

Tâm-niệm nhỏ như vi-trần có thể đếm biết,
Nước trong biển lớn có thể uống hết,
Hư-không có thể đo, gió có thể cột/ lường,
Nhưng không thể nói hết công-đức Phật.



Thiên-thượng thiên-hạ vô như Phật,
Thập phương thế-giới diệc vô tỷ,
Thế-gian sở-hữu ngã tận kiến,
Nhứt-thiết vô hữu như Phật giả.

Trên trời, dưới trời không như Phật,
Mười phương thế-giới cũng chẳng sánh,
Con thấy tất cả trong thế-gian,
Không có một ai bằng như Phật.

Nam-mô Ta-Bà Thế-Giới Tam-Giới Đạo-Sư, Tứ-Sanh Từ-Phụ, Nhân-Thiên
Giáo-Chủ Điều-Ngự, Bổn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật. O

Kinh-hành ba vòng, niệm danh-hiệu:

- Nam-mô Bổn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật. (108 lần) O

Vân-tập lại trước chánh-điện, niệm:

- Nam-mô Đại-Trí Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ-Tát. (10 lần) O

- Nam-mô Đại-Hạnh Phổ-Hiền Bồ-Tát. (10 lần) O

- Nam-mô Hộ-Pháp Chư Thiên Bồ-Tát. (10 lần) O

- Nam-mô Đạo-Tràng Hội-Thượng Phật Bồ-Tát Ma-ha-tát. (10 lần) O

ĐẢNH LỄ

Chí-tâm đánh lễ: Bổn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật. (1 lạy) O

Chí-tâm đánh lễ: Đại-Trí Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ-Tát. (1 lạy) O

Chí-tâm đánh lễ: Đại-Hạnh Phổ-Hiền Bồ-Tát. (1 lạy) O

Chí-tâm đánh lễ: Hộ-Pháp Chư Thiên Bồ-Tát. (1 lạy) O

Chí-tâm đánh lễ: Đạo-Tràng Hội-Thượng Phật Bồ-Tát Ma-ha-tát. (1 lạy) O

SÁM THẬP PHƯƠNG

Thập phương tam thế Phật,
A-Di-Đà đệ nhứt,
Cửu phẩm độ chúng-sanh,
Oai-đức vô cùng-cực.

Mười phương ba đời Phật,
A-Di-Đà đệ nhứt,
Chín phẩm độ chúng-sanh,
Uy đức không cùng tột.

Ngã kim đại quy-y,
Sám-hối tam nghiệp tội,
Phàm hữu chư phước thiện,
Chí-tâm dụng hồi-hướng.

Con nay cả quy-y,
Sám-hối tội ba nghiệp,
Hễ có các phước thiện,
Chăm lòng dùng hồi-hướng.

Nguyện đồng niệm Phật nhân,
Cảm-ứng tùy thời hiện,
Lâm-chung Tây-phương cảnh,
Phân-minh tại mục tiền.

Nguyện đồng người niệm Phật,
Đều theo thời ứng hiện,
Lâm-chung cảnh phương tây,
Rõ ràng ở trước mắt.

Kiến-văn giai tinh-tấn,
Đồng sanh Cực-Lạc quốc,
Kiến Phật liễu sanh tử,
Như Phật độ nhứt-thiết.

Vô-biên phiến-não đoạn,
Vô-lượng pháp-môn tu,
Thệ nguyện độ chúng-sanh,
Tổng giai thành Phật-đạo.

Thấy nghe đều tinh tiến,
Đồng sanh nước Cực-Lạc,
Thấy Phật hết sanh tử,
Như Phật độ tất cả.

Dứt vô-biên phiến-não,
Tu vô-lượng pháp-môn,
Thệ nguyện độ chúng-sanh,
Tất cả thành đạo Phật.

Hư-không hữu tận, ngã nguyện vô cùng, Cõi hư-không có hết, tâm nguyện con không cùng,
Hư-không hữu tận, ngã nguyện vô cùng, Cõi hư-không có hết, tâm nguyện con không cùng,
Tinh dã vô-tinh, đồng viên chủng trí. O Chúng hữu-tinh và chúng vô-tinh, đồng tròn giống trí Phật.

THẬP NGUYỆN

Nhứt giả lễ kính chư Phật,
Nhị giả xưng tán Như-Lai,
Tam giả quảng tu cung-dưỡng,
Tứ giả sám-hối nghiệp chướng,
Ngũ giả tùy hỷ công-đức,
Lục giả thỉnh chuyển pháp-luân,
Thất giả thỉnh Phật trụ thế,
Bát giả thường tùy Phật học,
Cửu giả hằng thuận chúng-sanh,
Thập giả phổ giai hồi-hướng. O

Thứ nhứt là nguyện kính lạy các đức Phật,
Thứ hai là nguyện khen kính đức Như-Lai,
Thứ ba là nguyện rộng tu làm việc cúng dường,
Thứ tư là nguyện sám-hối nghiệp chướng,
Thứ năm là nguyện tùy hỷ công-đức,
Thứ sáu là nguyện mời Phật nói pháp,
Thứ bảy là nguyện xin Phật ở lại thế-gian này,
Thứ tám là nguyện thường theo Phật để học,
Thứ chín là nguyện thường thuận theo chúng-sanh,
Thứ mười là nguyện khắp đều hồi-hướng.

TÁN PHẬT THÍCH-CA

Tán lễ Thích-Tôn,
Vô-thượng Năng-Nhân,
Tăng kỳ cữu viễn tu chơn,
Đâu-Suất giáng thân,
Trường từ bảo vị kim-luân,
Tọa Bồ-đề tòa, đại phá ma quân,
Nhứt đố minh-tinh thành đạo,
Giáng pháp-lâm,
Tam-thừa chúng-đẳng quy tâm,
Vô-sanh dĩ chứng,
Hiện-tiền chúng-đẳng quy tâm,
Vô-sanh tốc chúng. O

Kính lạy Thích-Ca,
Tột bậc Năng-Nhân,
Tu nhiều kiếp lâu xa,
Xuống giữa ta-bà,
Hy-sinh ngôi báu nước nhà,
Ngồi gốc bồ-đề, chiến-thắng quân ma,
Đắc đạo sao mai sáng lò, a,
Mưa pháp sa,
Theo về xe pháp cả ba,
Đã chứng Phật-đà,
Hiện giờ chúng đối trước tòa,
Mau chứng Phật-đà.



Niệm Phật công-đức bất-khả tư-nghị:
Pháp-giới phổ quang huy,
Tam hữu tể tư, tứ ân tổng lợi. O

PHỤC NGUYỆN

- ✿ Bang cơ vĩnh cố, Đế-đạo hà xương,
Phật nhứt tăng huy, pháp-luân thường chuyển,
Phong điều vũ thuận, quốc thói dân an,
Thiên-hạ thái-bình, chư tai tiêu-diệt.
- ✿ Tự: Huân kết tường-vân trang-nghiêm thanh-tịnh.
- ✿ Hòa-Thượng Bốn-Sư thế-độ :
Tạ-đường : an-lạc thân tâm,
Quá-thế : viên-thành Chánh-Giác.
- ✿ Chư Sơn Thiền-Đức Tăng-Ni:
Tín-tâm kiên-cố, Đạo-hạnh tinh-chuyên,
Trí-tuệ trang-nghiêm, Bồ-đề thọ-trưởng.
- ✿ Tứ sanh cứu hữu đồng đẳng Hoa-tạng huyền-môn,
Bát nạn tam đồ cộng nhập Tỳ-Lư tánh hải. O

- ✿ Nền tảng vĩnh-viễn vững chắc, đạo-đức ngày càng sáng đẹp rực rỡ.
Phật-pháp ngày càng phát-huy, thường chuyển pháp-luân,
Gió hòa mưa thuận, đất nước hanh thông, dân chúng an ổn,
Mọi người rất bình yên, các tai họa không còn.
- ✿ (tên chùa, thí-dụ: Giác Viên Tự): thanh-tịnh trang-nghiêm mây lành hội tụ.
- ✿ Hòa-Thượng Bốn-Sư thế-độ (thí-dụ: Thích Từ-Quang):
Còn sống: thân tâm an-lạc,
Qua đời : Chánh-Giác viên-thành.
- ✿ Chư Tăng-Ni:
Lòng tin kiên-cố, đạo-hạnh tinh-chuyên,
Trí-tuệ trang-nghiêm, Bồ-đề thọ-trưởng.
- ✿ Bốn loài chín cõi đồng lên cửa huyền Hoa-tạng,
Tám nạn ba đồ chung vào biển tánh Tỳ-Lô.

PHỔ NGUYỆN

Đàn-na thiện-tín, công-đức viên-minh,
Pháp-giới hữu-tình, đồng sanh Cực-Lạc. O

Sử pháp-giới nhược hư-không,	Trải qua pháp-giới ví như hư-không,
Tự liên-hoa bất trước thủy,	Giống như hoa sen thanh-khiết không dính bùn,
Tâm thanh-tịnh siêu ư bỉ,	Tâm thanh-tịnh đã vượt qua mọi thử thách, khó khăn, cực khổ.
Khể thủ lễ Vô-Thượng Tôn. O	Quy mọp, cúi đầu sát đất, bái lạy đấng Vô-Thượng.

TAM QUY

Tự quy-y Phật, đương nguyện chúng-sanh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm. O (1 lạy)

Tự quy-y Pháp, đương nguyện chúng-sanh, thâm nhập kinh tạng, trí-tuệ như hải. O (1 lạy)

Tự quy-y Tăng, đương nguyện chúng-sanh, thống lý đại chúng, nhứt-thiết vô ngại. OOO (1 lạy)

Tự về nương Phật, xin nguyện chúng-sanh, thể theo đạo lớn, phát tâm vô thượng.
Tự về nương Pháp, xin nguyện chúng-sanh, thấu rõ kinh tạng, trí-tuệ như biển.
Tự về nương Phật, xin nguyện chúng-sanh, dẫn dắt đại chúng, tất cả không ngại.

Vân-tập trước bàn Tổ, đọc:

Chí-tâm đánh lễ:

Tây-Thiên tứ thất, Đông-Độ nhị tam, Việt-Nam Chư Tôn Lịch-Đại Tổ-Sư Bồ-Tát Ma-ha-tát. O (đọc 3 lần, lễ 3 lạy)

TIÊU TAI KIẾT TƯỜNG THẦN-CHÚ

1. Nam-mô tam mãn đa, mẫu đà nẫm,
a bát ra để, hạ đa xá, ta năng nẫm, đất diệt tha.
2. Án, kê kê, kê hế, kê hế, hồng hồng,
nhập phạ ra, nhập phạ ra,
bát ra nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra,
để sắc sá, để sắc sá,
sắc trí rị, sắc trí rị,
ta phẩn tra, ta phẩn tra,
phiến để ca, thất rị duệ, ta-bà-ha. (3 lần) O

Tiêu tai như ý, công-đức nan lương, Dược-Sư Lưu-Ly bảo an-khương.
Linh-cảm Chuẩn-Đề vương, giải-thoát tai-ương, duy nguyện giáng kiết
tường.

NAM-MÔ TIÊU-TAI GIÁNG-KIẾT-TƯỜNG BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) O



CHÚC TỤNG

Chúc tụng công-đức thù-thắng hạnh,
Vô-biên thắng phước giai hồi hướng,
Phổ nguyện pháp-giới chư chúng-sanh,
Tốc vãng vô-lượng-quang Phật-sát. O

Công-đức chúc tụng rất tuyệt vời,
Bao nhiêu thắng phước xin hồi hướng,
Nguyện khắp chúng-sanh trong pháp-giới,
Chóng được sanh về cõi Cực-Lạc.

HỒI HƯỚNG

Hồi hướng nhân-duyên tam thế Phật,
Văn-Thù, Phổ-Hiền, Quán-Tự-Tại,
Chư tôn Bồ-Tát Ma-ha-tát,
Ma-ha Bát-Nhã ba-la-mật. O

Hướng về nhân-duyên với chư Phật ba đời,
Nào Bồ-Tát Văn-Thù, Phổ-Hiền, và Quán-Tự-Tại,
Cùng các vị Bồ-Tát quảng đại,
Đó là đại trí-tuệ mới qua bờ bên kia được.

NGUYỆN TIÊU

Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền-não,
Nguyện đắc trí-tuệ chơn minh liễu,
Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ,
Thế thế thường hành Bồ-Tát đạo. O

Nguyện tiêu ba chướng cùng phiền-não,
Nguyện được trí-tuệ thật sáng ngời,
Nguyện bao tội chướng đều tiêu trừ,
Đời đời thường làm Bồ-Tát đạo.

NGUYỆN SANH

Nguyện sanh Tây-phương Tịnh-Độ trung,
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh,
Bất thối Bồ-Tát vi bạn lữ. O

Nguyện sanh Tây-phương cõi Phật-dà,
Chín phẩm đài sen là cha mẹ,
Hoa nở thấy Phật ngộ vô sanh,
Bất thoái Bồ-Tát làm bạn lữ.

NGUYỆN CÔNG-ĐỨC

Nguyện dĩ thủ công-đức,
Phổ cập ư nhứt-thiết,
Ngã đẳng dĩ chúng-sanh,
Giai cộng thành Phật đạo. O

Nguyện đem công-đức này,
Hương về khắp tất cả,
Đệ-tử và chúng-sanh,
Đều cùng thành Phật-đạo.

HÒA NAM THÁNH CHÚNG. OOO (xá 3 lần)

Thánh chúng hài hòa. (Lạy chào các vị thánh, chúng con xin lui.)



Xây lưng lại, hiệp chưởng, tụng:

TẠ THIÊN-ĐỊA THẦN-KỲ

(KẾT KINH KỆ)

Thiên, A-tu-la, Dạ-xoa đẳng,
Lai thính pháp giả ưng chí tâm,
Ủng-hộ Phật-pháp sử trường-tồn,
Các các cần hành Thế-Tôn giáo.

Trời, A-tu-la, Dạ-xoa thầy,
Ai đến nghe pháp phải hết lòng,
Ủng-hộ Phật-pháp cho thường còn,
Mọi người siêng tu lời Phật dạy.

Chư hữu thính tụng lai chí thủ,
Hoặc tại địa-thượng hoặc cư không,
Thường ư nhân-gian khởi từ tâm,
Trú dạ tự thân y pháp trụ.

Bao nhiêu thính-giả tới chỗ này,
Hoặc ở đất liền hoặc trên không,
Thường với người đời sanh lòng từ,
Nương theo chánh-pháp ngày đêm tu.

Nguyện chư thế-giới thường an ổn,
Vô-biên phước-trí ích quần-sanh,
Sở hữu tội chướng tịnh tiêu-trừ,
Viễn-ly chúng khổ quy viên-tịch.

Cầu các thế-giới thường an ổn,
Phước trí vô-biên lợi quần-sanh,
Tất cả tội nghiệp đều tiêu-trừ,
Dứt hẳn quả khổ vào viên-tịch.

Hằng dụng giới-hương đồ viên-thể,
Thường trì định phục dĩ tự thân,
Bồ-đề diệu-pháp biến trang-nghiêm,
Trì sở trụ xứ thường an lạc.

Thường dùng giới-hương thoa vóc sáng,
Luôn gìn định phục mặc che thân,
Hoa mẫu trí giác khắp trang-nghiêm,
Khắp xứ, khắp nơi thường an lạc.

NAM-MÔ HỘ-PHÁP-TẶNG BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần)



𑖀

𑖁

𑖂

𑖃

𑖄

𑖅

𑖆

𑖇

𑖈

Án

Ma

Ha

Tát

Đát

Đa

Bát

Đát

Ra

CÔNG-PHU CHIỀU

(KHỞI SỰ TỪ 17 GIỜ)

TIÊU CÔNG-PHU NGHI MÔNG-SƠN THÍ-THỰC

NAM-MÔ DIỆN-NHIÊN-VƯƠNG BỒ-TÁT MA-HA-TÁT.
(3 lần) O

Mãnh-hỏa diễm-diễm chiếu thiết-thành,
Thiết-thành chiếu kiến triệu cô-hồn,
Cô-hồn nhược yếu sanh Tịnh-độ,
Phúng tụng Hoa-Nghiêm bán kệ kinh. O

Lửa hùng hực nóng đỏ thiết-thành,
Trong thành sắt nóng đốt cô-hồn,
Cô-hồn nếu muốn sanh Tịnh-độ,
Tin nghe nửa kệ Hoa-Nghiêm kinh.

Nhược nhân dục liễu tri,
Tam thế nhứt-thiết Phật,
Ứng quán pháp-giới tánh,
Nhứt-thiết duy tâm tạo. (3 lần) O

Nếu người muốn biết rõ,
Tất cả Phật ba đời,
Nên quán tánh pháp-giới,
Tất cả do tâm tạo.

PHÁ ĐỊA-NGỤC CHÚ

Án, già ra đế da, ta-bà-ha. (3 lần) O

PHỔ TRIỆU-THỈNH CHÚ

Nam-mô bộ bộ đế rị, già rị đa rị, đất đa nga đa da. (3 lần) O

GIẢI OAN-NGHIỆP CHÚ

Án, tam đà ra già đà, ta-bà-ha. (3 lần) O

NAM-MÔ ĐẠI-PHƯƠNG-QUẢNG PHẬT HOA-NGHIÊM KINH.
(3 lần) O

1. Nam-mô Thường-Trụ Thập Phương Phật.
2. Nam-mô Thường-Trụ Thập Phương Pháp.
3. Nam-mô Thường-Trụ Thập Phương Tăng.
4. Nam-mô Bốn-Sứ Thích-Ca Mâu-Ni Phật.
5. Nam-mô Đại-Bi Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.
6. Nam-mô Minh-Dương Cứu Khổ Địa-Tạng-Vương Bồ-Tát.
7. Nam-mô Khải-Giáo A-Nan-Đà Tôn-Giả.
(7 danh-hiệu trên, niệm đủ 3 lần) O

1. Quy-y Phật, quy-y Pháp, quy-y Tăng.
2. Quy-y Phật Luống Túc Tôn,
Quy-y Pháp Ly Dục Tôn,
Quy-y Tăng Chúng Trung Tôn.

3. Quy-y Phật Cảnh,
Quy-y Pháp Cảnh,
Quy-y Tăng-Cảnh.
(3 câu trên, niệm đủ 3 lần) O

Phật-tử sở tạo chư ác nghiệp,
Giai do vô thỉ tham sân si,
Tùng thân ngũ ý chi sở sanh,
Nhứt-thiết Phật-tử giai sám hối. O

Phật-tử đã tạo nhiều ác nghiệp,
Do bởi tham sân si từ vô thỉ,
Từ thân khẩu ý mà sanh ra,
Tất cả Phật-tử đều xin sám hối.

Hữu-tình sở tạo chư ác nghiệp,
Giai do vô thỉ tham sân si,
Tùng thân ngũ ý chi sở sanh,
Nhứt-thiết hữu-tình giai sám hối. O

Hữu-tình đã tạo nhiều ác nghiệp,
Do bởi tham sân si từ vô thỉ,
Từ thân khẩu ý mà sanh ra,
Tất cả hữu-tình đều xin sám hối.

Cô-hồn sở tạo chư ác nghiệp,
Giai do vô thỉ tham sân si,
Tùng thân ngũ ý chi sở sanh,
Nhứt-thiết cô-hồn giai sám hối. O

Cô-hồn đã tạo nhiều ác nghiệp,
Do bởi tham sân si từ vô thỉ,
Từ thân khẩu ý mà sanh ra,
Tất cả cô-hồn đều xin sám hối.

1. Chúng-sanh vô-biên thệ-nguyện độ,
 2. Phiền-não vô-tận thệ-nguyện đoạn,
 3. Pháp-môn vô-lượng thệ-nguyện học,
 4. Phật-đạo vô-thượng thệ-nguyện thành.
- (4 câu trên, niệm đủ 3 lần) O

1. Tự-tánh chúng-sanh thệ-nguyện độ,
 2. Tự-tánh phiền-não thệ-nguyện đoạn,
 3. Tự-tánh pháp-môn thệ-nguyện học,
 4. Tự-tánh Phật-đạo thệ-nguyện thành. O
- (4 câu trên, niệm đủ 3 lần) O

Tánh chúng-sanh xin thể tự độ,
Tánh phiền-não xin thể tự đoạn,
Tánh pháp-môn xin thể tự học,
Tánh Phật-đạo xin thể tự thành.

TRỪ ĐỊNH NGHIỆP CHÚ

Án, bát ra mạt lân đà nãnh, ta-bà-ha. (3 lần) O

DIỆT NGHIỆP CHƯỚNG CHÚ

Án, a lố lặc kế, ta-bà-ha. (3 lần) O

KHAI YẾT HẦU CHÚ

Án, bộ bộ đế rị, già rị đa rị, đát tha nga đa da. (3 lần) O

TAM-MUỘI-DA GIỚI CHÚ

Án, tam-muội da tát đỏa phạm. (3 lần) O

BIẾN THỰC CHÚ

Nam-mô tát phạ đất tha, nga đa phạ lồ chỉ đế.
Án, tam bạt ra tam bạt ra hồng. (3 lần) O

BIẾN THỦY CHÚ

Nam-mô tô rô bà da, đất tha nga đa da, đất diệt tha.
Án, tô rô tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô, ta-bà-ha. (3 lần) O

NHỨT TỰ THỦY LUÂN CHÚ

Án, noan noan noan noan noan. (3 lần) O

NHỮ HẢI CHÚ

Nam-mô tam mãn đa mẫu đà nãm án noan. (3 lần) O

1. Nam-mô Đa-Bửu Như-Lai.
 2. Nam-mô Bửu-Thắng Như-Lai.
 3. Nam-mô Diệu-Sắc-Thân Như-Lai.
 4. Nam-mô Quảng-Bát-Thân Như-Lai.
 5. Nam-mô Ly-Bố-Úy Như-Lai.
 6. Nam-mô Cam-Lộ-Vương Như-Lai.
 7. Nam-mô A-Di-Đà Như-Lai.
- (7 danh-hiệu trên, niệm đủ 3 lần) O

1. Nghe đến danh của đức **Phật Đa-Bửu**, thì có thể đắc trí-tuệ tài-bửu của pháp-tánh mà thụ-dụng không hết, vì là của sẵn trong tự-tánh.
2. Nghe đến danh của đức **Phật Bửu-Thắng**, hay dứt được lửa nghiệp phiền-não sanh-tử, liền đắc cái trí-bửu pháp-tánh bậc vô-thượng.
3. Nghe đến danh của đức **Phật Diệu-Sắc-Thân**, hay dựng cái thân tướng hảo đoan-nghiêm bậc nhưt giữa tam-giới, tức kinh Pháp-Hoa bảo: “Vi-diệu tịnh pháp-thân, cụ-túc tam thập nhị”.
4. Nghe đến danh của đức **Phật Quảng-Bát-Thân**, thì dựng tiêu được lửa nghiệp, cưỡng hòng mở thông, mà dựng cái thân thanh-lương vô-ngại.
5. Nghe đến danh của đức **Phật Ly-Bố-Úy**, thì xa lìa các điều sợ sệt, thường đắc mọi sự khoái-lạc thanh-tịnh.
6. Nghe đến danh của đức **Phật Cam-Lộ-Vương**, thì năng đắc mùi vị cam-lộ rót vào thâm-tâm hằng được khoái-lạc luôn.
7. Nghe đến danh của đức **Phật A-Di-Đà**, thì được đắc sanh sang thế-giới Cực-Lạc là Tịnh-độ, do liên-hoa hóa sanh vào bậc bất-thối-chuyển.

1. Thần-chú gia-tri tịnh pháp-thực,
Phổ thí hà sa chúng Phật-tử,
Nguyện giai bảo mãn xả gian tham,
Tốc thoát U-minh sanh Tịnh-độ,
Quy-y Tam-Bảo phát Bồ-đề,
Cứu-cánh đắc thành vô-thượng đạo,
Công-đức vô-biên tận vị-lai,
Nhứt-thiết Phật-tử đồng pháp-thực. O

Thần-chú gia-tri tịnh pháp-thực,
Cùng khắp hà sa chúng Phật-tử,
Nguyện đều no đủ bỏ gian tham,
Thoát khỏi U-đô sanh Tịnh-độ,
Nương về Tam-Bảo chứng Bồ-đề,
Rốt ráo trọn thành vô-thượng đạo,
Công-đức khôn lường thấu vị-lai,
Hết thấy Phật-tử thọ pháp-thực.

2. Thần-chú gia-trì pháp thí thực,
Phổ thí hà sa chúng hữu-tình,
Nguyện giai bảo mãn xả gian tham,
Tốc thoát U-minh sanh Tịnh-độ,
Quy-y Tam-Bảo phát Bồ-đề,
Cứu-cánh đắc thành vô-thượng đạo,
Công-đức vô-biên tận vị-lai,
Nhứt-thiết hữu-tình đồng pháp-thực. O

Thần-chú gia-trì pháp thí thực,
Cùng khắp hà sa chúng hữu-tình,
Nguyện đều no đủ bỏ gian tham,
Thoát khỏi U-đổ sanh Tịnh-độ,
Nương về Tam-Bảo chứng Bồ-đề,
Rốt ráo trọn thành vô-thượng đạo,
Công-đức khôn lường thấu vị-lai,
Hết thấy hữu-tình thọ pháp-thực.

3. Thần-chú gia-trì cam-lộ thủy,
Phổ thí hà sa chúng cô-hồn,
Nguyện giai bảo mãn xả gian tham,
Tốc thoát U-minh sanh Tịnh-độ,
Quy-y Tam-Bảo phát Bồ-đề,
Cứu-cánh đắc thành vô-thượng đạo,
Công-đức vô-biên tận vị-lai,
Nhứt-thiết cô-hồn đồng pháp-thực. O

Thần-chú gia-trì cam-lộ thủy,
Cùng khắp hà sa chúng cô-hồn,
Nguyện đều no đủ bỏ gian tham,
Thoát khỏi U-đổ sanh Tịnh-độ,
Nương về Tam-Bảo chứng Bồ-đề,
Rốt ráo trọn thành vô-thượng đạo,
Công-đức khôn lường thấu vị-lai,
Hết thấy cô-hồn thọ pháp-thực.

(Đến trước bàn chư vị cô-hồn, tụng:)

1. Nhữ đẳng Phật-tử chúng,
Ngã kim thí nhữ cúng,
Thủ thực biến thập phương,
Nhứt-thiết Phật-tử cộng,
Nguyện dĩ thủ công-đức,
Phổ-cập ư nhứt-thiết,
Ngã đẳng dĩ Phật-tử,
Giai cộng thành Phật-đạo. O

Các vị chúng Phật-tử,
Con nay xin thí cúng,
Pháp-thực biến mười phương,
Chung cho các Phật-tử,
Nguyện nhờ công-đức này,
Khắp đến cả mọi nơi,
Con và các Phật-tử,
Đều trọn thành Phật-đạo.

2. Nhữ đẳng hữu-tình chúng,
Ngã kim thí nhữ cúng,
Thủ thực biến thập phương,
Nhứt-thiết hữu-tình cộng,
Nguyện dĩ thủ công-đức,
Phổ-cập ư nhứt-thiết,
Ngã đẳng dĩ hữu-tình,
Giai cộng thành Phật-đạo. O

Các vị chúng hữu-tình,
Con nay xin thí cúng,
Pháp-thực biến mười phương,
Chung cho các hữu-tình,
Nguyện nhờ công-đức này,
Khắp đến cả mọi nơi,
Con và các hữu-tình,
Đều trọn thành Phật-đạo.

3. Nhữ đẳng cô-hồn chúng,
Ngã kim thí nhữ cúng,
Thủ thực biến thập phương,
Nhứt-thiết cô-hồn cộng,
Nguyện dĩ thủ công-đức,
Phổ-cập ư nhứt-thiết,
Ngã đẳng dĩ cô-hồn,
Giai cộng thành Phật-đạo. O

Các vị chúng cô-hồn,
Con nay xin thí cúng,
Pháp-thực biến mười phương,
Chung cho các cô-hồn,
Nguyện nhờ công-đức này,
Khắp đến cả mọi nơi,
Con và các cô-hồn,
Đều trọn thành Phật-đạo.

THÍ VÔ GIÁ THỰC CHÚ

Án, mục lực lăng, ta-bà-ha. (3 lần) O

PHỔ CUNG-DƯỠNG CHÚ

Án, nga nga năng, tam bà phạ, phiệt nhựt ra học. (3 lần) O

Rải gạo, muối, và nước.

1. Tay trái kiết ấn Bảo-Thủ cầm chén gạo muối, tay mặt trì ấn Kiết-Tường họa 3 lần hai chữ “Án Lãm” trong chén gạo muối, niệm chú Biến-Thực, rồi rải vào bụi cây.

2. Tay trái kiết ấn Bảo-Thủ cầm chén nước, tay mặt trì ấn Kiết-Tường họa 3 lần hai chữ “Án Lãm” trong chén nước, niệm chú Biến-Thủy, rồi tưới xuống đất, vừa tưới vừa đọc:

Án, thủy từ từ tá hạ. (3 lần) O

Vân-tập trước chánh-điện, tụng:

MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH

Quán-Tự-Tại Bồ-Tát, hành thâm Bát-Nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt-thiết khổ ách.

Xá-Lợi-Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị.

Xá-Lợi-Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.

Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức.

Vô nhân, nhĩ, ty, thiệt, thân, ý.

Vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Vô nhân-giới, nãi chí vô ý-thức-giới.

Vô vô-minh, diệc vô vô-minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận.

Vô khổ, tập, diệt, đạo.

Vô trí diệc vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-Đề-Tát-Đỏa y Bát-Nhã ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại. Vô quái ngại cố, vô hữu khủng-bố, viễn ly điên-đảo mộng-tưởng, cứu cánh Niết-Bàn. Tam thế chư Phật y Bát-Nhã ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

Cố tri Bát-Nhã ba-la-mật-đa, thị đại thần-chú, thị đại minh-chú, thị vô-thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt-thiết khổ, chơn thiệt bất hư.

Cố thuyết Bát-Nhã ba-la-mật-đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết-đế yết-đế, ba la yết-đế, ba la tăng yết-đế, bồ-đề tát-bà-ha. O



VÃNG-SANH CHƠN-NGÔN

Nam-mô A-di-đà bà dạ, đa tha già đa dạ,
đa điệt dạ tha, a di rị đô bà tỳ,
a di rị đa, tất đām bà tỳ,
a di rị đa, tỳ ca lan đế,
a di rị đa, tỳ ca lan đa,
già di nị, già già na,
chỉ đa ca lệ, ta-bà-ha. (3 biến) O

BÁCH TỰ CHÚ

Ngàn quan thơ lai, tát đả tô,
tát mo de, mo nại bố lạc de, quan thư lai,
tát đả tử, no bát tử,
xắc tháp thít lĩ xừ, mìn phín hoa,
tô độ thúc, mìn phín hoa,
tô bố tô, mìn phín hoa,
tát li hoa, thú đĩ mi,
phút lai de dè, tát li hoa,
cót li mo, tô chan mìn phục thạc,
thít lĩ dàng, cót lĩ hồng, hỏ hỏ hỏ hỏ, hỏ hộc,
phín hò lang, thát li hoa, ta tháp cót thạc,
quan thơ lai, mo mìn môn chan,
quan thơ lai, tát mo de, tát tá ha. (1 lần) O

TỠ-LÔ-GIÁ-NA ĐẠI QUÁN-ĐẢNH QUANG ĐÀ-RA-NI

Án, a mô già, vĩ lô ta năng,
ma hạ mẫu nại ra,
ma ni bát nập ma,
nhập phạ la, bát ra mạt đa dã, hồng. (3 lần) O

PHỔ HỒI-HƯỚNG CHÚ

Án, ta ma ra, ta ma ra, di ma năng tát cấp ra,
ma-ha thính cấp ra hồng. (3 lần) O

- | | |
|---|--|
| 1. Nguyện trú kiết-tường, dạ kiết-tường,
Trú dạ lục thời hằng kiết-tường,
Nhút-thiết thời trung kiết-tường giả,
Nguyện chư Thượng-sư ai nhiếp thọ. O | Nguyện ngày an lành, đêm an lành,
Ngày đêm sáu thời thường an lành,
Tất cả các thời đều an lành,
Nguyện đấng Từ-Bi thương nhiếp thọ. |
| 2. Nguyện trú kiết-tường, dạ kiết-tường,
Trú dạ lục thời hằng kiết-tường,
Nhút-thiết thời trung kiết-tường giả,
Nguyện chư Tam-Bảo ai nhiếp thọ. O | Nguyện ngày an lành, đêm an lành,
Ngày đêm sáu thời thường an lành,
Tất cả các thời đều an lành,
Nguyện cầu Tam-Bảo thương nhiếp thọ. |

3. Nguyên trú kiết-tường, dạ kiết-tường,
Trú dạ lục thời hằng kiết-tường,
Nhứt-thiết thời trung kiết-tường giả,
Nguyên chú Hộ-pháp thường ủng-hộ. O

Nguyên ngày an lành, đêm an lành,
Ngày đêm sáu thời thường an lành,
Tất cả các thời đều an lành,
Nguyên chú Hộ-pháp thường ủng-hộ.

Tứ sanh đấng ư Bửu-địa,
Tam hữu thác hóa Liên-trì,
Hà sa ngã-quỷ chứng Tam-Hiền,
Vạn loại hữu-tình đấng Thập-Địa. O

Tứ sanh đồng lên Bảo-địa,
Ba cõi hóa ở Liên-trì,
Hà sa ngã-quỷ chứng Tam-Hiền,
Muôn loại hữu-tình siêu Thập-địa.

NAM-MÔ SIÊU-THẬP-ĐỊA BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) O

TÁN PHẬT

A-Di-Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang-minh vô đẳng luân,
Bạch hào uyển chuyển ngũ tu-di,
Cám mục trùng thanh tứ đại-hải,
Quang trung Hóa-Phật vô số úc,
Hóa Bồ-Tát chúng diệc vô biên,
Tứ thập bát nguyện độ chúng-sanh,
Cửu phẩm hàm linh đấng bỉ ngạn. O

Thân Phật Di-Đà vàng rực rỡ
Tướng đẹp sáng ngời không gì sánh
Hào quang tỏa khắp năm tu di
Mắt biếc trong hơn bốn biển lớn
Quang trung hóa Phật nhiều vô số
Hóa chúng Bồ-Tát cũng vô biên
Bốn mươi tám nguyện độ chúng-sanh
Chín phẩm đều lên ngôi Chánh-Giác.

NIỆM PHẬT

Nam-mô Tây-Phương Cực-Lạc Thế-Giới, Tam Thập Lục Vạn Úc, Nhứt Thập Nhứt Vạn, Cửu Thiên Ngũ Bá, Đồng Danh Đồng Hiệu, Đại-Tử Đại-Bi, Tiếp Dẫn Đạo-Sư A-Di-Đà Phật. O

Kinh-hành 3 vòng, niệm danh-hiệu:
- Nam-mô A-Di-Đà Phật. (108 lần) O

Vân-tập lại trước chánh-điện, niệm:
- Nam-mô Quán-Thế-Âm Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Đại-Thế-Chí Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Địa-Tạng-Vương Bồ-Tát. (10 lần) O
- Nam-mô Thanh-Tịnh Đại-Hải-Chúng Bồ-Tát. (10 lần) O

ĐẢNH LỄ

Chí-tâm đánh lễ: A-Di-Đà Phật. O (1 lay)
Chí-tâm đánh lễ: Quán-Thế-Âm Bồ-Tát. O (1 lay)
Chí-tâm đánh lễ: Đại-Thế-Chí Bồ-Tát. O (1 lay)
Chí-tâm đánh lễ: Địa-Tạng-Vương Bồ-Tát. O (1 lay)
Chí-tâm đánh lễ: Thanh-Tịnh Đại-Hải-Chúng Bồ-Tát. O (1 lay)



SÁM NHỨT TÂM (Quỳ tụng)

_ Nhứt-tâm quy mạng Cực-Lạc Thế-Giới A-Di-Đà Phật.

_ Nhứt-tâm cúi lạy Đức A-Di-Đà Phật bên thế-giới Cực-Lạc.

_ Nguyện dĩ tịnh quang chiếu ngã, từ thệ nhiếp ngã. Ngã kim chánh-niệm, xưng Như-Lai danh, vị Bồ-đề đạo, cầu sanh Tịnh-độ.

_ Xin đem ánh tịnh soi con, thệ từ thân con. Con nay chánh-niệm, xưng danh Như-Lai, vì đạo Bồ-đề, cầu sanh Tịnh-độ.

_ Phật tích bốn thệ, nhược hữu chúng-sanh, dục sanh ngã quốc, chí tâm tín nhạo, nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh-giác.

_ Phật xưa đã thệ: “Nếu có chúng-sanh, muốn sanh nước ta, chớ lòng tin ưa, hẳn đến mười niệm, bằng chẳng vãng-sanh, ta không thành Phật”.

_ Dĩ thủ niệm Phật nhân-duyên, đắc nhập Như-Lai đại thệ hải trung, thừa Phật từ lực, chúng tội tiêu-diệt, thiện-căn tăng-trưởng.

_ Do nhân-duyên niệm Phật đây, được vào trong biển thệ-nguyện lớn của Như-Lai, vãng sức từ của Phật, các tội tiêu-diệt, căn lành thêm lớn.

_ Nhược lâm dục mạng chung, dự tri thời chí, thân vô bệnh khổ, tâm bất tham luyến, ý bất điên-đảo, như nhập thiền-định.

Phật cập Thánh-chúng, thủ chấp kim đài, lai nghinh-tiếp giả, ư nhứt niệm khoảnh, sanh Cực-Lạc quốc, hoa khai kiến Phật, tức vãng Phật-thừa, đốn khai Phật-tuệ, quảng độ chúng-sanh, mãn Bồ-đề nguyện. O

_ Nếu đến mạng chung, tự biết giờ tới, thân không bệnh khổ, tâm chẳng tham tiếc, ý không điên-đảo, như vào thiền-định.

Phật và các Thánh-chúng, tay cầm đài hoa sen vàng, đến đón tiếp con, với chùng một niệm, sanh về Cực-Lạc quốc, hoa nở thấy Phật, liền nghe pháp Phật-thừa, chóng mở Phật-tuệ, rộng độ chúng-sanh, mãn nguyện Bồ-đề.

TÁN LỄ TÂY-PHƯƠNG (Quỳ tụng)

Tán lễ Tây-phương, Cực-Lạc thanh lương.

Liên-Trì cửu phẩm hoa hương, bảo thọ thành hàng.

Thường vãng thiên nhạc kiên tương, A-Di-Đà Phật đại phóng từ quang, hóa đạo chúng-sanh vô-lượng, giáng kiết-tường.

Hiện-tiền chúng đảnh ca dương, nguyện sanh An-Dưỡng; hiện-tiền chúng đảnh ca dương, đồng sanh An-Dưỡng. O

Kính lạy Tây-phương, Cực-Lạc vui vầy.

Hoa sen chín phẩm thơm lây, vật báu hàng cây.

Thường nghe nhạc trời trời vang dấy, A-Di-Đà Phật đại phóng từ quang, dạy đạo cho chúng-sanh vô-lượng, xuống diêm lành.

Bây giờ đạo chúng khen bày: xin sang nước thầy; bây giờ đạo chúng khen bày: đồng sang nước thầy.



Quỳ, đặt hai cánh tay sát đất, hai bàn tay lật ngửa lên, úp mặt vào hai bàn tay, đọc:

THỊ NHỰT

Thị nhựt dĩ quá, mạng diệc tùy giảm, như thiếu thủy ngư, tư hữu hà lạc.
Đại-chúng đương cần tinh-tấn, như cứu đầu nhiên, dẫn niệm vô-thường,
thận vật phóng dật. O

Kinh Xuất Diệu:

Ngày nay đã qua, mạng sống giảm dần, như cá cạn nước, nào có vui chi?

Đại-chúng! Phải siêng tinh-tiến, như chữa lửa đầu! Chỉ nhớ vô-thường, không dám buông lung!

Kinh Phạm-Võng:

Sắc trẻ không dừng, dường như ngựa chạy.

Mạng người vô-thường, mau hơn nước dốc.

Ngày nay dầu còn, khó bảo-đảm được ngày mai.

Đại-chúng, mỗi người nên nhứt-tâm cần cầu tinh-tấn.

Chớ biếng nhác trễ lười, phóng túng ngủ nghỉ.

Ban đêm phải nhiếp tâm niệm Phật tham thiền.

Chớ để thời-gian luống qua vô-ích, mà sau này phải ăn năn.

PHỤC NGUYỆN

Thiền-môn trấn-tịnh, Tăng-chúng an-hòa,
Hộ-pháp hóa dĩ hưng-long,
Vệ đàn-tràng nhi kiết khánh,
Như tự kỳ khẩn tất vọng minh giả.

Nhứt-thiết chiến-sĩ vị quốc vong xu,
Trượng thừa Phật-ân siêu-thăng Tịnh-độ.

Tam giới tứ sanh chi nội các miển luân-hồi,
Cửu hữu thập loại chi trung tất ly khổ-hải.

PHỔ NGUYỆN

Đàn-na công-quả, nhứt lộ phước tinh,
Pháp-giới hữu-tình đồng viên chủng trí. O

Sử pháp-giới nhược hư-không,
Tự liên-hoa bất trước thủy,
Tâm thanh-tịnh siêu ư bỉ,
Khể thủ lễ Vô-Thượng Tôn.

Trải qua pháp-giới ví như hư-không,

Giống như hoa sen thanh-khiết không dính bùn,

Tâm thanh-tịnh đã vượt qua mọi thử thách, khó khăn, cực khổ.

Quỳ mọp, cúi đầu sát đất, bái lạy đáng Vô-Thượng.



TAM QUY

Tự quy-y Phật, đương nguyện chúng-sanh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm. O (1 lạy)

Tự quy-y Pháp, đương nguyện chúng-sanh, thâm nhập kinh tạng, trí-tuệ như hải. O (1 lạy)

Tự quy-y Tăng, đương nguyện chúng-sanh, thống lý đại chúng, nhứt-thiết vô ngại. OOO (1 lạy)

Tự về nương Phật, xin nguyện chúng-sanh, thể theo đạo lớn, phát tâm vô thượng.

Tự về nương Pháp, xin nguyện chúng-sanh, thấu rõ kinh tạng, trí-tuệ như biển.

Tự về nương Phật, xin nguyện chúng-sanh, dẫn dắt đại chúng, tất cả không ngại.



Vân-tập trước bàn Tổ, đọc:

Chí-tâm đánh lễ:

Tây-Thiên tứ thất, Đông-Độ nhị tam, Việt-Nam Chư Tôn Lịch-Đại Tổ-Sư Bồ-Tát Ma-ha-tát. O (đọc 3 lần, lễ 3 lạy)

ĐẠI-BẢO QUẢNG-BÁC LÂU-CÁC THIÊN-TRỤ BÍ-MẬT ĐÀ-RA-NI

1. Nam mô tát phạ, đát tha nghiệt đa nam.
2. Án, vĩ bồ la nghiệt bệ, ma ni bát ra bệ,
đát tha đa, nễ nại xả ninh,
ma ni ma ni, tô bát ra bệ, vĩ ma lê sa nghiệt ra,
nghiêm ty lệ, hồng hồng,
nhập phạ la, nhập phạ la,
một đà vĩ lô chỉ đế, ngu hứ dạ,
địa sắt sĩ đa nghiệt bệ, ta phạ ha. O (3 lần)
3. Án, ma ni phạ nhựt lễ hồng. (Tâm chú)
4. Án, ma ni đà lễ hồng phẩn tra. O (Tùy tâm chú)

Quảng-Bác thần-chú,
Tối-thắng viên-dung,
Trượng thừa Phật-lực vĩnh lưu-thông,
Ứng-hộ đạo-tràng trung,
Dương thối, âm siêu,
Xướng tụng phước vô cùng.

Quảng-Bác chú-ngũ sức oai-thần,
Tối-tôn thù-thắng lại viên-dung,
Nương nhờ Phật-lực mãi lưu-thông,
Ứng-hộ đạo-tràng thường gia-bị,
Dương-gian tốt lành, âm siêu-thoát,
Thọ trì xướng tụng phước vô cùng.

NAM-MÔ TĂNG-PHƯỚC-THỌ BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) O



CHÚC TỤNG

Chúc tụng công-đức thù-thắng hạnh, Vô-biên thắng phước giai hồi hướng, Phổ nguyện pháp-giới chư chúng-sanh, Tốc vãng vô-lượng-quang Phật-sát. O	Công-đức chúc tụng rất tuyệt vời, Bao nhiêu thắng phước xin hồi hướng, Nguyện khắp chúng-sanh trong pháp-giới, Chóng được sanh về cõi Cực-Lạc.
--	---

HỒI HƯỚNG

Hồi hướng nhân-duyên tam thế Phật, Văn-Thù, Phổ-Hiến, Quán-Tự-Tại, Chư tôn Bồ-Tát Ma-ha-tát, Ma-ha Bát-Nhã ba-la-mật. O	Hướng về nhân-duyên với chư Phật ba đời, Nào Bồ-Tát Văn-Thù, Phổ-Hiến, và Quán-Tự-Tại, Cùng các vị Bồ-Tát quảng đại, Đó là đại trí-tuệ mới qua bờ bên kia được.
--	--

NGUYỆN TIÊU

Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền-não, Nguyện đắc trí-tuệ chơn minh liễu, Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ, Thế thế thường hành Bồ-Tát đạo. O	Nguyện tiêu ba chướng cùng phiền-não, Nguyện được trí-tuệ thật sáng ngời, Nguyện bao tội chướng đều tiêu trừ, Đời đời thường làm Bồ-Tát đạo.
---	---

NGUYỆN SANH

Nguyện sanh Tây-phương Tịnh-Độ trung, Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu, Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh, Bất thoái Bồ-Tát vi bạn hữu. O	Nguyện sanh Tây-phương cõi Phật-đà, Chín phẩm đài sen là cha mẹ, Hoa nở thấy Phật ngộ vô sanh, Bất thoái Bồ-Tát làm bạn hữu.
---	---

NGUYỆN CÔNG-ĐỨC

Nguyện dĩ thủ công-đức, Phổ cập ư nhứt-thiết, Ngã đẳng dĩ chúng-sanh, Giai cộng thành Phật đạo. O	Nguyện đem công-đức này, Hương về khắp tất cả, Đệ-tử và chúng-sanh, Đều cùng thành Phật-đạo.
--	---

NAM-MÔ SIÊU-LẠC-ĐỘ BỒ-TÁT MA-HA-TÁT. (3 lần) O

Hòa nam thánh chúng. OOO (3 xá)

Thánh chúng hài hòa. (Lạy chào các vị thánh, chúng con xin lui.)



TỈNH TÂM TU PHẬT

1. Thế-sự vô-thường, nên sớm tỉnh!
2. Danh chẳng màng, lợi cũng chẳng ham,
3. Vinh-hoa như bọt nước bồng trầm,
4. Phú-quí ví vầng mây tan hiệp.
5. Sang cho mấy vẫn trong một kiếp,
6. Giàu đến đâu cũng chỉ nhứt thời,
7. Nghiệp phàm-phu sanh-tử luân-hồi,
8. Thân tứ-đại chứa đầy uest-trước.
9. Phần bệnh-hoạn, già nua thúc-phước,
10. Nào ăn, ở, mặc, lại xã-giao.
11. Nào ác-duyên, nghịch-cảnh lao đao,
12. Ái ly, oán hội, cầu bất-đắc.
13. Đa mang năm uẩn hằng sâu sắc,
14. Các oan-gia, trái-chủ triền-miên,
15. Còn thiên-tai, ách-nạn vô-biên,
16. Tam giới bất an như nhà hỏa.
17. Nước mắt chúng-sanh tràn biển cả,
18. Thọ trần-duyên tất phải trần-ai,
19. Sống ngày nay chưa biết ngày mai,
20. Đành luống những ưu-tư phiền-não.
21. Đã tạo nghiệp đương-nhiên thọ báo,
22. Kiếp ta-bà khó được bền lâu,
23. Mới may xanh, kế chịu bạc đầu,
24. Rồi gặp phải nắm mồ ác-nghiệt.
25. Cuộc đời có sanh thì có diệt,
26. Há dễ cầu trường-cửu vinh-quang,
27. Như phù-dung sớm nở chiều tàn,
28. Sự còn mất, vô phương ước-đạc.
29. Dầu có tài uyên-thâm hoạt-bát,
30. Dầu có chiếm địa-vị đế-vương,
31. Tất cả sĩ nông với công thương,
32. Gặp tử-thần, thấy đều thúc-thủ.
33. Mùi tục-lụy, thế-nhân nếm đủ,
34. Miếng đỉnh-chung hàm-súc chua cay,
35. Thấm thoát ba vạn sáu ngàn ngày,
36. Trải qua in như tuồng ảo-mộng.
37. Vật-chất xa-hoa là hư-vọng,

38. Pháp hữu-vi thành trụ hoại không,
39. Muôn việc đời nường ít tác hơi,
40. Hơi vừa dứt việc đời cũng dứt.
41. Nào sự-nghiệp, oai-quyền, thế-lực,
42. Nào gia-cư, tài-sản, ruộng vườn,
43. Nhắm mắt rồi, nắm lấy tay không,
44. Thế mới rõ: Đời là biển khổ!
45. Nguyên-nhân vì vô-minh cảm dỗ,
46. Sai khiến người tham-dục tối tăm,
47. Tạo hành-vi mê-muội sai lầm,
48. Khởi “huân”, rồi “tập”, lần tới “nhiễm”.
49. Tứ-Đế huyền-vi cần thật-nghiệm,
50. Nhân tập trừ, quả khổ tiêu tan,
51. Khổ tiêu tan, thể-hiện Niết-Bàn,
52. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh an-nhiên hưởng.
53. Trước khi vào Niết-Bàn vô-thượng,
54. Có đạo Bát-Chánh giúp tư-lương,
55. Như: Thấy biết, suy nghĩ, nói năng,
56. Nghiệp, sanh-hoạt, chuyên-cần, tưởng-niệm.
57. Thêm thiên-định: tám môn mẫu-nhiệm,
58. Trừ vọng-tà, mê-tín, dị-đoan,
59. Hưởng-dẫn người chơn-chánh hoàn-toàn,
60. Diệt tham sân si, nghi mạn chấp.
61. Ở đời có trí ngu, cao thấp,
62. Cơ tuần-hoàn cảm-ứng phân-minh,
63. Lành hoặc dữ thọ báo công-bình,
64. Phước hay tội do Tâm tạo-tác.
65. Làm người biết đề-cao cảnh-giác,
66. Tuân-hành luật nhân-quả thiên-nhiên,
67. Bảo-toàn nền đạo-đức chơn-truyền,
68. Chỉ sợ nhân, chớ không sợ quả.
69. Trường đời vốn là nơi vay trả,
70. Vay rồi trả, trả đủ lại vay,
71. Mảng tranh đua danh-lợi sắc-tài,
72. Lẩn quẩn ở trong vòng tội lỗi.
73. Nên tu tỉnh, hồi-quang sám-hối,
74. Dùng Bát-Nhã quán-sát bên trong,
75. Dem ánh sáng soi xét cõi lòng,
76. Từng giác-đạo toàn chơn-thiện-mỹ.
77. Giác-đạo gốc ngụ nơi Chơn-Lý,

78. Chơn-Lý phát-huy ở Tự-Tâm,
79. Tổ Tâm thì ngộ Lý thâm-trầm,
80. Đạt Diệu-Pháp, thành-công đắc-quả.
81. Ai có sẵn căn-duyên cao cả,
82. Đại-hùng, đại-lực, đại từ-bi,
83. Phát thiện-nguyện thọ phép quy-y,
84. Lòng kính-cẩn hương về Tam-Bửu.
85. Cầu Bồ-Đề an vui vĩnh-cửu,
86. Ngưỡng nhờ Phật, Pháp, Thanh-Tịnh Tăng,
87. Đủ vô-lượng phương-tiện khả-năng,
88. Khai Thị Ngộ Nhập Tri-Kiến Phật.
89. Tu thuần-túy Đan-Tâm chơn-thật,
90. Tu đồng-mãnh cải-tiến hành-vi,
91. Tu giới-luật thanh-tịnh nghiêm-trì,
92. Tu hiếu-thảo, khiêm-cung, trung-trực.
93. Tu hết lòng thủy-chung như nhứt,
94. Tu oai-nghi tế-hạnh đoan-trang,
95. Tu công-phu nhứt-tụng vẹn toàn,
96. Tu chuyển Bát-Thức ra Tứ-Trí.
97. Tu đại-đồng vị-tha bố-thí,
98. Tu liêm-khiết giúp ích nhân-sanh,
99. Tu chí-thành y giáo phụng-hành,
100. Tu Đức-Độ quang-minh chánh-đại.
101. Tu Giải-Thoát siêu-nhiên tự-tại,
102. Tu cả Phước lẫn Tuệ cao xa,
103. Tu Tự-Giác kiêm-nhiệm Giác-Tha,
104. Nguồn Chơn-Như vuông tròn Giác-Hạnh.
105. Nhứt-nguyện tu Minh-Tâm Kiến-Tánh,
106. Tọa kim-liên thường-trụ Trọn-Lành,
107. Phổ-nguyện pháp-giới chúng-sanh,
108. Tỉnh-tâm tu Phật, viên-thành Như-Lai.



Thảo: Xuân Kỷ-Ty (1929)

Xong: Hạ Nhâm-Ngọ (1942)

CHƠN-ĐỨC THIÊN-VIỆN

Tổ đời thứ 40, Thiên-Tông Lâm-Tế

Đại-Lão Hòa-Thượng Thiên-Sư THÍCH TỬ-QUANG

Húy **HÔNG-LIỄU**, hiệu **HUỆ-ĐỨC**

(1888 Mậu-Tý – 1991 Tân-Mùi)

TÂM-HỒN GIẢI-THOÁT

NAM-MÔ BỔN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT.

Đức Từ-Bi cứu con ra khỏi biển khổ,
Thuyền Bát-Nhã độ con ra khỏi sông mê,
Thiền-môn trang-nghiêm thanh-tịnh đợi con về,
Phật-cảnh an-lạc quang-minh chờ con đến.

Con sẵn có biết bao tặng ni quý mến,
Con sẵn có biết bao pháp-hữu thân yêu.

Con không ham vật-chất ảo-ảnh diễm-kiêu,
Con không sa vục thắm lợi-danh tài-sắc,
Con không vương vấn các tục-duyên khe khắt,
Con không hệ-lụy nợ ngang trái phủ phàng,
Con không luyến tiếc nợ ân-nghĩa buộc ràng.

Con nương theo Tam-Bảo thủy-chung như nhưt,
Con muốn đắc Định-Tuệ, con giữ Giới-Đức,
Con chuyển Bát-Thức thành Tứ-Trí siêu-nhiên,
Con dũng-mãnh tinh-tấn công-phu thiêng liêng,
Con xây dựng nền tảng âm-chất vững chắc,
Con nguyện vẹn toàn một tâm-hồn giải-thoát,
Con kiên-nhẫn trường-trai tuyệt-dục chuyên-tu.

Để con nhẹ nhàng như gió thoảng mùa thu,
Để con vào Niết-Bàn thường-trụ tự-tại,
Để con chứng Lục-thông sự-lý vô-ngại,
Để con đắc pháp Đà-ra-ni chơn-truyền,
Để con tiếp-dẫn những phân-tử hữu-duyên,
Để con thỏa-mãn Bồ-Đề nguyện cao cả.

THÍCH TỪ-QUANG

CHÚ-THÍCH: (2018)

_ Âm-chất (陰騭), Âm-đức (陰德), Âm-công (陰功):

Việc làm tốt đẹp, âm thầm, kín đáo, không cầu ai biết, chỉ có thần thánh biết. Người xưa dạy kẻ học thuốc phải lấy âm-chất làm đầu. Âm-chất là tên một thiên trong sách *Y-học nhập-môn*.

Việc làm tốt đẹp: là làm việc hết khả-năng của mình, một cách tận-tâm tận-lực vô-tư và bất vụ-lợi. Làm việc với tinh-thần như thế thì mới có âm-chất/ âm-đức/ âm-công.

佛 法 增 輝 信 受 堅 心 學 道
光 明 照 耀 奉 行 靜 智 修 身

PHẬT-PHÁP TĂNG-HUY TÍN-THỌ KIÊN-TÂM HỌC ĐẠO.
QUANG-MINH CHIẾU-DIỆU PHỤNG-HÀNH TỊNH-TRÍ TU THÂN.

HÓA KÝ

Ba vạn sáu ngàn ngày tựa huyễn.
Sống nhân-luân xung thấy những buồn lòng.
Sanh lão bệnh tử nhược long đong.
Mãn suy tín “có không” mà nghiệp tạo.
“Dục đắc an thân tâm chánh-đạo.
Vô như hương Phật ngộ Chơn-Tâm”.
Thuyền từ-bi đưa khỏi biển mê lầm.
Gương phước-tuệ lưu soi nghìn mộng túy.
Nơi tịnh-thất bên lòng học Chơn-Lý.
Nguyện tu-hành cho thoát kiếp phù-trầm.

Thành-công căn-bổn là Tâm.



Năm Canh-Thân (1920)
CHƠN-ĐỨC THIÊN-VIÊN
Tổ đời thứ 40, Thiên-Tông Lâm-Tế
Đại-Lão Hòa-Thượng Thiên-Sư THÍCH TỬ-QUANG
Húy **HÔNG-LIỄU**, hiệu **HUỆ-ĐỨC**
(1888 Mậu-Tý – 1991 Tân-Mùi)

TỬ GIÁC BỔN TÂM TRỰC NGỘ THIÊN,
QUANG MINH TỰ TÁNH HUỆ HOÀN NGUYÊN,
HÔNG CƠ CHUYỂN PHÁP TÙY DUYÊN HÓA,
LIỄU ĐẠT CHƠN NHƯ ĐỨC VĨNH TRUYỀN.



CHÚ-THÍCH (2018)
(HÓA KỶ)

- _ **Tăng** (增): tăng thêm lên (tăng-trưởng, tăng-gia, tăng-ích), nhiều hơn lên.
- _ **Huy** (輝): ánh sáng, sáng, sáng rực, rực rỡ, soi, chiếu.
- _ **Phật-pháp tăng-huy**: ánh sáng rực rỡ chiếu soi của Phật-pháp tăng thêm lên.
- _ **Quang-minh chiếu-diệu**: sáng sủa như mặt trời mặt trăng (quang-minh) chiếu rọi.
- _ **Hóa kỷ** (化己): tự giáo-hóa dạy dỗ thay đổi mình.
(Năm 1920, lúc 32 tuổi, Hòa-Thượng Thích Từ-Quang làm bài thơ này.)
- _ **Huyễn** (幻): giả mà y như thật. (Thấy như thật mà không có thật)
- _ **Nhân-luân**: cách đối xử giữa con người với nhau.
- _ **Xung thấy** (冲筧): thấy mà lo lắng.
- _ **Nhược** (若): thuận theo, nếu như, hoặc là, như thế, ấy, đó. Dường như, giống như.
- _ **Mãn** (滿): đầy, đầy đủ, tràn đầy.
- _ **Suy** (推): suy tính kỹ, nghiên cứu, tìm tòi, lựa chọn, chọn lọc.
- _ **Tín** (信): tin tưởng, tin theo, tin là đúng, tin thật. Lòng tin, đức tin.
- _ **Dục đắc**: muốn được.
- _ **An thân**: yên thân mình. Chỉ cuộc sống ẩn-dật.
- _ **Tầm** (尋): tìm.
- _ **Vô như**: không như, chẳng bằng.
- _ **Mộng túy**: - *Mộng* (夢): mơ, mộng, chiêm bao, mơ tưởng, ao ước.
- *Túy* (醉): say rượu, say mê, say đắm.
(Cuộc đời như giấc mộng mà không biết, lại cứ say mê hoài.)
- _ **Tịnh-thất**: - *Tịnh* (淨): rất yên lặng, rất trong sạch/ sạch sẽ, thuần-khiết, thanh-tịnh.
- *Tinh* (精): tinh-túy, tinh-tấn, tinh-chuyên.
- *Thất* (室): cái nhà, nhà ở.
- *Xá* (舍): quán trọ, nhà ở. (cư-xá)
- *Tịnh-thất* (淨室): chỗ sạch sẽ, thanh-tịnh để tu-hành.
- *Tinh-thất* (精室): cái nhà ở để tinh-tấn tu-hành giải-thoát.
- _ **Tinh-xá**: người tu-hành giải-thoát xem thế-gian như quán trọ, chỉ là chỗ để tinh-chuyên tu-hành giải-thoát khỏi biển khổ sông mê.
(Xá = quán trọ: nơi tạm ở một thời-gian rồi ra đi, như chữ “ký-túc-xá”.)
Có du-khách nào lại bỏ công sức tiền của đi xây dựng, sửa chữa, tô điểm, trang hoàng “quán trọ” cho thật đẹp không?
Ta thường đọc trại là *Tịnh-xá* là hoàn-toàn sai ý-nghĩa.
Vì Tịnh là “rất yên lặng/ rất sạch sẽ”. Một đứa bé ngồi “rất yên lặng” trong góc nhà, không có nghĩa là nó đang tinh-tấn tu-hành! Một ngôi nhà “rất sạch sẽ” (tịnh-xá) không hẳn có nghĩa nơi đó là một chỗ tu-hành.
Muốn tinh-tấn (tu-hành) thì điều-kiện đầu tiên phải có là “tịnh”. Phải “tịnh” cả thân và tâm (thân-tâm rất yên lặng, rất trong sạch) thì mới bắt đầu tinh-tấn được. “Tịnh” không thì chưa đủ!
- _ **Phù-trầm**: chỉ sự thay đổi luôn của cuộc đời. *Phù* (浮): nổi. *Trầm* (沉): chìm.

佛性能仁慈濟有情登彼岸
禪光寂默圓通妙用照心源

PHẬT-TÁNH NĂNG-NHƠN TỪ-TẾ HỮU-TÌNH ĐĂNG BỈ-NGẠN
THIÊN-QUANG TỊCH-MẶC VIÊN-THÔNG DIỆU-DỤNG CHIẾU TÂM-NGUYÊN

AN PHẬN LẠC ĐẠO

安分樂道

Vấn tâm hà sự xuất ta bà
Giới Định Tuệ thiền đức dụng đa
Bất hà đơn cung tài quế nguyệt
Khứ lai tịnh giảm chủng liên hoa
Sắc không vô trụ đặng phương diễm
Thức trí chuyển đồng ấn dị ma
Cực Lạc giác viên thường tự tại
Tín Hạnh nguyện lực kiến Di Đà.

問心何事出娑婆
戒定慧禪德用多
不何單宮裁桂月
去來淨減種蓮花
色空無住登芳艷
識智轉同印異魔
極樂覺圓常自在
信行愿力見彌陀

釋慈光

THÍCH TỪ-QUANG

1920

CHÚ-THÍCH: (2018)

_ **Phật Thích-Ca Mâu-Ni** (Cakya Muni Buddha 釋迦牟尼佛):

(Trích “Phật Di Giáo Kinh”, phần Chú-Thích, của Hòa-Thượng Thiên-Sư Thích Từ-Quang.)

_ Phật: Giác, tức là đức-hiệu của bậc giải-thoát, trọn lành, chứng biết toàn-thể toàn-dụng Tự-Tâm, đầy đủ phước-tuệ, độ mình độ người, công-hạnh viên-mãn.

_ Thích-Ca (họ) : Năng-Nhân, tức là năng-lực từ-bi, chỉ về đức-dụng hay thương xót và cứu-độ chúng-sanh.

_ Mâu-Ni (tên) : Tịch-Mặc, tức là vắng lặng. Không vì sự vui mà chuyển tâm, cũng không vì sự khổ mà động tánh, chỉ về giác-thể rỗng không, trong sạch, tiêu-diệt vô-minh, trừ-tuyệt phiền-não, hoàn-toàn sáng suốt, tự-tại vô-ngại.

_ Tổng-luận: Phật Thích-Ca Mâu-Ni, Giáo-chủ Đạo Phật, là một đấng trọn lành, hoàn-toàn trong sạch, trải qua vô-lượng kiếp tu-hành, đã chứng đủ tam-thân, tứ-trí, ngũ-nhãn, lục-thông, từng dụng đức Đại-Từ năng làm cho chúng-sanh được vui, từng dụng đức Đại-Bi năng làm cho chúng-sanh khỏi khổ, tự-giác giác-tha, giác-hạnh viên-mãn, thật là bậc Đạo-Sư trong tam-giới, Từ-Phụ của tứ-sanh.

(Trích “Sự tích Đức Phật Thích-Ca”, trang 25, của soạn-giả Trần Hữu Danh, nxb Tổng Hợp, 2011)

_ Phật hiệu Sakyamuni (Thích-Ca Mâu-Ni) có nghĩa là “Năng-Nhơn Tịch-Mặc”. Sakya là “Năng-Nhơn”, là bậc anh-hùng có khả-năng hơn người. Muni là “Tịch-Mặc”, tịch-tĩnh, vắng lặng, cũng có nghĩa là nhơn-tử. Sakyamuni cũng có nghĩa là “bậc anh-hùng hoàn-toàn”.

CHÁNH PHÁP NHÃN TẠNG

Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni (năm -623 đến -544) (80 tuổi) đã trao truyền các

Tổ như:

_ Tổ thứ 1	Ma-Ha Ca-Diếp	Tôn-giả	(năm -623 đến -520)
_ Tổ thứ 2	A-Nan-Đà	Tôn-giả	(năm -604 đến -485)
_ Tổ thứ 3	Thương-Na-Hòa-Tu	Tôn-giả	(năm -550 đến -470)
_ Tổ thứ 4	Ư-Ba-Cúc-Đa	Tôn-giả	(năm -500 đến -430)
_ Tổ thứ 5	Đề-Đa-Ca	Tôn-giả	(năm -460 đến -380)
_ Tổ thứ 6	Di-Già-Ca	Tôn-giả	(năm -440 đến -360)
_ Tổ thứ 7	Bà-Tu-Mật-Đa	Tôn-giả	(năm -420 đến -330)
_ Tổ thứ 8	Phật-Đà-Nan-Đề	Tôn-giả	(năm -370 đến -300)
_ Tổ thứ 9	Phật-Đà-Mật-Đa	Tôn-giả	(năm -360 đến -290)
_ Tổ thứ 10	Hiếp-Đa-Ra	Tôn-giả	(năm -360 đến -270)
_ Tổ thứ 11	Phú-Na-Dạ-Sa	Tôn-giả	(năm -300 đến -230)
_ Tổ thứ 12	Mã-Minh	Tôn-giả	(năm -270 đến -190)
_ Tổ thứ 13	Ca-Tỳ-Ma-La	Tôn-giả	(năm -250 đến -180)
_ Tổ thứ 14	Long-Thọ	Tôn-giả	(năm -240 đến -130)
_ Tổ thứ 15	Ca-Na-Đề-Bà	Tôn-giả	(năm -170 đến -90)
_ Tổ thứ 16	La-Hầu-La-Đa	Tôn-giả	(năm -150 đến -60)
_ Tổ thứ 17	Tăng-Già-Nan-Đề	Tôn-giả	(năm -100 đến -20)
_ Tổ thứ 18	Tăng-Già-Da-Xá	Tôn-giả	(năm -50 đến +20)
_ Tổ thứ 19	Cưu-Ma-La-Đa	Tôn-giả	(năm -15 đến +60)
_ Tổ thứ 20	Xà-Dạ-Đa	Tôn-giả	(+30 – 100)
_ Tổ thứ 21	Bà-Tu-Bàn-Đầu	Tôn-giả	(70 – 160)
_ Tổ thứ 22	Ma-Na-La	Tôn-giả	(120 – 190)
_ Tổ thứ 23	Hạc-Lặc-Na	Tôn-giả	(150 – 230)
_ Tổ thứ 24	Siêu-Tử	Tôn-giả	(200 – 280)
_ Tổ thứ 25	Bà-Xá-Tư-Đa	Tôn-giả	(240 – 325)
_ Tổ thứ 26	Bất-Như-Mật-Đa	Tôn-giả	(300 – 388)
_ Tổ thứ 27	Bất-Nhã-Đa-La	Tôn-giả	(360 – 460)
_ Tổ thứ 28	Bồ-Đề-Đạt-Ma	Tôn-giả	(440 – 529)

Bồ-Đề Đạt-Ma Tôn-giả người ở Tây-Thiên làm Tổ thứ 28, vì cơ-duyên sang Đông-Độ, làm Sơ-Tổ, truyền y pháp cho năm vị Tổ như:

_ Tổ thứ 29	Huệ-Khả (Thần-Quang)	Đại-sư	(Nhị-Tổ)	(487 – 593)
_ Tổ thứ 30	Tăng-Xán	Đại-sư	(Tam-Tổ)	(517 – 606)
_ Tổ thứ 31	Đạo-Tín	Đại-sư	(Tứ-Tổ)	(580 – 651)
_ Tổ thứ 32	Hoàng-Nhẫn	Đại-sư	(Ngũ-Tổ)	(602 – 675)
_ Tổ thứ 33	Huệ-Năng	Đại-sư	(Lục-Tổ)	(638 – 713)

Trong 43 vị nối pháp của Lục-Tổ, các vị nổi danh như là: *Thần-Hội* ở Hà-Trạch, *Huệ-Trung* ở Nam-Dương, *Huyền-Giác* ở Vĩnh-Gia, *Hành-Tư* ở Thanh-Nguyen, *Hoài-Nhượng* ở Nam-Nhạc, v.v...

TỔ HUỆ-NĂNG (Tổ thứ 33) (638 – 713)

DÒNG NAM-NHẠC

Nhứt đại	(Tổ thứ 34)	: Nam-Nhạc Hoài-Nhượng	Đại-Sư. (677 – 744)
Nhị đại	(Tổ thứ 35)	: Mã-Tổ Đạo-Nhứt	Đại-Sư. (709 – 788)
Tam đại	(Tổ thứ 36)	: Bá-Trương Hoài-Hải	Đại-Sư. (720 – 814)
Tứ đại	(Tổ thứ 37)	: Hoàng-Bá Đoạn-Tế	Đại-Sư. (? – 850)

PHÁI LÂM-TẾ

Nhứt thế	(Tổ thứ 38)	: Lâm-Tế Nghĩa-Huyền	(787 – 867)
(Tổ đời thứ nhứt)		Hòa-Thượng Thiên-Sư.	
Nhị thế	(Tổ thứ 39)	: Hưng-Hóa Tôn-Tưởng	(840 – 925)
		Hòa-Thượng Thiên-Sư.	
Tam thế	(Tổ thứ 40)	: Nam-Viện Tuệ-Ngẫu	(860 – 950)
		Hòa-Thượng Thiên-Sư.	
Tứ thế	(Tổ thứ 41)	: Phong-Huyệt Diên-Chiếu	(896 – 973)
		Hòa-Thượng Thiên-Sư.	
Ngũ thế	(Tổ thứ 42)	: Thủ-Sơn Tĩnh-Niệm	(926 – 993)
		Hòa-Thượng Thiên-Sư.	
Lục thế	(Tổ thứ 43)	: Phần-Dương Thiện-Chiêu	(947 – 1024)
		Hòa-Thượng Thiên-Sư.	
Thất thế	(Tổ thứ 44)	: Từ-Minh Sở-Viên	(988 – 1041)
		Hòa-Thượng Thiên-Sư.	
Bát thế	(Tổ thứ 45)	: Dương-Kỳ Phương-Hội	(992 – 1049)
		Hòa-Thượng Thiên-Sư.	
Cửu thế	(Tổ thứ 46)	: Bạch-Vân Thủ-Đoan	(1025 – 1072)
		Hòa-Thượng Thiên-Sư.	
Thập thế	(Tổ thứ 47)	: Ngũ-Tổ Pháp-Diễn	(1024 – 1104)
		Hòa-Thượng Thiên-Sư.	
Thập nhứt thế	(Tổ thứ 48)	: Viên-Ngộ Khắc-Cần	(1063 – 1135)
		Hòa-Thượng Thiên-Sư.	
Thập nhị thế	(Tổ thứ 49)	: Hồ-Khư Thiệu-Long	(1077 – 1136)
		Hòa-Thượng Thiên-Sư.	
Thập tam thế	(Tổ thứ 50)	: Ứng-Am Đàm-Hoa	(1103 – 1163)
		Hòa-Thượng Thiên-Sư.	
Thập tứ thế	(Tổ thứ 51)	: Mật-Am Hàm-Kiệt	(1110 – 1186)
		Hòa-Thượng Thiên-Sư.	
Thập ngũ thế	(Tổ thứ 52)	: Phá-Am Tổ-Tiên	(1136 – 1211)
		Hòa-Thượng Thiên-Sư.	
Thập lục thế	(Tổ thứ 53)	: Vô-Chuẩn Sư-Phạm	(1175 – 1249)
		Hòa-Thượng Thiên-Sư.	
Thập thất thế	(Tổ thứ 54)	: Tuyết-Nham Tổ-Khâm	(1204 – 1287)
		Hòa-Thượng Thiên-Sư.	
Thập bát thế	(Tổ thứ 55)	: Cao-Phong Nguyên-Diệu	(1238 – 1295)

Thập cửu thế	(Tổ thứ 56)	: Hòa-Thượng Thiên-Sư. Trung-Phong Minh-Bổn	(1263 – 1323)
Nhị thập thế	(Tổ thứ 57)	: Hòa-Thượng Thiên-Sư. Thiên-Phong Nguyên-Trường	(1284 – 1357)
Nhị thập nhứt thế	(Tổ thứ 58)	: Hòa-Thượng Thiên-Sư. Vạn-Phong Thời-Úy	(1303 – 1381)
Nhị thập nhị thế	(Tổ thứ 59)	: Hòa-Thượng Thiên-Sư. Bửu-Tạng Phổ-Trì	(1310 – 1387)
Nhị thập tam thế	(Tổ thứ 60)	: Hòa-Thượng Thiên-Sư. Đông-Minh Huệ-Nhạc	(? – 1441)
Nhị thập tứ thế	(Tổ thứ 61)	: Hòa-Thượng Thiên-Sư. Hải-Châu Vĩnh-Từ	(1394 – 1461)
Nhị thập ngũ thế	(Tổ thứ 62)	: Hòa-Thượng Thiên-Sư. Bửu-Phong Minh-Tiên	(? – 1472)
Nhị thập lục thế	(Tổ thứ 63)	: Hòa-Thượng Thiên-Sư. Thiên-Kỳ Bổn-Thoại	(1433 – 1513)
Nhị thập thất thế	(Tổ thứ 64)	: Hòa-Thượng Thiên-Sư. Vô-Văn Minh-Huệ	(1480 – 1543)
Nhị thập bát thế	(Tổ thứ 65)	: Hòa-Thượng Thiên-Sư. Tiểu-Nham Đức-Bửu	(1510 – 1581)
Nhị thập cửu thế	(Tổ thứ 66)	: Hòa-Thượng Thiên-Sư. Huyền-Hữu Chánh-Truyền	(1549 – 1614)
Tam thập thế	(Tổ thứ 67)	: Hòa-Thượng Thiên-Sư. Mật-Vân Viên-Ngộ	(1566 – 1642)
Tam thập nhứt thế	(Tổ thứ 68)	: Hòa-Thượng Thiên-Sư. Mộc-Trần Đạo-Mân	(1596 – 1674)
Tam thập nhị thế	(Tổ thứ 69)	: Hòa-Thượng Thiên-Sư. Khoáng-Viên Bổn-Kiểu	(? – ?)
Tam thập tam thế	(Tổ thứ 70)	: Hòa-Thượng Thiên-Sư. Thọ-Tông Nguyên-Thiều	(1648 – 1728)
Tam thập tứ thế	(Tổ thứ 71)	: Hòa-Thượng Thiên-Sư. Minh-Lượng Thành-Đẳng	(1626 – 1709)
Tam thập ngũ thế	(Tổ thứ 72)	: Hòa-Thượng Thiên-Sư. Linh-Nhạc Phật-Ý	(1725 – 1821)
Tam thập lục thế	(Tổ thứ 73)	: Hòa-Thượng Thiên-Sư. Viên-Quang Tổ-Tông	(1758 – 1827)
Tam thập thất thế	(Tổ thứ 74)	: Hòa-Thượng Thiên-Sư. Hải-Tịnh Tiên-Giác	(1788 – 1875)
Tam thập bát thế	(Tổ thứ 75)	: Hòa-Thượng Thiên-Sư. Hoàng-Ân Minh-Khiêm	(1850 – 1914)
Tam thập cửu thế	(Tổ thứ 76)	: Hòa-Thượng Thiên-Sư. Hoàng-Nghĩa Như-Phòng	(1867 – 1929)
Tứ thập thế (Tổ đời thứ 40)	(Tổ thứ 77)	: Hòa-Thượng Thiên-Sư. Từ-Quang Hồng-Liễu	(1888 – 1991)

PHÁP KỆ TRUYỀN THỪA DÒNG LÂM-TẾ

道 本 原 成 佛 祖 先
 明 如 紅 日 麗 中 天
 靈 源 廣 潤 慈 風 普
 照 世 真 燈 萬 古 懸

ĐẠO BỔN NGUYÊN THÀNH PHẬT TỔ TIÊN
 MINH NHƯ HỒNG NHẬT LỆ TRUNG THIÊN
 LINH NGUYÊN QUẢNG NHUẬN TỪ PHONG PHỔ
 CHIẾU THẾ CHƠN ĐẰNG VẠN CỔ HUYỀN.

Gốc đạo vốn thành Phật, Tổ, Tiên,
 Sáng như mặt trời đỏ rực rỡ giữa không trung,
 Nguồn linh thấm rộng, từ phong lan tỏa,
 Ngọn đèn chơn thật chiếu sáng thế gian vẫn treo cao muôn đời.



- | | | | |
|-------------------------------|---|-------------------------------|---------------|
| Tam thập nhứt thế (Tổ thứ 68) | : | Mộc-Trần Đạo -Mân | (1596 – 1674) |
| | | Hòa-Thượng Thiên-Sư. | |
| Tam thập nhị thế (Tổ thứ 69) | : | Khoáng-Viên Bổn -Kiểu | (? – ?) |
| | | Hòa-Thượng Thiên-Sư. | |
| Tam thập tam thế (Tổ thứ 70) | : | Thọ-Tông Nguyên -Thiều | (1648 – 1728) |
| | | Hòa-Thượng Thiên-Sư. | |
| Tam thập tứ thế (Tổ thứ 71) | : | Minh-Lượng Thành -Đẳng | (1626 – 1709) |
| | | Hòa-Thượng Thiên-Sư. | |
| Tam thập ngũ thế (Tổ thứ 72) | : | Linh-Nhạc Phật -Ý | (1725 – 1821) |
| | | Hòa-Thượng Thiên-Sư. | |
| Tam thập lục thế (Tổ thứ 73) | : | Viên-Quang Tổ -Tông | (1758 – 1827) |
| | | Hòa-Thượng Thiên-Sư. | |
| Tam thập thất thế (Tổ thứ 74) | : | Hải-Tịnh Tiên -Giác | (1788 – 1875) |
| | | Hòa-Thượng Thiên-Sư. | |
| Tam thập bát thế (Tổ thứ 75) | : | Hoàng-Ân Minh -Khiêm | (1850 – 1914) |
| | | Hòa-Thượng Thiên-Sư. | |
| Tam thập cửu thế (Tổ thứ 76) | : | Hoàng-Nghĩa Như -Phòng | (1867 – 1929) |
| | | Hòa-Thượng Thiên-Sư. | |
| Tứ thập thế (Tổ thứ 77) | : | Từ-Quang Hồng -Liểu | (1888 – 1991) |
| (Tổ đời thứ 40) | | Hòa-Thượng Thiên-Sư. | |

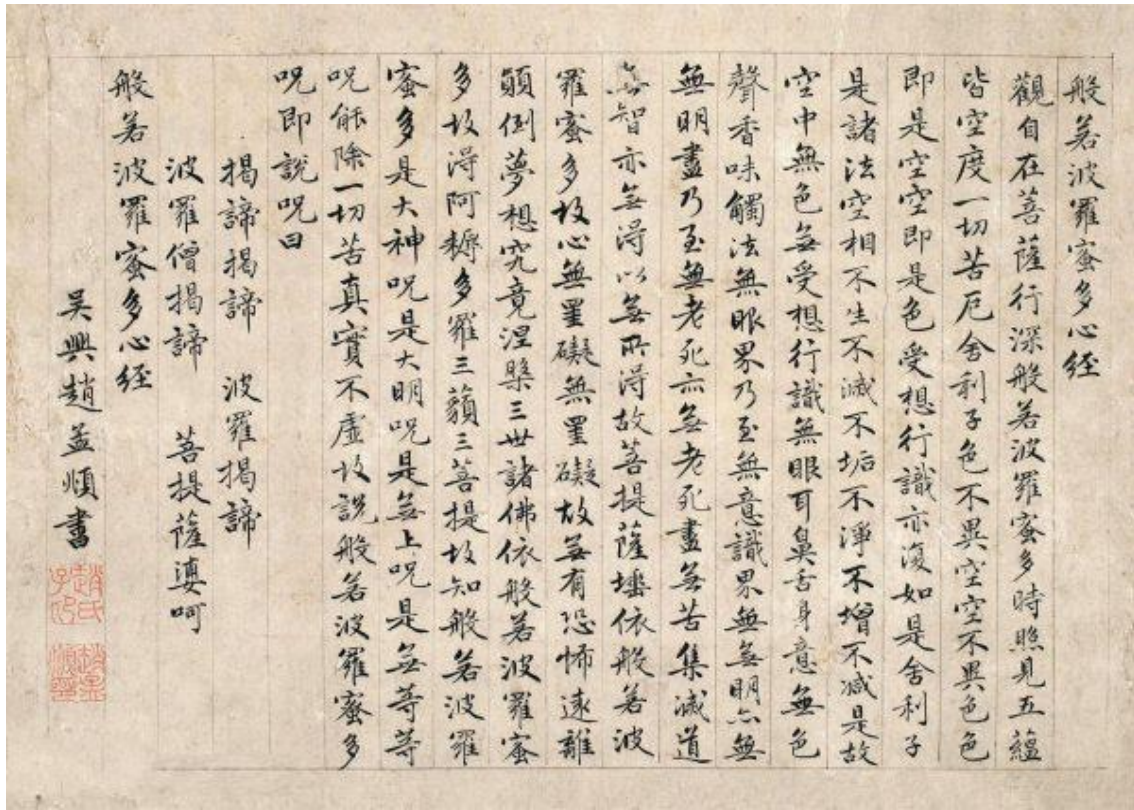


MỤC-LỤC

TU PHẬT NGHI-THỨC YẾU-LƯỢC QUYỂN MỘT	5
Tựa	7
Các điều cần-yếu cho phái tại-gia.	9
Chương 1 Thọ phép tam qui	11
Chương 2 Phép trì ngũ-giới	13
Chương 3 Ứng-dụng đạo-lý nhân-quả	15
Chương 4 Cách-thức thờ Phật	16
Chương 5 Cách-thức lễ Phật	17
Chương 6 Cách-thức cúng hương thường-nhứt	18
Chương 7 Phép trì trai	19
Chương 8 Pháp-môn niệm Phật	21
Chương 9 Tín Hạnh Nguyện	24
Chương 10 Pháp-môn thiền-định	27
Chương 11 Cách-thức vào chùa lễ Phật	30
Chương 12 Nên ghi nhớ các ngày vía trọng-yếu	31
Chương 13 Cách-thức trước khi hành lễ	32
Chương 14 Phép thọ-trì kinh chú	33
Chương 15 Cách-thức đánh chuông gõ mõ	34
Chương 16 Cách-thức của ban hộ-niệm khi tụng kinh	36
Chương 17 Kinh chú trì tụng	37
Chương 18 Nghi-thức trước khi khai mở tụng kinh	38
Chương 19 Phương-tiện vái nguyện	41
Chương 20 Cách-thức cung-dưỡng	43
Chương 21 Chơn xuất-gia	44
Thời kinh A-Di-Đà	51
Thời Bảo-Sám Hồng-Danh	69
Thời kinh Vu-Lan-Bồn	83
Thời kinh Phổ-Môn	95
Thời kinh Kim-Cang	115
Nghi-thức cung-dưỡng	147
Pháp thọ Bát-quan-trai giới tại-gia	155
TU PHẬT NGHI-THỨC YẾU-LƯỢC QUYỂN HAI	167
Tựa	169
1. Nghi lâm chung	171
2. Nghi nhập mạch	175
3. Nghi thành phục	180
4. Nghi động quan	183

5. Nghi tiền vong	184
6. Nghi hạ cữu	185
7. Nghi an sàng	188
8. Nghi cúng vong	190
9. Nghi cúng thí cô hồn	192
TU PHẬT NGHI-THỨC YẾU-LƯỢC QUYỂN BA	201
Tựa	203
Công phu khuya	205
Thủ-Lãng-Nghiêm chú	207
Đại-Bi chú	223
Thập chú	226
Công phu chiều	239
Nghi Mông-Sơn Thí-Thực	241
Tĩnh Tâm Tu Phật	252
Tâm Hồn Giải Thoát	255
Hóa Kỳ	256
An Phận Lạc Đạo	258
Chánh Pháp Nhân Tạng	259
Pháp Kệ Truyền Thừa Dòng Lâm-Tế	262
Mục-Lục	263

PHỤ-LỤC
(2018)



“TÂM KINH” – TRIỆU MẠNH PHỦ (趙孟頫 1254 – 1322)



Nhạn quá trường không,
 Ảnh trầm hàn thủy.
 Nhạn vô di tích chi ý,
 Thủy vô lưu ảnh chi tâm.

雁過長空
 影沈寒水
 雁無遺跡之意
 水無留影之心

Nhạn vút không gian,
 Ảnh chìm đáy nước.
 Nhạn vô tình không biết,
 Nước chẳng hề ghi tâm.

Nhạn bay trên không,
 Bóng chìm trong nước lạnh.
 Nhạn không có ý để lại dấu vết,
 Nước không có tâm lưu lại bóng hình.

HƯƠNG-HẢI THIÊN-SƯ (1628 – 1715)

**NHỨT-TÂM TRI-ÂN CÔNG-LAO GIÁO-HÓA
CỦA ĐỨC PHẬT THÍCH-CA VÀ 77 ĐỜI CHƯ TỔ.**

NHỨT-TÂM SÁM-HỐI TỘI LỖI TỪ VÔ-LƯỢNG TIỀN-KIỆP NHẪN NAY.

CHÚNG-SANH	VÔ-BIÊN	THỆ-NGUYỆN ĐỘ.
PHIÊN-NÃO	VÔ-TẬN	THỆ-NGUYỆN ĐOẠN.
PHÁP-MÔN	VÔ-LƯỢNG	THỆ-NGUYỆN HỌC.
PHẬT-ĐẠO	VÔ-THƯỢNG	THỆ-NGUYỆN THÀNH.

KINH ẤN TỔNG

**KÍNH DÂNG CỬU-HUYỀN THẤT-TỔ, THẤT-THẾ PHỤ-MÃU.
NHỨT-TÂM TRI-ÂN**

慈 覺 本 心 直 悟 禪
光 明 自 性 慧 還 源
紅 機 轉 法 隨 緣 化
了 達 真 如 德 永 傳

TỪ GIÁC BỔN TÂM TRỰC NGỘ THIÊN,
QUANG MINH TỰ TÁNH HUỆ HOÀN NGUYÊN,
HỒNG CƠ CHUYỂN PHÁP TÙY DUYÊN HÓA,
LIỄU ĐẠT CHƠN NHƯ ĐỨC VĨNH TRUYỀN.

CHƠN-ĐỨC THIÊN-VIÊN
Tổ đời thứ 40, Thiên-Tông Lâm-Tế
Đại-Lão Hòa-Thượng Thiên-Sư THÍCH TỬ-QUANG
Húy **HÔNG-LIỄU**, hiệu **HUỆ-ĐỨC**
(1888 Mậu-Tý – 1991 Tân-Mùi)



**NAM-MÔ TAM-CHÂU CẢM-ỨNG HỘ-PHÁP VI-ĐÀ TÔN-THIÊN BỒ-TÁT
THỦ-HỘ PHÁP-BẢO NÀY ĐƯỢC LƯU-HÀNH KHẮP MƯỜI PHƯƠNG
THẾ-GIỚI TRƯỜNG-TÒN VĨNH-VIỄN.**